

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG
TOÀN TẬP
TẬP 44
1983

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2006

VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ
CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG
SẢN VIỆT NAM, SỐ 25-QĐ/TW,
NGÀY 3 THÁNG 2 NĂM 1997

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

PHAN DIỄN	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Uỷ viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỰ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THÚC HUỲNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỰ	Thành viên
TRỊNH THÚC HUỲNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 44

NGUYỄN TRỌNG PHÚC (Chủ biên)
TRẦN THỊ THU HƯƠNG
NGUYỄN THỊ KỲ

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 44

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 44 gồm những văn kiện của Đảng được ban hành năm 1983.

Các văn kiện đã cụ thể hoá đường lối của Đại hội V, tập trung vào những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách như công tác tư tưởng và tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, xây dựng và tăng cường cấp huyện, cải cách giáo dục lý luận, chính trị trong các trường đại học, cao đẳng, chính sách đào tạo cán bộ, công tác dân vận, ngoại giao. Hai văn kiện có tầm quan trọng đặc biệt là: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư về những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức đảm bảo thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế, xã hội trước mắt và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế, xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985.

Cần chú ý trong năm 1983 có nhiều văn kiện của Đảng chỉ đạo việc củng cố tổ chức trong quân đội như: về Ủy ban quốc phòng, về tổ chức cơ sở Đảng, về tổ chức Hội đồng quân sự, về tổ chức cơ quan chính trị, về tổ chức Ủy ban kiểm tra Đảng các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tập văn kiện này gồm có 56 tài liệu. Các văn kiện chủ yếu là các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo, báo cáo, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và một

số bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, song khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 44 cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2006

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 15-QĐ/TW, ngày 2 tháng 1 năm 1983

Về công tác các trường đảng

**I- NHIỆM VỤ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẢNG
TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

1. Từ năm 1970 đến nay, Đảng ta đã có nhiều quyết định về công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin và về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Thực hiện những quyết định đó, công tác giáo dục lý luận, chính trị trong Đảng, nhất là sự hoạt động của các trường đảng đã có nhiều tiến bộ và đạt được những kết quả nhất định.

Hệ thống trường đảng tập trung đã được xây dựng từ trung ương đến huyện. Bên cạnh hệ thống trường đảng tập trung, đã xây dựng các trường và lớp tại chức thu hút từ đầu những năm 70 đến nay trên một triệu lượt người theo học các loại chương trình. Trong hệ thống trường đảng, đã có cố gắng cải tiến nội dung giáo trình, phương châm, phương pháp dạy và học, xây dựng một số quy chế cải tiến tổ chức học tập trong các trường. Việc đào tạo và bồi dưỡng giảng viên lý luận, chính trị cho các trường cũng có nhiều cố gắng.

Nhìn chung, trong công tác giáo dục lý luận, chính trị, hoạt động của các trường đảng trong những năm qua đã góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ lý luận, chính trị và năng lực lãnh đạo của cán bộ đảng ở các cấp, các ngành, bổ sung một số cán bộ trẻ cho các cấp uỷ đảng và tạo điều kiện

để thực hiện yêu cầu tiêu chuẩn hóa cán bộ của Đảng.

Tuy đã có nhiều cố gắng, công tác giáo dục lý luận, chính trị và công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ trong hệ thống trường đảng còn có nhiều nhược điểm và khuyết điểm. Công tác trường đảng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị: nhiều cán bộ lãnh đạo đương chức chưa được bồi dưỡng kịp thời; chưa xây dựng được quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Hoạt động của hệ thống trường đảng chưa kết hợp chặt chẽ việc đào tạo, bồi dưỡng với việc phân phối, sử dụng cán bộ. Chưa phân biệt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp với việc giáo dục phổ cập lý luận cơ bản. Đối tượng đào tạo và bồi dưỡng của các trường đảng tập trung còn quá rộng, việc tổ chức học tập tại chức chưa được tăng cường đến mức cần thiết. Nội dung, chương trình của các trường còn thiếu những kiến thức cần thiết đối với cán bộ lãnh đạo. Cán bộ giảng dạy, tuy đã được chú ý đào tạo, nhưng vẫn còn thiếu, chất lượng giảng dạy của nhiều giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là yêu cầu đào tạo những cán bộ có năng lực hoạt động thực tiễn.

Phương pháp dạy và học còn sách vở, truyền thụ một chiều, chưa phát huy tính chủ động của người học. Phương tiện giảng dạy và học tập còn thiếu và đơn giản.

2. Nhiệm vụ cách mạng hiện nay đòi hỏi phải tiến hành cải cách giáo dục lý luận, chính trị, trước hết là cải tiến công tác đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý

chủ chốt của Đảng và Nhà nước, làm cho đội ngũ đó có đủ phẩm chất và năng lực, nhất là năng lực tổ chức thực tiễn. Các khâu chọn lựa, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt cán bộ phải gắn liền với nhau trong quy hoạch chung, thống nhất; trên cơ sở quy hoạch đó, xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ thích hợp, đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Trong quy hoạch, kế hoạch, vừa chú ý bổ túc kiến thức toàn diện (nhất là kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước), cho cán bộ đương chức, vừa chú trọng đào tạo cán bộ kế cận các cấp; cố gắng bảo đảm cho cán bộ được đào tạo trước khi đề bạt và mọi cán bộ lãnh đạo bắt buộc phải được bồi dưỡng nâng cao trình độ ba hoặc năm năm một lần. Phải tổ chức lại hệ thống các trường lớp và phân công đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo những chức danh nhất định; cải tiến chương trình, nội dung giảng dạy, đổi mới phương pháp học tập, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, để không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận, chính trị và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

II - TỔ CHỨC LẠI HỆ THỐNG TRƯỜNG ĐẢNG CÁC CẤP

Hệ thống trường đảng vừa là công cụ giáo dục, vừa là công cụ tổ chức của Đảng, có nhiệm vụ giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, giáo dục những kiến thức cần thiết về lãnh đạo và quản lý cho những cán bộ đương chức và cán bộ kế cận đã được chọn lựa theo quy hoạch, để đào tạo thành đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt trong các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, và các tổ chức quần chúng. Các cán bộ đã được lựa chọn, mà chưa có đầy đủ tiêu chuẩn văn

hoá, nghiệp vụ thì phải được bổ sung, hoàn chỉnh trước khi đưa đi đào tạo tại trường đảng. Trường đảng còn có nhiệm vụ thường kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất chính trị và năng lực công tác cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt đương chức của Đảng, Nhà nước và các tổ chức quần chúng. Để đáp ứng kịp thời yêu cầu rất lớn về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cho Đảng và Nhà nước, trong hệ thống trường đảng tập trung từ trung ương đến tỉnh, thành, ngoài các lớp tập trung, cần phải mở thêm hệ tại chức để thực hiện quy hoạch và kế hoạch đào tạo những cán bộ lãnh đạo và quản lý đã quy định cho mỗi trường đảng. Trong một số năm trước mắt, vì còn nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức chưa được đào tạo một cách có hệ thống, nhưng tuổi đã cao, không thể đi học dài ngày được, cũng cần được bồi dưỡng theo một chương trình thích hợp. Thời gian học từ 6 đến 8 tháng.

Trong điều kiện hiện nay, việc đào tạo cán bộ lãnh đạo kế cận trước hết cần tập trung vào những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, như bí thư, phó bí thư cấp uỷ đảng; chủ tịch Uỷ ban nhân dân; các trưởng ban của Đảng; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; bí thư đảng uỷ các xí nghiệp, đặc biệt chú trọng những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các huyện, quận, xí nghiệp lớn và liên hiệp xí nghiệp.

Hệ thống trường đảng gồm có:

1. Các trường đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương tổ chức lại như sau:

Ngoài Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, thành lập ba trường đảng ở ba khu vực, trực thuộc Trung ương trên cơ sở sắp xếp lại các trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu.

Trường Nguyễn Ái Quốc I, đặt tại Hà Nội, thành lập trên cơ sở hợp nhất các Trường Nguyễn Ái Quốc I, Trường Nguyễn Ái Quốc II và Trường Nguyễn Ái Quốc VI. Trường được sử dụng các cơ sở hiện có, và cơ sở chính đặt tại Thanh Xuân, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Trường Nguyễn Ái Quốc II, ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành lập trên cơ sở tăng cường Trường Nguyễn Ái Quốc VIII. Địa điểm của trường vẫn là cơ sở hiện nay của Trường Nguyễn Ái Quốc VIII tại Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Nguyễn Ái Quốc III, đặt tại thành phố Đà Nẵng, thành lập trên cơ sở hợp nhất các Trường Nguyễn Ái Quốc IV, Trường Đảng Tây Nguyên và Trường Tuyên huấn Trung ương II. Địa điểm đặt tại thành phố Đà Nẵng, gồm cơ sở hiện có của hai Trường Nguyễn Ái Quốc IV và Trường Tuyên huấn II. Cơ sở của Trường Đảng Tây Nguyên giao lại cho Trường Đảng tỉnh Đắc Lắc.

Nhiệm vụ của các trường đảng này là:

- Đào tạo những cán bộ theo các chức danh: bí thư, phó bí thư, chủ tịch Uỷ ban nhân dân, các trưởng ban của Đảng ở huyện, quận và thị xã, bí thư đảng uỷ các xí nghiệp quốc doanh, các bệnh viện, trường học và các đảng bộ tương đương, ngoài diện Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc phụ trách. Thành lập hai hệ đặc biệt ở hai Trường Nguyễn Ái Quốc I và III, chuyên trách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện thuộc các dân tộc thiểu số. Ban Dân tộc Trung ương giúp các trường làm tròn nhiệm vụ này.

Để bổ sung cho việc đào tạo tập trung tại trường, mỗi trường đảng khu vực cần tổ chức hệ đào tạo tại chức để cùng với các hệ tập trung thực hiện quy hoạch và kế hoạch đào tạo

của mỗi trường. Đối tượng của các lớp tại chức này là những chức danh đã nêu ra ở trên nhưng vì hoàn cảnh công tác không thể đi học tập trung dài ngày.

- Bồi dưỡng lý luận, chính trị và năng lực công tác cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt đương chức của huyện, quận, thị xã, xí nghiệp và một bộ phận cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, thành bao gồm: bí thư, chủ tịch và thường vụ huyện, quận uỷ; các trưởng ban ở huyện, quận và thị xã, các trưởng, phó ban ngành cấp tỉnh, thành, bí thư, giám đốc các xí nghiệp, bệnh viện, trường đại học (ngoài diện được bồi dưỡng ở Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc).

- Tổ chức nghiên cứu lý luận để nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, góp phần vào việc nghiên cứu lý luận chung của Đảng.

Thành lập Trường Tuyên huấn Trung ương I trên cơ sở hợp nhất Trường Tuyên huấn Trung ương và Trường Nguyễn Ái Quốc V, và thành lập Trường Tuyên huấn Trung ương II trên cơ sở hợp nhất Trường Tuyên huấn III và Trường Nguyễn Ái Quốc IX. Học viên của Trường Tuyên huấn Trung ương I là cán bộ từ Thuận Hải trở ra Bắc; Trường Tuyên huấn Trung ương II là cán bộ của các tỉnh Nam Bộ.

Hai trường tuyên huấn Trung ương có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng lý luận, chính trị và nghiệp vụ cho cán bộ trong ngành công tác tư tưởng của Đảng như sau:

- Đào tạo giảng viên lý luận, chính trị cho hệ thống trường đảng các cấp, giảng viên chính trị các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, giảng viên chính trị cho các trường ngành và đoàn thể ở trung ương, đạt trình độ đại học. Việc chọn người học, chương trình học, thời gian học của các

lớp này theo đúng quy tắc chung của các trường đại học; đào tạo đội ngũ cán bộ công tác tư tưởng của Đảng ở tỉnh, thành phố, huyện, quận và các ngành trung ương. Trong một số năm trước mắt, mở thêm các lớp hoàn chỉnh chương trình đại học Mác - Lê nin cho các giảng viên đã được đào tạo trước đây.

- Bồi dưỡng ngắn hạn về lý luận, chính trị, nghiệp vụ cho giảng viên lý luận, chính trị các trường đảng; giảng viên các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, giảng viên các trường ngành và đoàn thể ở trung ương, các cán bộ chủ chốt làm công tác tư tưởng của tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã, ngành ở trung ương. Bồi dưỡng lý luận, chính trị cho các biên tập viên chủ chốt của báo chí, thông tấn, truyền thanh, truyền hình, xuất bản ở trung ương, tỉnh, thành phố (ngoài diện được bồi dưỡng ở Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc).

- Nghiên cứu lý luận để nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần vào công tác lý luận chung của Đảng. Phối hợp với các ban của Đảng tổng kết nghiệp vụ công tác tư tưởng, phục vụ việc giảng dạy của trường.

- Riêng Trường Tuyên huấn Trung ương I tiếp tục mở các lớp chuyên tu (sau đại học) cho giảng viên lý luận; tiếp tục đào tạo các biên tập viên báo chí, thông tấn, truyền thanh, truyền hình, xuất bản ở trung ương, tỉnh, thành phố, đạt trình độ đại học.

Ban Tuyên huấn Trung ương được Trung ương giao trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo các trường đảng khu vực và hai trường tuyên huấn trực thuộc Trung ương về nội dung chương trình, phương châm, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng giảng viên, thực hiện các quy chế tổ chức, quản lý trường, kiểm tra chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán

bộ. Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu bổ sung cán bộ có chất lượng cho các trường đảng (phối hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương); làm quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thực hiện kế hoạch gọi người đi học và phân phối cán bộ sau khi đã đào tạo ở các trường khu vực. Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng với các trường nghiên cứu cải tiến chế độ, chính sách, xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị cho các trường, tạo điều kiện đầy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Ban Khoa giáo Trung ương có nhiệm vụ cùng với Ban Tuyên huấn Trung ương xác định quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng chương trình học tập, và phân phối học viên của các lớp giảng viên chính trị các trường đại học và trung học chuyên nghiệp.

2. Các trường đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy cần được tăng cường để đủ sức bảo đảm các nhiệm vụ sau đây:

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các đảng uỷ xã, phường, thị trấn, xí nghiệp và các đơn vị tương đương khác, gồm: bí thư, phó bí thư hoặc thường vụ đảng uỷ phụ trách các mặt công tác đảng, chính quyền, kinh tế, dân vận. Cần tổ chức hệ đào tạo tại chức trong mỗi trường đảng tỉnh và thành phố để bổ sung cho việc đào tạo tập trung tại chức cho những cán bộ lãnh đạo và quản lý nói trên (trong quy hoạch đào tạo) mà vì điều kiện công tác không thể tập trung học dài ngày.

- Bồi dưỡng lý luận, chính trị, năng lực công tác cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đương chúc huyện, quận, xã, phường, thị trấn, xí nghiệp và các đơn vị tương đương gồm:

huyện, quận, thị uỷ viên, trưởng phó các ban, ngành ở huyện, quận và thị xã (ngoài diện người học các trường Nguyễn Ái Quốc khu vực), thường vụ đảng uỷ xã, phường và thị trấn.

- Bồi dưỡng giảng viên trường đảng huyện.

3. *Trường đảng huyện, quận, thị xã* có chức năng vừa mở lớp tập trung vừa mở các lớp tại chức bồi dưỡng các đảng uỷ viên và bí thư chi bộ cơ sở:

- Mở các lớp tập trung bồi dưỡng một cách cơ bản về chính trị và công tác cho các bí thư chi bộ, các đảng uỷ viên cơ sở sau mỗi kỳ đại hội của đảng bộ cơ sở.

- Mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nhằm phục vụ trực tiếp nhiệm vụ chính trị trước mắt cho cán bộ lãnh đạo cơ sở (ngoài diện được bồi dưỡng trường đảng tỉnh, thành phố) cho cán bộ các ngành huyện, quận và thị xã.

- Trường đảng huyện, quận và thị xã cùng với ban tuyên huấn của cấp uỷ:

+ Trực tiếp mở lớp, tiến tới chỉ làm nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ giảng dạy các đảng uỷ cơ sở mở các lớp học chính trị cho đảng viên mới, cho những người chuẩn bị kết nạp vào Đảng.

+ Trực tiếp mở, hoặc hướng dẫn các đảng uỷ cơ sở mở các lớp học tại chức theo chương trình chính trị phổ thông.

+ Hướng dẫn nội dung, phương châm, phương pháp học tập, bồi dưỡng giảng viên cho các lớp học tại chức ở cơ sở.

- Trực tiếp giúp trường lý luận, chính trị tại chức của tỉnh tổ chức và quản lý các lớp lý luận cơ bản có hệ thống mở ở địa phương.

Tiếp theo Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Bí thư ngày

24-2-1981 về công tác tư tưởng "tổ chức lại hệ thống trường đảng tập trung và mở rộng hệ thống trường lớp học tại chức", cùng với việc củng cố hệ thống trường đảng, cần tăng cường và nâng cao chất lượng công tác của *hệ thống trường lý luận, chính trị tại chức của Đảng* để đẩy mạnh giáo dục phổ cập chủ nghĩa Mác - Lê nin, đường lối, chính sách của Đảng cho đông đảo cán bộ, đảng viên. Ban Bí thư sẽ có quyết định riêng về công tác giáo dục lý luận chính trị tại chức.

Về các trường quản lý kinh tế và trường hành chính, Ban Bí thư giao cho Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, cùng với Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và Ban Tổ chức Chính phủ nghiên cứu toàn diện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và quản lý nhà nước để Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng xem xét và quyết định. Trước mắt, việc phân công người học giữa ba loại trường (trường đảng, trường quản lý kinh tế, trường quản lý nhà nước) theo hướng sau đây: đối với cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt của Đảng và Nhà nước thì trường đảng có trách nhiệm đào tạo cơ bản về lý luận, chính trị, kiến thức quản lý kinh tế, kiến thức quản lý nhà nước (có sự tham gia giảng dạy của hai trường quản lý kinh tế và quản lý nhà nước trong khi trường đảng chưa kịp chuẩn bị đủ giảng viên).

Trong vài ba năm trước mắt, Trường Quản lý kinh tế tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về quản lý kinh tế cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt từ trung ương đến huyện, ngoài diện những cán bộ được học các trường đảng.

Trường Hành chính tiếp tục chương trình bồi dưỡng ngắn hạn về lý luận, nghiệp vụ về quản lý nhà nước, quản lý

xã hội cho các phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân phụ trách nội chính, uỷ viên thư ký, chánh và phó văn phòng Uỷ ban nhân dân, cán bộ tổ chức chính quyền, cán bộ biên tập các văn kiện của tỉnh và huyện.

Để tránh tình trạng một cán bộ phải đi học ở nhiều trường, trong chương trình bồi dưỡng ngắn hạn từ 1983 đến 1985, ở trong mỗi loại trường (trường đảng, trường quản lý kinh tế, trường quản lý hành chính) cần kết hợp việc bồi dưỡng cả kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, và các nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ V.

III - CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIẢNG VIÊN

1. *Sửa đổi hệ thống chương trình*

Phân biệt hai loại chương trình: chương trình đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt của Đảng và Nhà nước với chương trình phổ cập lý luận Mác - Lênin rộng rãi trong Đảng và trong xã hội.

- Trong hệ thống trường đảng tập trung, sẽ áp dụng hai loại chương trình chính:

+ *Chương trình đào tạo*: Học tương đối có hệ thống những môn lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, lịch sử Đảng và công tác xây dựng Đảng, lịch sử phong trào công nhân thế giới, những kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước và một số môn học khác cần thiết cho cán bộ lãnh đạo. Cân bổ sung, nâng cao những môn học đã có, theo sát những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam

và cách mạng thế giới. Chương trình có phần học chung, và có phần học chuyên ngành cho các loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo Đảng, cán bộ quản lý Nhà nước; cán bộ quản lý kinh tế; cán bộ quản lý tư tưởng, văn hoá... Các ban của Đảng có nhiệm vụ cùng với trường đảng xây dựng chương trình những phần học chuyên ngành. Phải kịp thời đưa vào chương trình những kinh nghiệm đã được tổng kết. Tăng cường việc phê phán những tư tưởng, quan điểm cơ hội chủ nghĩa dưới mọi hình thức, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng.

Phân lý luận Mác - Lênin trong chương trình đào tạo chia thành hai cấp: Chương trình cao cấp (tương đương đại học Mác - Lênin) áp dụng cho các trường trực thuộc Trung ương và chương trình trung cấp lý luận Mác - Lênin áp dụng cho các trường đảng tỉnh, thành phố. Trong những năm trước mắt, chương trình cao cấp học từ hai đến hai năm rưỡi; chương trình trung cấp học từ một năm đến một năm rưỡi.

Để bảo đảm chương trình đào tạo thực hiện có kết quả, việc lựa chọn và cử người đi học phải theo đúng những tiêu chuẩn quy định về tuổi, trình độ văn hoá, trình độ công tác thực tiễn. Riêng về trình độ văn hoá, cán bộ học chương trình cao cấp nhất thiết phải có trình độ hết bậc trung học phổ thông hoặc chuyên nghiệp (trừ đối với cán bộ người dân tộc thiểu số có thể châm chước một số trường hợp cá biệt); cán bộ học chương trình trung cấp nhất thiết phải học hết bậc phổ thông cơ sở. Những cán bộ trong diện quy hoạch đào tạo, nếu chưa đủ trình độ văn hoá, thì phải bổ túc cho đủ mới được đào tạo ở trường đảng.

+ Ban Tuyên huấn Trung ương và Trường Đảng cao cấp

Nguyễn Ái Quốc được giao tổ chức hội đồng nghiên cứu, biên soạn chương trình, giáo khoa cao cấp để Ban Bí thư xét duyệt và ban hành. Giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì việc nghiên cứu biên soạn chương trình và giáo khoa trung cấp.

+ *Chương trình bồi dưỡng* theo định kỳ được xây dựng xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ, chủ yếu là sau mỗi đại hội Đảng, theo sát sự phát triển mới của các vấn đề lý luận và những quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước, những kinh nghiệm đã được tổng kết trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

Để kịp thời quán triệt những quyết định của Đại hội lần thứ V của Đảng, bắt đầu từ năm học 1982-1983, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ các cấp về các nghị quyết của Đại hội và những quyết định mới của Đảng và Nhà nước có liên quan; về kiến thức quản lý kinh tế; và kiến thức quản lý nhà nước. Ban Tuyên huấn Trung ương có nhiệm vụ xây dựng chương trình bồi dưỡng ngắn ngày.

2. Cải tiến phương pháp học tập

- Quán triệt hơn nữa phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn; bảo đảm đầy đủ tính khoa học, tính chiến đấu trong nội dung giảng dạy; bảo đảm gây được phong cách suy nghĩ khoa học, độc lập, sáng tạo của người học, khắc phục lối học sách vở, tách rời thực tế.

- Bảo đảm cho người học thường xuyên liên hệ với tình hình thực tế. Việc tổ chức cho học viên đi nghiên cứu công tác thực tế, học điển hình tiên tiến phải trở thành chế độ bắt buộc trong các trường đảng.

- Cải tiến chế độ kiểm tra học tập như làm bài tập, viết khoá luận, tiến tới làm luận án tốt nghiệp ở các trường đảng, hướng vào những vấn đề thiết thực đang đặt ra trong công tác của từng cán bộ.

- Tổ chức chặt chẽ việc quản lý người học nhằm bảo đảm kết quả học tập cao và nắm chắc kết quả học tập của từng người.

- Nghiên cứu áp dụng nhiều hình thức học tập mới, tăng cường phương tiện kỹ thuật cho việc giảng dạy và học tập để nâng cao hiệu quả giáo dục.

Ban Tuyên huấn Trung ương và Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cần phối hợp nghiên cứu chỉ đạo việc tổng kết kinh nghiệm và đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập.

3. Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên:

- Tăng cường đội ngũ giảng viên về số lượng và chất lượng cho ngang tầm nhiệm vụ mới là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục.

Ban Tuyên huấn Trung ương cần phối hợp với Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc và Ban Tổ chức Trung ương xác định quy hoạch đào tạo giảng viên mới và bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên hiện có.

Bên cạnh đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp, cần mở rộng mạng lưới giảng viên kiêm chức; thu hút những cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn, cán bộ khoa học vào việc giảng dạy.

- Cải tiến chương trình đào tạo và bồi dưỡng giảng viên. Ngoài việc học tập tại trường, cần có thêm những hình thức khác nhau như tổng kết kinh nghiệm, thông tin khoa học,

hội thảo khoa học... để bồi dưỡng giảng viên. Có thể mời chuyên gia các đảng anh em giúp thêm vào việc đào tạo và bồi dưỡng giảng viên, nhất là đối với những phát triển mới về lý luận Mác - Lê nin và về những môn học mới mà ta cần bổ sung vào chương trình đào tạo cán bộ. Việc cử cán bộ đi học ở các nước anh em cần có sự chọn lọc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của kế hoạch đào tạo. Ban Bí thư giao cho Ban Tổ chức cùng với Ban Tuyên huấn, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc và Ban Đối ngoại Trung ương nghiên cứu và kiến nghị với Ban Bí thư về kế hoạch mời chuyên gia cũng như kế hoạch lựa chọn và quản lý thống nhất việc cử cán bộ đi bồi dưỡng lý luận ở trường đảng các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là ở Liên Xô.

- Cần có chính sách khuyến khích giảng viên phấn đấu nâng cao trình độ lý luận và nghiệp vụ, khuyến khích công tác nghiên cứu khoa học và thực hiện chế độ phong cấp học hàm, học vị khoa học.

Để bảo đảm cho hệ thống trường đảng, trường và lớp lý luận, chính trị tại chức hoạt động tốt, Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cần liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu ban hành một số chính sách, chế độ đối với giảng viên và học viên trường đảng cho phù hợp với tình hình mới.

4. Để cải tiến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm đem lại hiệu quả thiết thực là phải xác định *quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý*.

Ban thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, bộ, tổng cục trực thuộc Trung ương cần căn cứ vào hướng dẫn của

Ban Tổ chức Trung ương để làm quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của ngành và cấp mình. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch cụ thể đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, gắn liền với kế hoạch bố trí, sử dụng cán bộ.

Từ nay đến giữa năm 1983, từng ngành, từng cấp phải *lựa chọn được danh sách cán bộ dự bị cho những chức danh chủ chốt của ngành và cấp mình, để kịp thời đào tạo, bồi dưỡng nhằm thay thế những cán bộ phải nghỉ việc trong khoảng thời gian 1985-1986*.

Các trường đảng trực thuộc Trung ương, các trường đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ, Trường Quản lý kinh tế của Trung ương, Trường Hành chính Trung ương từ nay đến hết năm 1983, *cần tập trung đào tạo và bồi dưỡng những cán bộ chủ chốt đã có trong quy hoạch* để khi được giao nhiệm vụ mới, đã được bồi dưỡng, đào tạo, đến mức độ cần thiết.

Để thực hiện có kết quả việc cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị, các cấp uỷ cần xác định đúng quy hoạch cán bộ, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các trường đảng thực hiện chương trình, phương châm, phương pháp giáo dục, kiểm tra mọi mặt hoạt động của các trường, tăng cường cán bộ và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường. Các ban của Đảng, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin, Uỷ ban Khoa học xã hội, các viện nghiên cứu khoa học... có nhiệm vụ tham gia công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương cùng với Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân và đảng đoàn các đoàn thể nghiên cứu cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị trong hệ thống trường

nhà nước, trường quân đội, trường đoàn thể.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 08- NQ/TW, ngày 21 tháng 1 năm 1983

Về công tác của Thủ đô Hà Nội*

I- VỊ TRÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, về văn hoá và khoa học, kỹ thuật, đồng thời là một trung tâm lớn về kinh tế và một trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước. Vị trí đó bắt nguồn từ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta và càng được tăng cường khi cả nước ta bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với vị trí trung tâm đầu não, Thủ đô Hà Nội phải được xây dựng thành một thành phố *tiêu biểu* cho chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta, làm *chỗ dựa* cho sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Là *trung tâm đầu não về chính trị*, Hà Nội phải bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống, thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân

dân làm chủ, Nhà nước quản lý, và có phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng. Đảng bộ Hà Nội phải vững mạnh; cán bộ và công nhân Hà Nội phải tiêu biểu cho ý thức giác ngộ giai cấp, tinh thần đoàn kết, ý chí chiến đấu kiên cường, năng lực sáng tạo, tính tổ chức và kỷ luật của giai cấp công nhân Việt Nam.

Về kinh tế, Hà Nội phải giàu mạnh, bảo đảm được nhu cầu sản xuất và đời sống trên địa bàn thành phố, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp phát triển chung của nền kinh tế quốc dân, với một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý, trong đó có những ngành, nghề và sản phẩm có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của cả nước và đối với xuất khẩu. Hà Nội phải tiêu biểu cho cách làm ăn có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có nhiều sản phẩm có tín nhiệm trên thị trường trong nước và trên một số thị trường ngoài nước.

Về văn hoá, người Hà Nội phải tiêu biểu cho con người mới xã hội chủ nghĩa có ý thức và năng lực làm chủ tập thể, có nếp sống văn minh, lành mạnh, thanh lịch. Hà Nội phải là nơi toả ánh sáng chính trị, văn hoá, tư tưởng ra cả nước và có ảnh hưởng tốt đối với thế giới.

Về khoa học, kỹ thuật, Hà Nội phải là đỉnh cao của đất nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và củng cố quốc phòng, an ninh.

Qua gần 30 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hà Nội đã có những biến đổi lớn, tạo nên *những thuận lợi rất cơ bản* cho bước phát triển mới:

- Từ thành phố tiêu thụ đã chuyển sang thành phố sản xuất; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập và chiếm địa vị thống trị trong các ngành kinh tế quốc dân; lực lượng sản xuất được tăng cường, hình thành cơ cấu công

* Bộ Chính trị họp từ ngày 4-1 đến ngày 7-1-1983.

nghiệp nhiều ngành nghề, và có nhiều cơ sở quan trọng nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và đào tạo cán bộ. Ngoài thành được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Nhân dân Hà Nội có trình độ chính trị, văn hoá và có truyền thống cách mạng vẻ vang. Thành phần chủ yếu trong dân cư nội thành là công nhân, cán bộ, viên chức, gồm nhiều công nhân, thợ thủ công lành nghề, đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa đồng đảo, giàu năng lực sáng tạo. Đảng bộ Hà Nội là một trong những đảng bộ lớn nhất toàn quốc. Thuận lợi đó tạo điều kiện cơ bản cho việc phát huy các thế mạnh của thủ đô.

- Quan hệ đặc biệt giữa trung ương với địa phương trên địa bàn thành phố tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho việc huy động sức mạnh tổng hợp để xây dựng thủ đô.

Mặt khác, việc xây dựng thủ đô cũng có *nhiều khó khăn lớn*:

- Cơ sở vật chất và kỹ thuật phát triển chậm, bố trí phân tán, không cân đối, đặc biệt là kết cấu hạ tầng và các công trình công cộng quá nhỏ bé, thiếu thốn và lạc hậu, gây trở ngại lớn cho việc phát huy năng lực sản xuất và phục vụ đời sống. Tình trạng này do nhiều nguyên nhân: dự tính không sát quy hoạch xây dựng thủ đô, thiếu kinh nghiệm về xây dựng và quản lý đô thị và một phần do ảnh hưởng của chiến tranh. Việc khắc phục hậu quả trên đây phải tốn kém và phải có thời gian.

- Sản xuất công nghiệp, kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phần lớn dựa vào nguyên liệu nhập khẩu. Nhiều nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân Hà Nội trước đây cũng trông vào nguồn viện trợ của nước ngoài và hầu hết dân cư nội thành được Nhà nước cung cấp. Khả năng cung ứng

lương thực, thực phẩm và nông sản nguyên liệu của các tỉnh đồng bằng sông Hồng và của ngoại thành Hà Nội còn bị hạn chế. Do đó, khi nguồn nhập khẩu giảm mạnh thì tình hình sản xuất và đời sống của Hà Nội chịu ảnh hưởng nặng hơn nhiều địa phương khác.

Hà Nội có nhiều người ăn lương và là nơi tập trung đông cán bộ, công nhân, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp (của cả trung ương và địa phương). Đó là những người có nhiều khó khăn nhất về đời sống hiện nay.

Bộ máy quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, từ nhiều năm nay được xây dựng và hoạt động theo cơ chế quan liêu bao cấp lại tập trung một phần quan trọng ở Hà Nội.

Những yếu tố đó gây sức ép lớn trong hoạt động kinh tế và tác động tiêu cực đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế - xã hội ở thủ đô.

- Thủ đô Hà Nội là địa bàn mà địch tập trung phá hoại về nhiều mặt, đặc biệt là tiến hành chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý đi đôi với phá hoại về kinh tế và văn hoá.

II - NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC CỦA HÀ NỘI

Hai năm qua, trong hoàn cảnh hết sức khó khăn về kinh tế, đời sống, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội có nhiều cố gắng thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, và đã đạt một số *thành tựu, tiến bộ*:

- Chặn được sự giảm sút về sản xuất công nghiệp; riêng công nghiệp địa phương đến năm 1982 đã khôi phục được sản lượng bằng năm 1979 là năm đạt sản lượng cao nhất trước đây.

- Từng bước xây dựng nông nghiệp ngoại thành thành vành đai thực phẩm. Năm 1982 sản lượng nông nghiệp tăng khá.

- Bước đầu chuyển biến tốt về xuất khẩu.

- Cố gắng giải quyết một số nhu cầu bức thiết về đời sống: cung cấp lương thực, thực phẩm; sắp xếp việc làm; xây dựng nhà ở, tăng thêm nguồn nước...

- Bảo đảm an ninh chính trị; tăng cường lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu.

Nhân tố quyết định những thành tựu và tiến bộ trên đây là: số đông cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức ở Hà Nội, đứng trước những khó khăn về đời sống và những diễn biến phức tạp trong tình hình kinh tế, xã hội, vẫn giữ vững phẩm chất, thể hiện rõ sự vững vàng về chính trị, kiên trì phấn đấu khắc phục khó khăn, tích cực chấp hành và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, và Nhà nước, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực. Đồng thời, sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và chính quyền ở Hà Nội bước đầu có chuyển biến về công tác củng cố cơ sở, về tác phong đi vào thực tế và cải tiến quản lý kinh tế.

Tuy nhiên, tình hình chung của Thành phố Hà Nội chuyển biến chậm, còn nhiều mặt yếu, kém:

- Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, công suất máy móc sử dụng thấp; năng suất, chất lượng, hiệu quả kém. Sản xuất nông nghiệp trong một thời gian dài dẫm chân tại chỗ, trình độ thâm canh thấp, chưa phát huy được thuận lợi của việc mở rộng ngoại thành. Tiềm năng về kinh tế và về khoa học - kỹ thuật trên địa bàn thành phố mới được khai thác và sử dụng ở mức thấp.

- Trận địa xã hội chủ nghĩa không được củng cố, thậm chí

bị đẩy lùi trên một số lĩnh vực, nhất là trên mặt trận phân phối, lưu thông.

Thị trường có tổ chức, kể cả một số xí nghiệp quốc doanh và cơ quan nhà nước cũng có hiện tượng kinh doanh kiêng lời không chính đáng và có nhiều biểu hiện tiêu cực khác. Thị trường "tự do" phát triển, nảy sinh một số tư sản mới, chủ yếu là trong kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ...

- Đời sống công nhân, viên chức còn rất khó khăn; sinh hoạt văn hoá nghèo nàn. Chất lượng công tác văn hoá, giáo dục, y tế nói chung thấp, có phần giảm sút. Vệ sinh thành phố ngày càng kém. Hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội phát triển.

- Trật tự, trị an còn nhiều mặt đáng lo ngại.

Tình hình trên đây có phần do khó khăn khách quan (như đã nêu ở phần trên), song chủ yếu là do những khuyết điểm của trung ương và của bản thân thành phố.

Những khuyết điểm chính thuộc trách nhiệm của *Trung ương* trong việc xây dựng thủ đô là:

- Quan điểm về xây dựng thủ đô chưa rõ ràng và thống nhất trong nhiều cơ quan của Trung ương Đảng và Chính phủ. Chưa thật sự tập trung ưu tiên cho Hà Nội trong việc đầu tư xây dựng cơ bản và phân phối các phương tiện vật chất khác.

- Nhiều bộ và ngành trung ương chưa làm tốt việc xây dựng và quản lý ngành trên địa bàn Hà Nội; sự liên kết giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương còn yếu.

- Cơ chế quản lý còn nặng tính chất quan liêu bao cấp, chậm được cải tiến và chậm phân cấp quản lý, ảnh hưởng đến việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của thành phố. Bộ

máy quản lý của các ngành trung ương chậm chuyển biến; đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức thuộc trung ương quản lý cũng có nhiều biểu hiện tiêu cực.

Đảng bộ và chính quyền *thành phố* cũng phải thấy rõ khuyết điểm và trách nhiệm của chính mình, như:

- Sự lãnh đạo của Thành ủy kém năng động, thiếu nhạy bén; ý chí cách mạng tiến công, tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực vươn lên trong Đảng bộ thành phố nói chung còn yếu; tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Trung ương, vào Nhà nước, tình trạng bảo thủ, trì trệ chậm được khắc phục. Trên nhiều mặt, phong trào quần chúng ở Hà Nội còn yếu. Do đó, chưa phát huy được truyền thống và thế mạnh của thủ đô để khắc phục khó khăn, thích ứng với tình hình mới, hoàn thành nhiệm vụ mới.

- Đảng bộ thành phố có phần chủ quan vì đã qua hơn 20 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; chưa nhận rõ cả nước ta, trong đó có Hà Nội, đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cuộc đấu tranh giữa hai con đường còn tiếp diễn, lại chịu tác động của chiến tranh phá hoại về nhiều mặt do địch gây ra, nên rất gay go và phức tạp. Do đó, đã buông lỏng chuyên chính vô sản trên nhiều mặt, buông lỏng quản lý kinh tế - xã hội, đặc biệt là trên lĩnh vực quản lý thị trường, trong công tác chính trị, tư tưởng, văn hoá và trong việc bảo đảm trật tự, trị an.

- Chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng Đảng còn thấp, chưa phát huy được sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của một đảng bộ lớn, tập trung nhiều đảng viên có trình độ cao. Lực lượng cán bộ dồi dào, nhưng công tác lựa chọn, bồi

dưỡng và bố trí cán bộ chưa bảo đảm được yêu cầu, kể cả một số vị trí chủ chốt. Chậm xây dựng và kiện toàn cấp phường. Bộ máy chỉ đạo của cấp thành và quận, huyện cũng chưa đáp ứng được nhiệm vụ.

III- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1. Xây dựng Thủ đô Hà Nội xứng đáng với vị trí quan trọng của nó là *yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa* và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, đồng thời là *trách nhiệm và nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước*.

Trung ương Đảng và Chính phủ phải tập trung lực lượng, tập trung chỉ đạo, huy động các ngành và các địa phương hợp sức cùng Hà Nội xây dựng thủ đô xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nội phải thật sự làm chủ kinh tế - xã hội trên địa bàn của mình theo chức năng quản lý lãnh thổ. Các địa phương khác phải góp phần xây dựng thủ đô, tăng cường quan hệ hợp tác về kinh tế và văn hoá, khoa học - kỹ thuật với thủ đô.

Bộ Chính trị giao cho Hội đồng Bộ trưởng cùng với thành phố nghiên cứu *phương án xây dựng thủ đô về mọi mặt* trong những năm 80, có tính đến bước phát triển trong những năm sau, theo *tư tưởng chỉ đạo* dưới đây:

- Đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng về tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, bảo đảm cho Thủ đô Hà Nội thật sự tiêu

biểu cho chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta, làm chỗ dựa cho sự nghiệp cách mạng của cả nước.

- Kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng mới Thủ đô Hà Nội theo một kế hoạch đầu tư tập trung, đồng bộ, phát huy hiệu quả nhanh nhất và tốt nhất. Trong những năm trước mắt, phải đặc biệt coi trọng cải tạo cơ sở hiện có (bao gồm cả sắp xếp lại, tu bổ, xây dựng bổ sung để đồng bộ hóa các cơ sở sản xuất, kết cấu hạ tầng, nhà ở và các công trình công cộng khác), đồng thời từng bước xây dựng đồng bộ các khu vực mới. Phải cải tạo và xây dựng vài đường phố hoặc khu dân cư một cách hoàn chỉnh, dần dần tạo nên bộ mặt mới của thành phố.

- Thực hiện có hiệu quả và với mức độ cao phương châm: *Trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng xây dựng thủ đô*. Trung ương coi Hà Nội là địa bàn ưu tiên số một trong việc bố trí kế hoạch đầu tư và phân phối phương tiện vật chất do Nhà nước quản lý. Đảng bộ và nhân dân Hà Nội phải chủ động vươn lên với tính năng động và trí sáng tạo, khai thác tốt tiềm năng về lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, tiềm năng khoa học - kỹ thuật, phát huy truyền thống và thế mạnh của mình, tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng xây dựng thủ đô về mọi mặt.

- Tích cực cải tiến và nâng cao trình độ quản lý kinh tế - xã hội, đưa công tác quản lý đô thị vào nền nếp. Thực hiện chủ trương phân cấp quản lý cho Thành phố Hà Nội theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V). Tổ chức tốt sự hợp tác và liên kết giữa các

đơn vị kinh tế, các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của trung ương và địa phương trên địa bàn thành phố, và giữa thành phố với các địa phương khác, để bổ sung cho nhau, hợp sức xây dựng thủ đô.

Trong phương án xây dựng thủ đô, một yêu cầu quan trọng là xác định rõ phương hướng, bước đi để tạo ra *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp trên địa bàn thành phố*, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, phân bố lực lượng sản xuất trong cả nước.

Trong cơ cấu *công nghiệp* (kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp) trên địa bàn thành phố, trước hết cần xác định rõ những ngành đáp ứng nhu cầu của cả nước hoặc của nhiều địa phương và sản xuất hàng xuất khẩu, bao gồm một số ngành công nghiệp nặng và các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, trong đó có một số ngành mũi nhọn, phát huy được thế mạnh của thành phố về khoa học, kỹ thuật, tay nghề và truyền thống sản xuất. Nói chung, những ngành, nghề và cơ sở sản xuất đòi hỏi kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, nếu không gây ô nhiễm và hợp lý về vận tải thì cần ưu tiên bố trí trên địa bàn Hà Nội (ví dụ: cơ khí, đặc biệt là cơ khí chính xác, hàng kim khí, điện tử, mỹ nghệ, v.v.). Về những mặt hàng thủ công xuất khẩu làm bằng nguyên liệu nhập khẩu, cũng cần tập trung giải quyết việc làm cho Hà Nội. Bên cạnh những ngành nêu trên, Hà Nội còn có những ngành, nghề phục vụ sản xuất và đời sống của bản thân thành phố là chủ yếu, như sản xuất nông cụ, vật liệu xây dựng thông dụng, chế biến lương thực, một số mặt hàng thực phẩm và hàng tiêu dùng, v.v., những ngành công nghiệp này chủ yếu do địa phương quản lý.

Phương hướng phát triển công nghiệp nhất thiết phải cân đối, đồng bộ với việc xây dựng kết cấu hạ tầng (đặc biệt là mạng lưới điện, nước, giao thông), nhà ở và các công trình công cộng khác phục vụ đời sống vật chất và văn hoá của dân cư. Do yêu cầu đó, phải rất coi trọng việc phân bố hợp lý các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố. Cần quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của thành phố trong việc tham gia xét duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật và bố trí địa điểm của mọi cơ sở công nghiệp định xây dựng trên địa bàn Hà Nội, kể cả xí nghiệp do trung ương quản lý.

Với diện tích đã được mở rộng và nhiều điều kiện thuận lợi về thâm canh, nông nghiệp ngoại thành có khả năng không những là vành đai thực phẩm (trước hết là thực phẩm tươi sống như rau, quả, thịt, cá, trứng, v.v.), mà còn đáp ứng được đại bộ phận nhu cầu lương thực của toàn thành phố. Cần có kế hoạch, biện pháp giải quyết cho được yêu cầu này trong một số năm, như một chương trình đồng bộ có mục tiêu đổi mới với Hà Nội. Trong những năm đầu, có thể bố trí thêm một số huyện tiếp giáp và một số nông trường mà trung ương cần tăng cường đầu tư và Hà Nội cần phát triển quan hệ hợp tác, hỗ trợ để có nguồn lương thực, thực phẩm bổ sung, nhằm đáp ứng một cách chủ động nhu cầu của thành phố. Về cây công nghiệp và cây xuất khẩu, cần bố trí cho phù hợp với chất đất, khí hậu, gắn với công nghiệp chế biến ở thành phố, nhằm đạt hiệu quả cao. Đẩy mạnh phong trào trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác Hồ", nhanh chóng phủ xanh các đồi trọc. Phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, cá... và

đưa nhanh chăn nuôi lên thành ngành chính bằng phương thức liên kết kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình.

Hà Nội phải khai thác mọi tiềm năng của mình, đặc biệt là khả năng của công nghiệp phục vụ nông nghiệp, điều kiện nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, nguồn phân, rác và nước thải..., kết hợp với sự tăng cường đầu tư và giúp đỡ của trung ương về thuỷ lợi, giống, phân hoá học, v.v. để mau chóng đạt trình độ thâm canh cao, cả về trồng trọt và chăn nuôi, trên toàn bộ diện tích đất thuộc và đất đồi, rừng, mặt nước nuôi cá. Việc xử lý phân, rác, nước thải ở Hà Nội phải vừa bảo đảm vệ sinh thành phố, vừa phục vụ thâm canh trong nông nghiệp và sử dụng được khí sinh vật làm chất đốt. Ngoại thành Hà Nội phải tiến tới dẫn đầu về năng suất cây trồng và năng suất chăn nuôi so với những nơi cùng điều kiện đất đai và khí hậu ở đồng bằng và trung du.

Đi đôi với phát triển sản xuất và củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, phải tạo ra những *làng kiểu mẫu* về nông thôn xã hội chủ nghĩa ở ngoại thành Hà Nội bằng sức của hợp tác xã, của nhân dân và được Nhà nước hướng dẫn về quy hoạch, thiết kế và góp phần đầu tư vào một số công trình công cộng.

Việc nghiên cứu phương án xây dựng thủ đô về mọi mặt theo tinh thần nêu trên đòi hỏi phải soát xét lại quy hoạch trước đây về bố trí dân cư và cải tạo, xây dựng Thành phố Hà Nội để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế, điều chỉnh lại kế hoạch tiến hành đợt đầu trong những năm 80. Hội đồng Bộ trưởng cùng với Thành phố Hà Nội phải có chương trình xúc tiến việc này để lập được phương án xây

dựng thủ đô trinh Bộ Chính trị trong năm nay.

2. Trong năm 1983 và ba năm 1983 - 1985, Đảng bộ Hà Nội phải tập trung sức thực hiện *bốn mục tiêu kinh tế và xã hội* mà Đại hội lần thứ V của Đảng đã đề ra, với những yêu cầu sát hợp với đòi hỏi của tình hình thực tế.

- Về mục tiêu *đời sống*, yêu cầu trọng tâm là đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, trước hết là ổn định đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Đây không những là vấn đề kinh tế cấp bách nhất của Thủ đô Hà Nội mà còn mang ý nghĩa chính trị, tư tưởng, xã hội, tác động mạnh đến tình hình chung của cả nước. Phải tập trung lực lượng, có kế hoạch đồng bộ cả về sản xuất, thu mua, vận tải, phân phôi, v.v., đi đôi với chính sách và biện pháp đúng đắn để giải quyết cho được vấn đề then chốt này thì mới ổn định và phát triển được kinh tế - xã hội, khai thác được các thế mạnh để xây dựng thủ đô.

- Về mục tiêu *xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*, yêu cầu đặt ra với Hà Nội rất gay gắt, đặc biệt là việc cải tạo và xây dựng kết cấu hạ tầng cùng với nhà ở và các công trình công cộng khác, đồng bộ hoá các cơ sở sản xuất hiện có và xây dựng thêm một số cơ sở mới để bảo đảm nhu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống.

- Về mục tiêu *tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội phải mau chóng lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực phân phôi, lưu thông, củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, dùng những hình thức thích hợp, kể cả hình thức quá độ để tiếp tục cải tạo và sắp xếp lại các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa còn lại hoặc mới

phát triển thêm, đồng thời củng cố và mở rộng trận địa xã hội chủ nghĩa trên mặt trận tư tưởng và văn hoá, kiên quyết ngăn chặn và tiêu trừ những nọc độc phản động và đồi truy trên mặt trận này.

- Về mục tiêu củng cố *quốc phòng và an ninh*, yêu cầu bức thiết đối với Hà Nội là: xây dựng quân đội thường trực, dân quân tự vệ và các lực lượng dự bị, luyện tập, sẵn sàng chiến đấu và có kế hoạch động viên thời chiến. Đi đôi với bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, phải thật sự tạo nên chuyển biến tốt về trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh có hiệu quả chống các biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

Mọi hoạt động của các ngành, các lĩnh vực công tác ở thành phố đều phải thấu suốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), hướng vào việc bảo đảm thực hiện bốn mục tiêu nêu trên, với kế hoạch, biện pháp phấn đấu cụ thể, quyết giành thắng lợi.

Hội đồng Bộ trưởng cùng với Thành phố Hà Nội khẩn trương nghiên cứu các phương án kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở cho việc tổng hợp kế hoạch kinh tế - xã hội của Hà Nội trong những năm 1983 - 1985, trình ra Bộ Chính trị trong quý II năm 1983.

Để bảo đảm thực hiện được nhiệm vụ xây dựng thủ đô và các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trước mắt, phải *xây dựng Đảng bộ Hà Nội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, kiện toàn chính quyền* ba cấp ở thành phố, đẩy mạnh *phong trào cách mạng của quần chúng*.

Phải giáo dục toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ nâng cao ý chí chiến đấu trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, tinh thần chủ động, sáng tạo, cách mạng tiến

công; chống tư tưởng ỷ lại, hoài nghi, dao động và thái độ bàng quan, vô trách nhiệm. Hơn lúc nào hết, mọi cán bộ, đảng viên phải thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu của mình trong mọi nhiệm vụ công tác và trong lối sống lành mạnh.

Cùng với công tác giáo dục, phải quản lý chặt chẽ công tác và sinh hoạt của mỗi cán bộ, đảng viên, thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên sai phạm, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Chấn chỉnh tổ chức và sinh hoạt của các chi bộ, đảng bộ cơ sở ở đường phố. Ban Tổ chức Trung ương cần nghiên cứu cách phối hợp công tác giữa Đảng bộ Hà Nội và đảng bộ các khối cơ quan trung ương để làm tốt việc giáo dục mọi đảng viên sống và làm việc trên đất Hà Nội nêu cao ý thức trách nhiệm xây dựng thủ đô, thật sự là nòng cốt đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội.

Cần nhanh chóng kiện toàn tổ chức chính quyền ở cả ba cấp: thành phố, quận - huyện và phường - xã; chú trọng tăng cường cấp phường (kể cả tổ dân phố). Lựa chọn cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực khá, nhạy bén với tình hình và nhiệm vụ, thể hiện trong công tác thực tiễn, để bổ sung vào cơ quan lãnh đạo các cấp của thành phố. Kiên quyết thay đổi những cán bộ bất lực, trì trệ, xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất. Thành phố phải chủ động trong công tác này, đồng thời các ngành trung ương có trách nhiệm cùng thành phố kiện toàn tổ chức và cán bộ của ngành mình trong thành phố.

Các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ, phải cải tiến công tác, có những hình thức linh hoạt để thu hút quần

chúng tham gia các mặt hoạt động xây dựng và quản lý thành phố, phù hợp với chức năng của từng đoàn thể. Trước mắt, chú trọng các hình thức tổ chức quần chúng thiết thực tham gia và kiểm tra việc tổ chức đời sống vật chất và văn hoá ở thủ đô. Thông qua nhiều mặt hoạt động cụ thể mà tạo nên phong trào cách mạng của quần chúng thi đua sản xuất, công tác, thực hành tiết kiệm, xây dựng lối sống lành mạnh, giữ gìn trật tự và vệ sinh công cộng, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, với ý thức tự hào của người dân thủ đô làm chủ thành phố của mình.

IV- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP BÁCH

1. Ổn định một bước đời sống của nhân dân, đặc biệt là công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang

Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các bộ, các ngành và các địa phương có liên quan, cùng với Thành phố Hà Nội tìm mọi biện pháp bảo đảm cho được việc cung cấp ổn định chín mặt hàng theo định lượng, bảo đảm chất lượng và đúng thời gian. Đặc biệt về lương thực, phải có biện pháp tích cực nhất bảo đảm cung cấp cho Hà Nội theo chỉ tiêu kế hoạch, và xây dựng ngay cho Hà Nội quỹ lương thực dự trữ từ nửa tháng đến một tháng.

Hội đồng Bộ trưởng quy định cụ thể cho Hà Nội được sử dụng một phần lương thực thu mua ở ngoại thành để tăng thêm nguồn thực phẩm tại chỗ, thay cho việc đưa thực phẩm từ các tỉnh khác về Hà Nội.

Hà Nội phải chủ động làm cho được việc chống mất mát,

hư hao, lãng phí, móc ngoặc và các biểu hiện tiêu cực khác trong việc phân phối các mặt hàng cung cấp theo định lượng.

Trong dịp Tết Nguyên đán sắp tới, phải bảo đảm cung cấp một số mặt hàng cần thiết cho nhân dân, có biện pháp quản lý thị trường và giá cả, đồng thời vận động một phong trào vui Tết lành mạnh, giản dị, chống lãng phí, ngăn chặn các hủ tục. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong phong trào này. Ngăn cấm các cơ quan, xí nghiệp nhà nước dùng tiền công quỹ liên hoan, chè chén, biếu xén quà cáp.

Ngoài vấn đề bảo đảm cung cấp, Hội đồng Bộ trưởng cần sớm thực hiện chủ trương phụ cấp thêm cho công nhân, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp và các lực lượng vũ trang. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng đắn chính sách tiền lương, tiền thưởng, bảo đảm tăng thu nhập cho cán bộ, công nhân, viên chức một cách hợp lý.

Tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ gia đình công nhân, viên chức sản xuất phụ, vừa tăng thu nhập, vừa có thêm của cải cho xã hội; chấm dứt tình trạng trung gian kiếm lời không chính đáng.

Tích cực sắp xếp việc làm, ưu tiên cho con em công nhân, viên chức.

Đi đôi với các biện pháp tích cực nhất để giải quyết các vấn đề cấp bách về đời sống của công nhân, viên chức, phải làm tốt công tác tư tưởng, giúp cho mọi người hiểu rõ những cố gắng của Đảng và Nhà nước, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực góp phần khắc phục khó khăn chung, đẩy mạnh sản xuất, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực, tạo điều kiện cho việc ổn định và cải thiện đời sống.

2. *Sắp xếp lại và đẩy mạnh sản xuất, xây dựng*

Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các cơ quan trung ương cùng với thành phố khẩn trương thực hiện chủ trương sắp xếp lại sản xuất và xây dựng trên địa bàn thành phố, đi đôi với tiến hành phân cấp quản lý theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương.

- Về *sản xuất công nghiệp*, hướng chính trong những năm trước mắt là sử dụng tốt năng lực sản xuất hiện có; đầu tư theo chiều sâu là chủ yếu; việc xây dựng cơ sở mới cũng nhằm trước hết là đồng bộ hoá để tận dụng các cơ sở đã có. Hội đồng Bộ trưởng quy định rõ chính sách ưu tiên cung ứng năng lượng, nguyên liệu cho các xí nghiệp ở thủ đô. Việc tiếp tục phát huy quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất, kinh doanh phải đi liền với chấn chỉnh quản lý, sửa chữa những lỗ hổng, sơ hở, đặc biệt là trong việc tìm thêm vật tư và tiêu thụ sản phẩm. Các xí nghiệp công nghiệp ở Hà Nội phải dứt khoát vươn lên hàng đầu về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, cần giải quyết về chính sách và biện pháp để phát triển mạnh, thu hút thêm nhiều lao động. Tăng cường quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với tiểu, thủ công nghiệp bằng nhiều hình thức thích hợp; đối với những ngành, nghề, những mặt hàng mà phương thức gia công thương nghiệp đang cản trở sản xuất và gây nhiều biểu hiện tiêu cực thì cần cải tiến, mở rộng việc bán nguyên liệu, mua sản phẩm theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương (khoá IV) về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng. Khắc phục ngay tình trạng đối xử không bình đẳng đối với kinh tế tập thể, không để kéo dài tình trạng hợp tác xã làm ăn khó khăn hơn tổ sản xuất và

thủ công cá thể. Tiếp tục củng cố và phát triển các hợp tác xã; phân loại các tổ sản xuất để có biện pháp cải tạo và quản lý thích hợp với từng loại, đưa các tổ đủ điều kiện lên hợp tác xã; có các hình thức tổ chức thích hợp để sắp xếp và hướng dẫn những người còn làm ăn cá thể sản xuất đúng hướng.

- Về *giao thông vận tải*, phải cải tạo và xây dựng có trọng điểm mạng lưới giao thông, chú trọng các cầu qua sông Hồng và các cửa ô vào nội thành. Sắp xếp lại lực lượng vận tải theo hướng tăng cường, tập trung phương tiện vận tải và nhiệm vụ vận chuyển thuỷ, bộ cho ngành giao thông vận tải thành phố để làm nhiệm vụ đầu mối giao thông quan trọng của cả nước. Hết sức coi trọng vận tải đường sông. Sắp xếp lại việc vận chuyển hành khách nội, ngoại thành; phát triển các phương tiện công cộng; tu sửa đường và phương tiện tàu điện để khai thác tốt hơn và bảo đảm doanh thu.

- Về *nông nghiệp* ở ngoại thành, trong khi từng bước bố trí lại sản xuất theo hướng đã nêu ở phần trên, cần tập trung sức giải quyết một số yêu cầu trước mắt về thực phẩm và lương thực. Bảo đảm cung cấp rau ổn định cho thành phố, khắc phục cho được tình trạng quá thiếu khi giáp vụ. Đi đôi với việc phát triển mạnh chăn nuôi trong khu vực kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, cần có biện pháp khôi phục các cơ sở chăn nuôi quốc doanh (lợn, gà, bò), tăng năng suất và sản lượng nuôi cá trên những mặt nước do Nhà nước quản lý.

Tiếp tục củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, chấn chỉnh các hợp tác xã yếu, kém, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến người lao động, phát hiện và uốn nắn những lệch lạc trong việc thực hiện cơ chế này.

Thành ủy cần chấn chỉnh và tăng cường sự lãnh đạo và

chỉ đạo đối với nông nghiệp ngoại thành. Hội đồng Bộ trưởng và Bộ Nông nghiệp cần đặt ngoại thành Hà Nội là một trọng điểm để chỉ đạo và đầu tư phát triển sản xuất, đẩy mạnh thâm canh cả về trồng trọt và chăn nuôi.

- Về *xây dựng cơ bản*, đi đôi với việc đầu tư có trọng điểm cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, cần coi trọng việc cải tạo và xây dựng kết cấu hạ tầng, nhà ở và các công trình công cộng khác, đồng thời chuẩn bị cho một số công trình quan trọng trong những năm sau, trong đó có công trình xây dựng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh sẽ khởi công vào năm 1985.

Gấp rút cải tạo mạng lưới điện, mạng lưới cấp nước và thoát nước, hệ thống xử lý phân, rác, cải tạo và xây dựng mạng lưới giao thông, phát triển mạng lưới điện thoại.

Đẩy mạnh việc xây dựng thêm nhà ở, đồng thời coi trọng việc tu sửa, cải tạo nhà cũ, hoàn thiện các khu nhà đã xây dựng.

Xây thêm bệnh viện và sắp xếp lại để sử dụng tốt các cơ sở điều trị thuộc các ngành trên địa bàn thành phố. Xây thêm khách sạn nội địa và khách sạn du lịch. Tăng thêm cơ sở vật chất cho các ngành giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao, đồng thời tận dụng các hội trường hiện có của các cơ quan, xí nghiệp vào các hoạt động văn hoá.

Hội đồng Bộ trưởng cùng với thành phố xác định rõ thứ tự ưu tiên của các công trình cải tạo và xây dựng thành phố, bố trí kế hoạch xây dựng đồng bộ, tập trung, dứt điểm, đưa vào sử dụng nhanh. Nhà nước cố gắng tăng mức đầu tư, đồng thời thành phố huy động thêm sức của các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã và nhân dân, nhất là sử dụng số lao động chưa có việc làm. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em đối với việc cải tạo và xây dựng Thủ đô Hà Nội, trước hết là

đối với một số công trình quan trọng và một số loại vật liệu mà ta thiếu.

3. Lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực phân phối, lưu thông

Trong lĩnh vực này, Hà Nội phải đi đầu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị 188-CT của Hội đồng Bộ trưởng, góp phần tích cực vào việc ổn định và quản lý thị trường trong cả nước.

Trước hết, chấn chỉnh hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh, tăng cường hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất, kinh doanh, gây rối thị trường, đặc biệt là phải quản lý chặt chẽ sản phẩm và hàng hoá của Nhà nước, ngăn chặn tình trạng lấy cắp, móc ngoặc, tuồn hàng ra thị trường "tự do".

Tăng cường lực lượng, mở rộng hoạt động và nâng cao chất lượng phục vụ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cả trong lưu thông hàng hoá và các hoạt động dịch vụ.

Mở rộng trận địa của thị trường có tổ chức, trước hết là về những mặt hàng thiết yếu, đồng thời tăng cường công tác quản lý thị trường "tự do". Kiên quyết giải thể các tụ điểm buôn bán vô tổ chức, sắp xếp lại các chợ; đấu tranh chống bọn đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, ngăn chặn và trừng trị bọn "phe phẩy" móc nối với những phần tử thoái hoá trong thương nghiệp quốc doanh và trong các cơ sở kinh tế quốc doanh khác. Phải tìm cho ra và xử lý nghiêm khắc theo pháp luật bọn đầu sỏ lũng đoạn, phá rối thị trường, phá hoại kinh tế.

Hiện nay, ở thành phố xuất hiện một số *tư sản kinh*

doanh thương nghiệp. Thành phố cần phối hợp với các cơ quan kinh tế và pháp luật của trung ương khẩn trương điều tra nghiên cứu kỹ, kiên quyết xoá bỏ.

4. Bảo đảm an ninh, trật tự

Cùng với việc chăm lo đời sống, công tác giữ vững *trật tự, trị an* là một nhiệm vụ rất quan trọng cần làm tốt để đáp ứng đòi hỏi bức thiết của nhân dân. Đảng bộ và chính quyền thành phố phải chủ động nắm vững và tăng cường rất mạnh công tác này, *bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của thủ đô*. Thực hiện tốt Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị về đấu tranh *chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch*, đặc biệt là chống gián điệp, chống chiến tranh tâm lý, bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước. Tạo nên chuyển biến mạnh về trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết ngăn chặn nạn trấn lột, cướp giật; giảm số vụ phạm pháp hình sự và tăng tỷ lệ số vụ được khám phá; xét xử đúng luật pháp và kịp thời; kiên quyết bảo đảm việc thi hành án; tổ chức lại trật tự giao thông và trật tự những nơi công cộng.

Các lực lượng vũ trang của thành phố (quân đội, công an) phải thường xuyên được củng cố và tăng cường, thật sự trong sạch và vững mạnh. Phải có chính sách và biện pháp bảo đảm đời sống của lực lượng vũ trang.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của quân chúng và của các tổ chức cơ sở, của chính quyền cấp phường trong công tác giữ vững trật tự, trị an.

Giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ bí mật; dũng cảm đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả bọn

tội phạm, lưu manh, côn đồ, đầu cơ, buôn lậu, phá rối trật tự, trị an. Cần có biện pháp cụ thể để thực hiện việc không cho cư trú ở Hà Nội một số loại tù được tha về.

5. Tăng cường chỉ đạo các hoạt động trên mặt trận văn hoá và tư tưởng

Một yêu cầu hàng đầu đối với các hoạt động văn hoá là *xây dựng và giữ gìn nếp sống xã hội chủ nghĩa, lành mạnh, văn minh* của nhân dân thủ đô, kiên quyết loại trừ văn hoá phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan. Trong lĩnh vực hoạt động kinh tế, phải giáo dục ý thức chủ động, sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ ỷ lại; đồng thời nấm vũng đường lối của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt những nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mọi hoạt động văn hoá phải hướng vào các yêu cầu trên đây và phải nâng cao chất lượng, đáp ứng đòi hỏi của quần chúng. Các cán bộ, đảng viên, trước hết là những đồng chí công tác trong các ngành văn hoá, phải đi đầu trong việc xây dựng nếp sống lành mạnh, văn minh. Các ngành của trung ương trên mặt trận văn hoá phải cùng với thành phố chăm lo xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân thủ đô, coi đó là nhiệm vụ công tác quan trọng thường xuyên của ngành mình. Thành phố phải kiểm soát mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ diễn ra ở thủ đô, ngăn chặn kịp thời những hoạt động văn hoá không lành mạnh và chạy theo mục đích kinh doanh đơn thuần.

Nâng cao chất lượng các mặt công tác giáo dục, y tế, thể dục thể thao, công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, chăm sóc thanh, thiếu niên, nhi đồng của thành phố, góp phần tích cực vào việc xây dựng nếp sống lành mạnh, có văn hoá.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Để thực hiện Nghị quyết này, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành trung ương tiếp tục cùng với các cơ quan của thành phố giải quyết những vấn đề cụ thể về kinh tế - xã hội, trật tự, trị an. Ban Bí thư chỉ đạo Thành ủy cùng các ban của Trung ương làm tốt công tác xây dựng Đảng, công tác tư tưởng, tổ chức và cán bộ, công tác quần chúng nhằm đẩy mạnh ngay các mặt hoạt động của thành phố. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quy định chế độ làm việc, gắn bó trách nhiệm giữa các cơ quan trung ương và các cơ quan của thành phố trong việc xây dựng và quản lý thủ đô về mọi mặt.

Trong năm nay, Bộ Chính trị sẽ họp tiếp để bàn về phương án cải tạo và xây dựng thủ đô, gắn với kế hoạch kinh tế - xã hội của thủ đô trong những năm 1983 -1985. Từ nay, hằng năm Bộ Chính trị đều có kỳ họp bàn về công tác lãnh đạo thủ đô.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng làm việc với Hà Nội sáu tháng một lần; các bộ, các ban của Trung ương làm việc với Hà Nội ba tháng một lần và thường xuyên theo dõi, kiểm tra công tác thành phố.

2. Căn cứ vào Nghị quyết này, Thành uỷ tự phê bình và phê bình, tổ chức phổ biến trong Đảng bộ, gắn với việc chuẩn bị Đại hội vòng hai của Đảng bộ thành phố. Đợt sinh hoạt chính trị này phải nhằm nâng cao ý chí cách mạng tiến công và phát huy trí tuệ với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của mọi tổ chức trong Đảng bộ, mọi cán bộ, đảng viên, vừa góp phần chuẩn bị tốt Đại hội vòng hai của

Đảng bộ, vừa cải tiến công tác của từng đơn vị, tạo nên khí thế mới trong việc chấp hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương và phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1983 của thành phố.

Bộ Chính trị tin rằng Đảng bộ và nhân dân Thủ đô Hà Nội đã từng đánh thắng mọi kẻ thù, sẽ không chùn bước trước bất cứ khó khăn nào, tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, dũng cảm tiến lên, hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng Hà Nội xứng đáng là thủ đô anh hùng của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 17-QĐ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1983

**Về chức năng nhiệm vụ
Ban Đối ngoại của Trung ương**

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị về tình hình quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng;

- Căn cứ vào Điều 19 của Điều lệ Đảng;

BAN Bí THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thực hiện chức năng nhiệm vụ chung của các ban đã được Ban Bí thư quy định trong quy chế làm việc của các ban, Ban Đối ngoại Trung ương có nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Tổng hợp tình hình về quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước và các tổ chức quần chúng; phối hợp với Bộ Ngoại giao và các ngành đối ngoại nghiên cứu tình hình thế giới, tình hình phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tình hình phong trào nhân dân thế giới, những vấn đề chủ yếu của công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong từng thời

gian. Tùy theo sự phân công của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, Ban Đối ngoại và Bộ Ngoại giao sẽ phối hợp với nhau trong việc chuẩn bị các quyết định của Đảng về chủ trương và chính sách đối ngoại.

b) Giúp Trung ương tổ chức thực hiện các quan hệ cụ thể của Đảng ta với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng; hướng dẫn các hoạt động quốc tế của các đoàn thể quần chúng và các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị. Ban Đối ngoại chủ trì việc phối hợp với Ban Tuyên huấn và Bộ Ngoại giao trong công tác tuyên truyền đối ngoại.

c) Giúp Trung ương phối hợp các ngành đối ngoại thực hiện đường lối chính sách và các nghị quyết của Đảng về công tác đối ngoại và kiểm tra việc thực hiện đường lối chính sách và các nghị quyết đó trong các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

d) Quản lý cán bộ đối ngoại theo sự phân công của Trung ương và cùng các ngành hữu quan xây dựng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đối ngoại.

đ) Làm trách nhiệm của ban đối với việc xây dựng các đảng bộ thuộc khối đối ngoại theo quy định của Ban Bí thư.

2. Ban Đối ngoại căn cứ vào quy chế tổ chức làm việc của các ban và bản Quyết định này để tiến hành công tác và thực hiện các mối quan hệ với các ban, các ngành, các cấp uỷ đảng và các cơ quan có liên quan.

Các cấp, các ngành làm công tác đối ngoại có trách nhiệm cung cấp kịp thời thông tin cho Ban Đối ngoại. Các báo cáo về công tác của các ngành đối ngoại và các cấp uỷ đảng về công tác đối ngoại gửi Ban Bí thư đồng thời gửi cho Ban Đối ngoại.

Ban Đối ngoại được tham gia các hội nghị bàn về công tác đối ngoại, những hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của các ngành đối ngoại.

Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự Đảng ngoài nước, Ban Công tác giúp Lào, Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia toàn Campuchia, và các ngành đối ngoại có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 24-TT/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1983

Về việc kiểm tra, truy quét các văn hoá phẩm đồi truy, phản động

1. Hiện nay, nhiều văn hoá phẩm (băng nhạc, đĩa hát, tranh, ảnh, lịch, sách, báo, phim) có nội dung xấu, đồi truy, phản động vẫn đang lưu hành ở nhiều nơi nhất là ở các thành phố và thị xã.

- Một số cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, v.v. tự do, tuỳ tiện tổ chức chiếu những phim không do cơ quan nhà nước có trách nhiệm phát hành. Một số cơ quan, khách sạn... tổ chức chiếu phim băng viđêô nhập trái phép, trong đó có một số phim xấu.

- Trong sinh hoạt ca nhạc, một số ít ca sĩ vẫn tuỳ tiện hát những bài hát không lành mạnh trước công chúng và phong cách biểu diễn thiếu đúng đắn, nhố nhăng.

Trước những hiện tượng tiêu cực trên đây, nhiều cấp uỷ đảng, cơ quan chính quyền và đoàn thể vẫn tỏ thái độ lơ là, buông lơi quản lý, không có biện pháp kiên quyết ngăn chặn và khắc phục.

Nhân dịp Tết Quý Hợi sắp đến, các hoạt động văn hoá, văn nghệ sẽ được tăng lên, các hiện tượng tiêu cực trên đây cũng có khả năng tăng thêm.

2. Để chấm dứt những hiện tượng tiêu cực đang tồn tại và ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực mới phát sinh, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ thực hiện ngay một số biện pháp sau đây:

- Đôn đốc các sở, ty, phòng văn hoá và các cơ quan công an phối hợp với các đoàn thể tổ chức kiểm tra, truy quét tất cả những văn hoá phẩm đồi truy và phản động.

- Đôn đốc các sở, ty văn hoá phối hợp với các cơ quan công an, hải quan, bưu điện tăng cường kiểm tra ở các cửa khẩu, sân bay, bến cảng, biên giới để ngăn chặn các loại văn hoá phẩm xấu xâm nhập vào nội địa.

- Nghiêm cấm các cơ quan, đơn vị chiếu những phim không do cơ quan phát hành phim của Nhà nước đưa ra. Chỉ thị cho các cấp uỷ, đảng ủy các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ việc chiếu phim ở cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình không được để xảy ra tình trạng đua nhau tìm những phim không được lưu hành hoặc không do cơ quan phát hành của Nhà nước đưa ra để chiếu. Đôn đốc các sở, ty văn hoá kiểm tra chặt chẽ nội dung các phim băng video đang lưu hành ở địa phương và thu giữ những phim có nội dung xấu. Thi hành kỷ luật đối với các cấp uỷ, đảng uỷ cơ quan, đơn vị tổ chức chiếu phim trái phép cũng như đối với các cán bộ, nhân viên quản lý phim tuỳ tiện chiếu hoặc cho cơ quan khác thuê, mượn phim không được phát hành để chiếu.

- Đôn đốc các cơ quan có trách nhiệm xử lý nghiêm khắc

việc tàng trữ, tái bản, buôn bán các loại văn hoá phẩm xấu; thi hành kỷ luật thích đáng đối với số ca sĩ tuỳ tiện biểu diễn trước công chúng những bài hát không lành mạnh; đối với số ca sĩ có phong cách biểu diễn không đúng đắn, cần thuyết phục để họ nhận rõ khuyết điểm và sửa chữa, nếu qua nhiều lần thuyết phục mà họ vẫn không sửa đổi thì phải kiên quyết không cho họ hành nghề nữa.

- Có kế hoạch tiếp tục giải thích, giáo dục rộng rãi trong Đảng, trong nhân dân nhất là trong thanh niên về âm mưu, thủ đoạn chiến tranh nhiều mặt của địch nhất là về mặt tư tưởng, tâm lý và về những tác hại của các loại văn hoá phẩm xấu, độc hại.

Từ nay đến cuối tháng 2-1983, yêu cầu hằng tuần các tỉnh uỷ, thành uỷ báo cáo về Ban Bí thư tình hình thực hiện Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 09-NQ/TW, ngày 10 tháng 2 năm 1983

**Về lễ kỷ niệm lần thứ 165 ngày sinh của
Các Mác và lần thứ 100 ngày Các Mác qua đời**

Cùng với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức toàn thế giới và nhân dân ta sẽ kỷ niệm trọng thể lần thứ 165 ngày sinh (5-5-1818) và lần thứ 100 ngày qua đời (14-3-1883) của Các Mác, người sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, nhà cách mạng vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới.

Bắt nguồn từ những thành quả trí tuệ tiến bộ nhất của loài người, học thuyết của Các Mác và Phoriêđorích Ăngghen, từ trên 100 năm nay, là cơ sở khoa học của cuộc đấu tranh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của các đảng cộng sản và công nhân, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng loài người khỏi ách thống trị của tư bản, giành tự do và hạnh phúc cho con người.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không ngừng lớn mạnh, đã và đang

giành được những thành quả to lớn. Trên thế giới ngày nay đã có hơn 100 đảng cộng sản và công nhân, với gần 100 triệu đảng viên. Đó là lực lượng hùng hậu đang hằng ngày hằng giờ phấn đấu thực hiện những mục tiêu vĩ đại mà Các Mác đã vạch ra.

Kế tục trung thành và phát triển sáng tạo học thuyết của Các Mác trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lê nin và Đảng của Người đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, tạo nên bước ngoặt có tính chất thời đại. Lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp công nhân giành được chính quyền, biến tư tưởng của Các Mác thành hiện thực trên 1/6 quả đất, mở đường cho loài người tiến vào thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Với chiến thắng của Liên Xô trong chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, một loạt các nước xã hội chủ nghĩa ra đời trên nhiều lục địa, hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người.

So với thời kỳ Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời, bộ mặt thế giới ngày nay đã thay đổi về căn bản. So sánh lực lượng cách mạng và phản cách mạng trên thế giới biến chuyển ngày càng có lợi cho các lực lượng cách mạng, dân chủ và tiến bộ; chủ nghĩa xã hội khoa học ngày càng thu hút trái tim và khối óc của hàng nghìn triệu nhân dân thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và bè lũ phản động, vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đó là những thắng lợi có tính chất lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê nin, là xu thế phát triển tất yếu của thời đại, không một thế lực phản động nào có thể ngăn cản nổi.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua, kể từ khi có Đảng Cộng sản, là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện của một nước thuộc địa và nửa phong kiến. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, tổ chức và rèn luyện, đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân ta hoàn thành vẻ vang sự nghiệp giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhân dân ta đã đánh thắng những kẻ thù hung bạo là thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ và thế lực phản động... xâm lược nước ta.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngày nay Đảng ta do đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đứng đầu, đang lãnh đạo nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, cách mạng Lào và cách mạng Campuchia đã giành được thắng lợi to lớn và đang bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ba nước anh em trên bán đảo Đông Dương đã liên minh chiến đấu trong nhiều thập kỷ, gắn bó với nhau bởi tình hữu nghị đặc biệt trong sáng, đang cùng nhau đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và ... để bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Kỷ niệm lần thứ 165 ngày sinh và lần thứ 100 ngày qua đời của Các Mác, cần làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đạt được những yêu cầu sau đây:

1. Thấm nhuần hơn nữa những tư tưởng vĩ đại, những

phẩm chất cách mạng cao quý của Các Mác, hết mực trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên quyết đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc...

2. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, thấy rõ hơn nữa phong trào cách mạng trên thế giới đang ở thế tiến công, ba dòng thác cách mạng trên thế giới đang giành được thắng lợi vĩ đại.

3. Nâng cao hơn nữa hiểu biết lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, hiểu biết đường lối cách mạng của Đảng ta; nâng cao trình độ vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đặc biệt là trong chặng đường hiện nay của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

4. Ra sức thi đua lao động sản xuất và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương, kế hoạch nhà nước năm 1983; nêu cao quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ thắng lợi Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ra sức trau dồi đạo đức cách mạng, kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

5. Tăng cường đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Tăng cường đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để đạt được những yêu cầu nói trên, các ngành, các cấp cần tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục:

1- Tiến hành một đợt tuyên truyền, giáo dục sôi nổi, rộng khắp trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về thân thế và sự nghiệp của Các Mác, về những cống hiến to lớn của Các Mác đối với cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Cùng với việc tập trung viết bài, đưa tin của các cơ quan báo chí, thông tấn, phát thanh, truyền hình, cần tăng cường hoạt động của các báo cáo viên theo những chủ đề nói trên.

2- Các cơ quan lý luận, các viện nghiên cứu, các trường đảng, v.v. tổ chức các hội nghị chuyên đề về chủ nghĩa Mác hoặc giới thiệu những tác phẩm của Các Mác liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta.

3- Tổ chức chiếu phim, sinh hoạt câu lạc bộ, triển lãm, sáng tác và biểu diễn ca nhạc... về Các Mác, về những phong trào cách mạng dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

4- Tổ chức mít tinh kỷ niệm trọng thể ở thủ đô, ở các Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng.

5- Thành lập Ban Tổ chức kỷ niệm ở Trung ương.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Viện Mác - Lênin, Ban Đổi ngoại Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các ngành, các cấp thi hành Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KHẨU HIỆU

Kỷ niệm lần thứ 165 ngày sinh và lần thứ 100 ngày qua đời của Các Mác

1- Đời đời nhớ ơn Các Mác, lãnh tụ thiên tài và người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới!

2- Chủ nghĩa Mác - Lênin vô địch muôn năm!

3- Liên Xô vĩ đại, trụ cột của hoà bình và cách mạng thế giới, muôn năm!

4- Tình hữu nghị anh em, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa nhân dân Việt Nam, nhân dân Liên Xô, nhân dân Cộng hoà Dân chủ Đức và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác muôn năm!

5- Tình đoàn kết chiến đấu và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt giữa Việt Nam, Lào, và Campuchia muôn năm!

6- Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội!

7- Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hăng hái thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, và kế hoạch nhà nước năm 1983!

- 8- Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!
 9- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp
 của chúng ta!

THÔNG BÁO

Số 18-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 1983

Quyết định của Ban Bí thư Về một số chính sách, chế độ đối với cán bộ

Để khen thưởng những cán bộ có công lao, thành tích đối với cách mạng, để giúp cán bộ giải quyết một phần khó khăn về đời sống trong tình hình hiện nay, xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Bí thư đã quyết định một số chính sách, chế độ đối với cán bộ như sau:

1. Tiến hành việc xét thưởng các loại Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập cho những cán bộ có công lao, thành tích đối với cách mạng, các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, nhân sĩ tiêu biểu đã hoặc sắp đến tuổi vinh hưu. Ban Tổ chức Trung ương cùng các ban của Đảng và các cơ quan nhà nước, các đoàn thể có liên quan trình Bộ Chính trị thông qua danh sách thưởng Huân chương Sao vàng, Ban Bí thư thông qua danh sách thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập các hạng.

2. Hàng năm cần có kế hoạch tổ chức tốt việc nghỉ hè, nghỉ dưỡng sức cho cán bộ, công nhân, nhân viên tại chức.

Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Tổng Công đoàn cùng các cơ quan có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện cụ thể việc này.

Về việc cử những cán bộ, công nhân đi nghỉ và tham quan hằng năm theo lời mời của các nước anh em, Ban Tổ chức Trung ương cùng với Tổng Công đoàn và các cơ quan có liên quan định tiêu chuẩn và phân bổ chỉ tiêu một cách hợp lý.

3. Hằng năm, tiếp tục tổ chức cho một số cán bộ sau đây được đi nghỉ và tham quan trong nước, thời gian khoảng một tháng:

- Những cán bộ về hưu đã tham gia hoạt động cách mạng trước ngày 31-12-1944 hoặc được kết nạp vào Đảng trước 19-8-1945.

- Các anh hùng và một số cán bộ có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, sản xuất.

- Các cơ sở cách mạng của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

- Các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, nhân sĩ, cán bộ dân tộc tiêu biểu.

Số lượng và danh sách do Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương định và do ngân sách đảng đài thọ.

4. Hằng năm tổ chức cho một số cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới miền núi, kể cả cán bộ cơ sở, về xuôi thăm quan, nghỉ ngơi trong một thời gian nhất định, do ngân sách đảng đài thọ. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân tộc Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phối hợp, định tiêu chuẩn, số lượng và tổ chức thực hiện. Ngoài ra, các địa phương có điều kiện tổ chức được thì do địa

phương quyết định.

5. Trong tình hình khó khăn chung hiện nay, các cơ quan, đơn vị cần có những biện pháp cụ thể chăm lo đời sống của cán bộ, công nhân, nhân viên như tổ chức cho làm các nghề phụ gia đình (gia công, trồng trọt, chăn nuôi...) để giúp anh chị em giảm bớt khó khăn về đời sống, nhưng không được kinh doanh trái phép, chạy theo lợi nhuận không chính đáng. Ở những tỉnh, thành đã tổ chức sản xuất và kinh doanh có lãi thì dành một phần lãi thích đáng để giải quyết khó khăn về đời sống cho cán bộ, công nhân, nhân viên.

6. Đối với cán bộ đã về hưu:

- a) Các đồng chí sau đây, nếu có nhiều khó khăn trong đời sống thì được hưởng một khoản trợ cấp khó khăn do ngân sách đảng đài thọ:

- Các đồng chí bộ trưởng, trưởng ban, thứ trưởng, phó ban, và các chức vụ tương đương, các bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành và chuyên viên 7 trở lên.

- Các đồng chí cấp vụ, cục, viện trưởng đã tham gia hoạt động cách mạng trước 31-12-1944 hoặc vào Đảng trước 19-8-1945 đã kinh qua xứ uỷ, khu uỷ, bí thư hoặc chủ tịch tỉnh.

- Các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, nhân sĩ tiêu biểu.

Gia đình của những đồng chí đã mất thuộc diện nói trên cũng được hưởng khoản trợ cấp nói trên, nhưng với mức thấp hơn, do Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quy định cụ thể.

Các cán bộ đã về hưu khác, nếu có nhiều khó khăn, thuộc cấp nào quản lý thì do cấp đó quyết định việc trợ cấp.

- b) Những cán bộ khi còn tại chức có người phục vụ, lúc về

hưu được hưởng một khoản trợ cấp theo mức giá hiện nay là 150 đồng một tháng.

Những đồng chí đương chức được một hoặc hai suất phục vụ với mức trước là 35 đồng một tháng một suất thì nay được nâng lên 150 đồng một tháng cho mỗi suất. Nói chung cơ quan không cử người đến phục vụ nữa.

c) Các cơ quan thương binh - xã hội, ngân hàng, thương nghiệp, v.v. cần tổ chức lại cách làm thủ tục về hưu, cấp tiền hưu trí và tổ chức bán hàng (lương thực, thực phẩm, hàng công nghiệp...) một cách chu đáo, kịp thời, hợp lý, tránh mọi phiền hà, nhất là đối với các đồng chí cách mạng lão thành. Đối với các đồng chí tuổi cao sức yếu không có người chăm sóc hoặc gặp nhiều khó khăn thì tổ chức cấp phát đến tận nơi cả về tiền và lương thực, thực phẩm. Cơ quan y tế các cấp cần tổ chức chu đáo việc theo dõi, chăm sóc sức khoẻ, chữa bệnh và tổ chức việc cấp cứu kịp thời khi cần thiết cho các đồng chí ấy.

d) Các đồng chí uỷ viên Trung ương, bộ trưởng và tương đương về hưu được cấp một tờ báo Đảng và bản tin tóm tắt hàng tuần do ngân sách đảng dài thọ. Hàng năm, nếu cần thiết thì được cấp ôtô một lần về thăm quê, thăm cơ sở hoặc đi nghỉ, trong phạm vi hai tuần lễ. Các đồng chí ở cơ quan nào do xe cơ quan đó đưa đón. Các đồng chí nguyên là uỷ viên Trung ương do xe của Ban Tài chính - Quản trị hoặc của văn phòng cấp uỷ nơi đồng chí đó ở đưa đón. Riêng việc đưa đón đi bệnh viện khám sức khoẻ, chữa bệnh thì chuẩn bị giao cho Bệnh viện Việt - Xô và các bệnh viện trực tiếp quản lý cán bộ đó chịu trách nhiệm (trong khi bệnh viện chưa tổ chức được thì vẫn do cơ quan cũ nơi cán bộ đó công tác trước

khi về hưu đảm nhiệm).

d) Việc nâng lương cho cán bộ trước khi về hưu nói chung không đặt ra, nhưng có một số trường hợp xét thấy cần nâng lương trước khi về nghỉ hưu thì do cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ đó quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định. Đối với những cán bộ đã về hưu rồi thì không xét nâng lương nữa, vì nâng lương là phải dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động.

Ban Tổ chức Trung ương cùng với các ban và các ngành có liên quan bàn biện pháp cụ thể tổ chức thực hiện các quy định nói trên của Ban Bí thư.

Xin thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN KHÁNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 15-CT/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1983

Về việc mở Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ V

Ban Bí thư đã quyết định cho Tổng Công đoàn Việt Nam mở đại hội các cấp, tiến tới Đại hội Công đoàn toàn quốc lần thứ V vào quý IV năm 1983. Đây là một sinh hoạt chính trị rộng lớn của toàn thể công nhân, viên chức nhằm quán triệt đường lối cách mạng và những mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, phát huy vai trò tiền phong của giai cấp công nhân và chức năng, nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn cách mạng mới.

Việc chuẩn bị và tổ chức đại hội công đoàn các cấp cần bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu sau đây:

- Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ IV, đánh giá vai trò, tác dụng của công đoàn trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, thực hiện ba cuộc cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xác định phương hướng, nhiệm vụ và các biện pháp công tác của công đoàn nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng, tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi của công nhân, viên chức trên các mặt sản xuất, tiết kiệm, phân phối lưu thông, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, chăm lo đời sống, đấu tranh chống tiêu cực và chống địch phá hoại.

- Sửa đổi điều lệ, kiện toàn tổ chức, cải tiến hoạt động công đoàn nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, thể hiện rõ công đoàn là tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân trong sự nghiệp xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

1. Để Đại hội Công đoàn lần thứ V đạt được các yêu cầu trên, các cấp uỷ đảng cần:

- Lãnh đạo chặt chẽ việc chuẩn bị nội dung và kế hoạch tiến hành đại hội công đoàn các cấp nhằm đánh giá đúng tình hình, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể, thích hợp. Nội dung và cách làm đại hội phải thiết thực, phát huy dân chủ, thể hiện tinh thần tích cực vươn lên giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách về sản xuất và đời sống trong từng cơ sở, địa phương và trong cả nước.

Kiên quyết tránh các việc làm có tính hình thức, phô trương, lãng phí, gò bó, mất dân chủ trong quá trình tổ chức đại hội.

- Chỉ đạo các cơ quan nhà nước, cơ quan quản lý kinh tế tích cực giải quyết các kiến nghị đúng đắn của công nhân, viên chức về sản xuất và đời sống, tạo điều kiện đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm ngay trong quá trình chuẩn bị đại hội. Qua đại hội công đoàn các cấp, Đảng đoàn Tổng Công đoàn cần tập hợp những vấn đề thuộc phạm vi giải quyết của Trung ương và Chính phủ để báo cáo với Ban

Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

- Chỉ đạo cụ thể việc kiện toàn ban chấp hành công đoàn, đáp ứng yêu cầu tăng cường tổ chức và hoạt động của công đoàn trong giai đoạn mới. Đổi mới một bước đội ngũ cán bộ công đoàn, đưa việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ công đoàn vào quy hoạch cán bộ chung của Đảng nhằm không ngừng bổ sung những cán bộ xuất thân từ phong trào công nhân cho các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Cần cử các cấp ủy viên có năng lực trực tiếp làm thư ký công đoàn.

2. Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân tập thể, các đồng chí lãnh đạo các bộ, các ngành trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thanh, truyền hình, theo chức năng của mình, cần phối hợp với Đảng đoàn Tổng Công đoàn thực hiện những yêu cầu của việc chuẩn bị, tổ chức Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ V.

3. Tổng Công đoàn cần phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Bộ trưởng và các cơ quan có liên quan tổ chức tốt phong trào công nhân, viên chức thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1983 ở tất cả các ngành, các cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

LƯU TẠI KHO LƯU TRỮ
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 16-CT/TW, ngày 12 tháng 3
năm 1983

**Về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyển sinh
cho các học viện và trường quân sự**

Để nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong tình hình mới, Nhà nước đã có quyết định về công tác tuyển sinh vào các học viện, các trường đại học và cao đẳng quân sự.

Chấp hành chủ trương trên, trong năm học 1982-1983, nhiều cấp, nhiều ngành đã tích cực giáo dục, động viên thanh niên, chiến sĩ ưu tú thi vào các trường sĩ quan; nhiều trường tuyển đủ số lượng, bảo đảm được chất lượng học viên và thời gian tuyển sinh quy định.

Tuy nhiên, do chưa quán triệt đầy đủ chủ trương tuyển sinh quân sự của Đảng và Nhà nước, một số cấp uỷ chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thiếu sự phối hợp giữa các ngành, các đoàn thể trong tổ chức thực hiện, nhất là trong việc giáo dục hướng nghiệp quân sự cho học sinh phổ thông, trong việc động viên, tuyển chọn, giới thiệu thanh niên thi vào các trường quân sự. Một số tiêu chuẩn, chính sách tuyển sinh

quân sự chưa thật sát. Các chính sách đối với sĩ quan có chỗ chưa hợp lý và có mặt chưa được chấp hành nghiêm túc... Vì vậy chưa thu hút được thật nhiều quân nhân đã qua rèn luyện thử thách trong chiến đấu và cũng chưa thu hút được đông đảo thanh niên, nhất là các thanh niên có đủ điều kiện ở các tỉnh phía Nam, ở các vùng dân tộc thiểu số thi vào các trường quân sự.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời khắc phục những thiếu sót kể trên, phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố quốc phòng, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội V đã nêu ra, chúng ta cần:

1. Trước hết, các cấp uỷ đảng và cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể phải nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ sĩ quan đối với công cuộc xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của công tác quốc phòng trong tình hình mới, để xác định trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên đối với công tác tuyển sinh quân sự. Phải có kế hoạch phối hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành trong công tác giáo dục hướng nghiệp sĩ quan quân đội kết hợp với giáo dục nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho thanh niên, trong công tác tuyên truyền vận động thanh niên, chiến sĩ ưu tú hăng hái thi tuyển và vận động các gia đình cho con em thi tuyển vào các trường sĩ quan, bảo đảm đủ chỉ tiêu tuyển sinh quân sự hằng năm, trước mắt là cho năm học 1983-1984. Các cấp uỷ đảng và các ngành ở miền Nam và ở các vùng dân tộc thiểu số càng phải quan tâm nhiều hơn tới

vấn đề này.

2. Từng ngành, tuỳ theo chức năng nhiệm vụ của mình mà có kế hoạch thiết thực, cụ thể trong công tác tuyên truyền, giáo dục vận động thanh niên và chiến sĩ tham gia thi tuyển vào các học viện và trường quân sự, nhất là các trường đào tạo sĩ quan chỉ huy và sĩ quan chính trị các binh chủng.

Bộ Giáo dục cần có nội dung và biện pháp giáo dục nghĩa vụ quân sự và hướng nghiệp sĩ quan quân đội cho học sinh phổ thông, nhất là cho học sinh năm học cuối bậc phổ thông.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải làm tốt công tác vận động thanh niên ngoài quân đội cũng như trong quân đội; kết hợp chặt chẽ giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa với giáo dục tinh thần trách nhiệm sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc, tinh thần tự nguyện hăng hái dự thi vào các trường sĩ quan; giới thiệu và tham gia việc tuyển chọn những đoàn viên và thanh niên ưu tú vào các trường sĩ quan.

- Các ngành khác, nhất là các ngành thuộc khối dân vận, tuyên huấn, văn hoá phải có kế hoạch cụ thể và phối hợp chặt chẽ để thường xuyên giáo dục nhân dân, nhất là giáo dục cán bộ, đảng viên và thanh niên, về tinh thần sẵn sàng tham gia và cho con em tham gia nghĩa vụ quân sự và phục vụ lâu dài sự nghiệp quốc phòng; đồng thời tích cực tuyên truyền vận động cho đợt thi tuyển vào các viện, trường quân sự trước mắt.

3. Bộ Quốc phòng cần có chính sách, tiêu chuẩn thích hợp về tuyển sinh nhằm khuyến khích nhiều thanh niên thi vào các trường quân sự. Cần rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh năm 1982 để kịp thời bổ sung chính sách, tiêu chuẩn tuyển sinh cụ thể phù hợp với tình hình từng vùng, từng

quân chủng, binh chủng. Coi trọng công tác bồi dưỡng văn hoá cho quân nhân.

Tổng cục Chính trị cần chỉ đạo chặt chẽ công tác chính trị, tư tưởng đối với chiến sĩ trẻ ưu tú, động viên anh em hăng hái tự nguyện thi tuyển vào các trường sĩ quan phục vụ lâu dài trong quân đội.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong các trường quân đội; thật sự chăm lo đời sống hằng ngày ở các trường, bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ, tiêu chuẩn sinh hoạt của học viên.

Chỉ thị này được phổ biến đến đảng uỷ cơ sở, được trích đăng trên báo chí công khai.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 15-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1983

Ý kiến của Ban Bí thư về công tác của Ban Dân vận Trung ương

Ngày 17-2-1983 Ban Bí thư đã làm việc với Ban Dân vận Trung ương và cho ý kiến như sau:

1. Về chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương

Ban Dân vận Trung ương cần tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ đã được quy định trong Nghị quyết số 249-NQ/TW ngày 29-3-1976 của Bộ Chính trị và Quyết định số 93-QĐ/TW ngày 17-3-1981 của Ban Bí thư, cụ thể là:

- Căn cứ vào đường lối chính sách của Đảng trong từng thời gian, nghiên cứu đề xuất ý kiến với Trung ương về công tác vận động quần chúng. Chuẩn bị các đề án về công tác dân vận, giúp các đoàn thể chuẩn bị các đề án công tác để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

- Giúp Ban Bí thư làm quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác dân vận và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị đó ở các cấp uỷ, các đoàn thể, trong lực lượng vũ trang và các cơ quan của Nhà nước.

- Góp ý kiến với các đoàn thể về việc tổng kết công tác vận động quần chúng trong từng thời kỳ.

- Giúp Trung ương quản lý cán bộ các đoàn thể theo quy định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ. Hướng dẫn đảng đoàn các đoàn thể, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và giúp đỡ Đảng đoàn Mặt trận làm tốt công tác tổ chức - cán bộ theo nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng.

- Giúp Ban Bí thư theo dõi và hướng dẫn hoạt động của các đảng bộ cơ quan Trung ương trong khối Dân vận.

2. Về đối tượng và phạm vi công tác của Ban Dân vận Trung ương

Đối tượng công tác của Ban Dân vận Trung ương đã được xác định trong Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 20-11-1980 của Bộ Chính trị: "... Ban Dân vận phụ trách các vấn đề về công tác các đoàn thể quần chúng, công tác mặt trận, vận động trí thức nhân sĩ, tôn giáo, vấn đề người Hoa...".

Các hội quần chúng có tính chất nghề nghiệp do các ban khác của Đảng có liên quan phụ trách. Riêng Hội Liên hiệp Nông dân tập thể do Ban Nông nghiệp Trung ương phụ trách.

Với trách nhiệm làm tham mưu tổng hợp cho Trung ương Đảng về công tác vận động quần chúng, Ban Dân vận cần:

- Phối hợp với các ban khác của Đảng trong việc theo dõi hướng dẫn công tác chính trị tư tưởng cho Hội Liên hiệp Nông dân tập thể và các hội quần chúng có tính chất nghề nghiệp, giúp đỡ Tổng Công đoàn trong công tác vận động trí thức xã hội chủ nghĩa và giúp đỡ Đảng đoàn Mặt trận Trung ương trong công tác vận động các nhân sĩ trí thức tiêu biểu.

- Cùng Ban Tổ chức Trung ương Đảng nghiên cứu, xem lại các hội quần chúng đã có, kiến nghị các quy định cần thiết trong việc thành lập các tổ chức mới.

3. Ban Dân vận Trung ương cần phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Trung ương trong công tác *quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu chính sách đối với cán bộ dân vận*, bao gồm cán bộ các đoàn thể và mặt trận; đưa quy hoạch cán bộ dân vận vào quy hoạch cán bộ chung của Đảng, góp phần tuyển chọn nhiều cán bộ xuất thân từ giai cấp công nhân và trưởng thành trong phong trào cách mạng của quần chúng, nhất là những người trẻ tuổi để bổ sung cho đội ngũ cán bộ của Đảng.

Ban Dân vận cần thường xuyên hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ dân vận các cấp.

T/M BAN Bí THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 25-TT/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1983

**Về việc quản lý chặt chẽ các hội nghị
có tính chất toàn quốc của các ngành**

Việc mở hội nghị thường kỳ có tính chất toàn quốc để tổng kết công tác, trao đổi chuyên đề, hướng dẫn, truyền đạt kinh nghiệm, là việc làm bình thường và cần thiết của mỗi ban, ngành và cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ.

Song, gần đây có tình trạng hội họp quá nhiều. Một số cuộc hội nghị không được chuẩn bị chu đáo về nội dung, thời gian họp kéo dài, đạt kết quả thấp. Thành phần dự họp thường quá đông, không sát với yêu cầu, nội dung và tính chất hội nghị. Các đồng chí chủ chốt của các tỉnh, thành, các bộ, ban, đoàn thể trung ương phải dự quá nhiều cuộc họp, ảnh hưởng không ít đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành và địa phương. Cách làm việc như vậy rõ ràng là không tốt, gây thêm khó khăn trong công việc và chi tiêu lãng phí.

Để tránh những thiếu sót trên, thực hiện chế độ hội họp đi vào nền nếp chặt chẽ, bảo đảm chất lượng và hiệu quả, Ban Bí thư yêu cầu các ban, ngành và đoàn thể ở trung ương

thực hiện mấy điểm sau đây:

Trước khi quyết định triệu tập một hội nghị toàn quốc hoặc hội nghị theo vùng của ngành có mời các tỉnh, thành lên dự, phải chuẩn bị đầy đủ về nội dung, cân nhắc kỹ về thành phần và địa điểm họp. Nếu không thật cần thiết thì không triệu tập hội nghị toàn quốc. Khi cần mở hội nghị để tổng kết công tác, trao đổi chuyên đề, thảo luận nhiệm vụ công tác mới, thì phải tham khảo trước ý kiến của các cơ quan có liên quan, đến hội nghị chỉ bàn những điểm chưa nhất trí và biện pháp thực hiện. Thành phần triệu tập phải được tính toán chặt chẽ, ai không thật cần thì không mời họp; thời gian họp thật ngắn gọn; bố trí địa điểm họp cho hợp lý để giảm bớt thời gian đi lại và đỡ chi phí tốn kém.

Từ nay trở đi, các ban và đoàn thể ở trung ương muôn mở hội nghị toàn quốc (hoặc vùng) của ngành, phải được đồng chí bí thư phụ trách thông qua về nội dung, thành phần và địa điểm hội nghị, và phải có sự đồng ý của đồng chí bí thư thường trực mới được triệu tập họp.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ quy định việc quản lý hội nghị của các cơ quan nhà nước.

Các ban của Trung ương Đảng, các tổ chức đoàn thể cấp trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Thông tri này. Các tỉnh uỷ, thành uỷ cũng cần căn cứ vào tinh thần Thông tri này mà quy định cụ thể và quản lý chặt chẽ việc triệu tập các hội nghị do cấp mình phụ trách.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 10-NQ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1983

**Về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện
với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới**

I

Chung sống trên bán đảo Đông Dương, ba dân tộc Việt Nam, Lào và Campuchia đã có mối quan hệ láng giềng từ lâu đời. Gần một thế kỷ dưới ách thống trị của thực dân Pháp, ba dân tộc đã gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung. Từ khi có Đảng Cộng sản Đông Dương do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo, rèn luyện, và về sau trở thành ba đảng lãnh đạo cách mạng ba nước, ba dân tộc đã xây đắp nên tình đoàn kết chiến đấu và mối quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam, Lào và Campuchia, một truyền thống quý báu, một sức mạnh vô địch chiến thắng mọi kẻ thù.

Với thắng lợi năm 1975 ở Việt Nam và Lào và thắng lợi đầu xuân năm 1979 ở Campuchia, lần đầu tiên trong lịch sử, ba nước Đông Dương được hoàn toàn độc lập và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành tiền đòn vững chắc của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, nhân tố quan trọng đối với cách mạng và hoà bình trong khu vực này và trên thế giới.

Bước vào giai đoạn mới, quan hệ giữa ba dân tộc là mối quan hệ giữa ba quốc gia độc lập, có chủ quyền, tự nguyện liên minh với nhau trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đang cùng tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước.

Việt Nam, Lào, Campuchia đều có tiềm năng kinh tế phong phú có khả năng hỗ trợ, bổ sung cho nhau; tăng cường hợp tác kinh tế và văn hoá giữa ba nước là yêu cầu khách quan nhằm phát triển tốt hơn sự nghiệp kinh tế, văn hoá vì lợi ích của nhân dân mỗi nước. Bán đảo Đông Dương có một vị trí đặc biệt quan trọng về chiến lược ở Đông Nam châu Á; để cùng nhau bảo vệ công cuộc lao động xây dựng và mọi thành quả cách mạng, ba nước Đông Dương phải quan hệ chặt chẽ với nhau về mặt quốc phòng. Ngày nay nhân dân ba nước đang cùng nhau sát cánh đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt..., đồng thời sẵn sàng đối phó lâu dài với âm mưu xâm lược của địch. Thực tiễn cách mạng ở Đông Dương từ sau 1975 đến nay càng chứng minh rằng bảo vệ tình đoàn kết và tăng cường hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của mỗi nước, là quy luật tồn tại và phát triển của cả ba nước. Ngày nay, củng cố tình đoàn kết đặc biệt và tăng cường sự hợp tác toàn diện giữa ba nước đồng thời phát triển hợp tác chặt chẽ và toàn diện với Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa càng cần thiết hơn bao giờ hết. Đây là vấn đề chiến lược hàng đầu, là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm cho nhân dân mỗi nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của mình, đồng thời bảo đảm giữ vững hoà bình và ổn định trong khu vực Đông Dương và Đông Nam châu Á.

Hội nghị cấp cao ba nước họp tháng 2-1983 ở Viên Chăn đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ giữa ba nước, đã nhất trí đề ra các nguyên tắc chỉ đạo mối quan hệ giữa ba nước từ nay về sau:

1. Đoàn kết hợp tác giữa ba nước nhằm giúp đỡ nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước, góp phần bảo vệ hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới...

2. Tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Mọi vấn đề thuộc quan hệ giữa ba nước sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, với tinh thần hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của mỗi nước và vì lợi ích chung của cả ba dân tộc.

3. Phát triển sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai bên hoặc ba bên về mọi mặt, trên tinh thần hữu nghị anh em, hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi.

4. Tăng cường tình đoàn kết giữa ba dân tộc, chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc nước lớn và dân tộc hẹp hòi. Không ngừng giáo dục cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ba nước về tình hữu nghị truyền thống và quan hệ đặc biệt giữa nhân dân ba nước, chống mọi hành động có hại cho tình hữu nghị giữa nhân dân ba nước.

II

Đoàn kết với cách mạng Lào và Campuchia là đường lối đối ngoại nhất quán và là nghĩa vụ quốc tế hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta từ trước đến nay. Đại hội lần thứ V đã

xác định nhiệm vụ của Đảng và nhân dân ta đối với cách mạng Lào và Campuchia trong giai đoạn tới:

"... Giữ gìn tình hữu nghị trong sáng và truyền thống đoàn kết giữa ba dân tộc, không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu giữa ba nước...". "Luôn luôn hết lòng, hết sức làm tròn nhiệm vụ quốc tế đối với hai nước anh em, đồng thời cùng hai nước hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ nhau về mọi mặt, để phục vụ ngày càng có hiệu quả công cuộc củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng kinh tế, văn hoá của mỗi nước".

Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ do Đại hội Đảng ta đề ra và những thoả thuận của Hội nghị cấp cao lần thứ nhất ba nước Đông Dương, toàn Đảng, toàn dân ta cần quán triệt mấy tư tưởng chỉ đạo sau đây:

- Cũng như từ trước đến nay, từ nay về sau Đảng và nhân dân ta luôn luôn nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, coi sự nghiệp cách mạng của nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em như sự nghiệp của bản thân mình, tự nguyện, chủ động và hết lòng, hết sức gánh vác phần trách nhiệm nặng nề của mình.

- Phối hợp chặt chẽ về đường lối và chiến lược cách mạng giữa ba đảng, xem đây là một trong những điều kiện cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước, là cơ sở vững chắc để tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa ba đảng, ba nước. Coi trọng việc trao đổi ý kiến thường xuyên với Đảng nhân dân cách mạng Lào và Đảng nhân dân cách mạng Campuchia, hết sức tôn trọng và lắng nghe ý kiến của bạn.

- Coi trọng giúp bạn tăng cường xây dựng thực lực cách mạng vững mạnh về mọi mặt, trước hết là xây dựng Đảng và

đội ngũ cán bộ, coi đây là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi cách mạng mỗi nước, đồng thời là hạt nhân giữ vững và tăng cường đoàn kết giữa ba đảng, ba nước và ba dân tộc.

- Phát triển sự hợp tác toàn diện, chặt chẽ giữa ba nước trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá và đối ngoại..., trong đó việc hợp tác về kinh tế, văn hoá trở thành lĩnh vực hết sức quan trọng, tạo nền tảng cho việc củng cố liên minh chiến lược lâu dài giữa ba nước.

Trong việc hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước cần hướng vào những nội dung công tác sau đây:

1. Về chính trị

- Thường xuyên giữ vững liên hệ giữa cơ quan lãnh đạo tối cao của ba đảng; tuỳ sự đòi hỏi của tình hình, cần tổ chức các cuộc hội đàm hai bên hoặc ba bên giữa lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, để cùng nhau giải quyết các vấn đề có quan hệ đến chiến lược, sách lược chung. Các cơ quan có trách nhiệm của ba nước cần thường xuyên có các cuộc trao đổi ý kiến để chuẩn bị cho hội nghị cấp cao hoặc bàn kế hoạch thực hiện những điều đã được các bên thoả thuận.

- Hết sức coi trọng giúp bạn xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, giúp bạn đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, để bạn có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng được nhu cầu trước mắt và lâu dài.

- Tích cực đáp ứng yêu cầu của bạn về chuyên gia và cán bộ giúp việc. Phải cử những cán bộ có phẩm chất, năng lực và nhiệt tình làm chuyên gia và phải coi trọng bồi dưỡng để họ giúp bạn ngày càng có chất lượng và hiệu quả.

- Mở rộng hợp tác giữa các ngành, các địa phương, các đoàn

thể quần chúng, các hội hữu nghị... nhằm giúp đỡ nhau một cách thiết thực, có hiệu quả, và giáo dục các tầng lớp nhân dân về tinh thần đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa ba dân tộc.

- Chống địch tuyên truyền chia rẽ ba nước, chia rẽ mỗi nước với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

2. Về quốc phòng và an ninh

Ba nước Đông Dương là một chiến trường. Ta cần chủ động phối hợp với hai nước anh em xây dựng kế hoạch bảo vệ đất nước và bảo vệ an ninh chung, giúp nhau xây dựng các tuyến phòng thủ, xây dựng hậu phương chiến lược, cùng nhau xây dựng biên giới hữu nghị, phối hợp chặt chẽ giữa ba nước nhằm đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Hết sức giúp bạn tăng cường xây dựng các lực lượng vũ trang (gồm cả bộ đội và công an), đặc biệt là về đào tạo cán bộ, giáo dục chính trị, bảo đảm hậu cần, làm cho các lực lượng quốc phòng và an ninh của hai nước bạn trưởng thành nhanh, dần dần tự đảm đương được nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và giữ vững an ninh.

Đối với quân tình nguyện của ta ở Lào và Campuchia, cần tiếp tục làm quán triệt nhiệm vụ và phương thức hoạt động, chăm lo bảo đảm tốt đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ nhằm nâng cao hiệu suất chiến đấu và công tác.

3. Về kinh tế

Mở rộng và tăng cường sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước nhằm phát huy mạnh mẽ khả năng lao động, tài nguyên và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mỗi nước, giúp nhau giải quyết những nhu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống; đồng thời

chuẩn bị cho những chương trình xây dựng đất nước lâu dài, phù hợp với kế hoạch kinh tế của mỗi nước và dần dần gắn bó với nhau trong chiến lược phát triển kinh tế chung.

Việc hợp tác kinh tế theo phương châm hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, có ưu tiên, ưu đãi cho nhau. Nội dung hợp tác phải tích cực, thiết thực, có chất lượng và hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, làm từng bước vững chắc. Về hình thức, có việc hợp tác hai bên, có việc hợp tác ba bên, từ hợp tác từng việc tiến đến phối hợp kế hoạch và liên kết kinh tế, mở rộng việc hợp tác giữa các ngành trung ương và giữa các địa phương; kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh. Cùng nhau phối hợp chống địch bao vây, phá hoại kinh tế, phá rối thị trường, tiền tệ, chống buôn lậu, v.v..

Đi đôi với hợp tác giữa ba nước với nhau, các nước Đông Dương cần hợp tác chặt chẽ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em; đồng thời có chính sách phù hợp mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế và các nước khác.

4. Về văn hoá

Tăng cường hợp tác và trao đổi về văn hoá, giáo dục và khoa học kỹ thuật giữa ba nước. Trong những năm trước mắt, ra sức giúp bạn phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục nhằm nâng cao từng bước trình độ văn hoá của nhân dân và đáp ứng yêu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật.

Làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, bộ đội và nhân dân ta hiểu sâu về đất nước, xã hội, con người, lịch sử và truyền thống đấu tranh cách mạng của Lào và Campuchia, nhằm làm cho nhân dân ta ngày càng thêm gắn bó với nhân dân hai nước anh em.

Đưa dần việc học tiếng Lào và tiếng Campuchia vào chương trình phổ thông và đại học của ta, đồng thời có kế hoạch giúp dạy tiếng Việt cho học sinh của bạn.

Mở rộng việc trao đổi văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch và giúp đỡ lẫn nhau về y tế.

Chống văn hoá phản động, đồi trụy, ngăn chặn văn hoá phản động và đồi trụy của địch xâm nhập vào mỗi nước.

5. Phối hợp chặt chẽ với Lào và Campuchia và giúp đỡ bạn *trong lĩnh vực hoạt động đối ngoại* của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

III

Tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự chỉ đạo thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, tất cả các ngành, các cấp đều có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả đó.

- *Các ngành, các địa phương có quan hệ với bạn* cần chú trọng nghiên cứu tìm hiểu kỹ tình hình các mặt của bạn gắn với tình hình của ngành và địa phương ta, hết sức đáp ứng mọi yêu cầu chính đáng của bạn, đặc biệt là yêu cầu về chuyên gia và cán bộ. Có chế độ gặp gỡ các cấp lãnh đạo của bạn để cùng nhau vạch ra chương trình hợp tác và kiểm điểm việc thực hiện; đưa việc hợp tác đi dần vào kế hoạch và nền nếp, bảo đảm thực hiện có hiệu quả những điều đã ký kết với bạn.

Cải tiến và bảo đảm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, học sinh bạn ở nước ta; xây dựng quan hệ tốt giữa nhân dân ta với cán bộ, chiến sĩ, học sinh bạn công tác

và học tập trên đất nước ta.

- Các chuyên gia và cán bộ được Đảng và Nhà nước ta cử sang công tác ở nước bạn cần nhận rõ nghĩa vụ quốc tế cao cả và vinh dự của mình, hết sức gắn bó với sự nghiệp cách mạng của bạn, ra sức hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; đặc biệt phải lấy việc giúp cán bộ bạn trưởng thành nhanh, tự đảm đương được nhiệm vụ làm mục tiêu phấn đấu của mình. Hết sức tôn trọng chủ quyền và các quyết định của bạn, lắng nghe ý kiến của bạn, tìm hiểu thực tế và nắm vững đường lối, chính sách của bạn, vận dụng kinh nghiệm của ta để giúp bạn một cách phù hợp, tránh rập khuôn, máy móc. Luôn luôn gương mẫu trong công tác và lối sống, hết sức đoàn kết với cán bộ và nhân dân bạn.

- *Các lực lượng vũ trang và những người lao động Việt Nam được cử sang công tác ở nước bạn* phải quán triệt tinh thần quốc tế vô sản, coi mọi công việc "giúp bạn cũng là tự giúp mình", đem hết sức làm tròn nhiệm vụ được giao, luôn luôn gắn bó với nhân dân và các lực lượng vũ trang của bạn, tôn trọng pháp luật, phong tục, tập quán của nước bạn, giữ vững kỷ luật của Đảng và Nhà nước ta; phải cố gắng tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần, nêu gương tốt về xây dựng tình cảm với nhân dân bạn.

IV

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên đây, cần phải:

1. Kiện toàn và củng cố các cơ quan chuyên trách giúp Lào và Campuchia đã có của Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng, của các bộ, ngành, các tỉnh; ngành nào chưa có thì tiến tới thành lập. Biên chế bộ phận này cần gọn nhẹ; cán bộ

chuyên trách cần có chất lượng và được bố trí tương đối ổn định để phục vụ công tác lâu dài.

2. Đi đôi với nghiên cứu, tìm hiểu tình hình để phục vụ cho việc giúp bạn trước mắt, cần tổ chức tốt việc nghiên cứu các vấn đề về Lào và Campuchia một cách cơ bản.

3. Giáo dục sâu rộng, liên tục cho nhân dân, các lực lượng vũ trang và cán bộ, đảng viên ta về tinh hũu nghị truyền thống và mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân ba nước Đông Dương, về vai trò và nghĩa vụ quốc tế của nước ta với hai nước anh em, làm cho nhân dân ta luôn luôn thể hiện được tinh thần quốc tế vô sản trong sáng trong tình cảm và hành động của mình.

4. Tăng cường chỉ đạo tập trung, thống nhất các lực lượng ta sang công tác ở nước bạn, nhằm phát huy được sức mạnh tổng hợp trong việc giúp đỡ bạn.

5. Cải tiến, bổ sung các chế độ, chính sách đối với quân tình nguyện, các lực lượng lao động, cán bộ và chuyên gia công tác ở hai nước bạn (cả chính sách tại chỗ và chính sách ở hậu phương) với những ưu tiên thích đáng, phù hợp với khả năng của bạn và ta. Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban hợp tác kinh tế, văn hoá với Lào và Campuchia, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động cần phối hợp với Ban Công tác giúp Lào, Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia giúp Campuchia và các cơ quan có trách nhiệm khác nghiên cứu sớm việc này để trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các cơ quan chuyên trách về công tác Lào và Campuchia cùng các ngành các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể cụ thể hoá và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng

LÉ DUẨN

THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ

Số 26-TT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1983

Về việc hưởng ứng "Đại hội thế giới vì hoà bình
và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân"
tại Praha (Tiệp Khắc)

"*Đại hội thế giới vì hoà bình và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân*" sẽ được triệu tập tại Praha, thủ đô nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, từ 21 đến 26-6-1983. Đây là một sự kiện chính trị quốc tế quan trọng, nhằm tập hợp các lực lượng đồng đảo và rộng rãi của phong trào hoà bình kiên quyết ngăn chặn âm mưu gây chiến tranh của đế quốc và các thế lực phản động, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Nước ta là thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và là một thành viên tích cực của phong trào bảo vệ hoà bình thế giới, có nghĩa vụ cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ trên thế giới đóng vai trò luận trong và ngoài nước góp phần vào thành công của Đại hội này.

Với tinh thần trên, từ nay đến Đại hội Praha, các cấp uỷ đảng, các đoàn thể nhân dân và các ngành có liên quan cần làm tốt các việc sau đây:

1. Tiến hành một đợt tuyên truyền giáo dục hưởng ứng "*Đại hội thế giới vì hoà bình và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân*" để nâng cao hiểu biết của nhân dân ta về phong trào nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hoà bình.

Trong dịp này, tổ chức các cuộc nói chuyện và triển lãm ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, về những vấn đề liên quan đến nội dung Đại hội Praha, thường xuyên đưa tin tức và hình ảnh về những hoạt động tiến tới Đại hội trên báo chí, dài, vô tuyến truyền hình.

2. Ban Tuyên huấn Trung ương soạn và cung cấp tài liệu cần thiết cho các cuộc mít tinh, nói chuyện và các hoạt động nói trên.

Ban Đối ngoại Trung ương cùng các đoàn thể, các ngành và Uỷ ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam định kế hoạch cụ thể tổ chức các hoạt động trong nước từ nay đến Đại hội và sau Đại hội, đồng thời chuẩn bị cho đoàn đại biểu nước ta tham gia Đại hội.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN KHÁNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 17-CT/TW, ngày 18 tháng 4 năm 1983

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
trong giai đoạn mới**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi đã mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng nước ta, giai đoạn cả nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp vào đầu năm 1977 đã thống nhất các tổ chức mặt trận ở hai miền thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, góp phần đẩy nhanh quá trình thống nhất nước nhà về mọi mặt.

Trong những năm qua, ở nhiều địa phương, các cấp uỷ đảng đã quan tâm chỉ đạo các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam góp phần tạo nên sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội ta; vận động mọi tổ chức, mọi tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và củng cố chính quyền ở miền Nam; xây dựng Hiến pháp xã hội chủ nghĩa chung của cả nước; tổ chức các cuộc bầu cử Quốc hội và Hội

đồng nhân dân các cấp; góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hàn gắn vết thương chiến tranh, khắc phục thiên tai, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, chống văn hoá nô dịch và bài trừ các tệ nạn xã hội do đế quốc, thực dân và phong kiến để lại; động viên nhân dân và chiến sĩ cả nước đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược...

Song nhìn chung hoạt động của Mặt trận chưa theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Mặt trận chưa chú ý đúng mức việc tuyên truyền giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nhân dân, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng; chưa thực hiện được việc phối hợp, thúc đẩy các phong trào cách mạng của quần chúng. Hoạt động của Mặt trận ở nhiều nơi còn hình thức, chưa thực sự đi vào cuộc sống của nhân dân để động viên nhân dân tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, thực hiện các nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước đề ra.

Nguyên nhân của tình hình trên trước hết là do nhiều cấp uỷ đảng chưa nhận thức đúng vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Không ít cấp uỷ đảng, các đoàn thể và cơ quan chính quyền, cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ làm công tác mặt trận, còn coi nhẹ công tác mặt trận, xem Mặt trận chỉ là tổ chức tượng trưng, hình thức; lãnh đạo công tác mặt trận không chặt chẽ, bố trí cán bộ không thích hợp, do đó đã hạn chế tác dụng của mặt trận các cấp. Mặt khác, mối quan hệ giữa Uỷ ban Mặt trận với các tổ chức thành viên và sự cộng tác giữa Uỷ ban Mặt trận với các cơ quan nhà nước chưa được

chặt chẽ cũng là một nguyên nhân gây trở ngại cho hoạt động của Mặt trận.

*

* *

Hồ Chủ tịch nói: "Công tác mặt trận là công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng".

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã nêu rõ: "Nêu cao truyền thống đoàn kết của toàn dân ta, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các dân tộc, các nhân sĩ, hăng hái tham gia các phong trào cách mạng, xây dựng và củng cố chính quyền, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần của xã hội ta, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc".

Vị trí, chức năng và nhiệm vụ chung của Mặt trận cũng đã được thể chế hóa trong Điều 9 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức chính trị xã hội rộng lớn nhất, vừa có tính liên hiệp rộng rãi, vừa có tính quần chúng sâu sắc. Mặt trận bao gồm các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng, các dân tộc, các tôn giáo và các nhân sĩ yêu nước xã hội chủ nghĩa, đại diện chung cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, là sợi dây nối liền các tầng lớp xã hội rộng rãi với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước được xây dựng trên cơ sở liên minh công

nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, nhiệm vụ lớn nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là thực hiện tốt liên minh công nông, đoàn kết chặt chẽ trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ, những người Hoa đã từ lâu sống trên đất nước Việt Nam gắn bó với nhân dân Việt Nam, những người Việt Nam hiện đang sống ở nước ngoài muốn góp phần xây dựng đất nước nhằm thực hiện mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần giữ gìn hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong thời gian tới, các cấp ủy đảng cần lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt những chức năng chính như sau:

1. Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân về chủ nghĩa xã hội, tăng cường đoàn kết, nhất trí với đường lối của Đảng lãnh đạo, hăng hái tham gia các phong trào cách mạng nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược và bốn mục tiêu mà Đại hội V của Đảng đã đề ra.

2. Phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, giữa Mặt trận với chính quyền từ trung ương đến cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng, góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Phản ánh nguyện vọng, ý kiến của quần chúng đối với

sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước; đề xuất và góp phần với Đảng và Nhà nước xây dựng luật pháp và chính sách có liên quan đến các tầng lớp nhân dân; cùng các đoàn thể thành viên tổ chức thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Các cấp ủy đảng cần tăng cường sự lãnh đạo đối với các Ủy ban Mặt trận để Mặt trận làm tròn chức năng của mình và thực hiện tốt những nhiệm vụ công tác sau đây:

1. Hướng dẫn, phối hợp các tổ chức thành viên trong Mặt trận thực hiện chương trình chính trị, điều lệ và những nhiệm vụ mà các đại hội Mặt trận đã đề ra.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với các tổ chức thành viên trong Mặt trận, với các tổ chức dân cử là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

3. Thực hiện sự phối hợp hoạt động của các tổ chức thành viên trong những công tác chung, các phong trào chung mà toàn thể thành viên hoặc một số thành viên trong Mặt trận phải thực hiện như: tổ chức bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân, kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước mà pháp luật đã quy định; tham gia cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, cung cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước; động viên nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế và xã hội của Nhà nước; đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm, khuyến khích nhân dân làm kinh tế gia đình và các hình thức kinh tế khác có lợi cho quốc kế, dân sinh; đẩy mạnh cuộc vận động nếp sống mới, cuộc vận động toàn dân thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, thực hiện Pháp lệnh bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; động viên nhân dân chống chiến

tranh phá hoại nhiều mặt... xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự và chính sách hậu phương quân đội, v.v..

4. Tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân, tuyên truyền, giải thích và động viên mọi người làm đúng chính sách của Đảng và Nhà nước, chú ý các nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, những người có uy tín lớn trong các tôn giáo, các dân tộc, những người thuộc diện cải tạo xã hội chủ nghĩa, những người đã sống dưới chế độ cũ ở miền Nam, người Việt Nam sống ở nước ngoài, v.v..

5. Tập hợp dư luận quần chúng và phản ánh với Đảng và Nhà nước, kiến nghị những chính sách cần thiết đối với các tầng lớp nhân dân, nhất là những chính sách quan hệ đến đời sống vật chất và tinh thần của mọi người và vận động thực hiện đúng những chính sách đó.

6. Phát biểu ý kiến đối với những vấn đề trong nước và quốc tế, khi Uỷ ban Mặt trận thấy cần thiết; tham gia các hoạt động quốc tế nhân dân theo đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo Uỷ ban Mặt trận hướng công tác vào cơ sở (xã, phường) nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng từ cơ sở và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm, điều kiện từng nơi.

Các cấp bộ đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên các ngành chính quyền, các đoàn thể quần chúng nhận rõ tầm quan trọng của công tác mặt trận trong giai đoạn hiện nay, uốn nắn những quan điểm, tư tưởng không đúng về công tác mặt trận. Sớm kiện toàn bộ máy làm công tác mặt trận; bên cạnh một số người tiêu biểu, cần bổ sung những cán bộ có năng lực, có tín nhiệm chuyên trách công tác mặt trận. Ở cấp quận, huyện, phường, xã cần phân công đồng chí thường vụ đảng uỷ phụ trách dân vận trực tiếp làm chủ tịch hoặc bí

thuđảng đoàn Mặt trận. Cần có những hình thức tổ chức thích hợp để thu hút mọi uỷ viên, mọi người hăng hái tham gia công tác mặt trận. Ở cấp cơ sở cần chú ý vận động số người về hưu còn năng lực và sức khoẻ tham gia. Cấp uỷ cần định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến về công tác mặt trận và chỉ đạo việc thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, sự phối hợp công tác giữa Mặt trận với chính quyền. Cần tạo điều kiện cho cán bộ mặt trận làm tròn nhiệm vụ được phân công, chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức và công tác cho các đồng chí đó. Uỷ ban nhân dân các cấp cần thực hiện đầy đủ những điều mà Hiến pháp và pháp luật quy định đối với hoạt động của Mặt trận.

*
* * *

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ đảng. Các cấp uỷ đảng, các ban, ngành cần nghiên cứu và có kế hoạch thực hiện. Đảng đoàn Mặt trận Trung ương và Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn việc thi hành Chỉ thị này và định kỳ báo cáo tình hình với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 18-CT/TW, ngày 20 tháng 4 năm 1983

**Về việc tăng cường chỉ đạo
công tác lưu trữ tài liệu của Đảng**

Tài liệu lưu trữ của Đảng ta phản ánh mọi mặt hoạt động của Đảng và của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, giữ một vị trí đặc biệt trong toàn bộ tài liệu lưu trữ quốc gia. Vì vậy, cần tập trung thống nhất việc quản lý và khai thác tài liệu lưu trữ của Đảng để phục vụ công tác lãnh đạo của Trung ương, của các ngành, các cấp, phục vụ việc tổng kết kinh nghiệm, xây dựng lịch sử Đảng.

Trong những năm gần đây, nhiều cơ quan của Đảng ở các ngành, các cấp đã tổ chức tương đối tốt công tác lưu trữ, bảo quản tài liệu và phục vụ có kết quả nhiều yêu cầu nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, do hoàn cảnh chiến tranh kéo dài, đất nước còn nhiều khó khăn, công tác lưu trữ tài liệu của Đảng theo phương pháp khoa học chưa làm được mấy. Tài liệu, văn kiện của Đảng còn để phân tán; cơ sở vật chất và kỹ thuật cho công tác lưu trữ còn nghèo nàn; tổ chức làm công tác lưu trữ ở các cấp chưa được xác định rõ, cán bộ

ghiệp vụ còn thiếu và yếu.

Vừa qua, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh "Bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia" nhằm bảo vệ, quản lý và tổ chức sử dụng tốt tài liệu lưu trữ của Đảng và Nhà nước. Để tăng cường công tác lưu trữ tài liệu của Đảng, Ban Bí thư quy định:

1. Giao cho Văn phòng Trung ương và Viện Mác - Lê nin nhiệm vụ tổ chức và quản lý các kho lưu trữ tài liệu của Trung ương Đảng sau đây:

- Văn phòng Trung ương quản lý kho lưu trữ tài liệu hiện hành và tài liệu mật của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; thu thập, bảo quản và phục vụ khai thác các tài liệu hiện hành và mật của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban của Trung ương Đảng (bao gồm cả các trường đảng, các cơ quan báo chí trực thuộc trung ương).

- Viện Mác - Lê nin quản lý kho lưu trữ tài liệu lịch sử của Trung ương Đảng; thu thập, bảo quản và hệ thống hóa một cách khoa học các hồ sơ tài liệu có giá trị lịch sử của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban Trung ương Đảng và tài liệu của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đã qua đời; phục vụ khai thác tài liệu vào các mục đích nghiên cứu khoa học, tổng kết kinh nghiệm, xây dựng lịch sử Đảng.

2. Các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng phải giao nộp vào các kho lưu trữ của Đảng ở các cấp toàn bộ tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan đảng các cấp và của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, để bảo quản tập trung thống nhất; không một tổ chức hoặc cá nhân nào được giữ làm tài sản riêng.

3. Thời hạn giao nộp tài liệu của Trung ương Đảng vào các kho lưu trữ tài liệu lịch sử và hiện hành như sau:

- Trừ những tài liệu mật do Ban Bí thư quy định Văn phòng Trung ương phải lưu trữ lâu dài, từ nay đến hết năm 1985, Văn phòng Trung ương chuyển sang Viện Mác - Lênin lưu trữ những tài liệu của Trung ương Đảng từ trước khi thành lập Đảng đến hết khoá III Ban Chấp hành Trung ương. Những tài liệu từ năm 1977 trở đi, Văn phòng Trung ương sẽ lưu giữ 15 năm (khoảng ba khoá Ban Chấp hành Trung ương); hết thời hạn trên sẽ giao sang Viện Mác - Lênin.

- Các ban của Trung ương Đảng giao cho Viện Mác - Lênin những tài liệu từ khi thành lập cơ quan cho đến tháng 12-1976. Những tài liệu từ đầu năm 1977 về sau, cứ sau 5 năm, các ban giao nộp cho kho lưu trữ hiện hành của Trung ương do Văn phòng Trung ương quản lý.

4. Mỗi tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trực thuộc Trung ương thành lập một kho lưu trữ trực thuộc văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, để quản lý toàn bộ tài liệu của cấp uỷ và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở tỉnh, thành, đặc khu.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành lập một kho lưu trữ trực thuộc Trung ương Đoàn để quản lý tài liệu của Đoàn ở Trung ương.

5. Văn phòng Trung ương, Viện Mác - Lênin và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương xúc tiến ngay việc củng cố các kho lưu trữ tài liệu hiện có và nghiên cứu phương án xây dựng các kho lưu trữ tài liệu lịch sử và hiện hành của Trung ương Đảng theo đúng quy cách, có trang bị kỹ thuật hiện đại cần thiết, để bảo quản tốt và lâu dài các tài liệu của Đảng.

6. Văn phòng Trung ương và Viện Mác - Lênin có trách nhiệm nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc về công tác văn thư và lưu trữ của Đảng ta, trên cơ sở kinh nghiệm trong nước và ngoài nước; giúp Ban Bí thư ban hành các chế độ về văn thư và lưu trữ; chỉ đạo nghiệp vụ văn thư, lưu trữ của các cơ quan đảng các cấp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn thư, lưu trữ của Đảng.

7. Văn phòng Trung ương, Viện Mác - Lênin cùng Ban Tổ chức Trung ương quy định cụ thể biên chế tổ chức của các kho lưu trữ và các tổ chức lưu trữ ở cơ quan đảng các cấp.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 19-QĐ/TW, ngày 2 tháng 5 năm 1983

**Một số điểm về trách nhiệm và phân công
trong việc báo cáo tình hình cho Bộ Chính trị,
Ban Bí thư**

Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin phục vụ công tác lãnh đạo của Trung ương, bảo đảm cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư nắm tình hình đầy đủ, chính xác, kịp thời, đồng thời giảm bớt được giấy tờ và tránh trùng lặp, Ban Bí thư quy định một số điểm về trách nhiệm và phân công các cơ quan trong việc báo cáo tình hình cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư như sau:

1. Tất cả các ban của Đảng, các cấp uỷ đảng trực thuộc Trung ương, các đoàn thể cấp trung ương, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Tổng cục Thống kê, các Bộ Nội vụ, Quốc phòng và Ngoại giao có trách nhiệm báo cáo định kỳ đều đặn hàng tuần, hàng tháng, ba tháng... cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Những ban, viện không hàng ngày chỉ đạo công tác của các ngành, cáccấp

thì không cần gửi báo cáo hàng tuần.

Báo cáo hàng tuần chưa yêu cầu tổng hợp tình hình chung, mà chủ yếu là báo cáo nhanh những công việc chính mà cấp uỷ hoặc ban, đoàn thể đã làm, dự kiến công việc tuần sau. Báo cáo tuần dài không quá 3 trang đánh máy, gửi đến Ban Bí thư vào ngày thứ ba.

Báo cáo hàng tháng nêu rõ những điểm đáng chú ý nhất trong sự hoạt động của cấp uỷ, ban, đoàn thể; nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm của các cấp, các ngành trong việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng; có những kiến nghị cần thiết. Báo cáo tháng dài không quá 5 trang, gửi đến Ban Bí thư trước ngày cuối tháng.

Báo cáo hàng quý, hàng năm tổng hợp tình hình chung trong phạm vi cấp uỷ và ban, đoàn thể phụ trách, có phân tích, nhận xét về kết quả và kinh nghiệm thực hiện các nghị quyết, chỉ thị quan trọng. Báo cáo quý, năm dài không quá 10 trang, gửi đến Ban Bí thư trước ngày cuối quý, cuối năm.

Ngoài báo cáo định kỳ, các cấp uỷ và cơ quan có trách nhiệm cần gửi cho Bộ Chính trị và Ban Bí thư những báo cáo chuyên đề về các chủ trương công tác lớn.

2. Về các hoạt động quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao trực tiếp gửi cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư các loại báo cáo hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng..., và các báo cáo về tình hình đột xuất, theo quy định riêng. Trong các báo cáo của Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng gửi Bộ Chính trị và Ban Bí thư, khi nói về các mặt công tác này chủ yếu nêu rõ sự lãnh đạo, sự hoạt động của các cấp uỷ đảng, các cơ quan chính quyền và đoàn thể, không nói lại những tình hình chung về an ninh, quốc

phòng, đối ngoại mà các bộ nói trên đã báo cáo.

3. Về tình hình *kinh tế xã hội*, nay phân công trách nhiệm báo cáo như sau:

- Tổng cục Thống kê gửi các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng báo cáo hằng tuần, hằng tháng về tiến độ và kết quả cụ thể thực hiện kế hoạch nhà nước (chủ yếu bằng số liệu, tài liệu cụ thể). Các báo cáo này phải được chuẩn bị theo yêu cầu của lãnh đạo, không phải là những báo cáo và số liệu thống kê gửi chung cho các cấp, các ngành.

- Hàng tuần, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng gửi các đồng chí trong Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Ban Bí thư báo cáo về hoạt động của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các bộ, uỷ ban, tổng cục, những chủ trương giải quyết các vấn đề mà các cấp, các ngành đặt ra.

- Văn phòng Trung ương Đảng dựa vào tài liệu của các cấp uỷ đảng và các ban, đoàn thể để báo cáo với Bộ Chính trị và Ban Bí thư những sự việc quan trọng nổi bật trong tuần, trong tháng, chủ yếu là tình hình hoạt động của các cấp uỷ đảng, các ban và các đoàn thể, những nhận xét, kiến nghị của các cấp uỷ và các ban về việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng.

Báo cáo hằng tuần, hằng tháng của Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng không cần nêu ra nhiều số liệu về kinh tế, văn hoá và các sự việc cụ thể về an ninh, trật tự đã có trong các báo cáo của Bộ Nội vụ và Tổng cục Thống kê.

4. Văn phòng Trung ương thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư:

- Báo cáo hằng tuần gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư vào chiều thứ bảy.

- Báo cáo hằng tháng gửi các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương vào ngày 5 tháng sau.

- Dự thảo báo cáo ba tháng, sáu tháng, hằng năm của Ban Bí thư gửi các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương và các cấp uỷ đảng, các ban, đảng đoàn trực thuộc Trung ương.

5. Các ban của Trung ương Đảng, các cấp uỷ đảng trực thuộc Trung ương cần tổ chức tốt công tác thông tin, tăng cường bộ phận tổng hợp của ban và cấp uỷ để nắm chắc tình hình trong phạm vi phụ trách của mình và phản ánh cho Ban Bí thư một cách kịp thời có nhận xét rõ ràng về công việc đã làm và đề xuất ý kiến giải quyết.

Để các ban nắm được chắc tình hình, các bộ và các đoàn thể cần gửi cho ban theo dõi từng khối báo cáo định kỳ của bộ gửi Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và báo cáo của đoàn thể gửi Ban Bí thư; Văn phòng Trung ương phối hợp với Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng định kỳ tổ chức thông báo tình hình chung cho các ban của Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tổ chức sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan để làm tốt công tác thông tin cho Trung ương theo tinh thần Quy định này.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 19-CT/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1983

**Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất,
đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với
nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ**

Đại hội lần thứ V của Đảng và Hội nghị lần thứ ba của Trung ương đã nhận định: công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ làm chậm.

Việc xoá bỏ bóc lột về ruộng đất và điều chỉnh ruộng đất tiến hành không triệt để, đến nay, còn nhiều nơi chưa làm xong; tình hình bóc lột ở một số vùng nông thôn hiện nay vẫn nghiêm trọng; có những cán bộ, đảng viên còn trực tiếp tham gia bóc lột.

Mỗi cấp uỷ, mỗi chi bộ đảng cần tìm ra và kiên quyết khắc phục khuyết điểm để đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp, bảo đảm hoàn thành cơ bản cải tạo nông nghiệp vào năm 1985, theo Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng.

Nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ là nền sản xuất hàng hoá, gắn với công nghiệp và thị trường, trước đây do giai cấp tư sản mại bản lũng đoạn, thống trị, bóc lột nông dân lao động, và ngày nay vẫn còn bị những phần tử tư sản thương

nghiệp ở thành thị chi phối, nấm hàng. Vì vậy, cải tạo nông nghiệp phải *gắn chặt với cải tạo công thương nghiệp, cải tạo thị trường nông thôn, kết hợp chặt chẽ phát triển nông nghiệp với công nghiệp.*

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. *Đối tượng chủ yếu là tư sản ở nông thôn và phú nông. Chỗ dựa vững chắc là khối đoàn kết của nông dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng.* Đối với trung nông nói chung, phải có chính sách đúng đắn và giáo dục động viên họ đi vào làm ăn tập thể. Hình thức hợp tác hoá thích hợp để thu hút trung nông là hợp tác xã quy mô nhỏ, bậc thấp - nghĩa là còn trả hoa lợi ruộng đất (tập đoàn sản xuất). Chính sách trả hoa lợi ruộng đất vì vậy là cần thiết để bảo đảm nguyên tắc *tự nguyện* của nông dân. Trong trường hợp họ thật sự tự nguyện không nhận hoa lợi nữa thì cũng không máy móc.

Phong trào tập thể hoá nông nghiệp có chuyển biến tốt từ sau Đại hội lần thứ V của Đảng; các cấp, các ngành cần tập trung sức chuẩn bị tốt và thực hiện tốt nhiệm vụ đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ.

1. Hoàn thành dứt điểm điều chỉnh ruộng đất

Tất cả các tỉnh ở Nam Bộ phải hoàn thành điều chỉnh ruộng đất trong năm 1983.

- Khẩn trương điều tra những hộ *tư sản, phú nông và địa chủ* còn bóc lột về ruộng đất, giải thích chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động họ hiến, nếu họ không nghiêm chỉnh

chấp hành thì trưng thu số đất đó, để lại cho họ một phần diện tích thích ứng với khả năng lao động và thâm canh, bảo đảm đời sống. Thuyết phục những hộ *trung nông lớp trên* nhường bớt số ruộng đất vượt quá mức lao động của gia đình; việc điều chỉnh ruộng đất phải được bàn bạc dân chủ trong nội bộ nông dân lao động và phải theo tinh thần "nhường cơm, sẻ áo", ổn định và đẩy mạnh sản xuất, khuyến khích thâm canh.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ đảng, của cốt cán quần chúng và vai trò của chính quyền của Hội Nông dân tập thể ở cơ sở, *đoàn kết đồng bào nông dân lao động để tiến hành điều chỉnh ruộng đất*; mỗi xã phải có kế hoạch cụ thể, lên phương án điều chỉnh ruộng đất theo sự hướng dẫn của huyện, tỉnh, làm tích cực, triệt để, nhưng *tránh gò ép, mệnh lệnh, cao bằng*, gây mất đoàn kết nông thôn. Điều chỉnh ruộng đất trên phạm vi từng xã và tổ chức ngay nông dân vào các tổ đoàn kết sản xuất.

- Kiểm tra số ruộng đất do các cơ quan hoặc cán bộ đang sử dụng, quy định rõ phần ruộng đất được sử dụng ở những nơi có nhiều ruộng đất để sản xuất tự túc cho cơ quan, đơn vị hoặc dành đất cho kinh tế phụ của gia đình cán bộ, công nhân bằng cách tận dụng sức lao động của tập thể cơ quan hoặc lao động gia đình, nghiêm cấm bóc lột. Phần ruộng đất thừa ra phải giao lại cho chính quyền xã để chia cấp thêm cho nông dân nghèo.

- Số ruộng đất rút ra trong phạm vi từng xã, đem chia cấp cho những hộ nông dân chưa có hoặc thiếu ruộng đất tính theo bình quân nhân khẩu của xã. Có thể điều chỉnh ruộng đất chia cấp giữa các xã gần nhau. Kết hợp điều chỉnh

ruộng đất với *phân bố lại lao động*, xây dựng vùng kinh tế mới. Những nơi có nhiều ruộng đất, sau khi chia cấp vẫn còn thừa thì tạm giao cho một số hộ sử dụng trong khi chờ chính quyền nơi khác đến nhận ruộng đất.

- Cân áp dụng chính sách Nhà nước giúp đỡ vốn và phát huy tinh thần tương trợ trong nội bộ nông dân đối với những hộ nông dân nghèo mới được chia cấp ruộng đất để có điều kiện sử dụng ruộng đất có hiệu quả, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, thoát khỏi cảnh bị bóc lột bằng vay với lãi cắt cổ, bán lúa non, v.v..

- Trước mắt, kiểm tra ngay những cán bộ, đảng viên và gia đình họ, trước hết là cán bộ lãnh đạo của Đảng và chính quyền, đoàn thể ở các cấp, đến nay vẫn còn chiếm hữu ruộng đất để bóc lột, tiến hành giáo dục và xử lý theo đúng chính sách của Nhà nước và kỷ luật của Đảng, đưa ra khỏi Đảng những trường hợp ngoan cố dùng thủ đoạn che giấu sự bóc lột, không thi hành chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cần kiểm tra xác nhận những xã, áp đã hoàn thành điều chỉnh ruộng đất và tìm ra nguyên nhân những nơi chưa làm để khẩn trương làm xong việc điều chỉnh ruộng đất. Ở những nơi đã điều chỉnh ruộng đất, song còn chênh lệch ít nhiều về ruộng đất trong nội bộ nông dân thì kết hợp với xây dựng tập đoàn và thực hiện khoán sản phẩm để giải quyết tiếp.

2. Hoàn thành việc xây dựng tổ đoàn kết sản xuất gắn liền với việc đẩy mạnh xây dựng các hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán

- Trên cơ sở điều chỉnh ruộng đất và thiết lập quan hệ kinh tế trực tiếp giữa Nhà nước với nông dân, tập hợp rộng

rãi các hộ nông dân vào các tổ đoàn kết sản xuất theo từng ấp, dưới sự hướng dẫn của ban sản xuất ấp và hội liên hiệp nông dân.

Hình thức tổ đoàn kết sản xuất cần được áp dụng rộng rãi đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của các hộ nông dân như tổ đoàn kết trồng lúa, tổ đoàn kết trồng rừng, tổ đoàn kết trồng tràm, tổ đoàn kết nuôi heo, v.v..

- Thông qua hoạt động của tổ đoàn kết sản xuất mà giáo dục cho nông dân về giác ngộ xã hội chủ nghĩa, phân biệt rõ lao động và bóc lột, kết hợp lợi ích riêng và lợi ích chung, nâng cao cảnh giác, chống địch phá hoại kinh tế và gây rối trị an.

- Lựa chọn cán bộ do quần chúng cử ra để đào tạo, bồi dưỡng về cách quản lý tổ đoàn kết sản xuất và chuẩn bị đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý tập đoàn sản xuất.

Làm tốt các việc trên đây một cách linh hoạt là thiết thực chuẩn bị các tiền đề cho việc xây dựng tập đoàn sản xuất. Điều mấu chốt là tập hợp được nông dân vào tổ chức, thiết lập được quan hệ kinh tế trực tiếp với Nhà nước. Mỗi xã, áp cần có kế hoạch phát triển rộng khắp tổ đoàn kết sản xuất và chủ động chuẩn bị các điều kiện để chuyển lên tập đoàn sản xuất.

Trong việc tổ chức thực hiện cụ thể phải rất linh hoạt, nếu quần chúng yêu cầu và có cán bộ, thì có thể xây dựng tập đoàn sản xuất, không máy móc phải qua tổ đoàn kết sản xuất.

- Đi liền với phát triển mạnh mẽ, rộng rãi tổ đoàn kết sản xuất, phải đẩy mạnh xây dựng hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán, giúp đỡ nông dân nghèo vốn sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phục vụ đời sống; cùng với tổ đoàn kết

sản xuất đấu tranh chống bóc lột cho vay nặng lãi, loại trừ tư bản thương nghiệp ra khỏi thị trường nông thôn, tập trung nguồn nông sản hàng hoá cho Nhà nước.

3. Củng cố một bước các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã hiện có, kết hợp với việc xây dựng tập đoàn sản xuất mới ở những nơi có điều kiện

- Tiến hành kiểm tra *chế độ tập thể hoá về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác* trong các tập đoàn nhằm nâng cao một bước về sở hữu tập thể, nhất là đối với những tập đoàn sản xuất chưa tiến hành điều chỉnh ruộng đất hoặc thực hiện cơ chế khoán sản phẩm đến người lao động chưa đúng nguyên tắc của Chỉ thị 100 của Ban Bí thư.

- Hướng dẫn các tập đoàn sản xuất hoàn thiện *phương hướng sản xuất* mở rộng kinh doanh, *phát triển ngành nghề*, xây dựng *cơ sở vật chất - kỹ thuật*, trước hết là xây dựng đồng ruộng, làm thuỷ lợi nhỏ, áp dụng *tiến bộ kỹ thuật*, đẩy mạnh thâm canh, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến người lao động, tăng năng suất lao động, tăng ngày công lao động.

- Khuyến khích phát triển các hình thức *liên doanh*, liên kết kinh tế giữa các tập đoàn sản xuất với nhau, trên các lĩnh vực (sản xuất, chế biến, lưu thông, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật), nhất là các tập đoàn trong một số ấp để mở rộng sản xuất và tạo tiền đề cho việc đi lên hợp tác xã sau này.

- Những nơi đã chuẩn bị đủ điều kiện thì mở rộng việc xây dựng *tập đoàn sản xuất*, thực hiện tốt các chính sách tập thể hoá gắn liền ngay từ đầu với cơ chế *khoán sản phẩm* để giúp đỡ nông dân nghèo và thu hút trung nông vào làm ăn tập thể.

- Song song với việc củng cố các tập đoàn sản xuất, phải

củng cố các *tập đoàn và tổ hợp máy kéo*. Làm tốt chế độ khoán, liên doanh giữa tập đoàn, tổ đoàn kết sản xuất và tổ hợp máy trong việc mua sắm thêm máy kéo, phục vụ tốt hợp đồng làm đất...

- Về các chính sách tập thể hoá, Ban Nông nghiệp Trung ương sẽ hướng dẫn cụ thể theo nội dung các chỉ thị của Ban Bí thư.

4. Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế tập thể, nhất là ở cơ sở và huyện

Cán bộ là yếu tố quyết định, vì vậy phải khẩn trương xúc tiến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với yêu cầu là cán bộ phải được chuẩn bị trước một bước. Năm nay vừa đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho năm 1983, đồng thời tích cực chuẩn bị cho các năm 1984, 1985.

Trước hết lựa chọn cán bộ từ những người nông dân lao động chí cốt và tiên tiến trong phong trào quần chúng, có quyết tâm đi vào làm ăn tập thể, có phẩm chất trung thực, liêm khiết, biết quản lý kinh tế, được quần chúng tín nhiệm.

- Cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày cho đội ngũ cán bộ tổ đoàn kết và tập đoàn sản xuất, đồng thời kết hợp đào tạo, bồi dưỡng, từng bước chuẩn bị đội ngũ cán bộ làm hợp tác xã. Huy động hệ thống các trường đảng, trường đoàn thể, các trường đào tạo cán bộ nghiệp vụ kinh tế của các ngành cùng với hệ thống trường hợp tác hoá, làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác hoá, để nhanh chóng sớm có đội ngũ cán bộ đồng bộ gồm cán bộ chỉ đạo, cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ, đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của phong trào hợp tác hoá.

- Cần sử dụng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng dài

ngày, ngắn ngày, tập huấn và trực tiếp học tập kinh nghiệm của các điển hình, trong đó rất coi trọng hình thức ngắn ngày, tập huấn và nghiên cứu, giới thiệu học tập điển hình với nội dung thiết thực, cụ thể. Các tỉnh cần giúp cho các huyện có đội ngũ cán bộ giáo viên và trường sở cần thiết để mở được các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày tại địa phương.

- Ban Tổ chức Trung ương phải có kế hoạch điều động cán bộ cho các huyện có yêu cầu bức thiết. Trong một huyện, khi phong trào mở rộng có thể điều động cán bộ, đảng viên ở những xã, áp đã xây dựng tập đoàn và tập đoàn làm ăn khá sang giúp những xã, áp đang tổ chức tập đoàn. Phải coi trọng việc đào tạo cán bộ tại chỗ và có chính sách cán bộ theo hướng khuyến khích cán bộ về huyện, về cơ sở, đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn.

5. Tích cực xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Cần có kế hoạch toàn diện triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng huyện, trong đó tập trung sức xây dựng cho được trên địa bàn huyện một hệ thống *tổ chức kinh tế - kỹ thuật và phân phối - lưu thông* theo cơ cấu kinh tế của huyện để hỗ trợ cho phong trào hợp tác hoá, phát triển sản xuất, xây dựng quan hệ kinh tế trực tiếp với nông dân, đấu tranh có hiệu quả với tư thương.

Phải kiện toàn Uỷ ban nhân dân huyện, coi trọng việc tăng cường cán bộ, đảm bảo cho mỗi huyện có được một đội ngũ cán bộ đồng bộ đủ sức quản lý kinh tế, quản lý hành chính và làm tốt công tác cải tạo nông nghiệp. Mở ngay các lớp tập huấn ngắn ngày về cải tạo nông nghiệp cho cán bộ

huyện, nhất là các huyện uỷ viên. Những cán bộ người địa phương khi tập huấn cần được phân công về xã nơi gia đình ở để tham gia công tác cải tạo với địa phương và giáo dục, động viên gia đình gương mẫu tham gia phong trào tập thể hoá nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

6. Huy động các ban, ngành và các đoàn thể quần chúng phục vụ công tác cải tạo nông nghiệp

Các ban, ngành và các đoàn thể quần chúng cần cù vào chức năng, nhiệm vụ của mình mà có kế hoạch phục vụ công tác cải tạo nông nghiệp. Các ban, ngành ở tỉnh, huyện phải tập hợp xung quanh cấp uỷ đảng để thực hiện đồng bộ công tác cải tạo.

7. Về các chính sách của Nhà nước đối với cải tạo nông nghiệp

Nói chung phải thực hiện đầy đủ các chính sách đã ban hành như: chính sách thuế, chính sách thu mua, giá cả, chính sách khuyến khích sản xuất. Trước mắt cần nghiên cứu ngay để Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng quyết định sớm một số chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, khuyến khích kinh tế tập thể.

8. Xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở gắn với phong trào hợp tác hoá

Các cấp uỷ cần có kế hoạch cụ thể củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, tăng cường sinh hoạt chính trị, tư tưởng ở cơ sở, nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật trong việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, kiểm tra chặt chẽ việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính

sách. Phải qua phong trào hợp tác hoá mà phát triển đảng, xem xét lại hàng ngũ đảng viên, cán bộ các cấp.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với công tác cải tạo nông nghiệp

- Công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ phải được xác định là nhiệm vụ *trọng tâm thường xuyên* của các cấp uỷ địa phương và đặt dưới sự lãnh đạo thường xuyên của Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Ban Nông nghiệp và Bộ Nông nghiệp có trách nhiệm giúp Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ công tác cải tạo nông nghiệp. Ở các cấp tỉnh, huyện, xã là thường vụ cấp uỷ và Uỷ ban nhân dân các cấp.

- Phải đưa công tác cải tạo nông nghiệp vào *quy hoạch, kế hoạch* của các ngành, các cấp, nhất là cấp huyện, đảm bảo những cần đổi cần thiết (tài chính, cán bộ, huấn luyện...) cho công tác này.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức giúp các cấp ủy và chính quyền các cấp từ tỉnh, huyện, xã làm công tác cải tạo nông nghiệp. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ quyết định việc thực hiện hệ thống tổ chức này, nhất là ở huyện.

- Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp phối hợp với Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng tổ chức sinh hoạt khu vực cùng với các ngành liên quan để phối hợp kế hoạch triển khai công tác cải tạo nông nghiệp theo chức năng nhiệm vụ của mỗi ngành.

- Phải xúc tiến việc điều tra nghiên cứu đặc điểm kinh tế - xã hội cụ thể ở mỗi địa phương để xác định các hình thức cải tạo cụ thể sát đúng; sơ kết rút kinh nghiệm, phát hiện và

phổ biến kịp thời nhân tố mới, những sáng tạo mới đã được kiểm tra, kết luận đúng đắn. Coi trọng công tác *kiểm tra*, uốn nắn kịp thời những thiếu sót lêch lạc, *đấu tranh phòng ngừa cả hai khuynh hướng: làm lướt hoặc do dự*.

- Ban Nông nghiệp Trung ương cùng Bộ Nông nghiệp nghiên cứu chính sách và cụ thể hoá *các hình thức cải tạo vườn cây ăn trái, cây công nghiệp tập trung, rừng trồng, nuôi cá* trên mặt nước lớn; sau khi được Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thông qua sẽ làm thủ. Trong quá trình nghiên cứu, cần hết sức thận trọng, tránh để xảy ra tình trạng chặt cây, phá vườn.

Năm 1983 làm tốt những việc trên đây là thiết thực đẩy mạnh công cuộc cải tạo nông nghiệp tiến lên một bước mới tích cực, vững chắc, chuẩn bị điều kiện cho bước phát triển mới, tiến tới cao trào hợp tác hoá nông nghiệp trong những năm sau.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 20-QĐ/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1983

**Về tổ chức việc bảo vệ sức khoẻ cán bộ cao cấp
và trung cấp của Đảng và Nhà nước**

- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và đồng chí Bộ trưởng Bộ Y tế;

- Sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Tổ chức việc bảo vệ sức khoẻ cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước thuộc diện A11 quản lý hiện nay, những đồng chí lão thành có công với cách mạng và cán bộ lãnh đạo các nước anh em như sau:

- Giao trách nhiệm cho đồng chí Viện trưởng Viện Quân y 108 tổ chức việc quản lý sức khoẻ, bảo vệ sức khoẻ, tổ chức khám bệnh cho các đồng chí cán bộ thuộc diện nói trên.

- Hợp nhất Tổ Y tế I vào Khoa A11 của Viện Quân y 108 và giao cho đồng chí Viện trưởng Viện Quân y 108 trực tiếp chỉ đạo về mặt chuyên môn, xây dựng các chế độ công tác, chế độ học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các bác sĩ. Các bác sĩ sau khi thăm sức khoẻ của các đồng chí cán bộ lãnh đạo và giao trách nhiệm cho các y tá làm thuốc, thì dành phần lớn thời gian còn lại xuống làm việc tại bệnh viện, để qua công tác khám và chữa bệnh ở bệnh viện mà nâng cao trình độ chuyên môn.

- Đồng chí Bộ trưởng Bộ Y tế, với sự xem xét của Ban Tổ

chức Trung ương, lập danh sách các giáo sư, bác sĩ giỏi thuộc các chuyên khoa, có phẩm chất tốt, để đồng chí Viện trưởng Viện Quân y 108 huy động vào việc chẩn đoán, điều trị cho các đồng chí cán bộ cao cấp thuộc diện A11 quản lý. Các tổ chuyên khoa cử ra tổ trưởng, tổ phó. Khi chữa bệnh, thuộc chuyên khoa nào, thì đồng chí tổ trưởng, tổ phó của chuyên khoa đó cần tham khảo ý kiến các khoa có liên quan, còn quyết định việc chữa bệnh, cho thuốc thì do chuyên khoa đó quyết định và chịu trách nhiệm.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm cùng nhau phối hợp bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động của A11. Cố gắng trang bị đầy đủ các phương tiện, máy móc cho A11. Những trang bị máy móc này sẽ được sử dụng chung cho Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô, Bệnh viện E và các bệnh viện khác, không phải chỉ dành riêng cho A11.

Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Y tế, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và đồng chí Viện trưởng Viện Quân y 108 có trách nhiệm tổ chức lại khu điều dưỡng Hồ Tây cho các đồng chí cán bộ cao cấp thuộc diện A11 quản lý và các đồng chí lãnh đạo các nước anh em. Khu điều dưỡng Hồ Tây do Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quản lý.

2. Giao trách nhiệm cho Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô quản lý sức khoẻ, khám và chữa bệnh, tổ chức điều dưỡng cho các đồng chí cán bộ cao cấp, trung cấp bao gồm cả cán bộ đương chức và cán bộ về hưu.

- Việc quản lý sức khoẻ, bảo vệ sức khoẻ, khám và chữa bệnh cho các đồng chí cán bộ cao cấp, trung cấp của Đảng và Nhà nước công tác và nghỉ hưu ở Thành phố Hồ Chí Minh và

các tỉnh ở phía nam (bao gồm các tỉnh thuộc B2 và một số tỉnh Khu V cũ do Bộ Y tế và Ban Tổ chức Trung ương định), do Bệnh viện Thống Nhất chịu trách nhiệm. Tại Bệnh viện Thống Nhất cần tổ chức phòng khám riêng cho cán bộ cao cấp, trung cấp. Cần tăng cường phương tiện, máy móc cho Bệnh viện Thống nhất.

- Bộ Y tế cần có kế hoạch xây dựng Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô theo hướng giao cho Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô làm chức năng của bệnh viện Đảng và Chính phủ. Đồng chí Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô cần nghiên cứu kiện toàn các phòng khám. Các phòng bảo vệ sức khoẻ 2, 3, 5 đặt trực thuộc bệnh viện; nghiên cứu lập thêm một số phòng bảo vệ sức khoẻ để dần dần thực hiện quản lý sức khoẻ theo khu vực nơi cán bộ cư trú. Cần tăng cường quản lý sức khoẻ cán bộ cao cấp, trung cấp; thống nhất việc quản lý dự phòng và điều trị, nâng cao chất lượng dự phòng, chẩn đoán và phát hiện bệnh kịp thời; tổ chức tốt việc cấp cứu, kể cả cấp cứu tại nhà; chăm sóc tốt sức khoẻ của cán bộ về hưu.

- Đồng chí Bộ trưởng Bộ Y tế, đồng chí Cục trưởng Cục Quân y, với sự xem xét của Ban Tổ chức Trung ương, lập một danh sách các giáo sư, bác sĩ chuyên khoa giỏi, có phẩm chất tốt để đồng chí Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô và đồng chí Giám đốc Bệnh viện Thống nhất huy động vào việc chẩn đoán, điều trị cho cán bộ cao cấp và trung cấp. Khi cần thiết thì mời các chuyên khoa của A11 để cùng chẩn đoán, điều trị cho cán bộ. Tổ chức và cách làm việc của các tổ chuyên khoa cũng như đã nói ở phần trên.

- Đồng chí Bộ trưởng Bộ Y tế cần kiện toàn Cục Bảo vệ

sức khoẻ để giúp Bộ và Ban Tổ chức Trung ương theo dõi và hướng dẫn công tác bảo vệ sức khoẻ cán bộ thuộc diện quản lý của Bệnh viện Việt - Xô, Bệnh viện Thống nhất và của đội ngũ cán bộ nói chung.

Cần cố gắng cải tiến chế độ ăn uống đối với bệnh nhân trong bệnh viện. Bộ Nội thương cố gắng bảo đảm hiện vật để giúp cho các bệnh viện nâng cao chất lượng bữa ăn. Thực hiện chữa bệnh theo bệnh lý, cố gắng bảo đảm thuốc men theo yêu cầu chữa bệnh (trừ một số thuốc hiếm và quá thiểu).

- Bộ Y tế cùng với các cơ quan có liên quan tổ chức việc điều dưỡng và nghiên cứu phương án xây dựng cơ sở điều dưỡng cho cán bộ (ngoài diện A11 quản lý) trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quyết định. Tổng Công đoàn cần dành một số phòng ở các cơ sở nghỉ mát, điều dưỡng để sử dụng vào việc điều dưỡng cho cán bộ đương chức và về hưu, sức yếu.

3. Giải thể Hội đồng bác sĩ Trung ương và Hội đồng bác sĩ miền Nam đã được Ban Bí thư Trung ương chỉ định theo Quyết định số 1373-NQ-NS/TW ngày 9-1-1981.

4. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Nội thương, Tổng Công đoàn, đồng chí Viện trưởng Viện Quân y 108, đồng chí Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô, đồng chí Giám đốc Bệnh viện Thống nhất có trách nhiệm nghiên cứu và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Bộ Y tế có nhiệm vụ cùng Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu đề ra những chủ trương thích hợp để tăng cường việc quản lý sức khoẻ của đội ngũ cán bộ nói chung, chú

trọng những đối tượng thuộc diện đã được quy hoạch.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Số 17-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 1983
Ý kiến Ban Bí thư về đại hội và về chấn chỉnh tổ chức các hội văn học, nghệ thuật

Ngày 18-4-1983, Ban Bí thư đã nghe Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương và đại diện các đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật báo cáo về tình hình hoạt động văn học, nghệ thuật trong những năm qua, kiến nghị về phương hướng tư tưởng chỉ đạo các đại hội toàn quốc các hội và phương hướng chấn chỉnh tổ chức các hội văn học, nghệ thuật trong thời gian tới. Ban Bí thư đã có một số ý kiến sau đây:

**I- PHƯƠNG HƯỚNG TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI
CÁC HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT**

Các đại hội lần này cần được chuẩn bị tốt, nhằm tạo ra sự tin tưởng và nhất trí cao với đường lối của Đảng trong đội ngũ những người làm công tác văn học, nghệ thuật. Cần đánh giá đúng tình hình văn học, nghệ thuật nước ta trong mấy chục năm qua "xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời

đại ngày nay" (Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV), phê phán nghiêm khắc khuynh hướng phủ định những thành tựu văn nghệ cách mạng, đồng thời phân tích sâu sắc những thiếu sót và lách laced, chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra những bài học kinh nghiệm, xác định phương hướng, mục tiêu hoạt động và phát triển của văn học, nghệ thuật trong giai đoạn mới, trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường, huy động cho được nhiệt tình và trí tuệ của các hội và toàn thể những người làm công tác văn học, nghệ thuật vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, nhất là cách mạng tư tưởng và văn hoá, góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Nhân dịp này, cần làm cho anh chị em văn nghệ sĩ quán triệt sâu sắc thêm những nguyên tắc cơ bản của đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng, nắm vững những quan điểm cơ bản nêu trong các nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xác định phương pháp tư tưởng đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá những vấn đề quan trọng nhất của cuộc sống và của nền văn nghệ cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Những nguyên tắc cần được tiếp tục nêu cao là: văn nghệ là một mặt trận, văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy; văn nghệ cần lấy việc bám sát các nhiệm vụ chính trị của Đảng, luôn luôn gắn liền với cuộc sống của nhân dân lao động, phục vụ đắc lực những mục tiêu của cách mạng làm phương hướng phát triển của mình; văn nghệ Việt Nam phải

kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những tinh hoa của thế giới, tạo nên cái mới trong nội dung cũng như hình thức thể hiện; văn nghệ sĩ cách mạng phải coi việc thường xuyên bồi dưỡng thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, nêu cao tính đảng và nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa làm điều kiện quan trọng bậc nhất để phát triển tài năng, phục vụ cách mạng, Tổ quốc và nhân dân.

Cần làm cho những người làm công tác văn học, nghệ thuật nhận thức đầy đủ tính chất quyết liệt và phức tạp của cuộc đấu tranh giữa ta và địch, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta, thấy rõ âm mưu thủ đoạn nham hiểm... chống phá chúng ta, chống phá chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới, trên cơ sở đó mà nâng cao cảnh giác, dũng cảm đấu tranh, đóng góp xứng đáng vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Phải hướng hoạt động văn học, nghệ thuật vào việc đấu tranh không khoan nhượng chống mọi biểu hiện tiêu cực, mọi thói hư tật xấu đang cản trở sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phát hiện những vấn đề mấu chốt của cuộc sống, xây dựng cho được những điển hình tích cực, thể hiện sáng ngời bản lĩnh và khí phách anh hùng của nhân dân ta.

Chúng ta đang đứng trước một tình hình là các khuynh hướng văn nghệ tư sản và thực dân mới đang gây tác hại và có nơi, có lúc lấn át văn nghệ cách mạng, làm hư hỏng một số văn nghệ sĩ. Cần chỉnh đốn lại hàng ngũ, thể hiện quyết tâm của giới văn học, nghệ thuật tiếp tục truyền thống cách

mạng của mình. Cần quan tâm nâng cao hơn nữa tính chiến đấu của công tác này, coi trọng dư luận của quần chúng đối với tác phẩm. Cần chú ý đặc biệt việc bồi dưỡng cho anh chị em trẻ về mặt nhân sinh quan và thế giới quan, về lối sống, chống mọi biểu hiện buông thả, vô trách nhiệm, thoái hoá về chính trị và đạo đức. Song song với việc phê phán sắc bén những ảnh hưởng của văn nghệ tư sản và thực dân mới, các đại hội cần tiến hành tự phê bình nghiêm túc về tình hình lôi lỏng cuộc đấu tranh vừa qua, thậm chí có lúc, có nơi rời bỏ trận địa cách mạng, chạy theo khuynh hướng phi vô sản, phi xã hội chủ nghĩa, biến văn nghệ - một vũ khí cách mạng mà chức năng cao cả là giáo dục và xây dựng con người - thành phương tiện kinh doanh, kiếm sống tầm thường.

Mặt khác, cần thấy rằng chúng ta đang bước vào một thời kỳ cách mạng mới, cuộc sống đang đặt ra những vấn đề rất mới mẻ. Vì vậy, bên cạnh việc phê phán và khắc phục những hiện tượng lệch lạc, cần khuyến khích văn nghệ sĩ tìm tòi sáng tạo, tránh thái độ thoả mãn, bảo thủ, một chiều, ngăn ngừa những biểu hiện thô thiển, sơ lược. Cần khuyến khích anh chị em xây dựng những công trình, tác phẩm có chất lượng cao, tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến đời sống tinh thần và tình cảm của nhân dân ta, đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cần có những biện pháp tích cực để thống nhất tốt hơn nữa lực lượng văn nghệ trong cả nước, đoàn kết các thế hệ những người làm công tác văn học, nghệ thuật, đoàn kết giữa lớp cũ và lớp mới, giữa các lực lượng văn nghệ trong các dân tộc, giữa anh chị em hoạt động văn học, nghệ thuật trong nước và trong các tổ chức Việt kiều yêu nước nhằm trao đổi

kinh nghiệm, học tập lẫn nhau, giới thiệu, kế thừa và phát huy những truyền thống văn học, nghệ thuật của các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Các đại hội văn học, nghệ thuật phải đánh dấu một bước trưởng thành của văn nghệ cách mạng nước ta, thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động văn học, nghệ thuật, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính đảng, tính chiến đấu của mỗi người hoạt động văn nghệ, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và nhân dân.

Ban Bí thư giao cho đồng chí Hoàng Tùng và Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương chỉ đạo việc chuẩn bị và tiến hành các đại hội; khi cần thiết, sẽ báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư.

II- PHƯƠNG HƯỚNG CHẨN CHỈNH TỔ CHỨC CÁC HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

1. Trong việc chấn chỉnh các hội, cần quán triệt mấy nguyên tắc sau đây:

a) Phải bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng đối với các hội về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho các hội hoạt động theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với đặc trưng của sáng tạo văn học, nghệ thuật.

b) Hạn chế việc bao cấp của Nhà nước; phát huy đầy đủ tinh thần làm chủ tập thể của các hội viên và tinh thần trách nhiệm cao của bộ máy quản lý các hội trong công tác của các hội và trong việc phát triển sự nghiệp

văn học, nghệ thuật.

c) Nhà nước có trách nhiệm giúp đỡ cho các hội có điều kiện hoạt động tốt bằng các chế độ, chính sách hợp lý.

2. Về các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành

a) Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam, Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam là những tổ chức sáng tạo nghệ thuật có tính chất nghề nghiệp. Nhiệm vụ của các hội là hướng dẫn, tổ chức, tạo điều kiện cho hội viên và những người làm công tác nghệ thuật cùng ngành hoạt động đúng phương hướng và có kết quả tốt theo đường lối, quan điểm của Đảng, góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng và giáo dục cho nhân dân về mặt thẩm mỹ, vào việc xây dựng và phát triển nền văn hoá, văn nghệ của nước ta. Hoạt động của các hội phải mang lại lợi ích thiết thực cho toàn thể hội viên, nhất là về mặt nghề nghiệp. Các hội phải chủ động tìm mọi cách phát triển sự nghiệp của mình.

b) Hội viên của các hội phải là những văn nghệ sĩ tự nguyện vào hội để phấn đấu xây dựng nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều kiện kết nạp, quyền lợi và nhiệm vụ hội viên cần được quy định phù hợp với yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay và tính chất của các hội.

c) Khi xét thấy cần thiết và có đủ điều kiện (ở những trung tâm lớn, có 10 hội viên trở lên, có cán bộ phụ trách), các hội chuyên ngành toàn quốc có thể tổ chức các chi bộ ở địa phương theo những quy định cụ thể được ghi trong điều lệ hội.

d) Tuỳ tình hình cụ thể từng hội, hội có thể có chủ tịch, phó chủ tịch hoặc một đoàn chủ tịch (gồm chủ tịch, phó chủ tịch và một số uỷ viên) và ban thư ký do ban chấp hành bầu ra. Những tổ chức này cũng như bộ máy quản lý và chuyên môn của các hội, kể cả tổ chức hoạt động kinh tế - tài chính phải gọn nhẹ, hoạt động thiết thực và có hiệu quả.

e) Nói chung các hội không có đảng đoàn. Trường hợp cần thiết phải thành lập một đảng đoàn ở một hội nào đó, Ban Văn hoá văn nghệ và Ban Tổ chức sẽ kiến nghị với Ban Bí thư xem xét quyết định.

g) Ban Bí thư giao cho Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương phối hợp với đảng uỷ khối chịu trách nhiệm chỉ đạo các hội về chính trị, tư tưởng và tổ chức, giúp đỡ các hội quán triệt đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng về văn học, nghệ thuật, bồi dưỡng chính trị cho văn nghệ sĩ, góp ý kiến về những chủ trương công tác lớn của các hội, về bố trí các cán bộ chủ chốt của các hội và các cơ quan xuất bản, báo chí trực thuộc hội. Tùy theo tính chất hoạt động và nội dung công việc của từng hội, mà Ban Văn hoá văn nghệ cần phối hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương trong việc chỉ đạo các cơ quan xuất bản, báo chí, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh và phối hợp với Ban Công nghiệp Trung ương trong việc chỉ đạo Hội Kiến trúc sư. Đối với những vấn đề vượt phạm vi quyền hạn được uỷ nhiệm, Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương phải xin ý kiến của Ban Bí thư.

h) Nhà nước tích cực tạo điều kiện, giúp đỡ cho các hội hoạt động bằng những quy định về thành lập quỹ của các hội, về tổ chức và điều hành các nhà xuất bản, báo chí và các cơ sở khác trực thuộc các hội, bằng việc ban hành kịp thời

những chế độ, chính sách cần thiết cho hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

Nhà nước bảo đảm cho mỗi hội có một biên chế tối thiểu về cán bộ, nhân viên. Số cán bộ, nhân viên này được hưởng lương và mọi chế độ khác như cán bộ, nhân viên nhà nước. Nhà nước cấp cho mỗi hội một số cơ sở vật chất và tài chính cần thiết ban đầu và hàng năm cấp thêm cho các hội một khoản kinh phí nhất định trong một số năm trước mắt. Nhà nước cho vay, giúp hội gây quỹ trong phạm vi nghề nghiệp của các hội và có chính sách ưu đãi về thuế đối với một số hoạt động có thu của các hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các hội về quan hệ quốc tế. Nhà nước có quy định thu hút hoạt động của các hội vào các kế hoạch và công trình xây dựng chung, công nhận quyền các hội được tham gia ý kiến vào các công việc lớn có liên quan đến văn học, nghệ thuật (về những vấn đề này, các hội sẽ nghiên cứu và đề nghị cụ thể với các cơ quan nhà nước có liên quan).

3. Về các hội văn nghệ địa phương

a) Hội văn nghệ địa phương đặt dưới sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ, thành uỷ, thông qua ban tuyên huấn hoặc ban văn hoá văn nghệ của tỉnh, thành.

b) Các hội văn nghệ địa phương phải là hội văn nghệ có tính chất tổng hợp bao gồm các ngành văn học và nghệ thuật; nói chung không nên tổ chức các hội chuyên ngành như ở trung ương.

c) Các hội chuyên ngành ở trung ương có trách nhiệm giúp đỡ các hội địa phương về mặt nghiệp vụ; phát hiện, bồi dưỡng các mầm non tài năng ở địa phương để kết nạp vào

hội chuyên ngành; giới thiệu với hội toàn quốc những hội viên xuất sắc và những tác phẩm có giá trị của địa phương. Hội địa phương có nhiệm vụ giúp đỡ cho các hội viên hội trung ương đang là hội viên của hội địa phương hoạt động được tốt, giúp đỡ cho hội chuyên ngành nắm được tình hình của hội viên hội trung ương ở địa phương, giới thiệu cho hội chuyên ngành những mầm non tài năng và những tác phẩm xuất sắc của các địa phương.

d) Đối với những hội văn nghệ địa phương đã thành lập nhưng không bảo đảm những điều kiện cần thiết và không đúng thủ tục thì Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương phối hợp với cấp uỷ địa phương kiểm tra, xem xét để quyết định củng cố hoặc giải thể.

Ở những nơi chưa có hội văn nghệ thì phong trào văn nghệ địa phương do sở văn hoá phụ trách.

4. Hội Liên hiệp văn học, nghệ thuật Việt Nam

Hội Liên hiệp văn học, nghệ thuật Việt Nam bao gồm đại biểu các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành và đại biểu một số hội văn nghệ địa phương.

Nhiệm vụ của hội là thay mặt cho toàn thể giới văn học, nghệ thuật của cả nước biểu thị thái độ trước các sự kiện quan trọng trong nước và trên thế giới, phối hợp với Bộ Văn hoá và các hội chuyên ngành lo một số vấn đề chung về chế độ, chính sách đối với văn nghệ sĩ, và làm một số công việc đối ngoại vượt ra ngoài phạm vi trách nhiệm của từng hội chuyên ngành.

Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương được Ban Bí thư uỷ nhiệm chỉ đạo Hội Liên hiệp văn học, nghệ thuật Việt Nam

cũng như đối với các hội chuyên ngành.

5. Những nguyên tắc và phương hướng cụ thể để chấn chỉnh các hội phải được thể hiện trong điều lệ mới trong đại hội sắp tới và có kế hoạch chu đáo chuẩn bị những điều kiện cần thiết để từng bước thực hiện đúng điều lệ đã thông qua.

Trong quá trình chuẩn bị kế hoạch và thực hiện, các hội cần bàn bạc thống nhất với các cơ quan Đảng và Nhà nước có trách nhiệm như Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Chính phủ, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá, Bộ Xây dựng... Các cơ quan này có trách nhiệm tích cực giúp đỡ các hội trong công tác này.

Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương có trách nhiệm theo dõi và góp ý kiến vào việc chuẩn bị và thực hiện kế hoạch trên đây của các hội.

T/L BAN BÍ THƯ
PHÓ VĂN PHÒNG
NGUYỄN MINH CHƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 20-CT/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1983

Tiếp tục cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang nhân dân trong ba năm 1983-1985

Qua bốn năm thực hiện cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu", các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã đạt được những tiến bộ mới quan trọng về chất lượng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhiều nhân tố mới tích cực xuất hiện; số điển hình tiên tiến ngày càng tăng và đã được khen thưởng xứng đáng. Những kết quả đã đạt được đang tạo cơ sở thuận lợi cho quân đội ta phát triển vững chắc lên chính quy, hiện đại, góp phần củng cố quốc phòng, cùng toàn dân đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt..., đồng thời sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

Tuy nhiên, đến nay các yêu cầu của cuộc vận động vẫn chưa thực hiện được đầy đủ. Trong các lực lượng vũ trang, phong trào thi đua chưa thật rộng khắp; các mặt ý chí, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, tình hình

chấp hành kỷ luật quân đội và pháp luật nhà nước, quản lý trang bị kỹ thuật, vật tư, tài sản, cũng như việc tổ chức đời sống vật chất và tinh thần của chiến sĩ ở nhiều nơi còn nhiều khuyết điểm, có nơi có mặt còn có những khuyết điểm nghiêm trọng. Ở nhiều địa phương, phong trào toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng quốc phòng toàn dân, chấp hành chính sách hậu phương quân đội chưa thật tốt.

Để góp phần tích cực đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch đồng thời sẵn sàng đối phó thắng lợi với tình huống địch có thể gây ra chiến tranh xâm lược quy mô lớn, phải xây dựng quân đội ta thành "quân đội nhân dân cách mạng có ý chí quyết thắng sắt đá, có kỷ luật chặt chẽ, có tác phong nghiêm túc, có trình độ chính quy, hiện đại ngày càng cao, trình độ sẵn sàng chiến đấu không ngừng hoàn thiện, luôn luôn làm tròn mọi nhiệm vụ mà Tổ quốc giao phó..."¹.

Cần tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang nhân dân nhằm phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục có hiệu quả các mặt còn yếu kém, làm cho các lực lượng vũ trang nhân dân ta đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống.

Trong ba năm 1983 - 1985, cần tập trung giải quyết cho được các vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Xây dựng một cách cơ bản và vững chắc ý chí và trách

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, t. 1, tr. 45.

nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các cấp, trước hết là cán bộ cao cấp và trung cấp; làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình chấp hành pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của quân đội; xây dựng thật tốt mối quan hệ đoàn kết nội bộ, nhất là quan hệ giữa cán bộ với chiến sĩ; củng cố vững chắc mối quan hệ ruột thịt giữa quân đội với nhân dân.

2. Quản lý, giữ gìn thật tốt và sử dụng có hiệu quả các loại vũ khí, trang bị, xe máy, vật tư, nhiên liệu và các loại tài sản khác của quân đội, chấm dứt tình trạng để mất mát vũ khí và xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa trong quân đội.

3. Tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần, văn hóa của cán bộ, chiến sĩ, nhất là những đơn vị ở tuyến trước, đẩy mạnh tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt, giữ vững và nâng cao chất lượng bữa ăn hàng ngày, chấm dứt tệ bớt xén tiêu chuẩn của chiến sĩ.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc vận động này, các cấp, các đơn vị trong lực lượng vũ trang nhân dân cần:

1- Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, chiến sĩ thấu suốt mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước; thấu suốt tình hình nhiệm vụ của cách mạng và của lực lượng vũ trang; nhận thức ngày càng sâu sắc bản chất và âm mưu của bọn phản động... và đế quốc Mỹ. Trên cơ sở đó, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý chí chiến đấu kiên cường, tinh thần trách nhiệm, quyết tâm sắt đá hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

2- Dựa trên cơ sở phổ biến sâu rộng bản tổng kết bốn năm thực hiện cuộc vận động của Bộ Quốc phòng và phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình mà tổ chức kiểm điểm đến từng cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên, công nhân,

nhân viên quốc phòng, làm cho mọi người nhận rõ thành tích và khuyết điểm của đơn vị và của bản thân. Từ đó, từng cấp, từng đơn vị và từng người có chương trình kế hoạch hành động, có chỉ tiêu, biện pháp phấn đấu cụ thể.

3- Trong tổ chức chỉ đạo thực hiện, cần nắm vững hai khâu then chốt là bồi dưỡng nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên và xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện.

Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các cấp, trước hết là cán bộ cao cấp, trung cấp, phải thật sự là những người tiêu biểu, tiền phong, gương mẫu về mọi mặt, dẫn đầu phong trào thi đua trong đơn vị và phải trực tiếp chỉ đạo phong trào thi đua.

Xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh về mọi mặt, lấy tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh làm nòng cốt. Chú ý ba loại cơ sở: cơ sở làm nhiệm vụ chiến đấu, cơ sở tập trung nhiều cán bộ trung cấp, cao cấp và cơ sở quản lý nhiều tài sản, vật tư, trang bị kỹ thuật của quân đội.

4- Kiện toàn các hội đồng thi đua ở các cấp; giữ vững chế độ kiểm tra, chế độ sơ kết, tổng kết và phổ biến rộng rãi kinh nghiệm. Kịp thời phát huy những nhân tố mới, biểu dương, khen thưởng xứng đáng và phát huy tác dụng những điển hình tốt, đồng thời xử lý nghiêm minh những cán bộ, chiến sĩ vi phạm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội.

5- Gắn các ngày kỷ niệm lớn trong các năm 1984 và 1985 như 55 năm ngày thành lập Đảng, 40 năm thành lập nước, 40 năm ngày truyền thống quân đội, 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 10 năm giải phóng miền Nam, v.v. để phát động những đợt thi đua, tổ chức tốt những đợt giáo dục về

truyền thống nhằm nâng cao lòng tự hào, lòng tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, Nhà nước và nhân dân, tư tưởng "trung với nước hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" cho cán bộ, chiến sĩ.

6- Phối hợp chặt chẽ giữa Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các ngành, các đoàn thể ở trung ương và các địa phương trong việc thực hiện cuộc vận động này, thực hiện quân với dân một ý chí, toàn dân xây dựng lực lượng vũ trang, toàn dân xây dựng củng cố quốc phòng.

Các ngành, các đoàn thể ở trung ương và các địa phương cần kiểm điểm trách nhiệm và việc làm của mình đã qua và có kế hoạch cụ thể tiếp tục thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư về cuộc vận động này trong thời gian tới, nhằm góp phần tích cực vào việc xây dựng các lực lượng vũ trang, làm tốt việc xây dựng quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng dự bị, gọi thanh niên nhập ngũ, củng cố dân quân tự vệ, xây dựng huyện pháo đài, xây dựng tuyến phòng thủ ở biên giới, ven biển, thực hiện chính sách hậu phương đối với các lực lượng vũ trang.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, các cấp chỉ huy trong quân đội, cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, các địa phương đề cao trách nhiệm, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này, định kỳ báo cáo kết quả về Ban Bí thư Trung ương Đảng và tổng kết tốt cuộc vận động này vào quý I - 1986.

T/M BAN Bí THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 28-TT/TW, ngày 6 tháng 6 năm 1983

Về việc tổ chức phổ biến và thi hành Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị

Bộ Chính trị vừa ra Nghị quyết "Về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới". Bản Nghị quyết đã nêu bật những tư tưởng chỉ đạo, nguyên tắc, phương châm và nội dung lớn nhằm phát triển và tăng cường đoàn kết và hợp tác với hai đảng, hai nước anh em. Vì vậy, việc tổ chức quán triệt và tổ chức thực hiện bản Nghị quyết này cần tiến hành khẩn trương và chu đáo nhằm đạt yêu cầu:

- Làm cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, trước hết là những đồng chí có trách nhiệm thường xuyên quan hệ với hai nước bạn, nhận thức rõ ý nghĩa sống còn trong việc tăng cường liên minh với hai nước, hai dân tộc anh em trong giai đoạn mới, và nắm vững những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Đảng ta trong việc tăng cường quan hệ với bạn.

- Mỗi ngành, mỗi địa phương, đơn vị qua nghiên cứu Nghị quyết mà tự kiểm tra lại nhận thức và tổng kết công tác của mình, đồng thời xây dựng chương trình hành động một cách tích cực, thiết thực từ nay đến năm 1985 nhằm tạo ra những chuyển biến mới trong việc hợp tác và giúp đỡ bạn.

Những cơ quan được giao các nhiệm vụ cụ thể có kế hoạch xúc tiến việc nghiên cứu, chuẩn bị các đề án, trình các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt sớm để ban hành.

Để phục vụ cho việc tổ chức quán triệt và triển khai

Nghị quyết, Ban Bí thư giao cho:

- Ban Tuyên huấn Trung ương có kế hoạch cụ thể hướng dẫn các ngành, các cấp tổ chức nghiên cứu quán triệt Nghị quyết và sử dụng hệ thống ban tuyên huấn các cấp, các trường đảng, trường chính trị, mạng lưới báo cáo viên, báo chí, đài phát thanh... để phổ biến Nghị quyết này một cách sâu rộng bằng những hình thức thích hợp.

- Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia giúp Campuchia và Ban công tác giúp Lào có nhiệm vụ phối hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương giúp Ban Bí thư tổ chức việc phổ biến và triển khai Nghị quyết cho các ngành, các cấp.

Từ nay đến cuối năm 1983, các ngành, các địa phương cần tập trung làm tốt mấy việc sau đây:

1. Hoàn thành việc phổ biến Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động của ngành, địa phương, đơn vị mình. Đồng thời có kế hoạch tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân (theo đề cương hướng dẫn của Ban Tuyên huấn Trung ương).

2. Củng cố bộ máy chuyên trách giúp việc về công tác Lào và Campuchia của các bộ, ban ngành, các tỉnh và thành phố có quan hệ nhiều với hai nước bạn.

3. Ưu tiên tuyển lựa, bồi dưỡng chuyên gia và tạo mọi điều kiện để chuyên gia có thể triển khai sớm đáp ứng yêu cầu của bạn (yêu cầu cụ thể do ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia giúp Campuchia và Ban công tác giúp Lào đề xuất với Ban Tổ chức Trung ương).

4. Các ngành có trách nhiệm sau đây nghiên cứu ngay việc cải tiến và bổ sung một số chế độ, chính sách đối với các lực lượng ta đang trực tiếp giúp bạn để trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành:

- Chính sách đối với quân tình nguyện do Bộ Quốc phòng nghiên cứu.

- Chính sách đối với các lực lượng lao động do Bộ Lao động và Ủy ban hợp tác kinh tế - văn hóa Việt Nam, Lào và Campuchia nghiên cứu.

- Chính sách đối với chuyên gia do Ban công tác giúp Lào và ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia giúp Campuchia và Ban Tổ chức Trung ương phối hợp nghiên cứu, bổ sung.

5. Phân công các bộ, ngành sau đây phối hợp với bạn sớm xây dựng một số quy chế nhằm thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước:

- Quy chế xây dựng biên giới hữu nghị do Ban Biên giới Trung ương.

- Quy chế về quân tình nguyện Việt Nam ở Lào và Campuchia do Bộ Quốc phòng.

- Quy chế về kiều dân, về việc đi lại giữa nhân dân hai bên (Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia) do Bộ Ngoại giao nghiên cứu.

6. Những nhiệm vụ đã được ghi trong Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị, thuộc phạm vi trách nhiệm của ngành nào thì ngành ấy chuẩn bị đề án cụ thể để triển khai và tùy vấn đề mà trình Ban Bí thư hoặc Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

T/M BAN Bí THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Số 19-TB/TW, ngày 6 tháng 6 năm 1983

**Về cuộc họp Ban Bí thư bàn một số vấn đề
 về công tác đảng ngoài nước**

Ngày 24-5-1983, Ban Bí thư đã họp bàn một số vấn đề cần giải quyết đối với công tác đảng ở ngoài nước hiện nay.

Tham dự cuộc họp có Ban Cán sự Đảng ngoài nước, đại diện Ban Tổ chức, Ban Đối ngoại, Ban Tuyên huấn, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Ngoại giao.

Sau khi nghe báo cáo của Ban Cán sự Đảng ngoài nước, và ý kiến phát biểu của đại diện các ban, ngành, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Trong mấy năm gần đây, số lượng nghiên cứu sinh, thực tập sinh, sinh viên, học sinh và lao động của nước ta ra nước ngoài học tập và làm việc tăng nhanh. Đa số sinh viên, học sinh ta học tập cần cù; phần lớn thanh niên đi lao động, nhất là số đã có nghề, phát huy được tác dụng và cuộc sống tương đối ổn định.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài có ý nghĩa rất quan trọng; đặc biệt là số nghiên cứu sinh, thực tập sinh cao cấp, có liên quan đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước. Nhưng rong

hững năm gần đây do nhiều nguyên nhân, nhận thức, tư tưởng và tình cảm của một số anh chị em có biểu hiện lệch lạc, không lành mạnh, vun vén vật chất cá nhân, coi nhẹ chính trị khá phổ biến, thiếu gương mẫu đối với sinh viên ta, và gây ảnh hưởng không tốt đối với bạn. Trong việc hợp tác lao động với một số nước xã hội chủ nghĩa, có nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh, nhiều vụ việc không tốt liên tiếp xảy ra, gây ảnh hưởng chính trị xấu, nhất là về mặt đối ngoại. Số đi nghiên cứu, học tập, công tác ở các nước dân tộc chủ nghĩa và tu bản chủ nghĩa cũng có những vấn đề phức tạp.

Ban Bí thư giao cho Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Phân phối lưu thông Trung ương cùng Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và các ban, ngành, các đoàn thể có liên quan nắm lại tình hình cụ thể, nghiên cứu, đề xuất bổ sung các chủ trương, phương hướng giải quyết chung vấn đề đào tạo cán bộ ngoài nước, vấn đề hợp tác lao động để Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét và xin chủ trương của Bộ Chính trị về những vấn đề cần thiết.

Trước mắt, Ban Cán sự Đảng ngoài nước, các ban, ngành và đoàn thể có trách nhiệm, phải rút kinh nghiệm, tăng cường công tác lãnh đạo, giáo dục, quản lý những người hiện có ở nước ngoài, kịp thời bàn với bạn để giải quyết tốt những vụ việc đáng tiếc xảy ra, theo đúng đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, bảo đảm tình hữu nghị tốt với các nước anh em. Riêng vấn đề lao động đi các nước trong năm 1983 nếu đã ký kết và phải thực hiện hiệp định thì phải có tổ chức và cán bộ quản lý tốt hơn trên nước bạn. Những năm sau thì tạm dừng lại.

2. Hiện nay, Đảng bộ ta ở ngoài nước có gần 1 vạn đảng viên trên tổng số 8 vạn người Việt Nam ở nước ngoài. Các tổ chức đảng ngoài nước phải được kiện toàn về tổ chức và năng

lực hoạt động, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao trong tình hình mới.

Trước hết, phải rất coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao không ngừng lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, lệch lạc, thoái hóa, biến chất; nghiêm cấm mọi hoạt động buôn bán, đầu cơ, trục lợi và những hành động phi pháp khác.

Cần tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, chủ yếu là tại chỗ ở từng nước; chỉ cử cán bộ trong nước đi kiểm tra định kỳ hoặc khi xảy ra các sự việc đột xuất lớn và cần bảo đảm yêu cầu tiết kiệm và tính hiệu quả. Tổ chức quản lý chặt chẽ cán bộ công tác ở ngoài nước, kể cả cán bộ, nhân viên sứ quán và các đoàn đi công tác ngắn hạn. Cần có quy chế cụ thể bảo đảm việc lựa chọn kỹ, bố trí sát đúng và kiểm tra đánh giá chính xác kết quả công tác của cán bộ, nhân viên.

Về Đảng, tất cả các tổ chức đảng của ta ở nước nào phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng ủy ta ở nước đó. Trên nguyên tắc ấy, Ban Tổ chức Trung ương và Ban Cán sự Đảng ngoài nước cùng với Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Quốc phòng nghiên cứu về tổ chức đảng bộ quân sự (thuộc cơ quan tùy viên và học sinh quân sự) ở nước ngoài, nhằm bảo đảm thống nhất về công tác đảng; việc quản lý, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ vẫn do Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng khác phụ trách.

Ban Bí thư đồng ý cho giới thiệu đảng bộ cơ sở của ta ở các xí nghiệp, công trường, nông trường của bạn với đảng bộ cơ sở của bạn để thuận lợi cho việc phối hợp công tác. Ban Cán sự Đảng ngoài nước và Ban Tổ chức Trung ương sẽ

hướng dẫn cụ thể việc này.

Kiện toàn các đảng ủy và các bộ phận phụ trách công tác thanh niên và công đoàn ở các nước, bảo đảm đủ khả năng chỉ đạo bao quát và có điều kiện đi sát cơ sở.

Củng cố Ban Cán sự Đảng ngoài nước, tăng cường bộ phận chuyên trách đủ sức phụ trách các mặt công tác đảng. Các ban Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra của Trung ương cử một đồng chí phó trưởng ban, Tổng Công đoàn cử một đồng chí trong Ban Thư ký, Bộ Ngoại giao cử một thứ trưởng vào Ban Cán sự Đảng ngoài nước.

3. Đại sứ là người đại diện cao nhất của Nhà nước ta ở ngoài nước. Tất cả cán bộ, học sinh, lao động ra nước ngoài công tác, học tập, làm việc, kể cả những người đi công tác ngắn hạn hoặc vãng lai, đều phải chịu sự quản lý và điều hành tập trung thống nhất của đại sứ ta ở mỗi nước. Cán bộ các ngành cử ra công tác ở ngoài nước là để giúp ngành mình thực hiện sự quản lý chuyên ngành, đồng thời phải chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của đại sứ. Bộ Ngoại giao xây dựng bổ sung quy chế cụ thể trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thông qua để các ngành thi hành thống nhất.

Cần quy định rõ mối quan hệ giữa đảng ủy của ta ở mỗi nước với đại sứ. Nơi nào có khối lượng công tác đảng lớn thì có bí thư đảng ủy chuyên trách; đồng chí đại sứ cần tham gia đảng ủy để bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng và sự phối hợp chặt chẽ giữa công tác đảng và công tác chính quyền.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**LỜI KHAI MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(Do đồng chí Trường Chinh đọc)**

Ngày 18 tháng 6 năm 1983

Thưa các đồng chí,

Trong chương trình công tác của mình, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định dành phiên họp này bàn về công tác tư tưởng và công tác tổ chức.

Căn cứ vào thực tế của đất nước, Bộ Chính trị trình ra Hội nghị Trung ương một số vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức cần giải quyết trong nội bộ Đảng cũng như trong bộ máy nhà nước, nhằm thúc đẩy thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế - xã hội trước mắt.

Hội nghị Trung ương chúng ta cần nhận định tình hình một cách sáng tỏ, khẳng định thành tựu và tiến bộ, đánh giá sâu sắc các mặt yếu kém, hư hỏng; từ đó xem xét, quyết định những biện pháp có hiệu lực để làm chuyển biến tình hình. Và trước hết, Hội nghị Trung ương lần này phải mở đầu cho sự chuyển biến đó.

Hội nghị chúng ta sẽ làm việc năm ngày, trong đó có hai

ngày rưỡi thảo luận ở hội trường. Bộ Chính trị đề nghị nội dung thảo luận là bốn vấn đề lớn sau đây:

1. Những quan điểm, tư tưởng về cuộc đấu tranh giữa ta và địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.
2. Vấn đề bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế và trong xây dựng Đảng.
3. Nhận định về phẩm chất cán bộ, đảng viên và những biện pháp khắc phục tình trạng sa sút về phẩm chất, đạo đức.
4. Tình hình và biện pháp cải tiến sự chỉ đạo thực hiện của các cơ quan Đảng và Nhà nước, trước hết của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Sáng hôm nay, Hội nghị sẽ nghe đồng chí Tố Hữu, thay mặt Bộ Chính trị, trình bày nội dung dự thảo Nghị quyết. Tiếp đó, các đồng chí sẽ nghe đồng chí Đỗ Mười thay mặt Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thông báo về tình hình phân phối, lưu thông.

Và bây giờ, Hội nghị chúng ta bắt đầu làm việc.

**BÀI NÓI
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ LÊ DUẨN
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)**

Ngày 24 tháng 6 năm 1983*

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương chúng ta lần này bàn chuyên đề về công tác tư tưởng và công tác tổ chức. Tuy vậy, trên hai lĩnh vực công tác đó, chúng ta cũng không bàn tất cả các vấn đề, mà chỉ căn cứ vào thực tế về kinh tế và đời sống, về an ninh và quốc phòng, giải quyết một số vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức trong nội bộ Đảng và trong bộ máy nhà nước, nhằm thúc đẩy thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị do Đại hội lần thứ V của Đảng và Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương đề ra.

Tuyệt đại đa số các đồng chí Trung ương nhất trí với cách đặt vấn đề đó. Một số đồng chí cho rằng phải đề ra

* Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xếp tài liệu này theo cụm vấn đề (*B.T*).

thêm những giải pháp cụ thể về kinh tế, về quản lý. Hội nghị chúng ta đã đề cập đến nhưng chưa có điều kiện giải quyết cụ thể và toàn bộ các vấn đề nói trên. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ tiếp tục thi hành những công việc đã có chủ trương trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương. Đồng thời, cần xúc tiến chuẩn bị một hội nghị chuyên đề bàn toàn diện vấn đề quản lý kinh tế, như đã định trong chương trình toàn khoá của Trung ương.

Qua mấy ngày thảo luận, các đồng chí Trung ương đã phát biểu nhiều ý kiến xác đáng và quan trọng. Căn cứ vào những ý kiến ấy, Chủ tịch đoàn đã sửa chữa dự thảo Nghị quyết để trình Trung ương thông qua. Bản dự thảo Nghị quyết đã cố gắng thể hiện những vấn đề mà Hội nghị chúng ta nhất trí. Hôm nay, tôi thay mặt Bộ Chính trị phát biểu thêm một số ý kiến.

THẮNG SUỐT VÀ THỰC HIỆN THẮNG LỢI ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ CỦA ĐẢNG

Một số đồng chí Trung ương nhấn mạnh cần nêu rõ những thắng lợi và thành tựu.

Tiếp sau thắng lợi vĩ đại của công cuộc chống Mỹ, cứu nước, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta vẫn vững vàng tiến bước và giành được những thành tựu to lớn, bất chấp muôn vàn khó khăn, thử thách. Chúng ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược. Chúng ta đã hàn gắn các vết thương nặng nề của chiến tranh. Chúng ta đã cố gắng bảo đảm những nhu cầu tối thiểu của đời sống nhân dân. Chúng ta đang tiếp tục hy sinh xương máu để bảo vệ thành quả

cách mạng và thắt lưng buộc bụng để xây dựng những cơ sở đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, tăng cường đáng kể công cuộc quốc phòng. Chúng ta đã và đang làm tròn nghĩa vụ quốc tế trọng đại đối với hai nước Lào và Campuchia anh em.

Thắng lợi đó chứng minh đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, sức mạnh và tính hồn hảm của chế độ ta. Đó là thành quả của sức phấn đấu tự lực, tự cường của nhân dân ta, được sự giúp đỡ hào hiệp của Liên Xô cùng những người anh em, bầu bạn chân chính.

Thắng lợi và thành tựu của chúng ta là to lớn. Đó là mặt cơ bản của tình hình. Sự thật vĩ đại ấy phải được khẳng định một cách mạnh mẽ, dứt khoát.

Từ Đại hội lần thứ V của Đảng, trên mặt trận kinh tế, trong hoàn cảnh còn khó khăn chồng chất và mất cân đối nghiêm trọng, vật tư, nguyên liệu ít hơn trước, sản xuất nông nghiệp phát triển khép; ngư nghiệp và nhiều ngành công nghiệp tiếp tục phát triển; giao thông vận tải, xuất khẩu và xây dựng cơ bản có tiến bộ. Thắng lợi lớn nhất là về sản xuất lương thực. Nhiều địa phương và cơ sở đã nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo; một số tỉnh, huyện trong Nam, ngoài Bắc tiến bộ vượt bậc. *Lần đầu tiên chúng ta đã tự trang trải được nhu cầu tối thiểu về lương thực trong phạm vi toàn xã hội.*

Trong Hội nghị này, nhiều đồng chí Trung ương rất chú ý phân tích những khuyết điểm, sai lầm của các cấp, các ngành, kể cả khuyết điểm trong sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội

đồng Bộ trưởng. Nhiều đồng chí vạch rõ những lêch lạc về quan điểm, tư tưởng trong việc thấu suốt và chấp hành đường lối của Đảng, những thiếu sót về ý thức tổ chức và kỷ luật, những biểu hiện sa sút về phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Trên mặt trận kinh tế, sai làm nặng nhất là không làm chủ thị trường, không làm chủ phân phối, lưu thông. Hiện nay, Nhà nước ta không nắm được hàng, không nắm được tiền, mà còn để một phần quan trọng hàng và tiền của kinh tế xã hội chủ nghĩa bị tuồn, bị móc ra thị trường "tự do". Bọn tư sản tranh mua hàng nông sản và hàng công nghiệp với Nhà nước, qua đầu cơ, buôn lậu, móc ngoặc mà nắm một phần hàng của kinh tế quốc doanh, kể cả hàng nhập khẩu, và có trong tay một khối lượng tiền lớn, tạo thành một vòng quay của hàng và tiền ngoài sự kiểm soát của Nhà nước, gây rối và phá ta rất nhiều. Thủ đoạn phá hoại nổi bật của chúng là đẩy giá gạo tăng vọt, từ đó kéo các giá hàng khác tăng theo, làm cho tiền lương thực tế và đời sống của công nhân, viên chức, bộ đội giảm sút. Thị trường "tự do" phát triển, tư sản thương nghiệp mọc thêm ra và làm giàu nhanh chóng ở miền Nam và cả miền Bắc. Của cải làm ra bị phí phạm, mất mát rất lớn, ngân sách và tiền mặt tiếp tục thâm hụt nặng. Bọn tư sản, bọn buôn gian bán lận sống phè phloan, những người lao động lương thiện gặp nhiều khó khăn.

Những mặt tiêu cực về phân phối, lưu thông diễn ra tập trung ở các thành phố, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tình trạng rối ren đó tác động xấu đến sản xuất, đến quản lý, làm giảm hiệu lực và xói mòn cơ sở của kế hoạch.

Cần tiếp tục *đẩy mạnh đấu tranh thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông*, theo đúng Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương. Chúng ta có đủ điều kiện để làm việc đó. Có thể và cần phải làm chủ phân phối, lưu thông trong từng huyện, từng tỉnh, thành và trong cả nước. Vấn đề hàng đầu là phải tăng cường nắm hàng, nắm tiền. Nhà nước phải nắm được toàn bộ sản phẩm của kinh tế quốc doanh, chống tham ô, mất mát, hư hỏng. Các xí nghiệp quốc doanh phải triệt để chấp hành kỷ luật giao nộp sản phẩm và mọi kỷ luật tài chính. Nhà nước phải nắm được phần lớn hàng nông sản, và hàng của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp qua hợp đồng hai chiều, qua đăng ký kinh doanh. Về lương thực hàng hoá, Nhà nước phải từng bước nắm độc quyền. Phân phối, lưu thông phải thực hiện theo kế hoạch là chủ yếu, đồng thời phải tăng cường quản lý thị trường "tự do". Mở rộng trận địa, nâng cao chất lượng, cải tiến phương thức kinh doanh của mạng lưới phân phối, lưu thông xã hội chủ nghĩa, đặc biệt chú ý củng cố và phát triển kịp thời thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Ốn định giá cả trong thị trường có tổ chức, chấm dứt ngay việc thương nghiệp quốc doanh cũng tuỳ tiện nâng giá. Bảo đảm cung ứng đủ những mặt hàng thiết yếu theo định lượng cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Quản lý chặt chẽ và liên tục giá cả trên thị trường "tự do", quét sạch đầu cơ, buôn lậu.

Trên mặt trận phân phối lưu thông, phải chú ý trước hết đến các thành thị. Bởi vì đây là nơi làm ra hàng công nghiệp, là nơi tập trung công nhân, viên chức, là thị trường tiêu thụ lớn. Đây cũng là nơi cư trú và hoạt động

của các hạng thương nhân, là địa bàn địch ra sức phá hoại. Các ngành trung ương và các địa phương phải phối hợp mọi cố gắng, làm chủ cho được thị trường ở các thành thị, góp phần quyết định vào việc ổn định sản xuất và đời sống hiện nay.

Phân phối, lưu thông là mặt trận đấu tranh có nhiều khăn, phức tạp, là lĩnh vực đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ và rất chặt chẽ giữa các ngành có liên quan. Vì vậy, cần tập trung trí tuệ tập thể, đi sâu nghiên cứu, tìm ra cho được các giải pháp cụ thể, đúng đắn.

Đi liền với việc thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông, phải đẩy mạnh cách mạng về quan hệ sản xuất, khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Trong một thời gian dài và trong phạm vi cả nước, chúng ta đã buông lỏng cải tạo công thương nghiệp tư doanh, cải tạo tiểu, thủ công nghiệp và tiểu thương; để cho bọn tư sản cũ và mới phục hồi và phát triển, có thêm thế lực chống chủ nghĩa xã hội. Việc hợp tác hoá nông nghiệp ở Nam Bộ so với yêu cầu tiến hành có phần chậm. Trong phạm vi cả nước, chúng ta đã buông lỏng việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế quốc doanh bị suy yếu nhiều mặt, thậm chí một số xí nghiệp làm ăn theo kiểu phường hội, mua, bán theo thị trường "tự do" để kiếm lời, tính chất toàn dân do đó bị phai nhạt đi; làm cho kinh tế tập thể có phần bị xói mòn, một số không ít hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chỉ còn là hình thức.

Những lách l&Wacute, thiếu sót trên đây xuất phát từ nh´nh

thức mơ hồ về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Phải nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng. Phấn đấu đến năm 1985 hoàn thành cơ bản cải tạo thương nghiệp, vận tải, công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp bằng cách làm và hình thức thích hợp. Đặc biệt, cần sớm triệt để xoá bỏ tư sản thương nghiệp. Chuyển dần những người buôn bán nhỏ không cần thiết trong lưu thông sang sản xuất và các hoạt động dịch vụ khác. Trên cơ sở tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm tốt, phấn đấu đến năm 1985 hoàn thành cơ bản hợp tác hoá nông nghiệp ở Nam Bộ với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất. Gắn liền điều chỉnh ruộng đất với hợp tác hoá nông nghiệp. Phát triển hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Xây dựng và củng cố các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nghề cá.

Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải nắm vững chủ trương của Đảng ta là kết hợp chặt chẽ xây dựng với cải tạo, gắn liền thay đổi quan hệ sản xuất với sắp xếp lại lực lượng sản xuất và cải tiến quản lý. Ở nông thôn Nam Bộ, phải vận dụng ngay từ đầu cơ chế khoán mới trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, gắn ngay từ đầu việc đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể với việc xây dựng huyện, qua kinh tế huyện mà kết chặt nông dân và hợp tác xã với Nhà nước và kinh tế quốc doanh.

Phải hết sức chăm lo củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng của các xí nghiệp quốc doanh về cả ba mặt: chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân ph´oi. Phải hoàn chỉnh cơ chế khoán mới trong các

hợp tác xã nông nghiệp, khắc phục tình trạng khoán tráng, chú ý nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho xã viên và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hợp tác xã. Phải làm cho các cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa trong mỗi ngành thực sự hơn hẳn về năng suất, chất lượng, hiệu quả, phát huy vai trò đầu dàn, đủ sức liên kết các cơ sở cá thể và tư doanh, phát huy được lực lượng của mọi thành phần theo đúng quỹ đạo tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để chuyển biến hình hình kinh tế - xã hội, *điều quan trọng nhất, quyết định nhất là đẩy mạnh sản xuất*. Trên lĩnh vực này, chúng ta đã đạt những tiến bộ đáng kể, nhưng khuyết điểm còn nhiều, khó khăn còn lớn.

Trong chặng đường hiện nay, nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, phải dùng hết *lao động, đất đai*, mở mang các ngành, nghề để tiến lên. Trong lúc này, không thể để đất bị bỏ hoang, người lao động thiếu việc làm. Từng cơ sở, từng địa phương phải kiểm kê, kiểm soát, có kế hoạch cụ thể phát huy hết tiềm năng lao động và đất đai, làm thêm nhiều của cải. Trong cả nước, cần có quy hoạch, kế hoạch, chính sách cụ thể, tích cực phân bổ lại lao động, từng bước sử dụng 25 triệu lao động, khai thác có hiệu quả 10 triệu hécta đất nông nghiệp và 15 triệu hécta đất rừng. Đó là vấn đề chiến lược số một.

Phải gắn ngay từ đầu *công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu*. Áp dụng rộng khắp kinh nghiệm đã có, cả nước phải tăng nhanh năng suất và sản lượng lương thực, từ đó phát triển mạnh chăn nuôi, mở mang những vùng chuyên canh cây công nghiệp, tạo ra nhiều nông sản xuất khẩu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở

để phát triển công nghiệp.

Hướng vào thúc đẩy và phục vụ nông nghiệp, phải giải quyết các vướng mắc cho từng xí nghiệp công nghiệp, sử dụng tốt hơn các công suất sẵn có, làm thêm tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng cho xã hội và để trao đổi với nông dân. Qua đó, các ngành công nghiệp lớn lên, chuẩn bị tốt cho chặng đường tiếp sau, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, lấy hệ thống công nghiệp nặng tương đối phát triển làm nòng cốt.

Trong khi tập trung sức đẩy mạnh nông nghiệp, phải luôn luôn nắm vững nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tranh thủ mọi khả năng để tăng cường các ngành công nghiệp nặng, nhất là cơ khí. Có *đại công nghiệp cơ khí* mới có chủ nghĩa xã hội, mới tự sản xuất được trang bị hiện đại để bảo vệ Tổ quốc. Phải dành vốn đích đáng cho công nghiệp nặng. Từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở phải góp phần tích luỹ để xây dựng công nghiệp nặng.

Thực hiện *làm chủ tập thể ở ba cấp cơ bản*. Dưới sự quản lý thống nhất của trung ương, phải phát huy vai trò quan trọng của từng cấp, của các cơ sở, các huyện, của các tỉnh, thành, của các ngành kinh tế - kỹ thuật. Mở rộng quyền chủ động cho các cấp, để mỗi cấp phát huy hết tiềm năng của mình, tự cân đối nhu cầu, thực hiện tái sản xuất mở rộng và đóng góp ngày càng nhiều cho cả nước.

Phải ra sức xây dựng *trên 400 huyện* đúng với vai trò chiến lược của huyện, là địa bàn thích hợp để phân công lao động, tận dụng đất đai, thâm canh và chuyên canh nông nghiệp, mở mang ngành, nghề, đưa công nghiệp tác

đóng vào nông nghiệp, liên kết quốc doanh, tập thể và gia đình, liên kết nông nghiệp và công nghiệp thành cơ cấu; đồng thời xây dựng huyện thành pháo đài bảo vệ Tổ quốc. Phải đặc biệt chú ý xây dựng và quản lý tốt các *thành phố lớn*, những trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của cả nước, để tạo ra một tác động quyết định đối với sự chuyển biến của cả nền kinh tế quốc dân và của toàn xã hội.

Để góp phần khắc phục sự thiếu thốn về năng lượng, nguyên liệu, vật tư cho sản xuất hiện nay, để nhập kỹ thuật cho công cuộc công nghiệp hóa, phải *đẩy mạnh xuất - nhập khẩu*. Cả nước, từng ngành, nghề, từng địa phương, đơn vị, tất cả mọi người lao động đều có nghĩa vụ làm hàng xuất khẩu. Phải uốn nắn một số lạch lạc trong kinh doanh xuất - nhập, đặc biệt là khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán, kinh doanh bỏ qua mọi luật lệ quốc gia và giao cho thương lái người Hoa vị trí quan trọng trong công tác chiến lược này. Làm như thế là nhằm đẩy mạnh hơn xuất - nhập khẩu của cả nước một cách đúng đắn. Phải kịp thời khơi luồng giao dịch mới, tìm ra những thị trường mới để chống lại sự phá hoại, bao vây của địch.

Quá trình phát triển của nền kinh tế nước ta đòi hỏi một *cơ chế quản lý kinh tế* thích hợp. Đảng ta đã nghiên cứu và xác định những nguyên tắc cơ bản của cơ chế quản lý đó là: lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn liền kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; nắm vững giá trị sử dụng đồng thời coi trọng giá trị và quy luật giá trị. Đó là một cơ chế đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tự chủ tài chính cho cơ sở, mở rộng quyền chủ động cho địa phương

và ngành; đồng thời bảo đảm trung ương thống nhất quản lý toàn bộ kinh tế quốc dân, nắm được phần lớn vốn tích luỹ để xây dựng các công trình của cả nước và tuyệt đại bộ phận các sản phẩm chiến lược để phân phối theo kế hoạch cho nhu cầu toàn xã hội. Đó là cơ chế quản lý thực hiện làm chủ tập thể ở ba cấp cơ bản: trung ương, địa phương và cơ sở; vận dụng sự thống nhất giữa ba lợi ích, luôn luôn bảo đảm lợi ích cao nhất là lợi ích của toàn xã hội, chăm lo đúng mức lợi ích của tập thể, khuyến khích đích đáng lợi ích của người lao động. Đó là cơ chế quản lý coi trọng phát huy tính năng động, sáng tạo của người lao động và vận dụng sức mạnh to lớn của khoa học kỹ thuật tiên tiến; kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp: kinh tế, giáo dục và hành chính. Đổi mới tất cả các ngành, các địa phương, các cơ sở, cơ chế quản lý đó đồng thời đề cao kỷ luật, tăng cường trách nhiệm và mở rộng quyền hạn.

Cơ chế quản lý đó kiên quyết *chống tệ quan liêu bao cấp*, mà đặc trưng là: không chú ý vận dụng quy luật kinh tế và tính toán hiệu quả kinh tế; gò bó, cứng nhắc, không khơi dậy sức sáng tạo của quần chúng, không phát huy các tiềm năng, không khuyến khích tính năng động của địa phương và cơ sở; mang nặng tính ỷ lại và gây ra bệnh ỷ lại, ăn bám, lấy chủ nghĩa bình quân thay thế cho nguyên tắc phân phối theo lao động.

Cơ chế quản lý đó kiên quyết *chống bệnh tự do buông thả*, mà đặc trưng là: chạy theo cơ chế thị trường, mở rộng tràn lan việc kinh doanh ngoài kế hoạch, hạ thấp vai trò trung tâm và làm xói mòn cơ sở của kế hoạch; dung dưỡng cho các nhân tố tư bản chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa,

tấn công và làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa xã hội; xoay xở, vun vén cho lợi ích cá nhân, lợi ích có tính chất phuờng hội của đơn vị, làm thiệt hại lợi ích toàn xã hội.

Thực hiện những việc trên đây chính là thấu suốt những tư tưởng cơ bản trong đường lối của Đảng, là nấm vũng những vấn đề có tính quy luật từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng, trong đó *cách mạng tư tưởng và văn hoá* là một bộ phận hợp thành quan trọng. Cách mạng tư tưởng và văn hoá nhằm xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Một đặc trưng nổi bật của con người mới là biết làm chủ tập thể, sống và hành động theo phuờng châm "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người".

Công cuộc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới phải gắn liền với cuộc đấu tranh quét sạch ánh hưởng xấu của tư tưởng văn hoá thực dân, chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xoá bỏ ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và những tệ tục của xã hội cũ. Điều cần đặc biệt quan tâm trong lúc này là phải nhận rõ và kiên quyết đập tan âm mưu hết sức thâm độc của kẻ thù đang tìm mọi cách hòng lung lạc tư tưởng, làm xói mòn đạo đức, làm suy đồi lối sống của nhân dân ta, trước hết là đồi với tầng lớp thanh niên.

Các cấp uỷ đảng phải đánh giá đúng mức những hậu quả nghiêm trọng do buông lỏng cuộc đấu tranh giữa địch và ta, cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên mặt trận tư tưởng và văn hoá. Đảng ta phải lãnh đạo chặt

chẽ cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá, hướng dẫn quần chúng đấu tranh giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang và những giá trị tinh thần quý báu của dân tộc, xoá bỏ các biểu hiện tiêu cực, giành thắng lợi từng ngày, từng giờ trên mặt trận này.

NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Công tác tổ chức của một đảng cầm quyền đang lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa phải bao quát toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, toàn bộ chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Công tác tổ chức là xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ cấu của cả nền kinh tế và của cả xã hội, để kinh tế tiến lên và xã hội phát triển theo đúng đường lối của Đảng.

Công tác tổ chức là xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, luôn luôn xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chuyên chính vô sản, của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo mọi mặt của đời sống và hoạt động xã hội.

Công tác tổ chức là xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa có hiệu lực mạnh, thể hiện sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, là xây dựng bộ máy các ngành, các địa phương, các đơn vị phù hợp với cơ cấu kinh tế.

Công tác tổ chức là xây dựng cơ chế thích hợp về quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng ở tất cả các cấp, bảo đảm cho nhân dân lao động thực sự làm chủ bằng Nhà nước, bằng các đoàn thể và qua hoạt động của chính mình.

Công tác tổ chức là nấm vũng và thực hiện chặt chẽ những giềng mồi, những nguyên tắc bảo đảm kỷ luật của Đảng, kỷ cương của Nhà nước, của xã hội và tính thống nhất của đất nước.

Những chủ trương lớn về các vấn đề trên đây đã được vạch ra trong các nghị quyết Đại hội lần thứ IV, lần thứ V và một số nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá IV. Dựa vào các nghị quyết đó, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ giải quyết các vấn đề cụ thể. Hội nghị lần này của Trung ương ta chỉ bàn một số việc nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội lần thứ V đã chỉ rõ trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đủ sức lãnh đạo nhân dân ta bảo vệ vững chắc Tổ quốc...; đủ sức lãnh đạo xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của một đảng Mác - Lenin, một đảng theo chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Để làm được như vậy, Đảng ta phải lấy chủ nghĩa Mác - Lenin làm cơ sở tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức; lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển; lấy đoàn kết nội bộ, thống nhất tư tưởng, hành động và kỷ luật tự giác làm lực lượng của toàn Đảng; lấy sự gắn bó chặt chẽ với quần chúng làm nguồn sức mạnh vô địch của mình.

Mấy năm qua, các mặt công tác xây dựng Đảng như giáo dục đảng viên, củng cố cơ sở, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, v.v. có tiến bộ và đạt được một số kết quả.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng có thiếu sót là chưa

thật gắn với việc thấu suốt và chấp hành đường lối, với thực tiễn đấu tranh cách mạng, với thực tế đời sống kinh tế, xã hội. Kỷ luật Đảng ở nhiều nơi và trong nhiều trường hợp còn lỏng lẻo; tự phê bình và phê bình yếu và không thành nền nếp; mối quan hệ với quần chúng thiếu chặt chẽ; tình hình mất đoàn kết nội bộ ở một số nơi, một số ngành nghiêm trọng.

Bước vào cuộc chiến đấu mới, số đông cán bộ, đảng viên đã dũng cảm phán đấu, khắc phục khó khăn, giữ vững phẩm chất cách mạng tốt đẹp, được nâng cao một bước về trình độ chính trị, kiến thức văn hoá, khoa học, kỹ thuật, năng lực lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội.

Song mặt khác, nhiều cán bộ cao cấp và trung cấp ở trung ương và tỉnh, thành chưa thật sự thấu suốt đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, chưa nhận thức đầy đủ tính chất giai cấp gay go, phức tạp, quyết liệt của cuộc đấu tranh của nhân dân ta..., đấu tranh xoá bỏ giai cấp tư sản, và đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Do đó, đã mất cảnh giác nghiêm trọng đối với địch và phạm sai lầm hữu khuynh trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường.

Một bộ phận đảng viên, cán bộ giảm sút ý chí chiến đấu, trong đó có cả một số cán bộ cao cấp và trung cấp ở trung ương và các tỉnh, thành.

Một số trong lớp những đồng chí đã chiến đấu lâu dài, trải qua mấy cuộc kháng chiến, nay có phần mệt mỏi trước tình hình đấu tranh cách mạng tiếp tục gay go, phức tạp. Trong lớp cán bộ, đảng viên trẻ hơn, bên cạnh những đồng chí ưu tú tạo thành sinh lực mới của Đảng, có những đồng

chí chưa được giáo dục một cách có hệ thống, chưa đủ vững vàng trước sự tấn công của địch, trước sự cám dỗ của lối sống tư sản, đã mất phương hướng phán đấu.

Từ chỗ giảm sút ý chí cách mạng, một số cán bộ, đảng viên đã từng bước *suy thoái về tư tưởng và phẩm chất*, phạm những khuyết điểm nghiêm trọng. Trong số này, có những phần tử đã *hoàn toàn biến chất*, làm đồng minh của kẻ thù.

Để nâng cao sức chiến đấu và bảo đảm sự trong sạch của Đảng, dứt khoát phải đưa ra khỏi Đảng tất cả những người không đủ tư cách đảng viên. Phải chỉ đạo thật chặt chẽ và kiên quyết việc culling cốt các đơn vị cơ sở, nhất là culling cốt chi bộ. Gắn liền nội dung sinh hoạt đảng với việc đấu tranh thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, qua đó, nâng cao trình độ của cán bộ lãnh đạo cơ sở, bồi dưỡng và phát huy những đảng viên trung kiên, tích cực, giúp đỡ các đồng chí có khuyết điểm nhận rõ và sửa chữa lỗi lầm.

Phải *tăng cường kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước*, nâng cao *trách nhiệm* trong Đảng và trong bộ máy nhà nước. Ai có thành tích thì được biểu dương, ai có công thì được khen thưởng, những người có khuyết điểm, sai lầm nặng phải chịu kỷ luật trước Đảng, những người vi phạm pháp luật, những người có tội nặng phải bị xử phạt theo pháp luật.

Trong giai đoạn mới hiện nay, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi một đội ngũ cán bộ có cơ cấu đồng bộ, gồm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật cho tất cả các cấp, các ngành. Đối với cán bộ hoạt động trong mỗi ngành và

ở mỗi cấp, có những tiêu chuẩn cụ thể khác nhau, song yêu cầu chung đối với toàn thể cán bộ là phải thấu suốt và kiên quyết chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, có năng lực tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng.

Trên cơ sở đánh giá đúng cán bộ căn cứ vào kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao và dựa vào ý kiến của quần chúng, cần bố trí đúng cán bộ chủ chốt của các ngành, các cấp, trước hết là bố trí ở 40 bộ, ngành, 40 tỉnh, thành, 400 huyện và 400 công ty, xí nghiệp lớn những kíp cán bộ đủ bản lĩnh, có sức vươn lên mạnh mẽ.

Phải thi hành nghiêm ngặt *nguyên tắc trung dân chủ* trong Đảng cũng như trong bộ máy nhà nước, bảo đảm sức mạnh thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước trung ương. Phải chấm dứt ngay những hành động tuỳ tiện đặt ra các quy định, các thể lệ, các chính sách riêng, trái với nghị quyết và chính sách của Trung ương. Đồng thời, kiên quyết khắc phục tập trung quan liêu, không phát huy tính chủ động của các cấp và cơ sở, không giải quyết kịp thời những vấn đề do thực tế đặt ra.

Sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, trước hết là của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, không kiên quyết, không tập trung, thiếu đồng bộ và kém hiệu lực. Để sửa chữa khuyết điểm này, phải kịp thời cụ thể hoá các nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành những thể chế và biện pháp của Nhà nước; phải tiếp tục cải tiến và bổ sung các chính sách, chế độ; phải phối hợp lực lượng của các

ngành, các cấp theo một chương trình hành động thống nhất, từng thời gian làm dứt điểm một số công việc chính; phải tiến hành kiểm tra, thanh tra chặt chẽ; kịp thời tổng kết và phổ biến các kinh nghiệm tốt, nhân rộng các điển hình tiên tiến; kịp thời phát hiện, uốn nắn những tư tưởng và việc làm sai lệch.

Muốn làm chuyển biến được tình hình, phải có một *phong trào quần chúng* sâu rộng, mạnh mẽ, bền bỉ ở từng cấp, nhất là ở cơ sở, và trong từng ngành, nhất là ở những ngành, những lĩnh vực có tính chất quyết định. Phong trào cách mạng này nhằm đưa quần chúng đứng lên làm chủ, phát huy năng lực và sức sáng tạo của quần chúng để đẩy mạnh các mặt công tác, và lấy phong trào quần chúng để giáo dục quần chúng. Các đoàn thể nhân dân phải coi việc xây dựng phong trào này là nhiệm vụ chính của mình. Phải có phong trào làm chủ tập thể để đẩy mạnh cải tạo, xây dựng, sản xuất, tiết kiệm; thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông; xây dựng nền văn hoá mới, con người mới; bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

KIÊN QUYẾT BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ THÀNH QUẢ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Hiện nay, đế quốc Mỹ ráo riết tập hợp lực lượng, đẩy mạnh chạy đua vũ trang, công khai hô hào một cuộc đối đầu có tính toàn cầu chống lại ba dòng thác cách mạng trên thế giới, chủ yếu là chống Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chính sách cực kỳ phiêu lưu của Oasinhton

làm cho tình hình thế giới trở nên hết sức căng thẳng, đặt loài người trước thảm họa một cuộc huỷ diệt hạt nhân. Vì vậy, chính sách ấy đang vấp phải cuộc tiến công hoà bình kiên quyết của Liên Xô cùng các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và sự chống trả ngày càng mạnh mẽ của các dân tộc. Chúng ta tin chắc rằng ba dòng thác cách mạng và các lực lượng hoà bình trên thế giới có đủ sức mạnh chặn tay bọn cuồng chiến, đẩy lùi và xoá bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Hoà bình thế giới có thể giữ vững. Nhưng chiến tranh khu vực vẫn diễn ra ở nhiều nước Á, Phi, Mỹ Latinh. Chủ nghĩa đế quốc muốn đè bẹp phong trào giải phóng dân tộc, ngăn chặn không cho các nước độc lập dân tộc phát triển lên chủ nghĩa xã hội, và nhằm đánh vào những khâu yếu trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

.....

Hiện nay bọn... câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác đang ráo riết tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt rất thâm độc chống nhân dân ta. Kẻ thù hòng làm cho ta suy yếu, kiệt quệ, tìm cách chia rẽ ba nước Đông Dương và tách Việt Nam khỏi Liên Xô để tiến lên đánh bại nước ta, bẻ gãy một mảnh xích mà chúng cho là yếu trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà cách mạng Việt Nam là tiêu biểu.

Như vậy, *trong một thời gian dài, đất nước ta vẫn ở trong tình thế phải đối phó với chiến tranh*. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nhận rõ tình hình đó. Phải xây dựng quyết tâm cao nhất, lực lượng mạnh nhất và luôn luôn sẵn sàng đánh thắng trong bất kỳ tình huống chiến nào.

.....

Trước mắt, chúng ta phải quyết tâm đánh thắng cho kỳ được chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Trong kiểu chiến tranh này, địch ngày càng *tăng cường phá hoại về kinh tế*, hòng cản trở sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Chúng dựa vào bọn tay sai bên trong nước ta, khoét sâu những khó khăn của ta, lợi dụng những sai sót trong quản lý kinh tế, tìm cách mua chuộc cán bộ, bộ đội và nhân viên nhà nước, đả kích sự lãnh đạo của Đảng, kích động tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Cuộc đấu tranh giữa ta với địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa quyên vào nhau. Đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch là *một yêu cầu quan trọng có quan hệ đến cả hai nhiệm vụ chiến lược*. Trên mặt trận kinh tế, địch phá ta rất tinh vi, thâm độc. Để đập tan mọi hành động và thủ đoạn phá hoại của chúng, ta phải rất tỉnh táo, chặt chẽ, không để xảy ra sơ hở, đồng thời ra sức làm tốt công cuộc xây dựng, nhanh chóng tăng cường sức mạnh kinh tế của đất nước.

Muốn đánh thắng địch, phải chấp hành triệt để đường lối quân sự, thực hiện thắng lợi đường lối kinh tế của Đảng; phải tăng cường chuyên chính vô sản về tất cả các mặt; phát động phong trào quần chúng làm chủ tập thể, nhất là ở cơ sở...

Phải đấu tranh khắc phục nhận thức *mơ hồ*..., tình trạng *mất cảnh giác rất nghiêm trọng* đối với địch. Phải nhận rõ tính chất gay go, phức tạp, lâu dài của cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt, khắc phục bằng được

khuyết điểm các cấp uỷ và các ngành xem nhẹ lãnh đạo sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị của chúng ta đã đạt được kết quả tốt. Sau Hội nghị này, các đồng chí Trung ương và các cấp, các ngành cần truyền đạt sâu rộng Nghị quyết, làm cho cán bộ, đảng viên thấu suốt hơn nữa những quan điểm, tư tưởng cơ bản trong đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, khẳng định mạnh mẽ thành tựu, đánh giá sâu sắc những mặt yếu kém, hư hỏng, nhận rõ trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi cá nhân. Phải khơi dậy nhiệt tình cách mạng trong cán bộ, đảng viên, xây dựng một quyết tâm lớn làm chuyển biến tình hình.

Quyết tâm đó phải biến thành hành động cách mạng, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội. Về từng công việc quan trọng trước mắt, cần định rõ yêu cầu và mức độ chuyển biến cụ thể. Ban Bí thư cần có kế hoạch chu đáo để chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ việc tuyên truyền giáo dục, tự phê bình và phê bình, giải quyết một số vấn đề cấp bách về tổ chức, không để xảy ra mất đoàn kết nội bộ, tạo sơ hở cho những phần tử xấu gây rối và địch xen vào phá hoại.

Qua việc tuyên truyền giáo dục, tự phê bình, phê bình, và việc kiện toàn tổ chức, *từng đảng bộ và toàn Đảng ta phải đoàn kết và vững mạnh, các biểu hiện tiêu cực phải được ngăn chặn, các hành động trái phải chấm dứt, các nhân tố tích cực phải được phát huy, những việc đúng, việc tốt phải phát triển*.

Từ Ban Chấp hành Trung ương đến đảng bộ cơ sở và

từng đảng viên, toàn Đảng ta hãy đồng tâm nhất trí, quyết phán đấu làm chuyển biến tình hình kinh tế, xã hội, giành thắng lợi lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TU BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)**

Số 13-NQ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 1983

**Những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức
bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ
kinh tế và xã hội trước mắt**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ XÃ HỘI HIỆN NAY

Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, đất nước ta có những chuyển biến tích cực, những tiến bộ mới, theo hướng đi lên ngày càng vững chắc.

Trong hoàn cảnh phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và lâu dài của địch, nền kinh tế có rất nhiều khó khăn, mất cân đối lớn, vật tư, nguyên liệu ít hơn trước, thiên tai liên tiếp, sản xuất nông nghiệp và một số ngành công nghiệp vẫn phát triển. Thành tích nổi bật nhất

là: lần đầu tiên từ nhiều năm nay, *chúng ta đã tự trang trải được nhu cầu tối thiểu về lương thực trong phạm vi cả nước*. Nông dân lao động nước ta, được sự giúp đỡ to lớn của Nhà nước, có chính sách khuyến khích sản xuất, cơ chế khoán sản phẩm và sự hợp tác tích cực của giai cấp công nhân và cán bộ khoa học kỹ thuật trên mặt trận nông nghiệp, đã phát huy tinh thần làm chủ tập thể, khai thác tốt tiềm năng lao động, đất đai, đưa năng suất và sản lượng lúa lên nhanh, thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước về sản xuất lương thực và hăng hái làm tốt nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Hàng trăm hợp tác xã, hàng chục huyện ở miền Bắc cũng như miền Nam đạt năng suất lúa 8-10 tấn/ha. Các tỉnh miền Trung vốn gấp rất nhiều khó khăn về sản xuất và đời sống, nay đã tiến bộ nhanh về thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, tăng nhanh sản lượng lương thực. Các địa phương trong cả nước đã thực hiện khá tốt kế hoạch huy động lương thực. Nhiều kinh nghiệm quý báu đã chỉ rõ khả năng và cách làm cho cả nước tiến lên giải quyết một cách vững chắc vấn đề lương thực và phát triển nông nghiệp toàn diện, làm cơ sở để phát triển công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp hàng tiêu dùng, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương tiếp tục phát triển. Các ngành công nghiệp nặng như điện, than, cơ khí, hoá chất, vật liệu xây dựng, đều có cống gánh. Giao thông vận tải và xây dựng cơ bản có những tiến bộ bước đầu.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp giành thắng lợi lớn ở các tỉnh thuộc Khu V cũ. Gần đây, các tỉnh Nam Bộ tích cực đấu tranh khắc phục những khuyết

điểm trước đây, đang đẩy mạnh việc điều chỉnh ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp. Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác, với mức độ khác nhau, đang bước đầu thực hiện các biện pháp tăng cường trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống những hoạt động phi pháp của tư thương và nghiêm trị bọn ăn cắp của công, bọn đầu cơ buôn lậu. Những việc làm đó được nhân dân lao động hoan nghênh và nhiệt liệt tham gia.

Hoạt động khoa học, kỹ thuật có tiến bộ bước đầu trong việc phục vụ sản xuất và đời sống, đưa lại hiệu quả thiết thực. Sự nghiệp giáo dục, y tế, xã hội, văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao tiếp tục phát triển.

Đời sống của nông dân lao động, tầng lớp đông đảo nhất trong dân cư, nói chung được ổn định và có mặt được cải thiện. Đời sống của công nhân và lao động trong khu vực sản xuất công nghiệp ở những cơ sở có điều kiện sản xuất tương đối ổn định có giảm bớt một phần khó khăn.

Chúng ta đã bảo vệ vững chắc Tổ quốc, tăng cường quốc phòng và an ninh; tiếp tục giúp đỡ nhân dân hai nước anh em Campuchia và Lào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Ngày nay, thế và lực của nước ta và của cả ba nước Đông Dương vững mạnh hơn nhiều.

Bộ máy lãnh đạo của Đảng, bộ máy quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, qua hoạt động thực tế và qua đại hội đảng bộ các cấp, được tăng cường một bước về năng lực chỉ đạo và quản lý.

Đạt được những tiến bộ và thắng lợi to lớn như trên, trước hết là do đường lối của Đảng ta đề ra trong Đại hội IV, Đại hội V và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị là

hoàn toàn đúng đắn; do những *chính sách mới về quản lý kinh tế* của Nhà nước; do công tác tư tưởng và tổ chức của Đảng có tiến bộ; do *các cấp, các ngành* đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự lực vươn lên, chủ động sáng tạo vượt qua khó khăn để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; do đồng đảo *cán bộ, đảng viên* ta tận tụy, hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; do *nhân dân lao động* và các *lực lượng vũ trang* của ta rất cách mạng đã phát huy tinh thần tự lực tự cường và quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cùng Đảng và Nhà nước phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, đưa cách mạng tiến lên, giành thắng lợi mới; do sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Song hiện nay không ít cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ cao cấp và trung cấp, chưa thấy rõ những thắng lợi trên các mặt kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, không kiên quyết đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, không tích cực phê phán những nhận thức, quan điểm sai lầm của những người mang nặng tư tưởng bi quan, hoài nghi trước tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

Trong lúc kẻ thù của dân tộc và giai cấp đang dùng trăm phương nghìn kế hòng phá hoại sự nghiệp cách mạng của ta, bôi đen chế độ ta, chia rẽ Đảng với quần chúng, làm hư hỏng cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước, làm mờ nhạt hình ảnh đẹp đẽ của Việt Nam trong lòng nhân dân thế giới, chúng ta càng phải *khẳng định mạnh mẽ những thắng lợi to lớn đã giành được, khẳng định đường lối của Đảng ta đã ra trong Đại hội IV, Đại hội V và Hội nghị Trung ương lần thứ*

ba là hoàn toàn đúng đắn; từ đó mà nhất trí cao và hành động đúng theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng để giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa.

Chúng ta khẳng định những thắng lợi quan trọng nói trên, đồng thời cũng thấy rõ và chỉ rõ những mặt *khó khăn và yếu kém* trong tình hình kinh tế, xã hội, trong tư tưởng và tổ chức hiện nay để ra sức khắc phục.

Trên *mặt trận nông nghiệp*, chưa làm tốt việc tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động, kết hợp lao động với đất đai, rừng, biển, ngành nghề và phương tiện vật chất sẵn có để tạo ra nhiều sản phẩm, xây dựng những vùng chuyên canh, thâm canh phù hợp với thế mạnh của từng vùng và kết hợp ngay từ đầu nông nghiệp với công nghiệp ở từng cơ sở, trên địa bàn từng huyện và trong phạm vi cả nước. Sản xuất lương thực tăng, nhưng chưa vững chắc, trình độ thâm canh cây lúa ở nhiều vùng còn thấp; sản xuất màu giảm sút; cây công nghiệp và chăn nuôi phát triển chậm; nạn đốt phá rừng vẫn còn nghiêm trọng ở một số nơi.

Trong *công nghiệp*, sản xuất chưa ổn định, vẫn mất cân đối nghiêm trọng về năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng, nói chung mới sử dụng 50% công suất thiết bị máy móc; các chỉ tiêu chất lượng (chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, giá thành, hiệu quả...) tiếp tục giảm sút; nhiều xí nghiệp chưa chấp hành nghiêm chỉnh chế độ giao nộp sản phẩm. Việc sắp xếp lại công nghiệp và xây dựng cơ bản được đề ra trong nhiều nghị quyết, nhưng sự chỉ đạo tổ chức thực hiện từ trên xuống thiếu khẩn trương và đồng bộ, nên đến nay chưa làm được mấy.

Trên lĩnh vực *phân phối lưu thông*, có những tiến bộ

trong việc thu mua lương thực, nông sản, thu ngân sách, có cố gắng trong việc cung cấp một số mặt hàng theo định lượng cho cán bộ, công nhân, các lực lượng vũ trang. Nhưng trong lĩnh vực này vẫn đang có nhiều sơ hở, và là nơi tập trung nhất những khuyết điểm, lêch lạc về tư tưởng, nhận thức, hành động của các ngành, các cấp, gây nên những hậu quả nghiêm trọng đối với sản xuất, đời sống, đối với nền kinh tế quốc dân.

Trong khi sản xuất tiếp tục phát triển thì Nhà nước *không nắm được toàn bộ sản phẩm* của các cơ sở quốc doanh và của sản xuất tiểu, thủ công nghiệp do Nhà nước gia công, không nắm được tuyệt đại bộ phận lương thực thừa và nông sản hàng hoá, không nắm được hết vật tư, hàng hoá nhập khẩu để đưa việc phân phối, tiêu dùng đi vào kế hoạch; *quản lý vật tư, hàng hoá không nghiêm, để cho hàng của Nhà nước bị tuồn ra "chợ đen"*. Việc quản lý tài chính, quản lý tiền mặt rất lỏng lẻo, không tập trung, thống nhất. Nhà nước *không nắm được tiền*, không kiểm soát được việc thu, chi ngân sách và tiền mặt, để tình trạng lạm phát, giá cả tăng nhanh và đồng tiền mất giá nghiêm trọng.

Từ trung ương đến địa phương và cơ sở, không ra sức phát triển mạnh mẽ hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, không mở rộng hệ thống dịch vụ, *không làm chủ được thị trường và giá cả*, để cho bọn tư sản cũ và mới và tư thương gây rối loạn. Nhà nước không bảo đảm được vững chắc việc cung cấp các hàng tiêu dùng thiết yếu theo định lượng và trả lương đều đặn, đúng thời gian cho người ăn lương, và rất thiếu hàng hoá để trao đổi lấy lương thực và nông sản khác của nông dân. Nhân dân lao động ở thành thị

và ở một số vùng nông thôn vẫn bị giai cấp tư sản và bọn gian thương đầu cơ bóc lột nặng nề. *Đời sống* của bộ đội, công an, công nhân, viên chức, cán bộ, ngày càng khó khăn, trong lúc bọn tư sản, bọn gian thương, bọn ăn cắp của công, bọn làm ăn phi pháp, trong đó có cả một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, ngang nhiên sống xa hoa, phè phloan. Đó là một tình hình bất công, trái với đạo lý, đi ngược nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa, gây bất bình chính đáng trong xã hội, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước.

Xuất nhập khẩu, tuy có tăng và đã góp phần khắc phục một số khó khăn trong sản xuất và đời sống, song mức phát triển nguồn xuất khẩu còn chậm, chất lượng hàng xuất khẩu giảm sút, hiệu quả còn thấp, chưa tương xứng với khả năng và điều kiện sẵn có. Mặt khác, do thiếu hướng dẫn và phân công cụ thể cho các địa phương, nên lại có nhiều lộn xộn, như tranh mua, tranh bán giữa các cơ quan kinh doanh xuất nhập khẩu của trung ương với địa phương và giữa các địa phương với nhau, kiếm lợi bằng chênh lệch giá, do đó đẩy giá một số mặt hàng lên cao; lỏng lẻo trong việc quản lý và sử dụng ngoại tệ, sử dụng hàng nhập, sử dụng hoặc cho phép tư nhân kinh doanh xuất nhập khẩu, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương và thống nhất quản lý ngoại tệ. Ở một số địa phương, công tác xuất - nhập khẩu không góp phần làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, mà lại làm tăng thế lực kinh tế cho giai cấp tư sản, làm thiệt hại lợi ích của Nhà nước và nhân dân. Những khuyết điểm ấy đã tạo sơ hở cho kẻ địch lợi dụng phá

hoại, làm cho thị trường, giá cả thêm hỗn loạn, làm giảm giá trị đồng tiền và làm hư hỏng không ít cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước.

Công cuộc *cải tạo xã hội chủ nghĩa* đối với nông nghiệp ở Nam Bộ gần đây có tiến bộ, song so với yêu cầu thì còn chậm. Công tác cải tạo công, thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và tư nhân, bị buông trôi một thời gian dài, để cho giai cấp tư sản..., phục hồi và phát triển, và để cho thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa tự do hoạt động, làm hỗn loạn trật tự kinh tế - xã hội. Việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp và thương nghiệp về cả ba phương diện quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối và quan hệ quản lý bị xem nhẹ, đã ảnh hưởng lớn đến việc Nhà nước và nhân dân làm chủ sản xuất và phân phối.

Trên mặt trận *văn hoá, xã hội*, nhân dân lao động ta nói chung giữ vững và phát huy bản chất tốt đẹp, dũng cảm lao động và chiến đấu, chịu đựng gian khổ, khó khăn. Song một bộ phận trong xã hội, trong đó có cả nhân dân lao động, công nhân, thanh niên, cán bộ, đảng viên, có những biểu hiện hư hỏng nghiêm trọng về đạo đức và lối sống: lười lao động, làm dối, làm ẩu, ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp, chạy theo đồng tiền, sống xa hoa, truy lạc. Ảnh hưởng văn hoá phản động, đồi trụy của chủ nghĩa đế quốc, thực dân mới chưa bị quét sạch. Những hủ tục của xã hội cũ sống lại ở nhiều nơi. Nhìn chung, lối sống xã hội chủ nghĩa chưa được xây dựng thành một tập quán phổ biến trong xã hội ta.

Trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật, bên cạnh những thành tựu mới, tài năng mới về sáng tác, biểu diễn và những

tiến bộ về xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, một số văn nghệ sĩ đã nảy sinh tâm trạng hoài nghi, bi quan, xa rời đường lối của Đảng, xa rời thực tế và quần chúng lao động, có khuynh hướng "thương mại" chạy theo thị hiếu thấp kém để thu lợi, kiếm tiền, rồi vào nghệ thuật tư sản. Sự buông lỏng lãnh đạo và quản lý trên mặt trận văn hoá, xã hội đang gây nên những ảnh hưởng xấu trong nếp nghĩ, cách sống và tâm lý của xã hội.

Quốc phòng và an ninh tuy được giữ vững, song một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn còn mất cảnh giác nghiêm trọng đối với những âm mưu phá hoại nhiều mặt...; những hoạt động phá hoại của địch trên mặt trận kinh tế ít được phát hiện và ngăn chặn. Công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, cuộc đấu tranh có hiệu quả chống các hoạt động phá hoại của địch, nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang, quân đội cũng như công an, đòi hỏi phải làm tốt hơn nữa.

Trong *Đảng* và trong bộ máy *Nhà nước*, kỷ luật lao động, kỷ luật chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước không nghiêm; quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, chưa được phát huy, thậm chí còn bị vi phạm nghiêm trọng ở nhiều nơi. Cơ chế quản lý bao cấp chậm được sửa đổi. Bộ máy quản lý hành chính ở các cấp quá lớn và kém hiệu lực. Tệ quan liêu, bảo thủ, cửa quyền, vô trách nhiệm đối với sản xuất và đời sống của quần chúng còn rất nặng nề. Mặc dù đã qua phát triển đảng viên, qua đại hội đảng bộ các cấp, đến nay vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên hư hỏng. Số này hoặc còn tiếp tục tham gia bóc lột dưới nhiều hình thức, hoặc ăn

cấp của công, hối lộ, móc ngoặc với gian thương để làm giàu, ức hiếp quần chúng, hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, thậm chí chống lại đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Ở nhiều nơi, tổ chức đảng chưa làm được chức năng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách và pháp luật, giáo dục và quản lý đảng viên. Tình hình mất đoàn kết nội bộ ở một số nơi, một số ngành còn nghiêm trọng.

Nguyên nhân của những yếu kém nói trên là:

1. Trong Đảng và trong bộ máy nhà nước, có nhiều cán bộ, kể cả trong một số cán bộ cao cấp và trung cấp ở trung ương và các tỉnh, thành, chưa nhận thức sâu sắc tính chất phức tạp, quyết liệt lâu dài của cuộc đấu tranh...

- Đối với cuộc đấu tranh *bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*, chưa nhận thức rõ những âm mưu, thủ đoạn của chúng về chính trị, kinh tế, tư tưởng. Do đó, không chăm lo đầy đủ việc giáo dục, nâng cao ý chí chiến đấu, đạo đức cách mạng và quản lý chặt chẽ về mặt tổ chức để bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, của bộ máy nhà nước, của các lực lượng vũ trang, của các đoàn thể, buông lơi cuộc đấu tranh chống sự phá hoại của kẻ thù, chưa củng cố và tăng cường đúng mức phòng và an ninh.

- Đối với cuộc đấu tranh *giữa hai con đường* trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, không nắm vững *đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của Đảng*. Vì vậy, đã không kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng; không tích cực cải tạo nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và tiểu công nghiệp, thủ công

nghiệp, không chăm lo củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh, xây dựng và quản lý kinh tế tập thể; buông lỏng việc kiểm kê, kiểm soát, buông lỏng pháp luật nhà nước, không nghiêm trị bọn bóc lột, đầu cơ buôn lậu, ăn cắp, làm ăn phi pháp...

2. Nguyên tắc *tập trung dân chủ* trong sinh hoạt của Đảng và trong công tác quản lý của Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh. Một mặt chưa phát huy đầy đủ dân chủ trong Đảng, chưa tích cực xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân về kinh tế, văn hoá, xã hội, tình trạng tập trung quan liêu chậm được khắc phục. Mặt khác, không giữ vững nguyên tắc tập trung, thống nhất trong lãnh đạo và quản lý.

Trong công tác quản lý kinh tế, chậm cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ bằng những chính sách, chế độ vừa bảo đảm quyền lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương, vừa mở rộng tính chủ động và sáng tạo của các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở. Một số chế độ, chính sách đã đề ra có sơ hở, lại thiếu hướng dẫn và kiểm tra cụ thể để ngăn ngừa tình trạng phân tán, tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật.

3. Một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước sa sút về phẩm chất, đạo đức cách mạng, thậm chí thoái hoá, biến chất, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, mà không bị xử phạt công minh và kịp thời, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, của Nhà nước.

4. Sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, trước hết là của Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng,

thiếu chặt chẽ, chưa tập trung, không đồng bộ, chậm cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng, không tổng kết và kết luận kịp thời những vấn đề còn chưa nhất trí. Cách làm việc không sâu sát, thiếu kiểm tra, đôn đốc, thiếu thuởng phạt nghiêm minh và kịp thời.

Những khuyết điểm về công tác tư tưởng và tổ chức nói trên đang là một trở ngại lớn cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là trên các mặt kinh tế, xã hội. Chúng ta cần phân tích sâu sắc, phê phán nghiêm khắc, quyết tâm khắc phục cho được những khuyết điểm ấy, để tăng cường sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực của Nhà nước trong thời gian tới.

Phân thứ hai

NHỮNG VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG VÀ TỔ CHỨC CẤP BÁCH HIỆN NAY

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra hai nhiệm vụ chiến lược, cụ thể hoá thêm một bước đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xác định những mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát của những năm 80. Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cuối năm 1982 lại cụ thể hoá những mục tiêu ấy trong năm 1983 và các năm 1983-1985, đồng thời đề ra một loạt chủ trương, biện pháp để thực hiện những mục tiêu ấy.

Để thực sự tạo ra một bước chuyển biến mới về tình hình

kinh tế - xã hội, tăng cường lực lượng quốc phòng, an ninh và nâng cao sức chiến đấu của Đảng, phải xác định rõ những vấn đề tư tưởng, tổ chức cấp bách sau đây:

1. Trên mặt trận kinh tế, trước hết, phải thấu suốt nội dung công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, trong *chặng đường đầu tiên* của thời kỳ quá độ là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý.

Phải kết hợp đúng đắn xây dựng *kinh tế trung ương* với phát triển *kinh tế địa phương*, thực hiện *ba cấp làm chủ*, tích cực *xây dựng huyện*, để sử dụng cho được cái vốn quý nhất của chúng ta là *lao động, đất đai* (bao gồm cả rừng, biển) và *ngành nghề*, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sử dụng tốt hơn cơ sở vật chất - kỹ thuật và đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có.

Cần làm ngay, làm mạnh việc *bố trí lại sản xuất nông nghiệp và phân bố lại lao động* ở từng cơ sở, trên địa bàn từng *huyện* từng *tỉnh* và trong *cả nước*, có quy hoạch và kế hoạch hợp lý để đưa hàng triệu lao động đến các tỉnh biên giới phía Bắc, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

Cần tiến hành khẩn trương việc phân công, phân cấp quản lý kinh tế, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, của Nhà nước và nhân dân, của trung ương và địa phương, để thực hiện có hiệu quả việc bố trí lại sản xuất

nông nghiệp và phân công lại lao động, đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Phải ra sức đẩy mạnh sản xuất *công nghiệp hàng tiêu dùng và một số ngành công nghiệp nặng quan trọng*, nhằm trước hết cung ứng tư liệu sản xuất cho nông nghiệp và hàng tiêu dùng cho nhân dân, sản phẩm cho xuất khẩu. Không xem nông nghiệp hiện nay là mặt trận hàng đầu là sai lầm; nhưng xem nhẹ *nhiệm vụ trung tâm của suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa với nội dung kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý cũng là sai lầm. Cho nên, đi đôi với phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, phải đặc biệt chú trọng đẩy mạnh sản xuất than, phát triển thêm nguồn điện, sắp xếp lại và phát huy năng lực cơ khí sẵn có và phát triển cơ khí nhanh hơn nữa, chuẩn bị và từng bước xây dựng ngành luyện kim, hoá chất, phát triển giao thông vận tải, xây dựng cơ bản và công nghiệp vật liệu xây dựng.

Đi đôi với việc phát huy các thế mạnh và các vốn quý trong nước, phải ra sức *mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất nhập khẩu*, xem đó là một nhiệm vụ chiến lược kinh tế quan trọng nhằm duy trì, phát triển sản xuất trong nước, phá thế bao vây của địch đối với nền kinh tế nước ta. Cần khắc phục tư tưởng ỷ lại, nêu cao tinh thần tự lực tự cường và tinh thần hợp tác quốc tế với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc *Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương, thống nhất quản lý ngoại tệ và thống nhất quản lý vận tải xuất - nhập khẩu*; tập trung

những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu và đại bộ phận ngoại tệ vào Nhà nước trung ương để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trước mắt và từng bước tích luỹ cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Động viên mọi địa phương, mọi cơ sở, mọi gia đình đều tham gia làm hàng xuất khẩu và triệt để *tiết kiệm tiêu dùng* trong nước để tăng thêm hàng xuất khẩu.

Chấm dứt tình trạng dùng ngoại tệ để nhập những hàng tiêu dùng không thiết yếu và xa xỉ phẩm để kiếm nhiều lãi; chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán, đẩy giá lên cao, làm mất ổn định thị trường, giá cả và tiền tệ.

2. Đảng ta đã chỉ rõ rằng, trong thời kỳ quá độ, *cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra rất gay go, phức tạp và quyết liệt...* Để bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, Nhà nước chuyên chính vô sản phải phát huy được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; *kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng* để xây dựng quan hệ sản xuất mới và lực lượng sản xuất mới, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và tất cả các cấp, các ngành phải tăng cường chỉ đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, đạt cho được mức phấn đấu cụ thể mà Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) đã đề ra là:

Kiện toàn và nâng cao chất lượng của kinh tế quốc doanh; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Đến năm 1985, hoàn thành về cơ bản việc tổ chức nông dân ở Nam Bộ vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, đưa một bộ phận sản xuất thủ công cá thể vào làm ăn tập thể bằng các hình thức thích hợp.

Thực hiện chính sách vừa sử dụng, vừa cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh; triệt để xoá bỏ thành phần tư bản trong thương nghiệp.

Mở rộng đi đôi với chấn chỉnh thị trường có tổ chức; kiên quyết cải tạo, sắp xếp lại và quản lý thị trường "tự do".

Cần phê phán và khắc phục những quan điểm, tư tưởng sai lầm xem nhẹ công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, xem nhẹ việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; kiên quyết thi hành kỷ luật của Đảng và Nhà nước đối với những cán bộ, đảng viên vẫn tham gia bóc lột, không chấp hành chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, gây khó khăn cho việc thực hiện công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa.

3. *Mặt trận phân phối lưu thông* hiện nay có nhiều vấn đề cấp bách nhất, nóng bỏng nhất. Đó là nơi có nhiều khó khăn, nhiều hiện tượng tiêu cực, và cũng là nơi diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt nhất giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa địch và ta.

Đảng ta nhận định rằng: trong điều kiện kinh tế - xã hội của ta trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước chuyên chính vô sản hoàn toàn có khả năng thiết lập trật tự mới xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông. Vấn đề quan trọng trước tiên là Nhà nước *làm chủ sản xuất* đi đôi với *làm chủ phân phối, lưu thông và tiêu dùng*; Nhà nước phải *nắm được hàng, nắm được tiền*. Trên cơ sở lấy sản xuất làm gốc, Nhà nước phải nắm vững các ngành kinh tế then chốt, phát triển

mạnh mẽ kinh tế quốc doanh. Các cơ sở kinh tế quốc doanh phải thực hiện tốt chế độ quản lý xã hội chủ nghĩa, làm ăn có hiệu quả kinh tế và chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật giao nộp sản phẩm, kỷ luật tài chính. Các bộ, các ngành phân phối lưu thông phải tích cực tác động vào sản xuất, tạo thuận lợi cho sản xuất phát triển, phải kiên quyết sửa và sửa ngay những quy định không phù hợp đang kìm hãm sản xuất.

Bằng các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục, Nhà nước phải nắm được tuyệt đại bộ phận sản phẩm công nghiệp do các khu vực sản xuất tập thể và tư nhân làm ra; Nhà nước phải *từng bước nắm độc quyền về lương thực và những nông sản hàng hoá có giá trị cao*. Tăng cường quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hoá của Nhà nước, kiên quyết chấm dứt hiện tượng tuồn hàng hoá, vật tư của Nhà nước ra ngoài, nghiêm cấm buôn bán vật tư kỹ thuật và thiết bị sản xuất trên thị trường "tự do". Nhanh chóng mở rộng và nâng cao chất lượng của *thương nghiệp quốc doanh và tập thể xã hội chủ nghĩa* để phục vụ tốt sản xuất và đời sống; chống quan điểm kinh doanh đơn thuần để kiếm lời. Phân phối một cách công bằng theo nguyên tắc phân phối theo lao động; chống tham ô, móc ngoặc, chống đặc quyền đặc lợi. Phải mở rộng kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để làm chủ thị trường, tích cực cải tạo và quản lý thị trường "tự do", triệt để *loại trừ tư sản thương nghiệp* ra khỏi thị trường nông thôn và thành thị.

Phải quản lý chặt chẽ giá cả, phấn đấu để từng bước bình ổn giá cả. Kiên quyết *chống xu hướng chạy theo cơ chế thị trường* từ trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế

quốc doanh, đấu tranh khắc phục tình trạng để thị trường và giá cả biến động tự phát ngoài sự kiểm soát của Nhà nước.

Đời sống của công nhân, cán bộ, viên chức và các lực lượng vũ trang đang là một vấn đề cấp bách phải giải quyết sớm và tốt. Khâu then chốt là đẩy mạnh sản xuất và Nhà nước nám được hàng, nám được tiền để *bảo đảm cung cấp đủ và đúng thời gian những mặt hàng thiết yếu* theo tiêu chuẩn định lượng, cũng như phân phối theo giá chỉ đạo của Nhà nước những hàng không theo định lượng, thực hiện tốt chế độ lương khoán, lương sản phẩm trong khu vực sản xuất. Đồng thời, tăng cường quản lý thị trường, từng bước bình ổn giá cả, kiên quyết không để cho bọn tư sản và tư thương đầu cơ, nâng giá. Chấm dứt tình trạng giải quyết đời sống bằng cách tuỳ tiện định ra các "chế độ" riêng của cơ sở, của ngành hoặc địa phương ngoài chính sách chung của Nhà nước, hoặc bằng cách mua bán hưởng chênh lệch giá.

Triệt để tiết kiệm trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích luỹ và tiêu dùng, để vừa bảo đảm đời sống nhân dân, vừa *tích luỹ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*. Kiên quyết khắc phục tình trạng *tham ô, lãng phí, mất mát* rất nghiêm trọng hiện nay.

4. *Văn hóa, xã hội* là một lĩnh vực rất quan trọng, hiện nay đang có nhiều vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta cần đặc biệt quan tâm.

Yêu cầu hàng đầu của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, không ngừng bồi dưỡng và phát huy lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, ý thức làm chủ tập thể, tinh thần lao

động sáng tạo, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, làm cho hệ tư tưởng Mác - Lê nin giữ vị trí thống trị trong xã hội. Những yêu cầu ấy chỉ có thể đạt được thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục bền bỉ, thường xuyên, nhất là trong lao động sản xuất và trong đấu tranh cách mạng để cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cần tiếp tục triển khai mạnh mẽ và vững chắc cuộc cải cách giáo dục, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nâng cao đạo đức cách mạng và trình độ chính trị của giáo viên và học sinh, chuẩn bị cho thế hệ trẻ ra trường sẵn sàng phục vụ và phục vụ tốt sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mọi ngành hoạt động trong xã hội đều có trách nhiệm xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa cho nhân dân lao động, trên các mặt lao động, công tác, sinh hoạt tinh thần và quan hệ xã hội. Cần bồi dưỡng, giới thiệu, phát huy những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trên từng mặt và tạo thành phong trào quần chúng xây dựng nếp sống mới trong sạch, lành mạnh; đấu tranh loại trừ lối sống tiêu cực, lạc hậu, những tàn dư văn hóa lạc hậu, phản động, đồi trụy.

Cuộc đấu tranh giữa những khuynh hướng xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên mặt trận văn hóa đòi hỏi phải giành thắng lợi cho đường lối, chính sách của Đảng trên mặt trận này, đồng thời phải có một cơ chế quản lý văn hóa thích hợp, có những chính sách thoả đáng nhằm khuyến khích sự đổi mới, sự sáng tạo cái mới chân chính, từng bước tạo cho nhân dân ta một đời sống văn hóa tốt đẹp, một xã hội có kỷ cương theo phương châm "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người". Kiên quyết chống lại mọi thủ đoạn phá

hoại về tư tưởng và văn hoá của kẻ thù, những ảnh hưởng xấu của tư tưởng, văn hoá thực dân, chống tư tưởng tư sản, tư tưởng tiểu tư sản, xoá bỏ những ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và tệ tục của xã hội cũ. Chống khuynh hướng "thương mại" trong nghệ thuật, đồng thời chống những khuynh hướng bảo thủ, trì trệ trong các hoạt động nghiên cứu, sáng tác, biểu diễn, cũng như trong công tác tổ chức và quản lý các hoạt động văn hoá, nghệ thuật.

Cần hướng hoạt động văn học, nghệ thuật đi sâu vào phục vụ công cuộc bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội hiện nay. Khắc phục tình trạng buông lỏng mặt trận tư tưởng và văn hoá. Tăng cường đấu tranh tư tưởng, nâng cao tính chiến đấu của công tác lý luận và phê bình. Phê phán sâu sắc khuynh hướng xa rời đường lối của Đảng, xa rời thực tế, xa rời quần chúng lao động. Sử dụng đồng bộ các ngành, các đoàn thể và kết hợp chặt chẽ các biện pháp giáo dục, hành chính và kinh tế, nhằm đạt cho được sự chuyển biến rõ rệt trong mọi hoạt động văn hoá, nghệ thuật và tổ chức đời sống văn hoá của nhân dân.

5. Trên *mặt trận quốc phòng và an ninh*..., chúng ta phải thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, theo dõi chặt chẽ diễn biến của tình hình chung có liên quan đến âm mưu và khả năng hành động của địch để kịp thời có chủ trương và kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi.

Phải chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân *kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch*, tăng cường công tác bảo vệ *an ninh chính trị*, giữ vững trật

tự an toàn xã hội, đặc biệt chú trọng quét sạch bọn phản động, gián điệp và bọn lưu manh, côn đồ.

Không ngừng tăng cường nền *quốc phòng toàn dân* và thế trận chiến tranh nhân dân; nâng cao chất lượng và trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi của các lực lượng vũ trang nhân dân, đặc biệt là tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, tăng cường kỷ luật và tăng cường rèn luyện về mặt phẩm chất, đạo đức cách mạng; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, xây dựng pháo đài quân sự huyệt, tăng cường về mọi mặt các huyệt và cơ sở ở vùng biên giới, xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân và quốc phòng toàn dân trên địa bàn cả nước để sẵn sàng ứng phó với mọi tình thế.

Cần khắc phục có hiệu quả sự mơ hồ về bản chất thù địch..., của đế quốc Mỹ và các loại phản động khác, tình trạng mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của chúng, nhận thức không đầy đủ về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mà Đại hội Đảng lần thứ V đã đề ra.

6. Nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, vai trò vận động, giáo dục của các đoàn thể quần chúng.

Vấn đề tổ chức cấp bách nhất hiện nay là phải thực hiện đúng đắn và nghiêm chỉnh *nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng và trong công tác quản lý*. Phải có những biện pháp thiết thực, cụ thể và kiên quyết để chấm dứt tình trạng lỏng lẻo về kỷ luật Đảng và pháp luật nhà nước; thực sự tạo ra sức mạnh *thống nhất ý chí và hành động* trong toàn Đảng, sức mạnh *thống nhất quản lý* của Nhà nước, đồng thời phát huy tính chủ động và năng lực

sáng tạo của các cơ sở, các địa phương, các ngành, của mọi người lao động. Chống tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, đồng thời chống phân tán, cục bộ, vô kỷ luật, chạy theo lợi ích riêng làm hại đến lợi ích toàn cục, bảo đảm nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, bộ phận phục tùng toàn cục, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Để tăng cường sức mạnh của Đảng, phải bảo đảm sự *đoàn kết, nhất trí* trong Đảng trên cơ sở thấu suốt đường lối, chấp hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đầy đủ tự phê bình và phê bình, đề cao kỷ luật, tuyệt đối không dung thứ bất cứ hoạt động chia rẽ, bè phái nào trong Đảng. Cán bộ, đảng viên phải liên hệ mật thiết với quần chúng, sửa đổi tác phong công tác, đi sát thực tế, thâm nhập vào quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng, chống quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền. Tổ chức tốt việc tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết kịp thời thư từ của nhân dân gửi đến các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

Một vấn đề cấp bách khác là làm cho *cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước*, kể cả cán bộ cao cấp, trung cấp ở cấp trung ương và cấp tỉnh, thành, *giữ gìn được phẩm chất, đạo đức cách mạng trong sáng, thể hiện được tính tiền phong, gương mẫu*, thông qua đó mà củng cố và tăng cường lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước. Đề cao việc học tập đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đôi với giáo dục, nâng cao ý chí chiến đấu và đạo đức, phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước trong tất cả mọi cấp, mọi ngành. Phải kiên quyết đuổi ra khỏi Đảng và cơ quan nhà nước những phần tử thoái hóa,

biến chất đến nay vẫn còn bóc lột, lợi dụng chức quyền để ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với bọn gian thương, tư sản để làm giàu, ức hiếp quần chúng. Thi hành kỷ luật thật nghiêm đối với những cán bộ lãnh đạo và quản lý tỏ ra vô trách nhiệm, không chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ được giao. Kiên quyết đưa ra truy tố trước pháp luật những phần tử lợi dụng chức quyền để làm những việc sai trái, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân và ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Phê phán nghiêm khắc và xử lý thích đáng đối với những cán bộ, đảng viên cố ý bao che cho những kẻ phạm pháp.

Cần tập trung giải quyết những biểu hiện tư tưởng nghiêm trọng và phổ biến trong một số không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay là: *hữu khuynh, mất cảnh giác, quan liêu, vô trách nhiệm, hoài nghi bi quan, vô tổ chức, vô kỷ luật*.

Phải ra sức *kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng* thật sự là người tiêu biểu cho đường lối của Đảng, đấu tranh bảo vệ đường lối và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, làm tốt chức năng kiểm tra thủ trưởng và cơ quan quản lý chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước. Nêu cao trách nhiệm của *chi bộ đảng* trong việc giáo dục và quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, kịp thời giúp đỡ, phê bình, xem xét kỷ luật đối với đảng viên có khuyết điểm, sai lầm.

Một yêu cầu quan trọng để tăng cường lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội là *nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên*, nhất là về trình độ và năng lực quản lý kinh tế. Một mặt phải bồi túc cho cán bộ, đảng viên những kiến thức mới về quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ;

mặt khác chấn chỉnh công tác đào tạo cán bộ về mọi mặt, từ lựa chọn, thi tuyển, giáo dục chính trị, quản lý, chuẩn bị cán bộ kế cận, v.v. nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ thực sự có phẩm chất và có năng lực nghiên cứu và thực hành, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá hiện nay và những năm sắp tới.

Phân thứ ba

NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này phải đạt được yêu cầu tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng và phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ hơn ngay từ cuối năm 1983 trong phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi mặt hoạt động.

Để đạt được những yêu cầu trên, cần sử dụng tổng hợp và kết hợp chặt chẽ các biện pháp tư tưởng, tổ chức, kinh tế.

1. *Tăng cường công tác giáo dục chính trị trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và trong nhân dân*

a) Kết hợp với việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này, thực hiện *tự phê bình và phê bình* ở tất cả các cấp, các ngành, các cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước về *lập trường, quan điểm, tư tưởng và phẩm chất, đạo đức cách mạng*.

Các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương và cán

bộ lãnh đạo các cấp, trước hết là các ngành ở trung ương và các tỉnh, thành, phải làm cho Nghị quyết của Trung ương được thấu suốt, hướng dẫn việc tự phê bình và phê bình ở các ngành, các địa phương đạt kết quả tốt, và bản thân *gương mẫu tự phê bình, tiếp thu ý kiến phê bình đúng đắn và sửa chữa khuyết điểm*.

Mỗi cấp, mỗi ngành tiến hành tự phê bình và phê bình nhằm vào những công việc chính của cấp, của ngành, những biểu hiện chính của tổ chức và của cán bộ, đảng viên, để kiểm điểm cho sâu và đề ra những biện pháp thiết thực nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, tăng cường đoàn kết nội bộ và đưa các mặt công tác tiến lên.

Ban Bí thư có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ việc tự phê bình và phê bình này.

b) *Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, cải tiến nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân.*

Nâng cao *chất lượng sinh hoạt* của các cấp uỷ đảng và sinh hoạt của mọi loại chi bộ và đảng bộ cơ sở, làm cho sinh hoạt đảng mang tính giáo dục và tính chiến đấu sâu sắc bằng cách: các đảng bộ, chi bộ cơ sở phải tăng cường việc thảo luận để thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, bàn biện pháp tổ chức thực hiện cụ thể và giao trách nhiệm cho từng cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành và vận động quần chúng thực hiện. Phải thực sự thông qua hành động cách mạng cụ thể mà rèn luyện, giáo dục đảng viên.

Cải tiến nội dung và phương pháp *giảng dạy* trong các trường đảng theo hướng gắn việc nghiên cứu lý luận Mác -

Lênin với việc quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và việc nghiên cứu có phê phán những kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến ở các ngành và các địa phương; gắn việc học tập lý luận với tự phê bình và phê bình và giải quyết những vấn đề thực tế về lập trường, quan điểm, tư tưởng, về tổ chức và về phẩm chất của cán bộ, đảng viên.

Tăng cường hoạt động của các cơ quan *nghiên cứu lý luận* để làm tốt nhiệm vụ tham gia nghiên cứu, chuẩn bị và giải thích về mặt lý luận đường lối, chính sách của Đảng trên các lĩnh vực, nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm tiên tiến trong các phong trào cách mạng của quần chúng, phê phán những tư tưởng, quan điểm sai trái với chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối của Đảng...

Các *đoàn thể nhân dân* tăng cường giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lê nin, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, về truyền thống cách mạng, về đạo đức và nếp sống xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối với tầng lớp thanh niên, thiếu niên. Chú trọng giáo dục tầng lớp chậm tiến, giúp họ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Động viên quần chúng phát huy *quyền làm chủ tập thể* trong sản xuất và trong phân phối, chống mọi hoạt động phá hoại của kẻ thù và những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Cải tiến nội dung và phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và các trường phổ thông. Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các ngành có liên quan cần sớm có quyết định cụ thể về vấn đề này.

Cải tiến công tác *thông tin đại chúng* nhằm trang bị kịp thời cho cán bộ và quần chúng những hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về tình hình và nhiệm vụ, về những kiến thức khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế - xã hội phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống, đóng góp tích cực và có hiệu quả vào việc làm cho cán bộ và quần chúng hiểu được cục diện đất nước, quán triệt được những quan điểm cơ bản của Đảng trong các chủ trương, chính sách.

Song song với việc biểu dương "người tốt, việc tốt", phát hiện và giới thiệu những điển hình tiên tiến, cần phê phán nghiêm khắc những khuyết điểm, lệch lạc trong Đảng và trong xã hội, tạo thành dư luận quần chúng rộng rãi ủng hộ những cái đúng, đấu tranh không khoan nhượng chống những cái sai, đấu tranh sắc bén chống những luận điệu phá hoại của kẻ thù, đồng thời phát hiện những mắc mít ở cơ sở trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách, để các cơ quan có trách nhiệm kịp thời nghiên cứu và giải quyết.

Cần đặc biệt coi trọng xây dựng và sử dụng đội ngũ báo cáo viên; thực hiện chế độ định kỳ báo cáo cho đảng viên và quần chúng về thời sự chính sách; chế độ các cấp ủy viên định kỳ xuống gặp quần chúng ở cơ sở xí nghiệp, hợp tác xã, v.v. để thu thập ý kiến, giải quyết các vấn đề do quần chúng nêu ra.

2. *Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và kiện toàn tổ chức, đề cao pháp chế và pháp luật của Nhà nước*

Tất cả các cấp, các ngành cần tăng cường *kiểm tra, kiểm soát* để phát hiện và xử lý kịp thời với tình trạng vô trách nhiệm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước, đối với những hoạt động bóc lột, làm ăn phi pháp, đối với tình hình cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền để tham ô, ăn hối lộ, thông đồng với gian thương, ức hiếp quần chúng, đối với tình trạng kéo bè kéo cánh gây mất đoàn kết nội bộ, v.v..

Gắn với tự phê bình và phê bình, kiểm tra và kiểm soát mà phát hiện và *biểu dương, khen thưởng xứng đáng* những tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, *kết nạp vào Đảng* những người ưu tú, *bổ sung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp* những người có lập trường, tư tưởng đúng đắn, có ý thức tổ chức và kỷ luật, có phẩm chất, đạo đức tốt, có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời phát hiện những phần tử thoái hóa, biến chất và những người có sai lầm nghiêm trọng để *xử phạt công minh và kịp thời*, bảo đảm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước thật trong sạch, tăng thêm lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Thi hành *kỷ luật và pháp luật nghiêm minh và bình đẳng* với tất cả mọi trường hợp vi phạm. Những người giữ vị trí cao, trách nhiệm lớn, mà sai phạm thì càng phải chịu kỷ luật nghiêm khắc. Chấm dứt tình trạng thi hành kỷ luật "trên nhẹ, dưới nặng", "xuê xoa", "bao che" cho nhau đã trở thành một cái tệ trong tổ chức đảng và bộ máy nhà nước.

Rà soát lại *đội ngũ cán bộ chủ chốt* phụ trách các ban của Đảng, các ngành quan trọng trong bộ máy nhà nước ở *trung ương, cán bộ chủ chốt của 40 tỉnh, thành, của 400 huyện và của các liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp và xí nghiệp lớn*.

Kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng

viên ra khỏi Đảng, sa thải những nhân viên nhà nước thoái hóa, biến chất, không chịu làm việc, không hoàn thành nhiệm vụ.

Chấn chỉnh công tác quản lý cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước. Thực hiện đều đặn chế độ định kỳ động viên và hướng dẫn quần chúng tham gia phê bình cán bộ, đảng viên, kết hợp với chế độ cơ quan nhận xét hàng năm để nắm chắc đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước.

3. Biện pháp quan trọng hàng đầu là *phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động phong trào cách mạng của quần chúng sôi nổi ở khắp mọi nơi*, trong từng cơ sở sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, phân phối lưu thông, trong từng đơn vị lực lượng vũ trang, từng cơ quan, trường học, trong các tầng lớp công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa, thanh niên, phụ nữ, ở nông thôn cũng như ở thành thị, với các nội dung: lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có hiệu quả và năng suất cao; thực sự làm chủ trong sản xuất, trong phân phối lưu thông và trong tổ chức đời sống xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống địch phá hoại và chống mọi biểu hiện tiêu cực về kinh tế cũng như về xã hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước. Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý kinh tế, quản lý xã hội, các đoàn thể nhân dân phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong các tầng lớp nhân dân, tìm ra những hình thức tổ chức, những cơ chế thích hợp để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt.

4. Tiếp tục cải tiến cơ chế quản lý kinh tế và các chính sách kinh tế cụ thể

Một mặt, các cấp, các ngành phải nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ quản lý và chính sách đã ban hành với một chế độ trách nhiệm đầy đủ và ý thức kỷ luật cao.

Mặt khác Nhà nước phải khẩn trương tiếp tục *cải tiến cơ chế quản lý và kế hoạch hoá*, cụ thể hoá các quyết định của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương về các mặt quản lý và chính sách trong công tác kế hoạch hoá, trong vấn đề phân cấp quản lý; các chính sách và biện pháp cụ thể về sản xuất và phân phối lưu thông, đặc biệt là nấm hàng, nấm tiềng, ổn định thị trường và giá cả, bảo đảm đời sống của lực lượng vũ trang, công nhân, nhân viên, cán bộ; chấn chỉnh tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương; tiến hành có hiệu quả việc giảm nhẹ biên chế, v.v.. Phải có kế hoạch và có tổ chức nghiên cứu chu đáo để Bộ Chính trị hoặc Hội đồng Bộ trưởng quyết định các vấn đề ấy càng sớm càng tốt; đồng thời, tích cực chuẩn bị đề án cho Ban Chấp hành Trung ương bàn về quản lý kinh tế trong năm 1984 theo chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện các Nghị quyết 01 và 08 của Bộ Chính trị về công tác của *Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội*.

5. Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với việc thực hiện Nghị quyết của Trung ương

Ở Trung ương, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện Nghị

quyết này.

Để làm tốt việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, cần:

a) *Cải tiến sự chỉ đạo* của các cấp ủy đảng và *công tác điều hành* của cơ quan chính quyền các cấp, trước hết là tăng cường sự chỉ đạo của Ban Bí thư và sự điều hành của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Có kế hoạch cụ thể triển khai công việc phải làm trong từng thời gian, có phân công, phân nhiệm rõ ràng, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và rút kinh nghiệm để bổ khuyết kịp thời.

Trong công tác chỉ đạo, phải sử dụng kết hợp biện pháp giáo dục chính trị với biện pháp tổ chức, biện pháp kinh tế, thực hiện đúng quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Hội đồng Bộ trưởng và của các cấp ủy, các ngành.

Các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể phải dành thời gian thích đáng trực tiếp nghiên cứu những vấn đề quan trọng, *đi sát cấp dưới, đi sát cơ sở*, tiếp xúc với cán bộ và quần chúng để tự mình kiểm tra và xử lý công việc tại chỗ, khắc phục tệ quan liêu, xa thực tế, xa quần chúng.

Phối hợp chặt chẽ chương trình hoạt động của bộ máy đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng, từng thời gian tập trung sự chỉ đạo vào những công tác và những địa bàn trọng điểm.

b) Kịp thời *chấn chỉnh bộ máy* trực tiếp giúp việc Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, kiện toàn các ban của Đảng, tăng cường cán bộ có năng lực cho những bộ phận quan trọng có nhiệm vụ giúp Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo, điều hành công việc hằng ngày.

c) Tăng cường công tác *kiểm tra, thanh tra*:

Các cấp ủy đảng phải trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ việc thi hành Nghị quyết này gắn với kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị khác của Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành. Tuỳ tình hình cụ thể của từng ngành, từng địa phương mà từng thời gian cấp ủy định ra *chương trình kiểm tra*, chọn lấy một số việc quan trọng, một số địa bàn trọng điểm để tiến hành kiểm tra và có biện pháp giải quyết đến nơi đến chốn.

Phát triển rộng rãi các hình thức tổ chức *kiểm tra nhân dân* trong tất cả các đơn vị kinh tế, hành chính cơ sở và làm cho các tổ chức này hoạt động tích cực, thường xuyên, có hiệu quả thiết thực.

Chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các cơ quan *thanh tra*, cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp chế của Nhà nước và của từng ngành ở các cấp.

Hội nghị toàn thể lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) tin chắc rằng toàn thể cán bộ, đảng viên, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ta có lòng yêu nước nồng nàn, có quyết tâm cao xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có khả năng sáng tạo, nhất định sẽ phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, để đạt những thành tựu lớn hơn nữa trên các mặt trận kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, văn hoá và tư tưởng.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm tiến lên giành thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa!

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 21-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1983

**Về việc kỷ niệm lần thứ năm
ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô**

Năm nay nhân dân hai nước Việt Nam, Liên Xô sẽ kỷ niệm lần thứ năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô (3-11-1978 – 3-11-1983). Việc ký hiệp ước này là một sự kiện trọng đại đánh dấu một giai đoạn phát triển mới về chất của tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai đảng và nhân dân hai nước. Hiệp ước đã tạo ra những điều kiện thuận lợi mới cho sự phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu các mối quan hệ hợp tác Việt - Xô trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lê nin và các nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong sáng...

Từ khi ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô tới nay, sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô đã phát triển trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, v.v.. Hiện nay hai đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Liên Xô đang nỗ lực phấn đấu để củng cố và tăng cường hiệu quả của sự hợp tác này. Đây là một nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa to lớn đối với nhân dân hai nước, đặc biệt đối với nhân dân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong việc ổn

định và từng bước nâng cao mức sống của nhân dân.

Ban Bí thư quyết định tổ chức kỷ niệm trọng thể lần thứ năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô kết hợp với kỷ niệm 66 năm Cách mạng Tháng Mười với nội dung sau đây:

- Tuyên truyền và giáo dục nhân dân ta quán triệt tinh thần và ý nghĩa to lớn của Hiệp ước Việt - Xô đối với nhân dân hai nước và ý nghĩa quốc tế của hiệp ước; giới thiệu những thành tích to lớn trong việc thực hiện hiệp ước, những sự kiện quan trọng trên các mặt hợp tác chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, v.v. qua đó mà củng cố và phát triển hơn nữa tình hữu nghị Việt - Xô, đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong các ngành kinh tế, văn hoá, các công trình hữu nghị Việt - Xô.

- Bằng những biện pháp kỷ niệm trọng thể, thiết thực, biểu thị lòng biết ơn chân thành của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đối với Đảng Cộng sản, Nhà nước, Chính phủ và nhân dân Liên Xô anh em về sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả dành cho nhân dân ta; khẳng định lại một lần nữa rằng đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

- Nhân dịp này, tổng kết lại việc thực hiện hiệp ước trong 5 năm qua để tìm ra những hình thức, biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác Việt - Xô trong mọi lĩnh vực.

Các ban của Trung ương Đảng, các cơ quan làm công tác đối ngoại và thông tin, tuyên truyền của Đảng và Nhà nước, các cấp ủy đảng và các bộ, các ngành có quan hệ hợp tác với Liên Xô cần có kế hoạch cụ thể thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 22-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1983

**Về việc tăng cường chỉ đạo thi hành Pháp lệnh
sửa đổi một số điều về thuế công thương nghiệp**

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh sửa đổi một số điều về thuế công thương nghiệp. Các ngành, các địa phương đã triển khai thực hiện Pháp lệnh. Bên cạnh một số địa phương đã tập trung chỉ đạo, vận dụng đồng bộ các lực lượng của chuyên chính vô sản để làm chuyển biến tình hình, còn một số địa phương vẫn khoán trống cho các ngành chuyên môn, tiến hành thu thuế công thương nghiệp tách rời với các công việc khác nhằm quản lý và cải tạo thị trường.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng thực hiện tốt những việc dưới đây:

1. Việc thi hành pháp lệnh nói trên phải kết hợp chặt chẽ với việc thi hành Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép và với Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường, nhằm:

- Tăng cường động viên và điều tiết thu nhập của những người kinh doanh công thương nghiệp, đặc biệt là của những người có thu nhập cao và rất cao;

- Thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh công thương nghiệp, lập lại trật tự trên thị trường, chống đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả và kinh doanh trái phép, chống đầu cơ nâng giá, bình ổn thị trường;

- Thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới các thành phần công thương nghiệp tư nhân; khuyến khích đi vào những ngành, nghề sản xuất cần thiết cho quốc kế dân sinh, hạn chế các ngành thương nghiệp và ăn uống.

Những pháp lệnh và nghị quyết nói trên là một thể thống nhất. Vì vậy, khi chỉ đạo thực hiện, *phải vận dụng đồng bộ và phối hợp chặt chẽ các lực lượng của chuyên chính vô sản* (thuế, cảnh sát kinh tế, thương nghiệp, vật giá, ngân hàng, chính quyền quận, huyện, phường, xã, v.v.). Cấp uỷ phải chỉ đạo chặt chẽ, sít sao, không khoán trống cho chính quyền hay các ngành chuyên môn.

2. Phải đẩy mạnh công tác *tuyên truyền, giải thích chính sách*, đập tan những luận điệu phản tuyên truyền, xuyên tạc của địch, làm cho mọi người, trước hết là cán bộ, đảng viên, thông suốt chính sách, nhân dân lao động đồng tình, tạo thành một phong trào quần chúng ủng hộ và tích cực tham gia việc thực hiện chính sách thuế và quản lý thị trường, đấu tranh chống những hành động đầu cơ buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế.

3. Phải nắm vững đối tượng chủ yếu của chính sách thuế

công thương nghiệp cũng như của việc kiểm kê kiểm soát các hộ kinh doanh công thương nghiệp tư nhân loại lớn và vừa (các hộ nộp thuế môn bài bậc 1, 2 và 3).

Phải quản lý thu thuế chặt chẽ theo đúng luật pháp mà kịp thời điều chỉnh doanh thu và mức thuế theo sát thực tế kinh doanh hàng tháng.

Phải phối hợp hoạt động của tất cả các ngành liên quan, để quản lý từ gốc (nơi phát luồng hàng), đồng thời dựa vào tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở, dựa vào quần chúng lao động ở phường, xã để phát hiện và đấu tranh chống khai man doanh thu, chống trốn thuế, lậu thuế.

Các cơ quan quản lý nhà nước phải sử dụng đầy đủ quyền lực của mình để thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát theo đúng pháp luật, buộc các hộ kinh doanh phải thực hiện đăng ký kinh doanh, mở sổ sách, niêm yết giá, bán đúng giá, mở tài khoản ở ngân hàng, và làm đầy đủ các thủ tục Nhà nước quy định. Phải đề cao kỷ luật, xử lý kịp thời mọi trường hợp vi phạm pháp luật để lập lại trật tự trên thị trường.

4. Phải hết sức chăm lo tăng cường lực lượng của *thương nghiệp xã hội chủ nghĩa* (thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ), làm cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa nhanh chóng vươn lên thay thế tư nhân trong việc kinh doanh những mặt hàng thiết yếu, làm chủ bán buôn, chi phối bán lẻ và dịch vụ, chiếm lĩnh thị trường, bình ổn thị trường. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải bảo đảm cho được việc cung cấp tốt hơn các mặt hàng thiết yếu cho công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang, nhất là ở các thành phố lớn và khu

công nghiệp tập trung.

5. Phải chăm lo xây dựng hệ thống thuế công thương nghiệp vững mạnh, trong sạch, đủ sức làm tròn nhiệm vụ hết sức nặng nề trong giai đoạn hiện nay. Nhiệm vụ của ngành thuế hiện nay không chỉ là tính thuế và thu thuế mang tính chất nghiệp vụ đơn thuần, mà còn là thực hiện việc kiểm kê kiểm soát thường xuyên, liên tục, chặt chẽ của Nhà nước đối với mọi hoạt động kinh doanh công thương nghiệp, góp phần vào cuộc đấu tranh giai cấp, "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Cấp uỷ đảng cần phải trực tiếp xem xét, chấn chỉnh bộ máy thu thuế, lựa chọn và bố trí đủ cán bộ lãnh đạo có năng lực và có bản lĩnh cho ngành thuế, kiên quyết thanh lọc khỏi hàng ngũ cán bộ thuế những phần tử tham ô, nhận hối lộ, hoặc nhu nhược, hữu khuynh. Mặt khác cần hết sức coi trọng việc động viên cán bộ thuế về tinh thần, chăm lo đời sống vật chất và điều kiện làm việc cho anh chị em.

6. Việc thực hiện Pháp lệnh về thuế công thương nghiệp kết hợp với tăng cường quản lý và cải tạo thị trường là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản và trong chừng mức nhất định, còn mang tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch. Đó là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, quyết liệt, không phải chỉ làm một đợt là xong. Vì vậy phải xem đây là một công tác quan trọng, thường xuyên trong sự chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, và phải bố trí lực lượng để tiến hành thường xuyên, liên tục, có hiệu quả.

Ban Bí thư yêu cầu các ngành, các địa phương rút kinh nghiệm của những địa phương làm tốt để thực sự tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác thu thuế công

thương nghiệp, kết hợp với quản lý và cải tạo thị trường, chống đầu cơ buôn lậu, nhằm lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ V và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 23-CT/TW, ngày 5 tháng 7 năm 1983

Về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế và xã hội trước mắt do Nghị quyết Đại hội lần thứ V và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng đã đề ra.

Việc nghiên cứu quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này phải đạt được mục đích "*tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường đoàn kết trong Đảng trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng và phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên nhằm tạo ra chuyển biến mới mạnh mẽ hơn ngay từ cuối năm 1983 trong phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi mặt hoạt động*".

Dưới đây là mấy yêu cầu cụ thể:

1. Về tư tưởng: tạo được sự nhất trí cao đối với Nghị quyết của Trung ương, làm cho cán bộ, đảng viên liên hệ với tình hình thực tế, nhận thức sâu sắc đường lối chung và

đường lối phát triển kinh tế, các chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội, thấy rõ tính chất gay gắt cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa gắn với cuộc đấu tranh chống bọn... chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trên cơ sở nâng cao nhận thức tư tưởng, mỗi người và mỗi tập thể phân rõ được đúng, sai của chính mình về lập trường, quan điểm, xác định những chủ trương và biện pháp có hiệu quả, phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục những khuyết điểm, sai lầm, nâng cao tinh thần trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giữ vững phẩm chất và lối sống cách mạng.

2. Về tổ chức: quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt của Đảng cũng như trong hoạt động của bộ máy nhà nước, của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, khắc phục các biểu hiện tự do chủ nghĩa, cục bộ chủ nghĩa, tập trung quan liêu, hành chính bao cấp. Các tổ chức đảng phải tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, củng cố đoàn kết, giữ vững kỷ luật, loại bỏ những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, trước hết là những người thoái hóa, biến chất.

3. Tạo cho được sự chuyển biến thật sự và rộng khắp trong hoạt động thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng, trước hết là những nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Qua việc kiểm điểm, phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương, bổ sung những chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ (đợt hai) và hoàn thành kế hoạch nhà nước năm

1983, chuẩn bị tốt cho kế hoạch kinh tế năm sau; lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông, tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ tư sản thương nghiệp, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, ổn định đời sống nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân, nhân viên nhà nước và các lực lượng vũ trang; xây dựng đời sống tinh thần và văn hoá lành mạnh, đẩy lùi những hiện tượng văn hoá và lối sống không lành mạnh.

4. Xây dựng nền nếp lãnh đạo của các cấp, các ngành về công tác tư tưởng và công tác tổ chức, gắn chặt công tác tư tưởng, công tác tổ chức với công tác lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng và an ninh.

Để đạt được mục đích và những yêu cầu nói trên, việc thực hiện Nghị quyết của Trung ương bắt đầu bằng việc thảo luận Nghị quyết, phê bình, tự phê bình của từng tập thể các cấp lãnh đạo và xác định những chủ trương, biện pháp thực hiện, làm thành nghị quyết cụ thể của từng ngành, từng địa phương và kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết. Việc chuẩn bị kiểm điểm, phê bình, tự phê bình, dự thảo nghị quyết là công tác quan trọng hàng đầu.

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan lãnh đạo các bộ, các ban, các ngành ở trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ họp mở rộng nghiên cứu Nghị quyết.

Trên cơ sở nắm vững nội dung Nghị quyết Trung ương lần này, xem xét lại với những nghị quyết đã có sau Đại hội

lần thứ V và Hội nghị Trung ương lần thứ ba, bổ sung những chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, tập trung vào những vấn đề quan trọng nhất, cấp bách nhất của ngành, địa phương, đơn vị.

Nội dung kiểm điểm cần làm rõ:

- Ý thức, trách nhiệm đối với tình hình, nhiệm vụ chung của đất nước, của ngành và địa phương mình.
- Quan điểm, nhận thức về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa địch và ta, khắc phục sai lầm hưu khuynh, mất cảnh giác.

- Quan điểm và ý thức tổ chức kỷ luật trong việc chấp hành các nghị quyết, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Cần chú ý kiểm điểm việc quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, Chỉ thị số 11 của Bộ Chính trị về công tác lương thực, Chỉ thị số 19 của Ban Bí thư về hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp ở Nam Bộ; Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 146 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến quản lý trong xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 113 về xuất nhập khẩu, số 128 về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, số 188 về quản lý thị trường, và những vấn đề cụ thể trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng về lưu thông phân phôi.

- Trách nhiệm lãnh đạo của ngành và địa phương về các mặt công tác tư tưởng và tổ chức, nhất là trong việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên về lập trường, quan điểm, về phẩm chất đạo đức và lối sống.

Việc kiểm điểm phải nghiêm túc và có trọng tâm. Căn cứ

Nghị quyết lần thứ tư của Trung ương, tập trung vào những nội dung thuộc nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương mình mà kiểm điểm đúng, sai về quan điểm, nhận thức và tổ chức thực hiện, xác định trách nhiệm cụ thể của ngành và địa phương. Đối với công tác của cấp trên và của ngành, địa phương khác, nên góp ý kiến phê bình.

Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và ban lãnh đạo của các bộ, các ngành ở trung ương cần nghiên cứu trước Nghị quyết Trung ương, chuẩn bị báo cáo kiểm điểm và đề ra một số công tác cấp bách, các biện pháp cụ thể và thiết thực, tổ chức cán bộ, đảng viên tham gia ý kiến.

Trong việc kiểm điểm cá nhân, cần chú trọng những đồng chí có những vấn đề nghiêm trọng, nếu cần thì phải kết hợp với các biện pháp kiểm tra, kiểm soát để kết luận nhanh chóng, chính xác, xử lý thích đáng. Đối với những trường hợp phức tạp, cấp trên cần trực tiếp chỉ đạo kiểm điểm và xử lý.

2. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các bộ, các ban, các ngành ở trung ương mở hội nghị chuyên ngành hoặc liên ngành với cán bộ lãnh đạo các xí nghiệp lớn, các liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp và các cơ sở kinh tế quan trọng khác; chỉ đạo các tỉnh, thành uỷ mở hội nghị với các huyện để nghiên cứu quán triệt Nghị quyết, liên hệ kiểm điểm và có kế hoạch giải quyết những vấn đề cấp bách, khắc phục khó khăn, thực hiện có hiệu quả cơ chế quản lý mới, nhằm thực hiện mục tiêu quan trọng, cấp bách nhất trước mắt là đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm Nhà nước nắm được hàng, tiền, quản lý được vật tư, tiến lên làm chủ thị trường, làm chủ phân phối lưu thông, ổn định đời sống quần chúng.

Thời gian tiến hành đại thể như sau: tháng 7, các đồng chí lãnh đạo các bộ, các ban, các ngành ở trung ương và các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ nghiên cứu Nghị quyết, chuẩn bị báo cáo kiểm điểm và chương trình hành động.

Tháng 8, mở hội nghị tỉnh, thành uỷ (mở rộng) và hội nghị cán bộ chủ chốt các bộ, ban, ngành ở trung ương; sau đó, mở các hội nghị cán bộ lãnh đạo các huyện, hội nghị chuyên ngành hoặc liên ngành với các công ty, xí nghiệp...

Tháng 9, tháng 10 thảo luận ở cơ sở.

Văn kiện chủ yếu là: Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư, bài phát biểu ở Hội nghị Trung ương của đồng chí Lê Duẩn.

3. Qua sinh hoạt của các tổ chức cơ sở và qua phong trào quần chúng, phát hiện những đảng viên, cán bộ có phẩm chất và năng lực, bổ sung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành, phát hiện những người tiên tiến bồi dưỡng thành đối tượng kết nạp Đảng.

Các cấp, các ngành phải có kế hoạch tiếp tục đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Qua phát hiện của quần chúng và các biện pháp kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý kịp thời những người đã thoái hóa, biến chất. Việc xử lý tiến hành gắn với công tác thường xuyên, không làm thành đợt, nhưng phải làm kiên quyết, nghiêm minh.

VỀ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Để bảo đảm thực hiện Nghị quyết của Trung ương, phải tăng cường lãnh đạo tập trung, thống nhất, phối hợp chặt

chẽ giữa các tổ chức đảng và chính quyền, huy động lực lượng tổng hợp của các ngành, sử dụng đồng bộ các biện pháp tư tưởng, tổ chức, kinh tế.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, các cấp ủy đảng và Uỷ ban nhân dân các cấp có chương trình chỉ đạo chung và phân công các đồng chí chuyên trách theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ việc quán triệt thực hiện Nghị quyết này, giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp hướng dẫn và theo dõi một số ngành, một số tỉnh, thành phố và một số huyện, xí nghiệp trọng điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Các địa phương, các ngành cũng cần chọn các trọng điểm để phân công cán bộ trực tiếp chỉ đạo, giúp đỡ.

Các ngành ở trung ương, các tỉnh, thành uỷ nghiên cứu thi hành ngay Chỉ thị này và hằng tháng báo cáo cho Ban Bí thư kết quả thực hiện, những kinh nghiệm và những vấn đề cần giải quyết để thực hiện tốt Nghị quyết của Trung ương.

Các ban Tuyên huấn, Tổ chức, Kiểm tra và các ban kinh tế của Trung ương Đảng, mỗi ban căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 54-QĐ/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1983

Về Uỷ ban Quốc phòng của Đảng

Để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 15-12-1982, Bộ Chính trị quyết định cụ thể về nhiệm vụ, tổ chức và chế độ làm việc của Uỷ ban Quốc phòng của Đảng như sau:

I- NHIỆM VỤ

Uỷ ban Quốc phòng của Đảng là cơ quan thường trực về quân sự và quốc phòng của Bộ Chính trị. Uỷ ban Quốc phòng có nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu chuẩn bị cho Bộ Chính trị họp bàn những vấn đề về đường lối quân sự và nhiệm vụ quốc phòng, chiến lược quân sự, nhiệm vụ quân sự chung và trong từng thời gian, phương hướng nhiệm vụ xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân về mọi mặt, những vấn đề quan trọng trong sự nghiệp phát triển nền khoa học, nghệ thuật quân sự cách mạng Việt Nam và khoa học kỹ thuật quân sự, chuẩn bị đất nước cho chiến tranh và tiến hành động viên thời chiến.

2. Căn cứ vào nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị, cụ thể hoá và chỉ đạo các cơ quan

có trách nhiệm thực hiện, giải quyết những vấn đề lớn về củng cố, xây dựng quốc phòng và lực lượng vũ trang có liên quan đến các lĩnh vực khác.

Chỉ đạo công cuộc chuẩn bị đất nước cho chiến tranh. Khi xảy ra chiến tranh thì Uỷ ban Quốc phòng là cơ quan trực tiếp chỉ đạo tiến hành chiến tranh.

II- TỔ CHỨC

Uỷ ban Quốc phòng có từ chín đến mười một đồng chí, gồm đồng chí Tổng Bí thư, một số ủy viên Bộ Chính trị và các đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng. Uỷ ban do đồng chí Tổng Bí thư làm Chủ tịch và có một đến bốn Phó Chủ tịch.

Bộ phận thường trực của Uỷ ban gồm đồng chí Tổng Bí thư, một số đồng chí ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Trung ương khác.

Cơ quan giúp việc của Uỷ ban là Bộ Quốc phòng.

Đặt ở Văn phòng Trung ương Đảng một tổ thư ký (là cán bộ quân sự biệt phái khoảng ba người) theo dõi tình hình các ngành chấp hành các nghị quyết của Bộ Chính trị và chỉ thị của Ban Bí thư về công tác quân sự và quốc phòng.

III- NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA UỶ BAN

1. Uỷ ban làm việc theo nguyên tắc tập thể.

2. Toàn Uỷ ban ba tháng họp một lần để thảo luận các đề án quân sự và quốc phòng đệ trình Ban Chấp hành Trung ương hoặc Bộ Chính trị xem xét quyết định, thảo luận các

vấn đề cụ thể để thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

Bộ phận thường trực của Uỷ ban một tháng rưỡi họp một lần để bàn về các nội dung: nghe tình hình quân sự và quốc phòng và cho ý kiến chỉ đạo; hướng dẫn việc thể chế hoá các quyết định của Bộ Chính trị; chuẩn bị để Bộ Chính trị phê chuẩn về công tác cán bộ...

Khi cần thì bộ phận thường trực hoặc toàn Uỷ ban họp bất thường.

3. Căn cứ vào chương trình làm việc của Bộ Chính trị, vào kế hoạch công tác quân sự và quốc phòng hằng năm, Uỷ ban xác định nội dung chủ yếu của từng kỳ họp trong năm.

Những vấn đề sẽ đưa ra thảo luận trong Uỷ ban do đồng chí Chủ tịch chuẩn bị hoặc do các uỷ viên khác được Chủ tịch uỷ nhiệm chuẩn bị.

Trong trường hợp khẩn cấp, nhất là để bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi thì bộ phận thường trực có thể quyết định những vấn đề cần thiết. Sau đó báo cáo kịp thời lên Bộ Chính trị.

4. Các quyết định của Uỷ ban Quốc phòng, tùy theo loại vấn đề, sẽ được chuyển thành chỉ thị về Đảng của Ban Bí thư hoặc thể chế hoá thành lệnh của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, nghị định, chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng cho các bộ, các ngành và các địa phương có liên quan thi hành. Những vấn đề trong phạm vi quân đội thì do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tổ chức thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ DUẨN

TỔNG BÍ THƯ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
 Số 21-TB/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1983
**Ý kiến của Ban Bí thư
 về kết quả đại hội đại biểu đảng bộ
 các tỉnh, thành (đợt 2)**

Trong tháng 6-1983, Ban Bí thư đã nghe Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và một số ban khác báo cáo về kết quả đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành (đợt 2), và có ý kiến như sau:

I- VỀ KẾT QUẢ ĐẠI HỘI

1. Đại hội đợt 2 các đảng bộ tỉnh, thành họp sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương, đã được chuẩn bị tương đối tốt từ dưới lên, đã quán triệt quan điểm *tự lực vươn lên*, ra sức tận dụng những tiềm năng sẵn có về lao động, đất đai, rừng biển, ngành nghề, cơ sở vật chất - kỹ thuật để phát triển sản xuất phù hợp với thế mạnh của từng vùng, nhằm thực hiện bốn mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội V của Đảng và Hội nghị lần thứ ba Trung ương đã đề ra.

Tất cả các đại hội tỉnh, thành (trừ Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Minh Hải chưa họp) đều đặc biệt coi trọng

việc đẩy mạnh sản xuất lương thực thực phẩm bằng các biện pháp hoàn thiện chế độ khoán sản phẩm, áp dụng kỹ thuật thăm canh, tăng vụ, tăng năng suất, tăng thêm diện tích một cách hợp lý, tập trung đầu tư tạo ra các vùng cao sản. Các tỉnh miền núi phía Bắc chú trọng công tác quốc phòng an ninh; về kinh tế, cố gắng sản xuất và huy động lương thực tại chỗ, đồng thời phát triển mạnh cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thông qua trao đổi với các địa phương khác để giải quyết nhu cầu lương thực của địa phương. Các tỉnh miền Trung đặt rõ nhiệm vụ giải quyết tốt vấn đề lương thực để chuyển nhanh sang khai thác các thế mạnh khác, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long phấn đấu tăng nhanh sản lượng lương thực và khôi phục lượng lương thực hàng hoá, phát triển chăn nuôi, cây công nghiệp ngắn ngày. Các thành phố chú trọng nhiều tới việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống. Các tỉnh Nam Bộ đặt nhiệm vụ đẩy mạnh hơn công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Tất cả các đại hội đều đặt cao nhiệm vụ xuất - nhập khẩu, thực hiện liên kết và hợp tác kinh tế giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau.

Đề án các đại hội đều đề cập đến việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng và an ninh, tăng cường công tác quần chúng, công tác xây dựng Đảng.

Đại hội các cấp tỉnh, thành vừa qua chưa phân tích sâu sắc những nhận thức, tư tưởng sai lệch trong cuộc đấu tranh chống cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt,... trong cuộc đấu

tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay go, phức tạp hiện nay; chưa đề ra những biện pháp cụ thể để sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại lao động, tăng cường trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa và tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, và tăng cường quản lý kinh tế trên mặt trận sản xuất cũng như phân phối lưu thông. Một số đại hội tỉnh, thành ít thảo luận các vấn đề về văn hoá xã hội, về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, về thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, về xử trí thanh thải những người thoái hoá, biến chất, để củng cố Đảng, củng cố bộ máy nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Ở một số nơi tình trạng mất đoàn kết nội bộ tiếp tục diễn biến ngay trong và sau đại hội. Đây là những vấn đề cần được tiếp tục giải quyết, kết hợp với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương.

2. Qua đại hội, các cấp uỷ được kiện toàn một bước theo yêu cầu phuong hướng Trung ương đề ra. Hơn 1/3 số cấp uỷ viên cũ, vì điều kiện sức khoẻ, hoặc năng lực bị hạn chế, hoặc có sai phạm về phẩm chất đạo đức đã rút khỏi cấp uỷ. Số đông cấp uỷ viên mới tuổi còn trẻ, có trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật khá, đã được học tập chính trị theo chương trình lý luận cao cấp hoặc trung cấp. Các ban thường vụ thay đổi khoảng 1/3 uỷ viên, được bổ sung thêm một số đồng chí trẻ, có kiến thức kinh tế, kỹ thuật.

Tuy vậy, đến nay ở một số tỉnh uỷ chưa giải quyết được tất cả vấn đề đoàn kết trong nội bộ cấp uỷ. Một số uỷ viên thường vụ và cán bộ chủ chốt trong cấp uỷ đáng lẽ cần được

thay thế, bố trí lại công tác cho thích hợp hơn; tỷ lệ thành phần công nhân và tỷ lệ cán bộ nữ trong cấp uỷ còn thấp; tuổi đời bình quân của các cấp uỷ viên vẫn còn cao (thường là khoảng 49-50).

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÁCH TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Về cách tiến hành đại hội đảng bộ tỉnh, thành, rút kinh nghiệm thực tế vừa qua, có mấy điểm cần chú ý:

1. Đại hội tỉnh, thành cũng như các cấp dưới, cần có đề án toàn diện, nhưng khi thảo luận ở đại hội nên tập trung vào một số vấn đề quan trọng nhất có tác dụng làm chuyển biến toàn bộ tình hình địa phương, không nên dàn đều mọi việc, mặt nào cũng phải có tham luận.

Trong đại hội chỉ nên có một bản báo cáo chung bao gồm cả báo cáo tình hình, tự phê bình của cấp uỷ, đề ra các nhiệm vụ chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nơi nào cấp uỷ thấy có vấn đề phải tự phê bình trước đại hội thì có bản tự phê bình của cấp uỷ riêng.

Điều quan trọng nhất là tổ chức thảo luận chu đáo đề án đại hội cấp tỉnh, thành từ dưới lên để thu thập ý kiến rộng rãi của cán bộ, đảng viên và tạo ra sự nhất trí cao với đề án. Đến đại hội tỉnh, thành, chỉ thảo luận tập trung vào những vấn đề mấu chốt và những vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau. Bỏ lối tham luận chung chung.

2. Không cần thiết tổ chức đại hội trù bị ở cấp tỉnh, thành và các cấp dưới

3. Đại hội các tỉnh, thành và huyện, quận phải làm việc một cách thiết thực, tránh hình thức. Nhiều vấn đề thảo

luận trong đại hội và diễn biến của đại hội cần được giữ bí mật. Vì vậy không nên mời khách quốc tế; không cần mời đại biểu các tỉnh bạn tới dự; cũng không nên mời quá nhiều các đồng chí lãnh đạo các khóa trước và các đồng chí cách mạng lão thành dự. Đối với các ban, các ngành trung ương cũng chỉ nên mời đại diện một số ít cơ quan có trách nhiệm giúp Ban Bí thư chỉ đạo đại hội.

4. Những địa phương có vấn đề mất đoàn kết nội bộ, cần phải giải quyết tốt vấn đề này trước khi mở đại hội, bảo đảm cho đại hội đạt được sự nhất trí cao về những vấn đề quyết định ở đại hội.

5. Trong việc bầu cử cấp ủy mới, phải bồi dưỡng, hướng dẫn cho các đại biểu có tư tưởng, quan điểm đúng và nắm vững tiêu chuẩn cấp ủy viên, thực sự phát huy dân chủ nội bộ, để cho các đại biểu cân nhắc, lựa chọn, giới thiệu người vào cấp uỷ, tránh gò ép theo dự kiến chủ quan của tiểu ban nhân sự và của cấp trên. Cần xem xét một cách nghiêm túc ý kiến của các đại biểu, để nếu cần thì sửa đổi kịp thời những trường hợp dự kiến không sát.

Sau đại hội, nên căn cứ vào kết quả bầu cử trong đại hội mà xem xét lại dự kiến phân công cấp ủy viên, nhất là đối với những đồng chí giữ vị trí chủ chốt, để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Đối với các đồng chí thuộc diện cấp trên cho ý kiến, thì báo cáo xin ý kiến lại trước khi phân công; cấp trên cần xem xét kỹ, nếu thấy có trường hợp dự kiến chưa đúng thì sửa lại.

6. Ban Bí thư cần chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa đại hội của các tỉnh, thành, cả về nhiệm vụ công tác và nhân sự. Ngoài chỉ thị hướng dẫn chung về nội dung đại hội, Ban Bí thư cần

phân công từng nhóm để làm việc trước với từng tỉnh, thành uỷ về nội dung đại hội và nhân sự chủ chốt. Tổ chức các bộ phận giúp việc để thu thập ý kiến của các ban của Đảng, và các cơ quan nhà nước có liên quan để chuẩn bị cho Ban Bí thư làm việc với các tỉnh, thành được tốt. Ban Bí thư phân công các đồng chí Bí thư trực tiếp chỉ đạo đại hội ở những tỉnh, thành trọng điểm hoặc những địa phương có vấn đề đoàn kết nội bộ phải giải quyết. Không nhất thiết các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến dự tất cả đại hội các tỉnh, thành.

III- MẤY VIỆC CẦN TIẾP TỤC LÀM ĐỂ PHÁT HUY KẾT QUẢ ĐẠI HỘI

1. Tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Trung ương, kết hợp với tự phê bình và phê bình và thực hiện các nhiệm vụ trước mắt để phát huy thắng lợi của đại hội các cấp.

Ở những nơi còn có vấn đề mất đoàn kết nội bộ, các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ phải chuẩn bị chu đáo việc tự phê bình và phê bình giải quyết cho thật tốt những vấn đề còn lại, trực tiếp chỉ đạo, giúp đỡ các huyện, quận về vấn đề này.

2. Từng cấp uỷ địa phương soát lại những trường hợp bổ trí cán bộ chưa thích hợp để có kế hoạch điều chỉnh ngay. Những đồng chí thật sự không bảo đảm nhiệm vụ thì cần kịp thời có người thay thế. Cần có cách giải quyết thoả đáng đối với một số đồng chí có đủ tiêu chuẩn, lại có triển vọng phát triển tài năng nhưng do đánh giá không đúng mà đã đưa ra khỏi cấp uỷ.

3. Các cấp uỷ chỉ đạo ngay việc xây dựng quy hoạch cán bộ dự bị và thực hiện các biện pháp bồi dưỡng, giao việc để chuẩn bị cho việc kiện toàn cấp uỷ vào giữa nhiệm kỳ và khoá sau.

4. Tăng cường chất lượng cán bộ theo dõi địa phương của Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương để giúp Ban Bí thư nắm chắc hơn sự hoạt động của các cấp uỷ tỉnh, thành.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN KHÁNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 22-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983

**Về tổ chức cơ sở của Đảng
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Điều lệ Đảng và Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 15-12-1982 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định về tổ chức cơ sở của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

I- VỀ TỔ CHỨC

Tổ chức cơ sở của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam do các phòng chính trị thành lập theo đúng Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, hướng dẫn của Tổng cục Chính trị và được cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp chuẩn y. Tổ chức cơ sở đảng được thành lập ở các trung đoàn và đơn vị tương đương; ở các tiểu đoàn trong lữ đoàn, các tiểu đoàn, đại đội độc lập và tương đương; ở các hệ hoặc tiểu đoàn, đại đội học viên trong các học viện, nhà trường đào tạo sĩ quan; ở các cục hoặc phòng trong các cơ

quan; ở các bệnh viện và xí nghiệp quốc phòng. Những trường hợp cần thiết khác do Tổng cục Chính trị quyết định.

Căn cứ vào Điều lệ Đảng, vào nhiệm vụ, tổ chức của đơn vị và số lượng đảng viên mà tổ chức cơ sở đảng có một, hai hoặc ba cấp.

Tổ chức cơ sở đảng ba cấp có ban chấp hành đảng bộ gọi tắt là đảng uỷ dưới có liên chi uỷ và các chi bộ trực thuộc, dưới liên chi uỷ có các chi bộ. Tổ chức cơ sở đảng hai cấp có ban chấp hành đảng bộ gọi tắt là đảng uỷ, dưới đảng uỷ có các chi bộ. Tổ chức cơ sở đảng một cấp (chi bộ) có ban chấp hành chi bộ gọi tắt là chi uỷ.

Tổ đảng được tổ chức ở các trung đội và đơn vị tương đương, ở các trung đội, tiểu đội học viên trong các học viện, nhà trường. Trường hợp chi bộ được thành lập ở tiểu đoàn thì tổ đảng được tổ chức ở đại đội.

- Nhiệm kỳ của đảng uỷ cơ sở là 2 năm, đảng uỷ có 7 đến 11 uỷ viên chính thức, 1 đến 2 uỷ viên dự khuyết; ban thường vụ có từ 3 đến 5 đồng chí, gồm bí thư, phó bí thư, và các uỷ viên.

- Nhiệm kỳ của liên chi uỷ là 1 năm. Liên chi uỷ có 5 đến 7 đồng chí ủy viên chính thức, gồm bí thư, phó bí thư và các uỷ viên (không lập ra ban thường vụ).

- Đảng uỷ của tổ chức cơ sở đảng tiểu đoàn và tương đương thực hiện như quy định đối với liên chi uỷ.

- Nhiệm kỳ của chi uỷ là một năm. Chi bộ có dưới 7 đảng viên chính thức thì cử bí thư, nếu cần có thể cử thêm phó bí thư. Chi bộ có 7 đảng viên chính thức trở lên được cử chi uỷ từ 3 đến 7 đồng chí, gồm bí thư, phó bí thư và các chi uỷ viên.

**II - NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ
CỦA ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

A- Nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở của Đảng

Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị đã xác định *nhiệm vụ chung* của các tổ chức cơ sở của Đảng như sau:

"Các tổ chức cơ sở của Đảng phải thi hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, chỉ thị của Đảng theo chức trách lãnh đạo của mình. Phải gắn chặt công tác đảng, công tác quần chúng với công tác quân sự, công tác chuyên môn, công tác sản xuất nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp ở đơn vị cơ sở, cổ vũ các nhân tố tích cực, đấu tranh khắc phục các mặt tiêu cực. Mọi hoạt động của tổ chức cơ sở của Đảng phải hướng vào việc bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ của đơn vị: sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, học tập, công tác và lao động sản xuất có kỷ luật, có chất lượng và hiệu quả cao. Phải hết sức coi trọng việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, trước hết là chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở đơn vị cơ sở".

Các tổ chức cơ sở của Đảng phải chấp hành tốt *các nhiệm vụ chủ yếu* sau đây:

1. Quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị chấp hành triệt để mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên và của người chỉ huy, xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh có sức chiến đấu cao thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu thắng lợi và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

2. Giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản cho đảng viên, cán bộ, đoàn viên, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng. Bồi dưỡng ý thức cảnh giác và lòng căm thù địch. Phát huy bản chất giai cấp công nhân, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của quân đội, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật. Tăng cường đoàn kết nội bộ, thực hiện toàn quân một ý chí. Tăng cường đoàn kết quân dân, thực hiện quân với dân một ý chí.

3. Thường xuyên củng cố mối liên hệ giữa đảng viên với quần chúng. Hiểu biết sâu sắc tâm tư nguyện vọng của mọi cán bộ, chiến sĩ, kịp thời giải quyết những nhu cầu chính đáng và hợp lý của quần chúng. Tổ chức chặt chẽ và hướng dẫn đảng viên tích cực tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Động viên cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng ra sức thi đua hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ: chiến đấu, công tác, học tập, bảo vệ, giữ gìn và sử dụng tốt vũ khí trang bị, hăng hái lao động sản xuất góp phần xây dựng đất nước, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đơn vị.

5. Thường xuyên củng cố và nâng cao hiệu lực của chế độ một người chỉ huy.

6. Chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt, chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, thường xuyên kiện toàn các cấp ủy đảng, nâng cao sức chiến đấu, tính chủ động sáng tạo, sự vững vàng của các chi bộ. Làm tốt công tác phát triển đảng

viên. Rèn luyện đảng viên thành những chiến sĩ cộng sản có lý tưởng và hành động theo đường lối, chủ trương của Đảng. Duy trì chặt chẽ chế độ sinh hoạt đảng. Nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết, dân chủ và kỷ luật trong Đảng, đấu tranh không khoan nhượng với khuyết điểm, sai lầm và các hiện tượng tiêu cực. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và ảnh hưởng của Đảng trong mọi hoạt động và đời sống của đơn vị.

7. Ra sức xây dựng và cùng với cấp trên xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có phẩm chất và năng lực, có kiến thức văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, và quản lý tốt đội ngũ cán bộ này.

8. Lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong đơn vị, nêu cao vai trò xung kích, thực sự là cánh tay đắc lực và đội hậu bị của Đảng, là trường học cộng sản chủ nghĩa cho thanh niên.

Lãnh đạo tổ chức công đoàn cơ sở làm tròn chức năng giáo dục nâng cao ý thức giai cấp, xây dựng người công nhân xã hội chủ nghĩa, có thái độ lao động mới, có tinh thần kỷ luật, chủ động sáng tạo, có ý thức tiết kiệm, bảo vệ của công, đóng vai trò nòng cốt trong phong trào thi đua lao động sản xuất, tham gia đắc lực vào công việc của Nhà nước, góp phần có hiệu quả vào việc cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, viên chức.

9. Lãnh đạo đơn vị khi đóng quân ở các địa phương tích cực tham gia công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các công tác xã hội khác ở địa phương.

Các tổ chức cơ sở của Đảng không ra nghị quyết về quyết

tâm và phương án tác chiến, các chỉ tiêu trong kế hoạch hoạt động của đơn vị, các biện pháp về kinh tế kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, không phê bình mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy trong khi đang chấp hành.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trên, *phải nắm vững các đặc điểm và tính chất nhiệm vụ của các loại cơ sở khác nhau:*

Tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị chiến đấu hướng mọi hoạt động lãnh đạo của mình vào việc nâng cao sức mạnh chiến đấu, trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, giữ gìn và sử dụng tốt vũ khí trang bị, tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội, củng cố và nâng cao hiệu lực của chế độ một người chỉ huy. Phải đấu tranh chống những tư tưởng sai trái và những hiện tượng tiêu cực có hại cho trình độ sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và kiểm tra đảng viên trong đảng bộ (trước hết là cán bộ cao cấp, trung cấp), lãnh đạo đảng viên nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cơ quan và xây dựng nếp sống xã hội chủ nghĩa. Phải động viên tinh thần mạnh dạn cải tiến lề lối làm việc và tác phong công tác, tinh thần say mê học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, đề cao tinh thần trách nhiệm trong công tác và thường xuyên chăm lo hướng dẫn, giúp đỡ đơn vị cấp dưới về mọi mặt.

Tổ chức cơ sở của Đảng ở các đơn vị quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật và tài chính phải tăng cường giáo dục bồi

dưỡng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, công nhân viên và đoàn viên về đạo đức cách mạng, nêu cao ý thức "cần, kiệm, liêm, chính", "hướng về đại đội phục vụ chiến sĩ", có nếp sống giản dị trong sạch. Lãnh đạo chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ quản lý và sử dụng trang bị, vật tư, tài chính, đấu tranh không khoan nhượng với các hiện tượng tham ô, lăng phí, vô nguyên tắc. Bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật không bị mất mát, hư hỏng, cháy nổ và không bị xuống cấp trước thời hạn.

Tổ chức cơ sở của Đảng ở học viện, nhà trường, phải động viên cán bộ, giáo viên, học viên hăng hái nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ mọi mặt, luôn cải tiến phương pháp dạy và học nhằm đào tạo bồi dưỡng được những cán bộ có năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu của mục tiêu đào tạo; xây dựng học viện, nhà trường vững mạnh, thực sự là kiểu mẫu trong việc xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, hiện đại.

Tổ chức cơ sở của Đảng ở các đơn vị sản xuất, xí nghiệp quốc phòng hướng mọi hoạt động của mình vào việc lãnh đạo đẩy mạnh phong trào thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bảo đảm hoàn thành kế hoạch sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, thực hành tiết kiệm, bảo vệ của công, chống tham ô, lăng phí. Kiểm tra hoạt động của cơ quan quản lý và của thủ trưởng bảo đảm đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh. Lãnh đạo tổ chức công đoàn cơ sở làm tròn nhiệm vụ giáo dục nâng cao ý thức giai cấp, xây dựng người công nhân xã hội chủ nghĩa. Chăm lo đời sống vật chất, tinh

thần của công nhân viên chức.

Tổ chức cơ sở của Đảng ở bệnh viện lãnh đạo quán triệt sâu sắc quan điểm y học của Đảng và Nhà nước, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, bồi dưỡng đạo đức của người cán bộ y tế xã hội chủ nghĩa "thầy thuốc như mẹ hiền", đề cao tinh thần trách nhiệm và kỷ luật. Động viên tinh thần học tập nắm vững những thành tựu của y học tiên tiến thế giới, ra sức nghiên cứu y học quân sự, phát huy tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo, nâng cao chất lượng chẩn đoán, cứu chữa thương bệnh binh. Đổi mới thương bệnh binh, lãnh đạo củng cố ý chí chiến đấu và tinh thần kỷ luật.

B- Nhiệm vụ của đảng ủy cơ sở

Đảng ủy cơ sở là cơ quan lãnh đạo tập thể do đại hội đại biểu đảng bộ hoặc đại hội toàn thể đảng viên bầu ra, có nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, nghị quyết của đại hội đảng bộ.
2. Hướng dẫn các liên chi ủy, chi bộ trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc, chế độ lãnh đạo và sinh hoạt của Đảng, hướng dẫn giúp đỡ cụ thể các tổ chức đó làm tốt công tác phát triển đảng, quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên và lãnh đạo giáo dục quần chúng.
3. Kiểm tra, giáo dục, giúp đỡ từng đảng viên triệt để chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, mệnh lệnh của người chỉ huy, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong huấn luyện quân sự, học tập chính trị, chấp hành kỷ luật, thực hiện các nhiệm vụ khác và trong rèn luyện phẩm chất cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Tiến hành nhận xét tư cách

từng đảng viên theo đúng quy định của cấp trên.

4. Thu đảng phí và nộp tài chính lên trên theo quy định.
5. Xem xét và thi hành kỷ luật đảng viên theo quy định.
6. Tổ chức giáo dục cho người được chuẩn bị kết nạp vào Đảng và kết nạp đảng viên mới, xét chuyển các đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức của Đảng.
7. Chỉ đạo công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức công đoàn, giúp đỡ các tổ chức ấy xây dựng vững mạnh, hoạt động một cách năng động bằng những hình thức phù hợp với đối tượng hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, phát huy tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của quần chúng.

8. Báo cáo tình hình công tác đảng lên cấp trên; chuẩn bị và triệu tập đại hội đại biểu đảng bộ hoặc đại hội đảng viên theo quy định.

Bí thư và các đảng uỷ viên phải thường xuyên tiến hành công tác trong các chi bộ, hiểu biết đầy đủ từng đảng viên, liên hệ chặt chẽ và tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng.

Bí thư đảng uỷ có trách nhiệm tham gia vào việc nhận xét sắp xếp, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ theo quy định của điều lệ công tác cán bộ.

Liên chi uỷ và chi uỷ cũng thực hiện các nhiệm vụ trên trong phạm vi tổ chức của mình.

C- Quyền hạn giải quyết công tác nội bộ Đảng

Các tổ chức cơ sở đảng trong quân đội chấp hành đúng những quy định trong Điều lệ Đảng về các quyền hạn giải quyết công việc nội bộ Đảng. Do điều kiện hoạt động khẩn trương của các đơn vị chiến đấu nên đảng uỷ cơ sở lữ đoàn, trung đoàn và đơn vị tương đương được phép chuẩn y kết nạp đảng viên.

III- CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA ĐẢNG

1. Quan hệ giữa tổ chức cơ sở của Đảng với cơ quan chính trị

Tổ chức cơ sở của Đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của phòng chính trị. Đảng uỷ cơ sở có nhiệm vụ lãnh đạo toàn đảng bộ chấp hành chỉ thị của phòng chính trị, báo cáo tình hình mọi mặt của đảng bộ với phòng chính trị.

2. Quan hệ giữa đảng uỷ cơ sở với người chỉ huy

Đảng uỷ cơ sở là cơ quan lãnh đạo đảng bộ theo chức năng quy định cho từng loại tổ chức cơ sở đảng. Đối với nghị quyết của đảng uỷ, mọi đảng viên đều có nhiệm vụ chấp hành. Trong khi thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức cơ sở, đảng uỷ phải phát huy đầy đủ chế độ một người chỉ huy.

Đối với các đơn vị chiến đấu, đảng uỷ giáo dục, động viên mọi đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ chấp hành triệt để mọi chỉ thị, mệnh lệnh của người chỉ huy, phát hiện chỗ mạnh, chỗ yếu của đơn vị, những ưu điểm và thiếu sót trong công tác huấn luyện và giáo dục chiến sĩ, nêu ra các vấn đề xét thấy cần thiết giúp cho người chỉ huy kịp thời giải quyết; đồng thời đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, tạo điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp của đơn vị. Người chỉ huy đơn vị phải liên hệ chặt chẽ với cấp uỷ, kịp thời thông báo cho cấp uỷ biết rõ những nhiệm vụ và mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên giao, những dự kiến chủ trương, biện pháp thực

hiện của mình, đề xuất với cấp uỷ những vấn đề cần lãnh đạo, nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Người chỉ huy phải cùng với đồng chí phó chỉ huy về chính trị và đồng chí bí thư đảng uỷ thường xuyên trao đổi ý kiến về những vấn đề cần giải quyết của đơn vị và thảo luận những biện pháp lãnh đạo cần thiết.

Về quan hệ của đảng uỷ cơ sở với người thủ trưởng ở cácxí nghiệp quốc phòng, các đơn vị sản xuất và các cơ quan, cần chấp hành đúng Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ V đã quy định.

3. Quan hệ giữa đảng uỷ cơ sở với người phó chỉ huy về chính trị

Người phó chỉ huy về chính trị ở lữ đoàn, trung đoàn với tư cách là đại diện của phòng chính trị *về mặt Đảng* có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện công tác đảng – công tác chính trị trong đơn vị. Bí thư đảng uỷ cơ sở chịu sự hướng dẫn công tác của đồng chí phó chỉ huy về chính trị.

4. Quan hệ giữa cấp uỷ đảng trong đơn vị bộ đội chủ lực với cấp uỷ đảng địa phương

Khi bộ đội đóng quân làm nhiệm vụ ở địa phương nào thì đảng uỷ cơ sở giữ mối quan hệ chặt chẽ với cấp uỷ đảng địa phương nơi đó để biết tình hình và chủ trương công tác của địa phương, động viên đơn vị tích cực tham gia, thực hiện, đồng thời tiếp thu sự phê bình giúp đỡ của đảng bộ địa phương đối với đơn vị.

*

* *

Trong quá trình thực hiện Quy định này, khi có sự phát

triển mới, Ban Bí thư sẽ bổ sung những nội dung cần thiết theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 23-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983

**Về tổ chức Hội đồng Quân sự các cấp
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Chấp hành Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Bộ Chính trị số 07-NQ/TW ngày 15-12-1982, Ban Bí thư quy định về tổ chức các Hội đồng Quân sự như sau:

I- TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUÂN SỰ

Hội đồng Quân sự là tổ chức lãnh đạo quân sự tập thể để tăng cường cho chế độ một người chỉ huy.

Hội đồng Quân sự được tổ chức ở Bộ Quốc phòng, ở Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng và đơn vị tương đương. Uỷ viên Hội đồng quân sự Bộ Quốc phòng do Bộ Chính trị chỉ định. Uỷ viên Hội đồng quân sự các cấp khác do Ban Bí thư chỉ định, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Hội đồng Quân sự Bộ Quốc phòng có từ 7 đến 11 đồng

chí do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng làm Chủ tịch; các uỷ viên là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng và một số đồng chí phụ trách các cơ quan chủ chốt của Bộ Quốc phòng.

Hội đồng Quân sự quân khu có từ 5 đến 7 đồng chí do tư lệnh quân khu làm chủ tịch; các uỷ viên là chủ nhiệm chính trị, phó tư lệnh - tham mưu trưởng và một số đồng chí phụ trách các cơ quan chủ chốt của quân khu, và là bộ phận thường trực của Hội đồng Quân sự quân khu. Hội đồng Quân sự quân khu còn có các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương trong địa bàn quân khu tham gia.

Hội đồng Quân sự quân đoàn, quân chủng, binh chủng và tương đương có từ 5 đến 7 đồng chí do tư lệnh làm chủ tịch; các uỷ viên là chủ nhiệm chính trị, phó tư lệnh – tham mưu trưởng và một số đồng chí phụ trách các cơ quan chủ chốt trong quân đoàn, quân chủng, binh chủng. Hội đồng Quân sự quân đoàn thuộc quân khu có đồng chí bí thư hoặc uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ nơi quân đoàn đóng quân tham gia.

Hội đồng Quân sự Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật có từ 7 đến 9 đồng chí do chủ nhiệm tổng cục làm chủ tịch; các uỷ viên là chủ nhiệm chính trị, phó chủ nhiệm tổng cục và một số đồng chí phụ trách các cơ quan chủ chốt của tổng cục.

II - NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUÂN SỰ

Căn cứ vào đường lối nhiệm vụ chính trị chung và đường lối quân sự của Đảng, nhiệm vụ quân sự trong từng thời kỳ, Hội đồng Quân sự xem xét và lập thể quyết định những chủ trương và biện pháp lớn về các vấn đề quan trọng trong hoạt

động và đời sống của bộ đội theo đúng quy định của điều lệnh cho từng cấp. Những vấn đề chủ yếu là:

1. Những chủ trương và biện pháp lớn để bảo đảm tính thường xuyên sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng hậu phương chiến lược và thế trận chiến tranh nhân dân, nhằm đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược mà kẻ thù có thể gây ra đối với đất nước ta trên bất cứ quy mô nào, vào bất cứ thời gian nào.

2. Phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự, và góp ý kiến xây dựng đường lối quân sự, chiến lược quân sự.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng có trình độ chính quy hiện đại ngày càng cao, xây dựng dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị.

Huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, bồi dưỡng bản chất truyền thống cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, củng cố đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sắp xếp, sử dụng cán bộ theo phạm vi được phân cấp quản lý; giải quyết khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, bảo đảm đoàn kết, bảo vệ đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội.

5. Đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, tham gia xây dựng kinh tế, thực hành tiết kiệm, bảo đảm kỹ thuật, đề xuất các chế độ, chính sách đối với quân đội, ổn định và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng.

6. Tăng cường liên minh chiến đấu, củng cố và phát triển

mối quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, nâng cao hiệu quả trong công tác giúp bạn.

7. Củng cố và phát triển quan hệ đoàn kết, hợp tác về quân sự với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Ngoài những vấn đề trên, Hội đồng Quân sự Bộ Quốc phòng còn có nhiệm vụ góp ý kiến về khoa học kỹ thuật quân sự và xây dựng nền công nghiệp quốc phòng để đồng chí Bộ trưởng xem xét, xây dựng các đề án trình Uỷ ban Quốc phòng của Đảng.

Hội đồng Quân sự của Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Hậu cần còn có trách nhiệm đề xuất với đồng chí chủ nhiệm tổng cục những chủ trương và biện pháp xây dựng, phát triển đối với các đơn vị và tổ chức cùng ngành trong toàn quân. Hội đồng Quân sự của các quân chủng và binh chủng còn có trách nhiệm đề xuất với đồng chí tư lệnh quân chủng, binh chủng những chủ trương và biện pháp xây dựng, phát triển đối với các đơn vị cùng ngành trong toàn quân.

Hội đồng Quân sự không ra nghị quyết về quyết tâm và phương án tác chiến, về các chỉ tiêu trong kế hoạch hoạt động của bộ đội và về công tác xây dựng Đảng.

III - NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUÂN SỰ

1. Hội đồng Quân sự các cấp thông thường mỗi tháng họp một lần. Hội đồng Quân sự quân khu nếu hàng tháng không họp được hội nghị toàn thể thì có thể họp bộ phận thường trực, nhưng ít nhất ba tháng phải họp toàn thể hội đồng một lần. Nội dung do chủ tịch Hội đồng Quân sự chuẩn bị hoặc

do các uỷ viên khác đề nghị với chủ tịch và chuẩn bị.

2. Những vấn đề đưa ra thảo luận đều quyết định theo đa số. Các uỷ viên đều có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của hội đồng. Trường hợp có đồng chí chưa nhất trí thì có quyền báo cáo ý kiến của mình lên cấp trên, cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Trong khi chờ đợi cấp trên giải quyết vẫn phải chấp hành theo đa số.

Nghị quyết của Hội đồng Quân sự do chủ tịch ký và báo cáo lên cấp trên trong thời gian nhanh nhất. Người chỉ huy và chủ nhiệm chính trị cấp trên thấy có vấn đề gì không đồng ý hoặc cần bổ sung thì kịp thời chỉ thị cho cấp dưới thi hành.

Nghị quyết của hội đồng được thể hiện bằng mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy hoặc của chủ nhiệm chính trị (về công tác chính trị).

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị có trách nhiệm tổ chức kiểm tra sự hoạt động của các Hội đồng Quân sự cấp dưới, kịp thời uốn nắn các sai sót và báo cáo kết quả kiểm tra lên Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Tư lệnh quân khu và chủ nhiệm chính trị quân khu tổ chức kiểm tra sự hoạt động của Hội đồng Quân sự quân đoàn trong quân khu báo cáo lên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, khi có sự phát triển mới, Ban Bí thư sẽ bổ sung những nội dung cần thiết theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 24-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983

**Về tổ chức cơ quan chính trị trong
Quân đội nhân dân Việt Nam**

Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 15 tháng 12 năm 1982 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ *nhiệm vụ cơ bản của công tác đảng – công tác chính trị trong quân đội là:*

"Không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và góp phần xây dựng quân đội về tổ chức; giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của quân đội, nâng cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản, nâng cao lòng căm thù địch, tinh thần cảnh giác cách mạng và ý chí chiến đấu; quán triệt đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng; củng cố và nâng cao hiệu lực của chế độ một người chỉ huy; củng cố và tăng cường đoàn kết nhất trí nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế; giáo dục nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật tự giác nghiêm minh, chống tư tưởng quân phiệt và tự do vô kỷ luật; chăm lo

đời sống vật chất và tinh thần của bộ đội; xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng trong sạch, vững mạnh, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong đời sống; xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và công đoàn mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ chính trị có chất lượng cao đồng thời góp phần tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong lực lượng vũ trang có năng lực và phẩm chất tương xứng với nhiệm vụ; xây dựng hệ thống cơ quan chính trị vững mạnh; phối hợp với các địa phương và các ngành có liên quan tích cực tiến công chính trị nhằm thúc đẩy tinh thần dân tộc đối phuơng, làm rã hàng ngũ địch.

Mọi hoạt động của công tác đảng – công tác chính trị phải nhằm vào mục tiêu cơ bản là làm cho cán bộ, chiến sĩ và công nhân viên quốc phòng trung thành vô hạn với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với nhân dân, với lý tưởng của Đảng, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Ban Chấp hành Trung ương, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho, xây dựng đơn vị vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Công tác đảng – công tác chính trị trong quân đội phải bám chắc yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và quân sự, gắn chặt với công tác quân sự, công tác khoa học kỹ thuật và công tác hậu cần".

Nhiệm vụ này sẽ được cụ thể hóa trong từng thời gian cho phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ quân sự chung và của từng đơn vị, từng ngành.

**I- HỆ THỐNG TỔ CHỨC CƠ QUAN CHÍNH TRỊ CÁC CẤP
VÀ CÁN BỘ CHÍNH TRỊ Ở ĐƠN VỊ CƠ SỞ**

Cơ quan chính trị các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam là cơ quan lãnh đạo về Đảng, đảm nhiệm công tác đảng – công tác chính trị và lãnh đạo các tổ chức cơ sở của Đảng trong quân đội. Người phụ trách cơ quan chính trị là chủ nhiệm chính trị. Về quan hệ chỉ huy, chủ nhiệm chính trị là cấp dưới của người chỉ huy cùng cấp và là cấp trên của các quân nhân khác.

Cơ quan chính trị được tổ chức từ cấp trên đảng bộ cơ sở trở lên.

1. *Tổng cục Chính trị* là cơ quan chính trị của toàn quân. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà thường xuyên và trực tiếp là Ban Bí thư, lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội thông qua Tổng cục Chính trị, Tổng cục Chính trị là cơ quan giúp Ban Bí thư chỉ đạo công tác đảng – công tác chính trị trong quân đội. Đồng thời Tổng cục Chính trị là một tổng cục thuộc Bộ Quốc phòng. Tổng cục Chính trị tiến hành công tác đảng – công tác chính trị tuân theo Điều lệ Đảng, nghị quyết của các đại hội toàn quốc của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và căn cứ vào mệnh lệnh, chỉ thị về quân sự của Bộ trưởng Quốc phòng.

Cục chính trị đảm nhiệm công tác đảng – công tác chính trị ở cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng và đơn vị tương đương.

Phòng chính trị: đảm nhiệm công tác Đảng – công tác chính trị, trực tiếp lãnh đạo các tổ chức cơ sở của Đảng, được tổ chức ở các binh chủng, các cơ quan quân sự địa phương tinh, thành phố trực thuộc trung ương, các sư đoàn và đơn vị tương đương, các lữ đoàn và trung đoàn mà tổ chức cơ sở của

Đảng được tổ chức ở tiểu đoàn, ở một số cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng, thuộc quân khu, quân đoàn, quân chủng, ở các học viện, trường đào tạo sĩ quan. Ở các khu vực có nhiều cơ sở hậu cần, cơ sở bảo đảm kỹ thuật, sản xuất quốc phòng ở xa các tổng cục, có thể tổ chức phòng chính trị để chỉ đạo được chặt chẽ, kịp thời. Các trường hợp cần thiết khác do Tổng cục Chính trị quyết định.

2. *Ở các lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội* và các đơn vị tương đương có phó chỉ huy về chính trị. Phó chỉ huy về chính trị lữ đoàn, trung đoàn về mặt Đảng là *đại diện* của phòng chính trị, trực tiếp tổ chức tiến hành công tác đảng – công tác chính trị ở đơn vị cơ sở. Ở lữ đoàn, trung đoàn và đơn vị tương đương được bố trí một số cán bộ và nhân viên để giúp đồng chí phó chỉ huy về chính trị tiến hành công tác đảng – công tác chính trị. Ở các cơ sở sản xuất, tổ chức phục vụ... xét cần thiết có phó chỉ huy về chính trị và cán bộ nhân viên công tác đảng – công tác chính trị thì do Tổng cục Chính trị quyết định.

II- CHỨC TRÁCH VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ QUAN CHÍNH TRỊ

A- *Tổng cục Chính trị*. Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản của công tác đảng – công tác chính trị, Tổng cục Chính trị có chức trách và cơ cấu tổ chức như sau:

Chức trách của Tổng cục Chính trị:

1. Căn cứ vào nghị quyết và chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, xác định những vấn đề về công tác đảng – công tác chính trị sát với

tình hình nhiệm vụ các lực lượng vũ trang; đồng thời cản cứ vào nghị quyết của Hội đồng Quân sự Bộ Quốc phòng, mệnh lệnh, chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng mà đề ra những nội dung cụ thể về công tác đảng – công tác chính trị và chỉ đạo cấp dưới thực hiện.

2. Chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với mọi đối tượng: cán bộ, chiến sĩ, đảng viên ở các đơn vị, cơ quan, học viên ở các trường và công nhân viên quốc phòng.

3. Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ trong quân đội. Kiểm tra về nội dung thể hiện đường lối quan điểm của Đảng trong tất cả sách báo, văn hoá phẩm do quân đội xuất bản, và trong sách báo, văn hoá phẩm khác (trong nước và ngoài nước) lưu hành trong quân đội. Tham gia với các cơ quan văn hoá ngoài quân đội về các sáng tác văn hoá nghệ thuật thuộc về đề tài quân đội.

4. Chỉ đạo công tác chính trị trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, xây dựng kinh tế, sản xuất quốc phòng, xây dựng lực lượng dự bị và xây dựng hậu phương.

5. Chỉ đạo công tác giáo dục, rèn luyện nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên.

6. Chỉ đạo công tác đảng – công tác chính trị trong việc củng cố, nâng cao hiệu lực của chế độ một người chỉ huy.

7. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình và nội dung giáo dục chính trị ở các học viện và trường sĩ quan; trực tiếp lãnh đạo học viện chính trị quân sự, trường sĩ quan chính trị, lãnh đạo các trường đảng, các hệ đào tạo sĩ quan chính trị trong một số trường quân sự và chuyên môn kỹ thuật.

8. Quản lý cán bộ chính trị trong quân đội theo phạm vi được phân công. Chỉ đạo bồi dưỡng cán bộ chính trị tại chức

và cán bộ chính trị dự bị. Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ chỉ huy, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật của Đảng trong quân đội.

9. Chỉ đạo giáo dục và củng cố quan hệ quân dân, thực hiện quân với dân một ý chí, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng hậu phương chiến lược.

10. Chỉ đạo quán triệt đường lối chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong quân đội, tích cực góp phần củng cố, tăng cường quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, quan hệ đoàn kết hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

11. Chỉ đạo các đơn vị trong quân đội chuẩn bị và tiến hành *công tác tuyên truyền đặc biệt* nhằm làm tan rã quân đội địch và thúc đẩy tinh thần nhân dân nước đối phương.

12. Chỉ đạo phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong toàn quân.

13. Chỉ đạo tổ chức đời sống văn hoá tinh thần và cùng các cơ quan có chức năng chăm lo đời sống vật chất của bộ đội.

14. Phối hợp với các cơ quan có chức năng, nghiên cứu đề xuất các chính sách đối với lực lượng vũ trang và chỉ đạo thực hiện theo chức trách.

15. Chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng, quản lý đảng viên, kiểm tra kỷ luật, bảo vệ Đảng, đảm bảo nội bộ trong sạch, vững mạnh.

Chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức công đoàn quốc phòng.

16. Chỉ đạo đại hội các tổ chức cơ sở của Đảng, hội

nghị đại biểu đảng viên cấp trên cơ sở, hội nghị cán bộ đảng định kỳ cấp khu, quân đoàn, quân chủng... Khi có đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng theo chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo tiến hành đại hội đại biểu đảng các cấp trong quân đội.

17. Chỉ đạo công tác quản lý tài chính của Đảng. Lập và phân phối ngân sách công tác đảng – công tác chính trị. Chỉ đạo quản lý, sử dụng các phương tiện, trang bị, vật tư công tác chính trị.

18. Chỉ đạo kiện toàn cơ quan chính trị các cấp, kiểm tra hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ chức trách, cải tiến phong cách lãnh đạo và phương pháp công tác, không ngừng nâng cao hiệu lực của công tác đảng – công tác chính trị trong các đơn vị.

19. Nghiên cứu lý luận và tổng kết kinh nghiệm công tác Đảng – công tác chính trị. Tham gia nghiên cứu phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, tham gia biên soạn các điều lệnh, điều lệ và lịch sử quân đội.

Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Chính trị:

Để bảo đảm tính tập thể trong khi quyết định những vấn đề quan trọng nhất của công tác đảng – công tác chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập Hội đồng Tổng cục Chính trị. Hội đồng Tổng cục Chính trị có từ chín đến mười một đồng chí do đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chủ tịch; các ủy viên là các đồng chí phó chủ nhiệm và một số đồng chí phụ trách các cơ quan chủ chốt của Tổng cục. Danh sách Hội đồng do Ban Bí thư chỉ định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Nghị quyết của Hội đồng được quyết định theo đa số và

được thể hiện bằng chỉ thị của đồng chí Chủ nhiệm.

Những vấn đề quan trọng về công tác đảng – công tác chính trị hàng năm phải có sự phê chuẩn của Ban Bí thư và do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị ban hành.

Tổng cục Chính trị báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình công tác đảng – công tác chính trị trong lực lượng vũ trang và hoạt động của mình theo chế độ; báo cáo với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Hội đồng Quân sự Bộ Quốc phòng về tình hình chính trị, tư tưởng bộ đội, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.

Tổng cục Chính trị có các cơ quan:

- Văn phòng,
- Cục Tổ chức,
- Uỷ ban Kiểm tra Đảng,
- Cục Tuyên huấn,
- Cục Tuyên truyền đặc biệt,
- Cục Cán bộ chính trị,
- Cục Bảo vệ,
- Ban Công tác thanh niên,
- Ban Công tác công đoàn quốc phòng,

Tổng cục Chính trị còn trực tiếp lãnh đạo và quản lý:

- Báo Quân đội nhân dân,
- Viện Bảo tàng Quân đội nhân dân,
- Thư viện Quân đội nhân dân,
- Nhà văn hoá Quân đội nhân dân,
- Các đoàn nghệ thuật của quân đội,
- Tạp chí Văn nghệ Quân đội nhân dân,

- Xí nghiệp phim Quân đội nhân dân,
- Xưởng Mỹ thuật Quân đội nhân dân,
- Trường bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ chính trị.

Các tổ chức công tác đảng – công tác chính trị nội bộ, tổ chức hành chính phục vụ khác, theo quy định chung của quân đội.

B- *Cục chính trị*

Cục Chính trị căn cứ vào chỉ thị của cơ quan chính trị cấp trên, nghị quyết của Hội đồng Quân sự, chỉ thị, mệnh lệnh của người chỉ huy cấp mình, cụ thể hoá các chủ trương, nội dung, kế hoạch công tác đảng – công tác chính trị phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị mình; trực tiếp tổ chức thực hiện những công tác thuộc cấp mình phụ trách và hướng dẫn cho cấp dưới thực hiện.

Hai hoặc ba năm một lần, cục chính trị quân khu, quân chủng, quân đoàn và đơn vị tương đương triệu tập hội nghị cán bộ đảng nhằm kiểm điểm tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo những năm qua, tự phê bình và phê bình, quán triệt nhiệm vụ thời gian tới, đề ra chủ trương xây dựng tổ chức đảng về mọi mặt, và bầu uỷ ban kiểm tra Đảng.

Để bảo đảm tính tập thể trong công tác lãnh đạo, cục chính trị được tổ chức Hội đồng Cục Chính trị để xem xét và tập thể giải quyết những vấn đề quan trọng về công tác đảng – công tác chính trị, về công tác cán bộ chính trị thuộc quyền hạn, và về kỷ luật đảng viên. Hội đồng Cục Chính trị có từ năm đến bảy người do đồng chí chủ nhiệm chủ trì; các thành viên khác là phó chủ nhiệm và một số đồng chí phụ trách các cơ quan chủ chốt của cục. Danh sách của Hội đồng do Tổng cục Chính trị chỉ định.

Cục Chính trị báo cáo tình hình công tác đảng – công tác

chính trị và hoạt động của mình với cơ quan chính trị cấp trên; báo cáo với người chỉ huy và Hội đồng Quân sự cùng cấp về tình hình chính trị, tư tưởng bộ đội, về chất lượng lãnh đạo và sức mạnh chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.

C- *Phòng chính trị*

Phòng chính trị đảm nhiệm công tác đảng – công tác chính trị trong đơn vị, trực tiếp lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng dưới sự lãnh đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Phòng chính trị căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị của cơ quan chính trị cấp trên, mệnh lệnh của người chỉ huy cấp mình tổ chức thực hiện công tác đảng – công tác chính trị sát với tình hình, nhiệm vụ, đối tượng và hoàn cảnh hoạt động của đơn vị.

Hai hoặc ba năm một lần, phòng chính trị triệu tập đại hội đại biểu hoặc hội nghị đại biểu đảng viên nhằm tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo những năm qua, tự phê bình và phê bình, quán triệt nhiệm vụ thời gian tới, đề ra kế hoạch xây dựng tổ chức cơ sở đảng về mọi mặt, đảm bảo đoàn kết thống nhất vững mạnh và bầu uỷ ban kiểm tra Đảng.

Ít nhất sáu tháng một lần, triệu tập hội nghị cán bộ đảng để ban lãnh đạo giải quyết những vấn đề thiết yếu trong đời sống và hoạt động của đơn vị, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phòng chính trị được tổ chức Hội đồng phòng chính trị để xem xét và tập thể quyết định những vấn đề quan trọng về công tác đảng – công tác chính trị, công tác cán bộ chính trị thuộc quyền hạn và vấn đề kỷ luật đảng viên. Hội đồng phòng chính trị có từ ba đến năm người do đồng chí chủ nhiệm chủ trì; các thành viên khác là phó chủ nhiệm và một vài cán bộ chủ chốt của phòng. Danh sách

của hội đồng do Cục Chính trị đề nghị, Tổng cục Chính trị duyệt ý.

Phòng chính trị báo cáo tình hình công tác đảng – công tác chính trị và hoạt động của mình với cơ quan chính trị cấp trên, báo cáo tình hình chính trị, tư tưởng bộ đội, chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng với người chỉ huy. Ở các binh chủng, phòng chính trị còn có trách nhiệm báo cáo các nội dung trên với Hội đồng Quân sự binh chủng.

*
* * *

Căn cứ vào Quy định này, Tổng cục Chính trị hướng dẫn chức trách và cơ cấu tổ chức các cơ quan chính trị cấp dưới và cán bộ chính trị ở đơn vị cơ sở.

Biên chế của Tổng cục Chính trị và cơ quan chính trị các cấp khác, biên chế cán bộ chính trị ở đơn vị cơ sở do Tổng cục Chính trị và Bộ Tổng tham mưu ban hành.

III- PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC VÀ CÁC CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC CỦA CƠ QUAN CHÍNH TRỊ

1. Cơ quan chính trị các cấp phải tổ chức cách làm việc đáp ứng cho được các yêu cầu:

- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ tập thể lãnh đạo của hội đồng cơ quan chính trị, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân của chủ nhiệm chính trị.

- Nắm chắc tình hình, bám sát thực tiễn ở cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, thực hiện triệt để các nghị

quyết mệnh lệnh, chỉ thị, quy định, kế hoạch đã đề ra.

- Làm việc theo chức trách và chế độ, xây dựng thành quy chế làm việc cụ thể của mỗi cấp, đảm bảo phát huy khả năng của mỗi người và sức mạnh của cả cơ quan.

- Kết hợp chặt chẽ giữa toàn diện với trọng điểm, giữa công tác tư tưởng và công tác tổ chức, coi trọng việc tổ chức thực hiện, tập trung nỗ lực vào những khâu quan trọng để thúc đẩy toàn cục.

- Chủ động hợp đồng với cơ quan tham mưu, hậu cần, kỹ thuật, quan hệ chặt chẽ và phối hợp với cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng ở trung ương và địa phương.

- Làm việc phải chủ động, sáng tạo, thiết thực, tỉ mỉ, cụ thể, bảo đảm có hiệu quả thực sự.

- Nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình. Coi trọng sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

2. Phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ công tác sau đây:

- Chế độ nghiên cứu nắm vững nghị quyết, chỉ thị quy định của trên, nắm chắc tình hình thực tế để có cơ sở đề ra các quyết định chính xác.

- Chế độ làm kế hoạch và tổ chức kiểm tra thực hiện kế hoạch, uốn nắn, bổ sung kịp thời.

- Chế độ đi xuống cơ sở.

- Chế độ báo cáo, xin chỉ thị.

- Chế độ bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ trong quá trình công tác.

- Chế độ sơ kết, tổng kết kinh nghiệm.

Căn cứ vào Quy định này, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hướng dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện khi có sự phát triển mới thì đề nghị Ban Bí thư ra

chỉ thị bổ sung.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 25-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983

**Về tổ chức Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp trong
Quân đội nhân dân Việt Nam**

Để thực hiện Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra của Đảng và Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương quy định hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc làm việc của Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

I- NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC ỦY BAN KIỂM TRA

1. Uỷ ban kiểm tra Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập ở cơ quan chính trị các cấp, chịu sự lãnh đạo của cơ quan chính trị cùng cấp và sự chỉ đạo của Uỷ ban kiểm tra Đảng cấp trên. Việc thành lập Uỷ ban kiểm tra ở đảng uỷ cơ sở do Tổng cục Chính trị quy định cho phù hợp với từng tổ chức cơ sở của Đảng trong quân đội.

Danh sách Uỷ ban kiểm tra Đảng thuộc Tổng cục Chính trị do Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đề nghị, Ban Bí thư

Trung ương chuẩn y.

Danh sách Uỷ ban kiểm tra Đảng thuộc cục chính trị do hội nghị cán bộ đảng bầu ra, Tổng cục Chính trị chuẩn y và báo cáo lên Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Danh sách Uỷ ban kiểm tra Đảng, thuộc phòng chính trị do hội nghị đại biểu hoặc đại hội đảng viên định kỳ bầu ra, cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp chuẩn y và báo cáo lên Tổng cục Chính trị.

Trường hợp chưa họp được hội nghị cán bộ đảng, đại hội đại biểu đảng hoặc hội nghị đại biểu đảng viên để bầu Uỷ ban kiểm tra Đảng thì phòng chính trị đề nghị danh sách, cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp chuẩn y và báo cáo lên Tổng cục Chính trị.

Danh sách Uỷ ban kiểm tra của đảng uỷ cơ sở do đảng uỷ bầu ra, phòng chính trị chuẩn y.

2. Số lượng và tiêu chuẩn uỷ viên ban kiểm tra

a) Số lượng uỷ viên

- Uỷ ban kiểm tra Đảng thuộc Tổng cục Chính trị có 7 đến 11 uỷ viên; gồm 5 đến 7 uỷ viên chuyên trách và 2 đến 6 uỷ viên kiêm chức.

- Uỷ ban kiểm tra Đảng thuộc cục chính trị có 5 uỷ viên, gồm 3 uỷ viên chuyên trách và 2 kiêm chức.

- Uỷ ban kiểm tra Đảng thuộc phòng chính trị có từ 3 đến 5 uỷ viên gồm từ 1 đến 2 uỷ viên chuyên trách và 3 đến 4 uỷ viên kiêm chức.

- Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở có 3 uỷ viên (kiêm chức).

b) Tiêu chuẩn uỷ viên:

- Có tính đảng, tính kỷ luật, nhất trí với đường lối, chính

sách của Đảng.

- Trung thực, khiêm tốn, khách quan, chí công vô tư, cốt tinh thần đấu tranh bảo vệ đường lối chính sách, nguyên tắc của Đảng, chống mọi biểu hiện tiêu cực, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

- Hiểu biết về công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, có khả năng đóng góp chung vào sự hoạt động của Uỷ ban kiểm tra và tương xứng với nhiệm vụ được giao.

II- NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA UỶ BAN KIỂM TRA

Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp trong quân đội thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ của cơ quan chính trị cấp mình giao. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Thường xuyên nắm vững tình hình kỷ luật của đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới.

2. Căn cứ vào Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, căn cứ vào chỉ thị hướng dẫn của cơ quan chính trị, Uỷ ban kiểm tra cấp trên, nhiệm vụ chính trị của đơn vị, căn cứ vào tình hình chấp hành kỷ luật của đảng viên và tổ chức đảng mà đề nghị với cơ quan chính trị cấp mình về nhiệm vụ công tác kiểm tra cụ thể trong từng thời kỳ.

3. Kiểm tra những vụ đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng (kể cả uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc trên quản lý sinh hoạt trong đảng bộ), nhằm vào những vụ vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội và tư cách đảng viên.

4. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật đảng viên của cơ quan

chính trị, Uỷ ban kiểm tra Đảng cấp dưới và tổ chức cơ sở của Đảng.

5. Kiểm tra việc thu nộp và sử dụng đảng phí của đảng viên, tổ chức đảng, cơ quan quản lý đảng phí cùng cấp và cấp dưới.

6. Giải quyết thư khiếu nại về thi hành kỷ luật trong Đảng và thư tố cáo đối với đảng viên vi phạm điều lệ, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội.

7. Báo cáo với cơ quan chính trị xem xét và quyết định các hình thức kỷ luật thuộc quyền hạn của cấp mình; Căn cứ vào quyền hạn quy định ở Chương IX Điều lệ Đảng mà chuẩn y, thay đổi, xoá bỏ kỷ luật đối với đảng viên.

Uỷ ban kiểm tra của các tổ chức cơ sở của Đảng không được quyền chuẩn y hoặc xoá bỏ kỷ luật đảng viên mà chỉ kiểm tra xem xét để đề xuất ý kiến về những công tác đó với đảng uỷ cơ sở và Uỷ ban kiểm tra đảng cấp trên.

8. Theo chỉ thị của chủ nhiệm chính trị, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra về công tác xây dựng Đảng.

9. Kiểm tra công tác của Uỷ ban kiểm tra Đảng cấp dưới, chỉ đạo công tác xây dựng ngành, nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm, bồi dưỡng cho cán bộ, đề nghị kiện toàn Uỷ ban kiểm tra Đảng cấp mình và cấp dưới.

III- NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA UỶ BAN KIỂM TRA

1. Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp trong quân đội làm việc dưới sự lãnh đạo của cơ quan chính trị cấp mình (hoặc của

đảng uỷ cơ sở ở những nơi có đảng uỷ cơ sở) và sự hướng dẫn, kiểm tra của Uỷ ban kiểm tra Đảng cấp trên.

Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa cơ quan chính trị và Uỷ ban kiểm tra thì cả 2 cơ quan phải báo cáo lên cấp trên quyết định.

- Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.

- Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp mỗi tháng sinh hoạt một lần. Khi cần thì họp bất thường.

- Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp phải báo cáo tình hình công tác kiểm tra với cơ quan chính trị cấp mình và Uỷ ban kiểm tra Đảng cấp trên. Hàng tháng đồng chí chủ nhiệm chính trị trực tiếp nghe Uỷ ban kiểm tra báo cáo tình hình công tác và cho ý kiến chỉ đạo.

- Các Uỷ ban kiểm tra Đảng thuộc cục và phòng chính trị phải báo cáo tình hình các mặt công tác kiểm tra đã làm và phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra nhiệm kỳ tới trước đại hội đại biểu đảng, hội nghị cán bộ đảng hoặc hội nghị đại biểu đảng cấp mình.

2. Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp cần có quan hệ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan và tổ chức có liên quan. Trong phạm vi nhiệm vụ, Uỷ ban kiểm tra có quyền yêu cầu các đơn vị, cơ quan, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ cung cấp các tình hình và tài liệu cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ. Khi đã có kết luận về kỷ luật Đảng, cần thông báo lại kịp thời cho các tổ chức và cán bộ có liên quan.

3. Quan hệ giữa Uỷ ban kiểm tra thuộc Cục Chính trị quân khu với Uỷ ban kiểm tra tỉnh, thành uỷ là quan hệ phối hợp để cùng kiểm tra giải quyết các vụ kỷ luật, tố

cáo, khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng trong cơ quan quân sự địa phương, bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng.

Căn cứ vào Quy định này, Tổng cục Chính trị hướng dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện biện chế cơ quan giúp việc của Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp trong quân đội và báo cáo lên Ban Bí thư Trung ương.

*
* * *

Trong quá trình thực hiện Quy định này, cần tổ chức nghiên cứu rút kinh nghiệm, Ban Bí thư sẽ bổ sung dần cho hoàn chỉnh và đáp ứng kịp thời với những yêu cầu mới nảy sinh.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 30-TT/TW, ngày 26 tháng 8 năm 1983

**Về việc lãnh đạo Liên hiệp hợp tác xã
tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp
các cấp mở đại hội**

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đã xác định rõ vị trí và vai trò quan trọng, lâu dài của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, nhất là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Để thúc đẩy sản xuất phát triển, thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp (trong khu vực kinh tế tập thể và người lao động thủ công), Ban Bí thư đã đồng ý cho Đảng đoàn liên hiệp xã Trung ương chuẩn bị mở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II vào cuối năm nay và sẽ tiến hành mở đại hội từ cơ sở lên; đồng thời với việc chuẩn bị cho đại hội toàn quốc, phần lớn các liên hiệp xã địa phương kết hợp tổ chức đại hội nhiệm kỳ của mình. Đây là đợt sinh hoạt dân chủ rộng lớn nhất từ trước tới nay của tổ chức hợp

tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế. Đại hội lần này phải nhằm đạt được những yêu cầu chính sau đây:

- Động viên, giáo dục làm cho quần chúng lao động tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp xác định được vị trí và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó nâng cao ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý chí tự lực tự cường vượt mọi khó khăn, chấp hành đúng chính sách, đẩy mạnh sản xuất, củng cố hợp tác xã.

- Đánh giá tình hình, tổng kết kinh nghiệm phong trào xây dựng và củng cố hợp tác xã thời gian qua, xác định đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba và lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm tạo ra một bước chuyển biến mới trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, ra sức chống tiêu cực, phát huy tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế – xã hội của hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

- Kiện toàn về tổ chức và cán bộ đủ sức đáp ứng nhiệm vụ mới của phong trào hợp tác xã đang phát triển.

- Phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi của quần chúng trong và sau đại hội.

Trong việc chuẩn bị và tiến hành đại hội các cấp, phải coi trọng bảo đảm nội dung các đại hội có chất lượng cao, có những hình thức tuyên truyền, tổ chức thiết thực, nhưng tiết kiệm, chống phô trương lãng phí.

Để bảo đảm đại hội các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ

công nghiệp kỳ này đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu:1. Các cấp uỷ đảng nhận thức sâu sắc vị trí và nhiệm vụ quan trọng của khu vực kinh tế này, lãnh đạo chặt chẽ liên hiệp xã các cấp tổ chức đại hội đạt kết quả cao. Nhân dịp này cần xem xét kiện toàn tổ chức và cán bộ lãnh đạo các liên hiệp xã.

2. Các ban của Đảng có liên quan (chủ yếu là Ban Công nghiệp, Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn) có trách nhiệm theo dõi, phối hợp giúp đỡ Liên hiệp xã tổ chức đại hội này.

3. Các cơ quan nhà nước có liên quan phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp xã giải quyết các chính sách, chế độ cụ thể giúp các hợp tác xã khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, thúc đẩy cải tạo và củng cố hợp tác xã.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 22-TB/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1983

**Ý kiến của Ban Bí thư về việc tổ chức thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng**

Ngày 29-8-1983, sau khi nghe Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo về tình hình các cấp, các ngành tổ chức truyền đạt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư đã có một số nhận xét và ý kiến hướng dẫn thêm như sau:

1. Nói chung các địa phương và các ngành trung ương đã khẩn trương triển khai việc thực hiện Nghị quyết Trung ương. Đến nay, hầu hết các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban, các ngành trung ương và một số cơ quan trung ương đã thảo luận Nghị quyết Trung ương, có liên hệ với tình hình thực tế của địa phương, ngành, và căn cứ vào tinh thần, nội dung của Nghị quyết để đẩy mạnh một số mặt công tác trước mắt. Nhiều tỉnh, thành đã bồi dưỡng cán bộ và chỉ đạo việc thảo luận Nghị quyết ở cấp huyện, quận và cơ sở. 16 tỉnh uỷ, 13 cơ quan lãnh đạo ban, ngành trung ương đã tự kiểm điểm và bàn chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết Trung ương.

Một số tỉnh uỷ, thành uỷ qua tự phê bình, đã thấy rõ hơn những ưu điểm cần phát huy cũng như những khuyết điểm cần khắc phục, nhấn mạnh đến những khuyết điểm về mất cảnh giác, thiếu kiên quyết trong đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch; buông lỏng cải tạo công thương nghiệp tư doanh, không tích cực tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa, để cho thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa phát triển; cải tạo nông nghiệp chậm hoặc chỉ đạo thực hiện khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp không chặt chẽ; chấp hành không nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo và quản lý kinh tế; kỷ luật không nghiêm đối với số cán bộ, đảng viên có sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng, v.v..

Các cấp ủy và lãnh đạo ngành đã đề ra chương trình hành động, tập trung vào những vấn đề trọng điểm và những mặt yếu của địa phương và ngành. Chương trình hành động đó đã bổ sung được một số việc quan trọng phải giải quyết mà đại hội vòng 2 và các nghị quyết của cấp uỷ trước đây đặt ra chưa đúng mức.

Tuy vậy, ở một số địa phương và cơ quan trung ương, việc phổ biến Nghị quyết Trung ương đã làm sơ sài, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt không trực tiếp truyền đạt, phân tích kỹ cho cán bộ nắm vững nội dung các quan điểm và các chủ trương, biện pháp nêu ra trong Nghị quyết; khi thảo luận trong cấp uỷ và trong các cơ quan, ít chú ý làm rõ những nhận thức không đúng về cuộc đấu tranh giữa ta và địch, về việc chấp hành đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên, về cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hoá – xã hội, về yêu cầu phải khắc phục đồng thời cả tệ tập trung quan liêu, bao cấp và tình trạng tự do vô tổ chức, vô kỷ luật trong chỉ đạo và quản lý kinh tế. Một số cấp uỷ đã không

kịp thời uốn nắn những nhận thức lệch lạc của một số cán bộ trong quá trình thảo luận Nghị quyết (như cho rằng nguyên nhân của những khuyết điểm về tư tưởng trước hết là do cơ chế quản lý và chính sách kinh tế), nói nhiều về những vướng mắc cụ thể về quản lý mà không đi sâu vào các vấn đề lập trường tư tưởng, quan điểm của Đảng. Vì chưa quán triệt nội dung Nghị quyết của Trung ương, một số nơi đã tiến hành tự phê bình một cách sơ sài, thiếu chuẩn bị; và đề ra chương trình hành động cũng phân tán, không tập trung vào những nhiệm vụ cấp bách và những mặt yếu nhất của địa phương, của ngành để phấn đấu làm chayển biến cho bằng được.

2. Để bảo đảm tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở các cấp, các ngành, Ban Bí thư nhấn mạnh một số điểm như sau:

a) Các cấp ủy đảng phải tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ việc truyền đạt Nghị quyết của Trung ương ở các cấp, các ngành cho đến cơ sở; làm cho tất cả cán bộ, đảng viên hiểu rõ và hiểu đúng nội dung Nghị quyết, đạt cho được bốn yêu cầu đã đề ra trong Chỉ thị 23-CT/TW. Phải đề phòng và khắc phục tình trạng "tâm đắc" điểm nào thì nhấn mạnh điểm ấy, xem nhẹ hoặc bỏ qua các điểm khác, đi đến hiểu sai lệch Nghị quyết.

Ban Tuyên huấn Trung ương cần cung cấp thêm tài liệu cần thiết cho việc thảo luận quán triệt Nghị quyết Trung ương ở các cấp, các ngành. Các cấp uỷ, cơ quan có thể tham khảo một số bài đăng trên báo *Nhân Dân* nói về nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương.

b) Phải chuẩn bị tốt và tiến hành tốt việc kiểm điểm, tự phê bình của tập thể cấp uỷ đảng và lãnh đạo các ban, ngành. Nội dung kiểm điểm không nên tràn lan, không cần lặp lại tất cả các vấn đề đã kiểm điểm ở đại hội đảng bộ đợt 2,

mà cần tập trung sâu vào một số vấn đề nổi bật nhất của địa phương, của ngành để có biện pháp phát huy, sửa chữa cho thiết thực; không kiểm điểm một cách hình thức.

Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước đều phải tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương. Trước mắt, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, bộ, tổng cục ở trung ương tự kiểm điểm về sự lãnh đạo tập thể của cấp uỷ, của ban, ngành; sau đó các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của địa phương và của ngành tự phê bình trước chi bộ, trước cấp uỷ hoặc trước tập thể lãnh đạo ngành và một số cán bộ phụ trách các bộ phận công tác trong cơ quan để làm gương cho cán bộ, đảng viên trong việc tự phê bình và phê bình và thúc đẩy việc phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm.

Đối với những cán bộ, đảng viên đã rõ là có khuyết điểm nghiêm trọng về lập trường, quan điểm và về tư cách đạo đức thì phải kiểm điểm ngay và có kết luận rõ ràng, để xử lý nghiêm minh, kịp thời.

Đối với cán bộ, đảng viên nói chung, thì ngoài việc kiểm điểm phê bình thường xuyên qua các đợt công tác của cơ quan, đơn vị, sẽ tự phê bình cá nhân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương vào cuối 1983 gắn với việc tổng kết công tác năm 1983. Đợt tự phê bình này cần làm xong trong tháng 12-1983.

c) Chương trình hành động của mỗi cấp, mỗi ngành để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương phải thiết thực, tập trung vào một số vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức của đảng bộ, của ngành, tránh để ra tràn lan, và mỗi công việc đề ra đều phải có biện pháp thực hiện cụ thể nhằm đạt cho được kết quả. Cần gắn chương trình hành động đó với chương trình công tác những tháng cuối năm.

3. Các cấp uỷ tỉnh, thành và các ban, ngành ở trung ương

cần tăng cường chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương ở các cấp dưới, phấn đấu tạo ra sự chuyển biến cụ thể trên các mặt công tác quan trọng ở các huyện, quận, các xí nghiệp công nghiệp và các công ty kinh doanh lớn và ở các cơ sở khác.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết Trung ương ở các cơ sở kinh tế quốc doanh của địa phương, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết ở các cơ sở quốc doanh trung ương.

Các bộ, tổng cục có trách nhiệm chỉ đạo việc truyền đạt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương ở các liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hiệp, các tổng công ty do bộ, tổng cục quản lý, phối hợp với các cấp uỷ địa phương để lãnh đạo công tác tư tưởng trong các đơn vị; kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ việc thực hiện từng công việc chính.

Các ban của Đảng có trách nhiệm giúp Ban Bí thư chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương ở các cấp, các ngành.

Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng cần phối hợp chặt chẽ để giúp Ban Bí thư thường xuyên nắm chắc tình hình thực hiện Nghị quyết ở các cấp, các ngành và sơ kết việc thực hiện Nghị quyết vào tháng 11-1983 tới.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Về tình hình và nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa
đối với công thương nghiệp tư doanh**

**I- TÌNH HÌNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI
CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ DOANH Ở MIỀN NAM
TỪ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG ĐẾN NAY**

1. Sau khi giải phóng miền Nam, trên cơ sở thiết lập chính quyền chuyên chính vô sản, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân giành được những thắng lợi to lớn: đất nước hoàn toàn độc lập và thống nhất, nhân dân trở thành người chủ tập thể trong cả nước.

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh cũng *đạt được những thành tựu quan trọng*: Nhà nước đã nắm và quản lý trực tiếp các ngành kinh tế then chốt, các cơ sở kinh tế quan trọng; nắm độc quyền ngoại thương; quốc hữu hoá vận tải đường sắt, đường biển, đường hàng không; quốc hữu hoá các ngân hàng tư nhân, độc quyền phát hành tiền tệ; thống nhất quản lý các mặt hàng thiết yếu; xoá bỏ kinh tế của tư sản mại bản, trừu trị tư sản gian thương lớn; cải tạo một bộ phận quan trọng công thương nghiệp tư bản tư doanh; đưa một bộ phận tiêu, thủ công nghiệp vào các hình thức hợp tác từ thấp đến cao; sáp xếp, cải tạo và sử dụng một bộ phận những người buôn bán nhỏ.

Trên cơ sở đó, hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng, củng cố và chiếm ưu thế trong nền kinh tế quốc

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 14-NQ/TW, ngày 13 tháng 9 năm 1983

dân; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập, bước đầu mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Đạt được những thắng lợi trên đây, chủ yếu là do: *đường lối chung và đường lối kinh tế* của Đảng được đề ra trong các nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, cũng như *chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi với công thương nghiệp tư doanh* là đúng đắn; *các cấp ủy đảng và chính quyền* có nhiều cố gắng trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo; đồng đảo cán bộ, đảng viên, công nhân tích cực tham gia; *nhân dân lao động* nhiệt tình ủng hộ.

2. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi với công thương nghiệp tư doanh đã phạm một số *khuyết điểm*:

a) Cải tạo chưa gắn chặt với xây dựng, chưa lấy xây dựng làm đích; nặng về xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất mà chưa coi trọng đúng mức việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, xây dựng, củng cố và phát triển các lực lượng kinh tế quốc doanh và tập thể, để trên cơ sở đó, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng phân phôi, lưu thông theo kế hoạch, dưới sự quản lý của Nhà nước.

b) Chưa phát huy được mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của công nhân và lao động trong công tác cải tạo và xây dựng, trong việc quản lý các xí nghiệp đã cải tạo, trong việc giáo dục và cải tạo người tư sản thành người lao động.

c) Chưa nắm vững đặc điểm của công thương nghiệp tư doanh ở miền Nam để vận dụng một cách sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, để đề ra bước đi và những hình thức, phương pháp cải tạo thích hợp. Có lúc đã

nôn nóng, muốn làm nhanh trong khi chưa chuẩn bị kỹ các điều kiện cần thiết, nhất là cán bộ, chưa chuẩn bị tốt các phương án kinh tế – kỹ thuật.

d) Chưa gắn cải tạo công thương nghiệp với cải tạo nông nghiệp. Trong công tác cải tạo, chưa kết hợp chặt chẽ ba cuộc cách mạng, ba biện pháp: kinh tế, giáo dục và hành chính.

e) Việc chỉ đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi với công thương nghiệp tư doanh thiếu liên tục, nhất quán. Từ năm 1979, sau khi phát hiện có một số khuyết điểm trong công tác cải tạo, đã không kịp thời tổng kết kinh nghiệm để tiếp tục cải tạo tốt hơn, lại buông trôi nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường trong một thời gian, để cho giai cấp tư sản phục hồi và phát triển cả ở miền Nam và miền Bắc (nhất là tư sản người Hoa ở miền Nam), thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa tự do hoạt động và kẻ địch lợi dụng những sơ hở ấy chống phá ta trên nhiều mặt, làm hỗn loạn trật tự kinh tế – xã hội.

Từ năm 1981 trở lại đây, Trung ương Đảng và Chính phủ đã có những quyết định uốn nắn lệch lạc nói trên; đã đạt được một số chuyển biến, nhưng mới là bước đầu.

Những khuyết điểm trong công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh trong thời gian vừa qua có *nguyên nhân* quan trọng là:

Chưa quán triệt sâu sắc đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng. Chưa nắm vững chuyên chính vô sản; có lúc, có nơi còn mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, về cuộc đấu tranh giữa ta và địch, về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chưa nhận thức đầy đủ về sự gắn bó giữa

quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, về nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước, về năm thành phần kinh tế, về sự thống nhất giữa ba lợi ích, về kết hợp kế hoạch với thị trường, về cuộc đấu tranh chống cả hai khuynh hướng quan liêu, bao cấp, bảo thủ trì trệ và tự do chủ nghĩa, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật trong các hoạt động kinh tế.

Những khuyết điểm trên đã hạn chế kết quả cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Từ những khuyết điểm đó, cần rút ra những *bài học kinh nghiệm* cho việc tiếp tục công tác này trong thời gian tới.

II- TIẾP TỤC CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ DOANH TRONG THỜI GIAN TỐI

A- Nhiệm vụ

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) đã xác định nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới là:

"Kiên toàn và nâng cao chất lượng của kinh tế quốc doanh; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và thủ công nghiệp. Đến năm 1985, hoàn thành về cơ bản việc tổ chức nông dân ở Nam Bộ vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, đưa một bộ phận sản xuất thủ công cá thể vào làm ăn tập thể bằng các hình thức thích hợp. Thực hiện chính sách vừa sử dụng, vừa cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh; triệt để xoá bỏ thành

phần tư bản trong thương nghiệp; mở rộng đi đôi với chấn chỉnh thị trường có tổ chức; kiên quyết cải tạo, sắp xếp lại và quản lý thị trường tự do".

Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh có *tầm quan trọng đặc biệt*:

a) Cải tạo xã hội chủ nghĩa chính là thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế đã được đề ra trong các Đại hội toàn quốc lần thứ IV và lần thứ V của Đảng: "Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng..." nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, làm cho nước ta trở thành một nước độc lập, tự chủ, thống nhất, xã hội chủ nghĩa, có kinh tế công – nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc.

b) Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa hỗ trợ đắc lực cho cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nhằm đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt... tăng cường quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

c) Đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam là chính, đồng thời phải tiếp tục cải tạo đối với những tư sản mới mọc ra và số người buôn bán nhỏ đang tăng lên ở miền Bắc, do sự quản lý sơ hở của ta trong những năm gần đây; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ

nghĩa trong cả nước.

d) Phải phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của..., đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác.

B- Những quan điểm cơ bản của Đảng trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa

1. Kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng là chính

Xuất phát từ đặc điểm lớn nhất của nước ta là đi từ một nền sản xuất nhỏ là phô biến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đương nhiên phải xác lập trước hết quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất; nhưng không phải chỉ có thế, mà còn phải làm một cuộc cách mạng toàn diện nhằm tổ chức lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân để từng bước công nghiệp hóa nước nhà, đưa nền sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước, phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động và đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện sản xuất và phân phối theo kế hoạch, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Vì vậy *phải kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng là chính*. Ngay trong khi tiến hành cải tạo đã có xây dựng, vừa cải tạo vừa xây dựng quan hệ sản xuất mới trên cả ba mặt: sở hữu, phân phối, quản lý; vừa cải tạo vừa sắp xếp

lại sản xuất, xây dựng tổ chức kinh tế mới, xây dựng lực lượng sản xuất mới. Sau khi cải tạo, càng phải tích cực xây dựng, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý mới, để củng cố và phát huy kết quả của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Phải kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng công nghiệp với cải tạo và xây dựng nông nghiệp, gắn chặt cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực sản xuất với cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực phân phối, lưu thông để kết hợp ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp, tạo ra cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn từng huyện, cơ cấu công - nông nghiệp ở từng tỉnh, thành phố, đặc khu và trong cả nước.

Nội dung *xây dựng* bao gồm:

a) Trên cơ sở xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt: chế độ sở hữu, chế độ phân phối và chế độ quản lý, trong đó chế độ sở hữu chiếm vị trí quyết định.

Xoá bỏ chế độ người bóc lột người, đưa người công nhân làm thuê lên địa vị người chủ tập thể của xã hội và của xí nghiệp. Cải tạo người tư sản thành người lao động.

Xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phải gắn liền với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ, vì "nền sản xuất nhỏ hàng ngày, hàng giờ không ngừng để ra chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản", vì "tư bản làm cho sản xuất nhỏ liên hợp lại, tư bản sản sinh ra từ nền sản xuất nhỏ" (Lênin).

b) *Tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh* trong phạm vi cả nước, trong từng ngành kinh tế - kỹ thuật, từng địa phương; xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế xã

hội chủ nghĩa lấy kế hoạch làm trung tâm, kết hợp kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; vận dụng đúng đắn các quan hệ hàng hoá – tiền tệ, không ngừng mở rộng thị trường có tổ chức, đồng thời quản lý chặt chẽ thị trường tự do, bảo đảm cho Nhà nước nắm được tuyệt đại bộ phận sản phẩm hàng hoá để phân phối một cách có tổ chức, có kế hoạch, đáp ứng các nhu cầu hợp lý của xã hội; thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, bảo đảm sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích của toàn xã hội với lợi ích của tập thể và của người lao động.

Cần nhận rõ xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa chính là để giải phóng lực lượng sản xuất, tổ chức lại sản xuất hợp lý hơn, quản lý sản xuất hiệu quả hơn, tạo ra năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cao hơn, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Vì vậy, trong và sau khi tiến hành cải tạo, phải tìm mọi biện pháp tận dụng cơ sở vật chất – kỹ thuật sẵn có, đồng thời tích cực phát triển thêm lực lượng sản xuất và đưa nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, không được để cho cơ sở vật chất – kỹ thuật bị phá hoại, mất mát, sản xuất bị sút kém, đình đốn.

c) *Xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; xây dựng Đảng thành hạt nhân lãnh đạo trong tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, nhất là chính quyền phường, xã, quận, huyện: xây dựng tổ chức và tăng cường hoạt động của các đoàn thể nhân dân; lựa chọn, cất nhắc những công nhân ưu tú vào các vị trí chủ chốt của xí nghiệp đi đôi với tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*

quản lý.

Các cấp bộ đảng và chính quyền, nhất là ở xí nghiệp, phường, xã, quận, huyện, phải tìm ra những hình thức tổ chức quản lý sát hợp, theo đúng những nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa, phát huy được quyền làm chủ tập thể của quần chúng cả trong sản xuất, phân phối và tổ chức đời sống vật chất và văn hoá ở cơ sở, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của trung ương, của tỉnh và thành phố.

Để tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư doanh, phải chuẩn bị tốt về mọi mặt quy hoạch và kế hoạch tổ chức sản xuất, kinh doanh, tăng cường quản lý, v.v., phấn đấu đạt cho được mục đích phát triển sản xuất, làm tốt công tác phân phối lưu thông, tạo ra không khí phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân. Tuy nhiên, cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất là một thay đổi rất lớn, rất cơ bản về sở hữu, phân phối và quản lý; cho nên, trong thời gian mới bắt đầu cải tạo, nếu có trường hợp sản xuất và lưu thông tạm thời gặp khó khăn, thì cũng không vì thế mà dao động, do dự; phải vững vàng, kiên quyết tiến hành cải tạo và kịp thời khắc phục mọi khó khăn để đẩy mạnh sản xuất.

2. *Năm vững quan điểm của Đảng về năm thành phần kinh tế ở miền Nam trong thời kỳ quá độ*

Trong thời kỳ quá độ, còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ còn có những hình thức hỗn hợp giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tư nhân (công tư hợp doanh...); tương ứng với các hình thức sở hữu đó là các thành phần kinh tế.

Nhiều nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ trong thời kỳ quá độ, ở miền Nam còn năm thành phần kinh tế:

- Kinh tế quốc doanh,
- Kinh tế tập thể,
- Kinh tế tư bản nhà nước, trong đó hình thức cao là công tư hợp doanh,
- Kinh tế tư bản tư doanh,
- Kinh tế cá thể.

Kinh tế gia đình tuy không phải là một thành phần kinh tế ngoài các thành phần kinh tế nói trên, song còn chiếm vị trí quan trọng, cần được khuyến khích và hướng dẫn.

Trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, *năm thành phần kinh tế nói trên không ngừng chuyển biến theo hướng*: thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế tập thể ngày càng được củng cố và phát triển, kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo ngày càng vững chắc; kinh tế tư bản tư doanh ngày càng bị thu hẹp và cuối cùng bị xoá bỏ; đại bộ phận kinh tế cá thể sẽ được từng bước tổ chức lại để chuyển biến dần thành kinh tế tập thể. Đó là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh để giải quyết dứt khoát vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là quy luật phát triển của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phải nắm vững điều này để tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới một cách tích cực, liên tục. Để phòng và khắc phục tư tưởng hữu khuynh, chần chờ, do dự, đồng thời để phòng và khắc phục tư tưởng chủ quan, nồng vội trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân.

C- Phương châm tiến hành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân

Trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải nắm vững phương châm dưới đây:

- a) Vừa cải tạo vừa xây dựng, cải tạo gắn chặt với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.
- b) Kết hợp chặt chẽ cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư doanh với cải tạo nông nghiệp nhằm xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất, xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất, xây dựng cơ cấu công – nông nghiệp ngay từ đầu.
- c) Cải tạo phải liên tục, triệt để; có bước đi thích hợp, vững chắc; có trọng tâm, trọng điểm; không buông lơi nhưng cũng không nóng vội.
- d) Phải chuẩn bị kỹ kế hoạch tiến hành cải tạo cụ thể ở từng ngành, trên từng địa bàn, trong từng thời gian. Cải tạo đến đâu xây dựng và quản lý tốt đến đó, không để xảy ra tình trạng phải cải tạo đi, cải tạo lại.

D- Chính sách cải tạo

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách cải tạo công thương nghiệp tư doanh mà Đảng và Chính phủ đã ban hành. Trong thực hiện, cần phân biệt ngành sản xuất với ngành thương nghiệp, phân biệt tư sản với tiểu chủ, người sản xuất nhỏ, người buôn bán nhỏ.

a) *Đối với công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp*

Đối với công nghiệp tư bản tư doanh, chính sách chung là hạn chế, tiến đến xoá bỏ bóc lột; sử dụng mặt tích cực, có lợi cho quốc kế dân sinh, từng bước cải tạo các cơ sở kinh tế của

tư sản thành xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh (định lãi hoặc chia lãi) hay xí nghiệp hợp tác; giáo dục, cải tạo người tư sản thành người lao động.

Đối với những người sản xuất nhỏ trong *tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp*, chính sách cải tạo là giáo dục, từng bước vận động họ đi vào làm ăn tập thể với những hình thức thích hợp, từ thấp đến cao, dựa trên nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Phải xuất phát từ yêu cầu tổ chức lại sản xuất một cách hợp lý trên cơ sở kỹ thuật của từng ngành nghề, xuất phát từ khả năng thực tế về cán bộ quản lý mà xác định hình thức và quy mô của các tổ chức tập thể cho thích hợp.

Trong công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, cần phân biệt những ngành mà Nhà nước cần trực tiếp nắm và thống nhất quản lý, không cho tư nhân kinh doanh, với những ngành còn để cho nhiều thành phần tham gia, nhằm tận dụng khả năng về vốn, về kỹ thuật, về quản lý của tư sản, tiểu chủ và thợ thủ công vào việc phát triển sản xuất.

Trong những ngành mà Nhà nước cần trực tiếp nắm và thống nhất quản lý (ví dụ: ngành in, sản xuất tân dược, phương tiện vận tải cơ giới lớn...), toàn bộ các cơ sở kinh doanh của tư nhân (kể cả tư sản và tiểu chủ) đều được cải tạo thành quốc doanh hoặc công tư hợp doanh, nhưng chính sách đối xử thì có phân biệt tư sản với tiểu chủ.

Đối với một số ngành sản xuất những mặt hàng không thiết yếu, nếu xét thấy còn có lợi cho quốc kế dân sinh thì Nhà nước vẫn để cho tư sản tiếp tục kinh doanh dưới sự quản lý của Nhà nước, kể cả quản lý việc tiêu thụ sản phẩm.

b) *Đối với thương nghiệp, dịch vụ*

Đối với kinh doanh xuất nhập khẩu, thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương; trung ương thống nhất quản lý chính sách xuất nhập khẩu, thống nhất quản lý ngoại hối và thống nhất quản lý vận tải xuất nhập khẩu; tập trung vào trung ương những mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu và đại bộ phận ngoại tệ thu được; động viên mọi khả năng của địa phương, cơ sở và tạo điều kiện cho gia đình tham gia làm hàng xuất khẩu; triệt để tiết kiệm tiêu dùng trong nước để tăng thêm hàng xuất khẩu, phục vụ *công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*.

Về nội thương, đi đôi với việc không ngừng củng cố và phát triển lực lượng của thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, phải *triệt để xoá bỏ tư sản trong thương nghiệp*. Nhà nước trừng mua hay mua lại cửa hàng, kho hàng và các phương tiện kinh doanh khác của họ để mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Chọn lựa, sử dụng số người tốt, có nghiệp vụ, làm việc cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; giúp đỡ những người khác chuyển sang sản xuất hay làm các nghề dịch vụ.

Đối với người buôn bán nhỏ thì tổ chức, sắp xếp và cải tạo họ dưới nhiều hình thức thích hợp; sử dụng một số làm uỷ thác mua và làm đại lý bán lẻ; lựa chọn, sử dụng một số vào làm trong mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; chuyển dần số người thừa trong khâu lưu thông sang sản xuất hoặc sang các nghề dịch vụ. *Đối với một số ngành hàng không quan trọng*, Nhà nước cho phép người buôn bán nhỏ tiếp tục kinh doanh theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phát triển tổ chức và kinh doanh đến đâu thì tổ chức, sắp xếp, cải tạo và sử dụng

họ đến đáy; hết sức quan tâm sắp xếp công việc làm, bảo đảm đời sống cho họ.

Đối với ngành kinh doanh ăn uống công cộng, hạn chế bớt kinh doanh của tư nhân, mở rộng kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Cải tạo các cơ sở kinh doanh ăn uống của tư sản thành quốc doanh hoặc công tư hợp doanh; xoá bỏ những cơ sở kinh doanh ăn uống xa hoa, lãng phí hoặc lợi dụng kinh doanh để buôn lậu, đầu cơ, gieo rắc văn hoá đồi truy. Đối với những người kinh doanh nhỏ về ăn uống thì cải tạo như đối với người buôn bán nhỏ. Chú trọng sử dụng những người có tay nghề giỏi làm việc cho các cơ sở quốc doanh và hợp tác xã.

Đối với các ngành dịch vụ, sửa chữa, cần mở rộng kinh doanh dịch vụ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để đủ sức lãnh đạo thị trường.

Cải tạo những cơ sở dịch vụ của tư sản bằng hình thức quốc doanh hoặc công tư hợp doanh. Tổ chức những cơ sở dịch vụ của tiểu chủ vào hợp tác xã. Đối với những ngành, nghề xét để tư nhân kinh doanh còn có lợi cho xã hội thì tiếp tục cho họ kinh doanh, nhưng phải quản lý họ, nhất là về chất lượng phục vụ và giá công dịch vụ.

Nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, làm và buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, lậu thuế, trốn thuế; đồng thời nghiêm trị những phần tử thoái hoá, biến chất trong các cơ quan nhà nước can tội tham ô, ăn cắp, móc ngoặc, ăn hối lộ. Đặc biệt chú trọng chống buôn lậu qua biên giới và trên biển, kết hợp với đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn của địch phá hoại kinh tế ta.

c) *Đối với các ngành khác (vận tải, xây dựng, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nhà đất, văn hoá, y tế, giáo dục...), căn cứ vào chính sách hiện hành mà tiếp tục cải tạo và xây dựng. Bộ*

Chính trị giao cho Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quy định và chỉ đạo cụ thể đối với từng ngành.

....

e) *Tiêu chuẩn xác định thành phần tư sản trong tình hình mới*

Tiêu chuẩn về mức thuê công nhân và lao động vẫn theo quy định trong Chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 2-1977. Còn những tiêu chuẩn về mức vốn, mức lãi ròng, thời gian làm giàu, thì cần nghiên cứu để định lại cho thích hợp với tình hình hiện nay. Riêng về lãi ròng thì tinh thần chung là: nếu mức lãi ròng bình quân ba năm 1980-1981-1982 của mỗi hộ công thương trong một số ngành bằng khoảng 10 lần thu nhập bình quân của một công nhân xí nghiệp quốc doanh cùng ngành (tính theo giá thị trường tự do), thì có thể coi là tư sản. Mức lãi ròng của tư sản công nghiệp có thể định cao hơn tư sản thương nghiệp. Mức lãi ròng có thể định khác nhau tùy theo từng vùng. Bộ Chính trị giao cho Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét, vận dụng tiêu chuẩn này trong từng ngành, nghề cụ thể, trên từng địa bàn cho thích hợp, và hướng dẫn các ngành, các địa phương thực hiện.

E- Biện pháp cải tạo

Phải phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, vận dụng đồng bộ các *biện pháp kinh tế, giáo dục, vận động quần chúng, tổ chức và hành chính*.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải xây dựng và không ngừng củng cố, phát triển lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa về các mặt, trước hết là kinh tế quốc doanh, trên cơ sở đó mà làm tốt công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Đặc

biệt là thương nghiệp quốc doanh phải nhanh chóng vươn lên chiếm lĩnh thị trường, nắm chắc các nguồn hàng quan trọng, tổ chức mạng lưới bán lẻ rộng khắp, nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường giáo dục, tuyên truyền, giải thích, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân (kể cả các đối tượng cải tạo) đối với chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước; phát huy tinh thần làm chủ tập thể của công nhân và lao động; phát động phong trào quần chúng tham gia công tác cải tạo và xây dựng.

Hết sức chú trọng giáo dục toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên thẩm nhuần sâu sắc những quan điểm cơ bản của Đảng về nhiệm vụ của thời kỳ quá độ; nhận thức đầy đủ về cuộc đấu tranh giữa ta và địch, về cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; thấu suốt và thi hành nghiêm chỉnh các luật lệ của Nhà nước về quản lý kinh doanh công thương nghiệp, quản lý thị trường, cũng như chủ trương, chính sách chung của Đảng về cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân.

Về *tổ chức*, phải chăm lo kiện toàn bộ máy quản lý các cơ sở kinh tế quốc doanh, công tư hợp doanh và hợp tác xã; nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở, nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước ở các cấp, đề cao vai trò của các đoàn thể trong công tác vận động quần chúng ủng hộ và tham gia công tác cải tạo cũng như trong việc xây dựng và phát huy quyền làm

chủ tập thể của công nhân, lao động trong các xí nghiệp được cải tạo.

Hết sức coi trọng việc lựa chọn, cất nhắc công nhân và người lao động ưu tú vào các vị trí chủ chốt của xí nghiệp, của hợp tác xã, cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý xí nghiệp và cán bộ quản lý hợp tác xã. Kiên quyết loại trừ các phân tử thoái hoá, biến chất ra khỏi các tổ chức đảng, các cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa và các cơ quan nhà nước.

G- Bước đi của cuộc vận động

a) *Trọng điểm* cải tạo công thương nghiệp tư doanh là các thành thị, trước hết là các thành phố lớn. Cần tập trung sức của các ngành trung ương và của địa phương làm tốt ở Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội. Đối với những người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ ở nông thôn thì kết hợp với việc đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp, xây dựng các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng để từng bước tổ chức, sắp xếp và cải tạo họ.

b) *Yêu cầu và nội dung ở từng vùng*

Nói chung, từ nay đến năm 1985, cần tập trung sức đẩy mạnh cải tạo và xây dựng thương nghiệp. Trên cơ sở phát triển nhanh và mạnh lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa về các mặt, xoá bỏ ngay tư sản thương nghiệp, tổ chức, sắp xếp, cải tạo và sử dụng người buôn bán nhỏ dưới nhiều hình thức để đưa lưu thông hàng hóa đi vào tổ chức và kế hoạch, trước hết nhằm vào các ngành hàng thiết yếu: lương thực, thịt, cá, rau, nước chấm, đường, chất đốt, vải, thuốc chữa bệnh...

Đối với công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, phải trên cơ sở quy hoạch, sắp xếp lại sản xuất theo ngành kinh tế – kỹ thuật trên từng địa bàn mà tiến hành cải tạo với những bước đi và hình thức thích hợp, vững chắc.

Ở các thành phố và tỉnh thuộc Nam Bộ cũ, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa rất nặng. Đây là vùng trọng điểm số một của cả nước về cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Đảng và chính quyền các cấp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo một cách kiên quyết, liên tục và đồng bộ, kết hợp cải tạo và xây dựng công thương nghiệp với cải tạo và phát triển nông nghiệp, kết hợp cải tạo với đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, chống địch phá hoại.

Ở các tỉnh duyên hải miền Trung, hợp tác hoá nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành, cần đẩy mạnh cải tạo công thương nghiệp, trước hết là thương nghiệp, cải tạo đi đôi với phát triển nghề cá. Mặt khác, phải tiếp tục củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Ở các tỉnh Tây Nguyên, trong khi tiếp tục cải tạo công thương nghiệp tư doanh, cần nấm vững trọng tâm là xây dựng và phát triển kinh tế quốc doanh trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, vận tải. Mặt khác, phải xây dựng phong trào hợp tác hóa ở nông thôn một cách vững chắc, dưới những hình thức và bước đi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, kết hợp với việc đưa thêm dân từ các nơi khác đến để xây dựng vùng kinh tế mới.

Hết sức chú trọng chống buôn lậu ở biên giới, chống buôn lậu các hàng đặc sản mà Nhà nước thống nhất quản lý.

Ở miền Bắc, trọng tâm là củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển lực lượng sản xuất của các khu vực quốc doanh và tập thể, tăng cường lực lượng mọi mặt của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, tích cực tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, quản lý và cải tạo thị trường.

III- LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Cải tạo công thương nghiệp tư doanh là một trong những nhiệm vụ lớn của Đảng và Nhà nước hiện nay, lại tiến hành trong tình hình kinh tế, xã hội có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng và chính quyền các cấp.

Dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo các ngành, các cấp tiến hành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với từng ngành công thương nghiệp tư doanh ở từng vùng, gắn chặt với cải tạo nông nghiệp.

Ban Bí thư Trung ương Đảng có trách nhiệm chỉ đạo các ban của Đảng giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên thấu suốt và thực hiện các chính sách cải tạo; qua công tác cải tạo mà củng cố các tổ chức đảng và các đoàn thể; theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về cải tạo; cùng Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo và uốn nắn kịp thời những sai sót xảy ra, bảo đảm huy động lực lượng của các cấp đảng bộ, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, kết hợp với chính quyền, thực hiện tốt đường lối, chính sách của

Đảng về cải tạo.

Thủ trưởng các bộ, tổng cục có liên quan và Uỷ ban nhân dân các cấp phải thật sự chỉ đạo công tác cải tạo và xây dựng trong ngành mình, địa phương mình, không được khoán tráng cho cán bộ, cho cấp dưới. Phải hướng dẫn các cấp dưới và các cơ sở rút kinh nghiệm công tác cải tạo và xây dựng trong thời gian qua, thấu suốt tinh thần và nội dung Nghị quyết này của Bộ Chính trị, chuẩn bị chu đáo về các mặt để tiếp tục triển khai công tác cải tạo gắn liền với xây dựng trong ngành và địa phương. Trong chỉ đạo thực hiện, phải phối hợp chặt chẽ giữa các ngành với nhau, giữa ngành và địa phương.

Các cơ quan tổng hợp và các cơ quan chuyên chính ở trung ương và địa phương có trách nhiệm góp phần tích cực vào công tác cải tạo và xây dựng theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Các bộ, tổng cục có nhiệm vụ điều tra, nắm vững tình hình sản xuất, kinh doanh của ngành trong cả nước và ở từng địa phương, lập phương án cải tạo và xây dựng toàn ngành; nghiên cứu để ban hành hoặc đề nghị Hội đồng Bộ trưởng ban hành các quy định cụ thể về cải tạo, xây dựng và quản lý ngành; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đưa về tăng cường cho địa phương và cơ sở.

Các cấp uỷ đảng và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn diện công tác cải tạo và xây dựng công thương nghiệp gắn với cải tạo và phát triển nông nghiệp ở địa phương; phải thường xuyên đi sâu, nắm chắc tình hình thực hiện ở các cấp dưới và ở cơ sở để hướng dẫn, giúp đỡ, kịp thời phát hiện và uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc. Hết sức quan tâm *xây dựng quận, huyện*

vững mạnh, đủ sức chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải tạo và xây dựng ở địa phương.

Ở các thành phố, thị xã phải đặc biệt coi trọng việc *xây dựng cấp phường vững mạnh* về các mặt, củng cố và tăng cường các chi bộ đảng và tổ chức chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, bảo đảm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong cải tạo và xây dựng, trong sản xuất, phân phối lưu thông và tổ chức đời sống.

Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm giám sát, giúp đỡ việc cải tạo và xây dựng trong các cơ sở thuộc các ngành

cấp trên quản lý đóng tại địa phương mình.

Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ các cấp, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các lực lượng vũ trang phải tích cực tham gia công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về cải tạo và quản lý thị trường, chống đầu cơ buôn lậu, chống các âm mưu và thủ đoạn phá hoại của địch.

Các cơ quan có trách nhiệm ở các cấp từ trung ương đến quận, huyện cần *kiện toàn các bộ phận chuyên trách công tác cải tạo* của ngành và địa phương. Phải tích cực, khẩn trương *đào tạo cán bộ quản lý có năng lực, có phẩm chất*, đủ sức đảm đương công tác cải tạo và quản lý các cơ sở sau cải tạo.

Nghị quyết này được phổ biến toàn văn đến cấp uỷ tỉnh, thành phố, đặc khu...

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Số 23 - TB/TW, ngày 26 tháng 9 năm 1983
**Ý kiến Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng
của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 21-9-1983, Ban Bí thư đã nghe Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo việc chuẩn bị Đại hội Đảng bộ (đợt hai) và dự thảo đề án về công tác xây dựng Đảng sẽ trình ra Đại hội. Ban Bí thư đồng ý với nội dung cơ bản của đề án đó, và có một số ý kiến như sau:

**I- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC
XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA THÀNH PHỐ**

1. Từ sau Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ II (10-1980) đến nay, Đảng bộ thành phố đã có nhiều cố gắng và tiến bộ trong công tác xây dựng Đảng.

Đảng bộ đã coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao trình độ giác ngộ của cán bộ, đảng viên về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, tăng cường sự nhất trí và quyết tâm của Đảng bộ trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thành phố đã tổ chức và duy trì được phong trào hành động cách mạng của quần chúng ở các phường, xã, đồng viên và phát huy ý thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Đảng bộ thành phố đã có phương hướng đúng và có một số biện pháp tích cực nhằm xây dựng và tăng cường tổ chức đảng ở cơ sở, kết nạp vào Đảng những công nhân ưu tú và những người lao động khác đủ tiêu chuẩn đảng viên. Thành phố cũng có cố gắng đoàn kết, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên, khuyến khích cán bộ dám nghĩ, dám làm, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý kinh tế, xã hội. Sự chỉ đạo của Thành ủy nồng động, sát cơ sở.

2. Bên cạnh những ưu điểm, tiến bộ nói trên, công tác xây dựng Đảng của thành phố còn có những khuyết điểm đáng chú ý:

- Công tác giáo dục chính trị, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, giải quyết tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ chưa gắn bó chặt chẽ với việc giải quyết các công tác thực tiễn của thành phố. Trong đề án về xây dựng Đảng trình ra Đại hội Đảng bộ thành phố lần này, cần phân tích sâu sắc tình hình tư tưởng hiện nay trong cán bộ, đảng viên, xung quanh các vấn đề: đấu tranh giữa hai con đường, đấu tranh địch - ta, nâng cao cảnh giác cách mạng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; chống bảo thủ trì trệ và chống tự do tuỳ tiện, v.v. nhằm nâng cao nhận thức và lập trường, quan điểm của toàn Đảng bộ. Thông qua giáo dục tư tưởng chính trị và rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh và công tác mà xây dựng Đảng bộ trưởng thành cả về chất lượng và số lượng.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm công nghiệp

lớn nhất của cả nước, nhưng *tổ chức cơ sở đảng trong xí nghiệp còn quá yếu*; nhiều phân xưởng trong xí nghiệp công nghiệp, nhiều cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, cơ sở thương nghiệp quốc doanh, trường phổ thông cơ sở, các tổ chức văn hoá, nghệ thuật... chưa có hoặc có rất ít đảng viên.

Việc phát triển đảng trong lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất còn yếu.

- Đội ngũ cán bộ của thành phố trưởng thành nhanh, phải coi trọng việc kiểm tra, rèn luyện để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả công tác; cán bộ chủ chốt các ban, ngành thì một số đã lớn tuổi, một số năng lực hạn chế, lại có một số phạm khuyết điểm về phẩm chất đạo đức cách mạng.

Những diễn biến như trên trong đội ngũ cán bộ cần được phân tích rõ, rút ra kết luận thiết thực cho việc xác định phương hướng và biện pháp giải quyết trong thời gian tới.

II- VỀ PHƯƠNG HUỚNG, NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG BA NĂM TỚI

1. Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị đã xác định vị trí quan trọng về nhiều mặt của Thành phố Hồ Chí Minh. Để bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của Đảng bộ đối với mọi mặt công tác của Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Trung ương và Đại hội Đảng bộ đề ra cho thành phố, công tác xây dựng Đảng của thành phố phải có chuyển biến thật mạnh mẽ. Ban Bí thư nhấn mạnh một số công tác chủ yếu sau đây:

- Đảng bộ phải tiếp tục làm tốt hơn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm làm cho cán bộ, đảng viên thông suốt, nhất trí cao với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; uốn nắn kịp thời những nhận thức và quan điểm tư tưởng lệch lạc, nhất là tư tưởng tiểu tư sản và tàn dư quan điểm tư sản trong một số cán bộ, đảng viên trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội; động viên tinh thần chủ động, sáng tạo của toàn Đảng bộ thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của thành phố. Nhân dân lao động thành phố có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường chống đế quốc, mặt khác, sự nghiệp cách mạng đã chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, môi trường xã hội thành phố còn nhiều tàn dư tư sản và xã hội tiêu thụ – thực dân mới kiểu Mỹ; vì vậy *xây dựng Đảng bộ mạnh phải trên cơ sở xây dựng giai cấp công nhân mạnh*, là giai cấp tiên phong giác ngộ nhất đồng thời là chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước ta.

- Phải hết sức coi trọng tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở cơ sở. Ở những cơ sở đã có tổ chức đảng thì vấn đề then chốt là bảo đảm xây dựng cho được *đảng uỷ, chi uỷ thật sự trong sạch, vững mạnh*. Ở những nơi chưa có đảng viên thì phải từ phong trào cách mạng của quần chúng mà phát hiện, bồi dưỡng những người tốt để họ có đủ tiêu chuẩn gia nhập Đảng. Công tác phát triển đảng trước hết phải hướng vào công nhân trực tiếp sản xuất trong các xí nghiệp công nghiệp, trong các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chú ý thích đáng phát triển đảng ở các trường học, trong trí thức. Việc kết nạp đảng viên phải bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn như đã quy định trong Điều lệ Đảng. Không nên đề ra chỉ tiêu về số lượng phát triển đảng.

Song song với phát triển đảng, cần tăng cường giáo dục,

công tác kiểm tra, quản lý đảng viên, tiếp tục rà soát lại, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; coi trọng công tác bảo vệ Đảng.

- Trước và sau đại hội, cần khẩn trương sắp xếp, kiện toàn cán bộ chủ chốt của các ban, ngành, quận, huyện và cơ sở, đồng thời phải xây dựng quy hoạch cán bộ và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trong quy hoạch cần chú ý đến cán bộ trẻ, thành phần công nhân trên cơ sở bảo đảm các tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực. Cần thường xuyên coi trọng vấn đề đoàn kết và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo từ các nguồn khác nhau là một vấn đề rất quan trọng để thống nhất ý chí và hành động theo đường lối cách mạng của Đảng.

- Thường vụ Thành uỷ, các ban của Thành uỷ, các huyện uỷ, quận uỷ cần có chương trình kiểm tra việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Hội đồng Bộ trưởng và của thành phố, và chỉ đạo thực hiện tốt chương trình kiểm tra ấy, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương.

- Các cấp bộ đảng phải tăng cường lãnh đạo, xây dựng và phát huy các đoàn thể quần chúng, nhất là đối với công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Bản thân các đoàn thể trong thành phố cũng phải phấn đấu nâng cao hơn nữa chất lượng tổ chức và hoạt động của mình, giáo dục xã hội chủ nghĩa cho quần chúng ở cơ sở phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của thành phố. Cần khẩn trương xây dựng kế hoạch và biện pháp tăng cường tổ chức và giáo dục những người lao động trong khu vực tiểu, thủ công nghiệp.

.....

2. Một số vấn đề cụ thể khác

- Đồng ý để Thành ủy thành lập phân ban của cấp ủy chỉ đạo công tác nông thôn. Sau một thời gian hoạt động, Thành ủy cần rút kinh nghiệm việc tổ chức và cách làm việc của phân ban này.

.....

- Nhân sự Thành ủy khoá tới phải bảo đảm sự lãnh đạo kiên quyết thực hiện Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị về công tác của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời trẻ hoá một bước, thể hiện đúng đắn tính liên tục và kế thừa trong cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN KHÁNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 24-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1983

Xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh gắn với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

I

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, một chủ trương có tính chiến lược của Đảng, đã và đang được các ngành các cấp cố gắng thực hiện, đưa lại những kết quả bước đầu.

Qua cuộc vận động xây dựng huyện và thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiều đảng bộ huyện và cơ sở đã được củng cố và trưởng thành một bước, nhiều nhân tố mới xuất hiện; có những đảng bộ vươn lên nhanh chóng. Tiêu biểu là các đảng bộ huyện và đảng bộ cơ sở đã được Ban Bí thư Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ biểu dương, tặng cờ đảng bộ vững mạnh.

Song, sự tiến bộ của các huyện chưa đều, chưa mạnh. Vẫn còn những huyện và cơ sở yếu kém hoặc trì trệ.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương (khoá V) và Nghị quyết số 50 của Hội đồng Bộ trưởng, với những chủ trương, biện pháp tích cực nhằm nâng cao trách nhiệm, tính chủ động, sức sáng tạo của cấp huyện, đã tạo ra những yếu tố

mới cho các huyện vươn lên nhanh hơn.

Chúng ta cần và có đủ điều kiện *đẩy mạnh việc xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh* (bao gồm cả việc *xây dựng các đảng bộ cơ sở vững mạnh và trong sạch*), thật sự là hạt nhân lãnh đạo vững chắc và động lực thúc đẩy việc xây dựng thành công các huyện từng bước tiến lên có cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp phát triển, thành pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc, và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Tất cả các đảng bộ huyện đều phải phấn đấu trở thành "đảng bộ huyện vững mạnh". Đến năm 1985, một số lớn huyện, nhất là các huyện trọng điểm về kinh tế, quốc phòng, phải đạt yêu cầu "đảng bộ huyện vững mạnh"; các huyện khác đều có những tiến bộ mới, rõ rệt; cố gắng phấn đấu để không còn huyện yếu kém.

II

Yêu cầu đối với "đảng bộ huyện vững mạnh" là:

1. *Lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, với tinh thần tích cực, chủ động vươn lên.*

a) Về kinh tế – xã hội

Với tinh thần tự lực vươn lên, lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch kinh tế – xã hội của huyện, phát huy được thế mạnh của địa phương, đem lại những kết quả tích cực và vững chắc. Cụ thể là:

- Kinh tế có bước phát triển rõ theo hướng *tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp*, trước hết nhằm giải quyết tốt

vấn đề lương thực, kết hợp nông nghiệp và công nghiệp ngay từ đầu, tại cơ sở và trên địa bàn huyện; từng bước hình thành cơ cấu kinh tế *nông – công nghiệp* (hoặc nông, lâm – công nghiệp; nông, ngư – công nghiệp, v.v.) theo quy hoạch vùng và đặc điểm của địa phương.

Kết hợp chặt chẽ sản xuất với *phân phối lưu thông*, tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm hàng hoá, kể cả cho xuất khẩu. Làm tròn nghĩa vụ giao nộp lương thực, thực phẩm, nông sản cho Nhà nước. Tổ chức tốt việc thu mua, nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước và quản lý tốt thị trường, đấu tranh có hiệu quả chống bọn gian thương, bọn làm ăn phi pháp.

- Quan hệ sản xuất mới được củng cố và hoàn thiện (ở Nam Bộ, nơi chưa hoàn thành cải tạo, tiến hành tốt việc cải tạo nông nghiệp kết hợp với cải tạo công thương nghiệp). Cơ sở vật chất và kỹ thuật được tăng cường. Coi trọng áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; hạ thấp tỷ lệ phát triển số dân; sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển.

b) Về quốc phòng – an ninh

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, phấn đấu xây dựng huyện thành pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể, chú trọng lãnh đạo đạt kết quả:

- Quản lý nhân dân nhận rõ kẻ thù và có tinh thần cảnh giác đối với chúng.

- Đấu tranh có hiệu quả chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt... Lãnh đạo tốt công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng dự bị, tổ chức dân quân, tự vệ, phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt chính sách hậu phương

quân đội.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm tốt.

2. Lãnh đạo bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động mạnh mẽ các phong trào cách mạng của quần chúng.

- Bảo đảm thật sự quyền *làm chủ tập thể* của nhân dân lao động trong sản xuất, phân phối, tham gia xây dựng và quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội và trong mọi sinh hoạt khác. Đấu tranh khắc phục có hiệu quả tình trạng của quyền, ức hiếp quần chúng, gây phiền hà cho nhân dân.

Chú trọng tổ chức tốt việc quần chúng tham gia xây dựng chính quyền, các đoàn thể, xây dựng Đảng, giám sát cán bộ đảng viên, nhân viên nhà nước, kiểm tra việc phân phối. Tôn trọng và phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện, xã.

- Phát động, duy trì và phát triển tốt các *phong trào quần chúng* xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là các phong trào sản xuất, cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, xây dựng nếp sống mới, đạo đức mới, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, tôn trọng pháp luật nhà nước, chống tiêu cực, xây dựng quân đội và công an nhân dân.

3. Coi trọng xây dựng cơ sở đảng, đội ngũ đảng viên và đơn vị cơ sở. Các tổ chức của Đảng, Nhà nước, đoàn thể và tổ chức kinh tế ở cơ sở được tăng cường và củng cố.

- Nâng nhanh độ đồng đều của các đơn vị cơ sở. Củng cố các chi bộ. Xây dựng đội ngũ cốt cán. Kiên quyết và kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên;

phát triển đảng viên đều đặn, bảo đảm chất lượng; giáo dục nâng cao trình độ về mọi mặt cho cán bộ, đảng viên; phân công và kiểm tra tốt việc phân công đảng viên.

- Các tổ chức chính quyền, đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các xí nghiệp, trạm trại, cửa hàng, nông, lâm trường, hợp tác xã, đội sản xuất và tập đoàn sản xuất được củng cố và hoạt động tốt.

- Tuyệt đại đa số (ít nhất 3/4) đảng bộ cơ sở thuộc loại vững mạnh và khá. Không còn đảng bộ kém nát.

4. Huyện uỷ được kiện toàn, đoàn kết thống nhất trên cơ sở đường lối, nguyên tắc của Đảng và làm tốt chức năng lãnh đạo. Chính quyền, các đoàn thể và bộ máy quản lý cấp huyện phát huy hiệu lực hoạt động của mình.

- Huyện uỷ, trước hết là ban thường vụ huyện uỷ, đoàn kết nhất trí, có sức chiến đấu cao, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của mình. Không ngừng tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác *kiểm tra* theo chương trình kế hoạch.

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc. Bảo đảm thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý và các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng. Chỉ đạo tốt sự phối hợp giữa các tổ chức nhằm mục tiêu xây dựng huyện về mọi mặt.

- Bộ máy của huyện uỷ, uỷ ban nhân dân huyện, các đoàn thể, các tổ chức quản lý nhà nước, quản lý kinh tế được kiện toàn từng bước và hoạt động có hiệu quả.

5. Xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ, làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ về mọi mặt.

Huyện uỷ xây dựng quy hoạch cán bộ chủ chốt của huyện, hướng dẫn cấp dưới xây dựng tốt quy hoạch cán bộ. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ một cách tích cực, bằng nhiều biện pháp có hiệu quả; coi trọng việc bố trí, sử dụng tốt cán bộ theo đúng chính sách và tiêu chuẩn.

III

Xây dựng "đảng bộ huyện vững mạnh" phải *gắn chặt với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện* và phải rất coi trọng xây dựng, kiện toàn các cơ sở.

Phải lấy các yêu cầu, nội dung xây dựng huyện làm mục tiêu, phương hướng kiện toàn các tổ chức, tăng cường đội ngũ cán bộ, nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của đảng bộ huyện.

Các cấp uỷ phải *chăm lo xây dựng các đảng bộ cơ sở vững mạnh, trong sạch*, gắn với việc xây dựng các đơn vị cơ sở vững mạnh. Huyện uỷ và các đảng uỷ, chi bộ phải quán triệt và thực hiện đồng bộ các chủ trương, biện pháp về nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và của đội ngũ đảng viên đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V).

Phải kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức cấp huyện, nắm khâu then chốt về tổ chức là cán bộ. Trước mắt, các tỉnh, thành phố và các ngành ở trung ương phải rà xét để bố trí đúng đội ngũ cán bộ chủ chốt; điều động, bổ sung cán bộ cho huyện, trước hết là các huyện trọng điểm về kinh tế, quốc phòng, các huyện đang còn thiếu cán bộ, nhất là ở miền Nam, miền núi. Mỗi

huyện cần có những cán bộ lãnh đạo và cán bộ phụ trách các ngành mạnh, và có những cán bộ cần thiết về kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ khá. Phải coi trọng bố trí, bồi dưỡng tốt đội ngũ cán bộ cơ sở.

Tỉnh uỷ, thành uỷ cần chỉ đạo các ngành, các đoàn thể thực hiện thống nhất quy hoạch cán bộ từ cơ sở, gắn với yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế và quy hoạch xây dựng huyện. Chú ý việc đào tạo cán bộ là người địa phương, theo tinh thần gắn kết hoạch chiêu sinh với kế hoạch phân phôi đă nêu trong Nghị quyết số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị.

IV

Việc xây dựng các "đảng bộ huyện vững mạnh" phải được *chỉ đạo chặt chẽ, có mục tiêu, yêu cầu, kế hoạch cụ thể từ nay đến 1985*, có phát động, sơ kết và tổng kết. Hàng năm, cấp uỷ tỉnh, thành, huyện phải sơ kết, đánh giá kết quả phấn đấu của từng huyện, gắn liền với phát động thi đua và với việc kiểm điểm, tổng kết công tác cuối năm. Khi kết thúc kế hoạch 1983 - 1985, sẽ tổng kết chung và xét duyệt các "đảng bộ huyện vững mạnh".

Cần vận dụng những kinh nghiệm của các hội nghị trao đổi kinh nghiệm về xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh vừa qua để đưa nhanh các huyện yếu kém tiến lên kịp các huyện khác.

Đối với các đảng bộ vừa được công nhận "đảng bộ huyện vững mạnh" trong các năm 1980-1981 cần phải phấn đấu đưa chất lượng ngày càng cao và toàn diện hơn, nhất thiết không được tụt xuống.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần tăng cường chỉ đạo và kiểm

tra Uỷ ban nhân dân, các ngành ở tỉnh và các huyện tích cực thực hiện đầy đủ chủ trương về phân cấp quản lý cho huyện và những nội dung việc làm khác về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) và Nghị quyết số 50 của Hội đồng Bộ trưởng đã vạch ra.

Các bộ, các ngành ở trung ương cần thực hiện khẩn trương những việc thuộc trách nhiệm của mình đã được nêu lên trong Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng; nhất là sớm xác định quy hoạch kinh tế, khắc phục những vướng mắc về cơ chế quản lý, về chính sách, thúc đẩy nhanh việc phân cấp quản lý kinh tế và các mặt cho huyện một cách đồng bộ.

Các ban Tổ chức, Tuyên huấn, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, các ban khác của Trung ương, các đoàn thể cấp trung ương cần theo chức năng của mình, hướng vào năm yêu cầu về xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh để hướng dẫn các cấp dưới thực hiện Chỉ thị này và giúp kiểm tra đôn đốc việc thực hiện.

Các cơ quan thông tin, báo chí, truyền hình, văn hoá, nghệ thuật có kế hoạch tuyên truyền, cổ động để thực hiện Chỉ thị này, kịp thời đưa tin và phổ biến những kinh nghiệm phấn đấu tốt của các huyện, các cơ sở và những kinh nghiệm chỉ đạo xây dựng huyện của các cấp, các ngành.

Ban Tổ quốc Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban thường xuyên theo dõi, kịp thời sơ kết, tổng kết và báo cáo với Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến toàn văn đến các tổ chức cơ sở đảng.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 24-TB/TW, ngày 8 tháng 10 năm 1983

Quyết định của Ban Bí thư về phương hướng, chủ trương đưa cán bộ lãnh đạo, quản lý sang Liên Xô học tập bồi dưỡng trong thời gian tới

Ngày 19-9-1983, sau khi nghe báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc về việc đưa cán bộ lãnh đạo, quản lý sang Liên Xô học tập bồi dưỡng trong thời gian tới, Ban Bí thư đã có ý kiến như sau:

1. Về việc đưa cán bộ sang đào tạo bồi dưỡng ở hệ thống trường đảng Liên Xô

- Vừa qua ta đã thực hiện tốt việc đưa cán bộ lãnh đạo của Đảng sang Liên Xô học tập bồi dưỡng theo hai kế hoạch hợp tác hai năm 1980-1981 và 1982-1983 với Liên Xô.

- Trong những năm sắp tới, cần tiếp tục đưa cán bộ của Đảng sang Liên Xô học tập. Cần quan tâm đưa cán bộ sang dự các lớp bồi túc ngắn hạn đông hơn. Còn về mặt đào tạo thì chỉ nên đưa sang nhờ Liên Xô đào tạo cán bộ lý luận, cán bộ

nghiên cứu và giảng dạy, nhất là ở những môn, ngành học mà trong nước ta chưa làm được. *Số này cần biết tiếng Nga.*

Với phương hướng đó, Ban Bí thư nhất trí hằng năm đưa sang Liên Xô khoảng 10 nghiên cứu sinh của Đảng, số cán bộ đi học ở Trường Đảng Mátxcơva có thể ít hơn và thôi không đưa thực tập sinh sang nữa. Cần tăng số lượng cán bộ đi dự các lớp bồi túc ba tháng ở Viện Hàn lâm khoa học xã hội Liên Xô. Về lớp bồi túc giảng viên nên chọn những cán bộ giảng dạy ở Trường Đảng cao cấp, trường đảng khu vực và một số cán bộ nghiên cứu lý luận.

Giao cho Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Tuyên huấn Trung ương thống nhất việc lập kế hoạch hợp tác, tuyển chọn và quản lý những cán bộ đưa sang Liên Xô học tập bồi dưỡng. Việc ký kết với bạn sẽ lấy danh nghĩa giữa hai đảng. Cuối năm nay hoặc đầu sang năm, Trung ương sẽ cử một đoàn gồm đại biểu Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường Đảng cao cấp sang Liên Xô bàn bạc kế hoạch hợp tác 5 năm tới. Ban Đối ngoại Trung ương cần trao đổi trước với bạn.

2. Về cán bộ đi học quản lý kinh tế ở Liên Xô

Việc thực hiện hiệp định đã ký giữa hai nhà nước Việt Nam và Liên Xô trong lĩnh vực bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế vừa qua có nhiều cố gắng và đã có những kết quả tốt.

Ban Bí thư nhất trí cần phải tiếp tục thực hiện tốt, đầy đủ chỉ tiêu số lượng cán bộ đưa sang bồi dưỡng theo hiệp định đã ký.

Về phương hướng trong những năm 1986-1990, Ban Bí thư đề nghị Hội đồng Bộ trưởng bàn bạc với Liên Xô và nhờ

Liên Xô tiếp tục bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ cao cấp của Việt Nam tại Viện Hàn lâm kinh tế quốc dân Liên Xô, mỗi năm nên đi một lớp khoảng 10 đến 15 người. Việc bồi dưỡng cán bộ trung cấp không nên gửi như phương thức hiện nay mà nên tổ chức đi theo ngành, thời gian ngắn, sang Liên Xô chỉ học tập thêm về chuyên ngành và khảo sát thực tế; nên gửi một số cán bộ sang đào tạo giám đốc xí nghiệp hoặc cán bộ giảng dạy quản lý kinh tế nhưng cũng đi theo ngành. Số cán bộ trung cấp, giám đốc xí nghiệp, cán bộ giảng dạy quản lý kinh tế phải được chuẩn bị tốt về tiếng Nga. Việc này cần có quy hoạch cụ thể; Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế nghiên cứu kỹ để trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Việc mời giảng viên sang giảng dạy ở Việt Nam, có thể mời một số sang giúp về các chuyên ngành ở những ngành đã có trưởng quản lý kinh tế.

3. Để việc học tập đạt chất lượng và có hiệu quả cao hơn, Ban Bí thư nhắc nhở cần phải tuyển chọn và quản lý cán bộ đi học chặt chẽ hơn và phải có đội ngũ cán bộ phiên dịch chuyên trách được tuyển chọn chu đáo.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 25-CT/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1983

**Về việc cải cách giáo dục lý luận chính trị
trong các trường đại học và cao đẳng**

I

1. Trong những năm qua, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, thứ V và thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, chúng ta đã khắc phục nhiều khó khăn về cơ sở vật chất – kỹ thuật và đời sống của giáo viên, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Riêng việc giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học và cao đẳng đã có những đóng góp đáng kể vào kết quả đào tạo của các trường và có những thành tựu chủ yếu sau đây:

a) Việc giáo dục chủ nghĩa Mác – Lê nin và đường lối, chính sách của Đảng ngày càng đi vào nền nếp, thống nhất, tương đối ổn định, nhất là từ khi có quy chế quyết định chủ nghĩa Mác – Lê nin thành môn thi tốt nghiệp (1973).

b) Giáo dục cho học sinh tương đối có hệ thống một số tri

thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, về đường lối, quan điểm của Đảng, làm cơ sở lý luận – tư tưởng cho việc xác định phương hướng chính trị – tư tưởng, cơ sở phương pháp luận cho việc học tập các bộ môn chuyên ngành.

c) Xây dựng được một đội ngũ giáo viên dạy lý luận – chính trị gần 1.000 người, nói chung có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ văn hoá và tri thức chuyên ngành tương đối khá, có tinh thần khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.

Khuyết điểm lớn là đã để chất lượng giáo dục, *nhất là chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng*, giảm sút nghiêm trọng.

Một tình hình rất đáng quan tâm là số không ít giáo viên, học sinh từ cấp phổ thông đến cấp trung học chuyên nghiệp và đại học không hăng hái tham gia sinh hoạt chính trị, coi nhẹ việc học tập chính trị, lý luận.

Kết quả học tập lý luận chính trị phần lớn mới dừng lại ở nhận thức, chưa biến thành niềm tin, thành lý tưởng, động cơ hành động. Trình độ hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng, sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa còn thấp.

Việc trang bị cho học sinh phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin để học các môn học chuyên ngành, nhất là đối với khối khoa học tự nhiên và kỹ thuật, đạt kết quả thấp.

Hiện tượng không bình thường nói trên là hậu quả của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau trong phạm vi nhà trường và ngoài xã hội.

Phương tiện và điều kiện vật chất – kỹ thuật thiếu thốn nghiêm trọng.

Đáng quan tâm hơn cả là đội ngũ giáo viên Mác – Lê nin

còn thiếu đến 50% về số lượng và còn nhiều mặt non yếu so với yêu cầu giảng dạy ở các trường đại học; nhiều người không yên tâm, phán khởi công tác. Thiếu quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và còn thiếu những chế độ, chính sách cần thiết đối với đội ngũ giáo viên lý luận – chính trị ở các trường đại học và cao đẳng.

2. Ngoài những nguyên nhân chung như tác động của tình hình kinh tế – xã hội có những khó khăn và hiện tượng tiêu cực, tình trạng yếu kém của công tác xây dựng Đảng và Đoàn trong các trường, những nguyên nhân trực tiếp của những thiếu sót nói trên là:

a) Sự quan tâm chưa đúng mức của cấp uỷ đảng, của cơ quan lãnh đạo ngành đại học đối với việc giáo dục lý luận – chính trị. Ở hầu hết các trường đại học và cao đẳng *các bộ môn Mác – Lenin ở vào vị trí rất thấp* so với các môn học khác, ảnh hưởng không tốt đến việc xây dựng đội ngũ trí thức của giai cấp công nhân.

b) Chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu dạy và học lý luận – chính trị chậm được cải tiến, chưa phù hợp với mục tiêu, đối tượng đào tạo, chưa phản ánh được những thành tựu mới về khoa học, lý luận và những vấn đề nóng hổi của đất nước, của thời đại.

c) Phương pháp giáo dục chưa bảo đảm sự kết hợp việc giảng dạy trên lớp với việc rèn luyện trong thực tế, với các hoạt động giáo dục khác, với công tác tổ chức – quản lý và việc xây dựng môi trường giáo dục. Sự kết hợp giữa nghe giảng và tự học của học sinh, giữa công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học còn quá yếu.

II

1. Để tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học và cao đẳng, cần phải xác định vị trí của công tác này là một vấn đề cơ bản, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đào tạo đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa có đủ phẩm chất chính trị – tư tưởng và năng lực hành động, có đạo đức trong sáng và lối sống lành mạnh, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc và nhân dân, vững vàng trong mọi thử thách.

2. Mục đích việc giáo dục lý luận – chính trị là nhằm "đem lại cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng, hiểu biết có hệ thống về những thành tựu mới trong công tác lý luận của Đảng ta và các đảng anh em, để tham gia một cách chủ động, tích cực vào việc xây dựng và vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng"¹.

Mục đích quan trọng là trang bị được cho các thầy giáo và học sinh *phương pháp duy biện chứng và duy vật lịch sử*, để tìm hiểu thế giới khách quan và học các môn khoa học khác; làm cho họ hiểu được sâu sắc tính chất khoa học sáng tạo trong đường lối cách mạng của Đảng ta. Đi đôi với tri thức cách mạng phải xây dựng được *tình cảm cách mạng sâu sắc, tinh thần làm chủ tập thể, sẵn sàng chiến đấu* vì sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 43, tr. 158.

nhân dân, vì nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế.

Trong thời gian trước mắt, cần tập trung giáo dục sâu sắc về hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, về những vấn đề cơ bản của thời kỳ quá độ, của chặng đường đầu tiên của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và tình hình cơ bản của thế giới ngày nay.

Việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối, chính sách của Đảng cần kết hợp chặt chẽ với các môn khoa học xã hội khác, nhất là lịch sử tiến hoá của nhân loại, lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử và truyền thống cách mạng Việt Nam.

Nội dung giáo dục cần được cụ thể hoá cho sát với yêu cầu, mục tiêu và đối tượng đào tạo của các trường.

3. Việc cải cách việc giáo dục lý luận chính trị cần tiến hành đồng thời với việc thực hiện các yêu cầu khác của cải cách giáo dục; phải kết hợp chặt chẽ với việc tăng cường, đổi mới các hoạt động khác của công tác chính trị - tư tưởng, với việc tổ chức tốt hoạt động chính trị - xã hội ở trường và đi thực tế ở các đơn vị cơ sở, việc bồi dưỡng về phẩm chất, đạo đức, giáo dục lao động cho học sinh trong toàn khoá.

4. Đưa tất cả các khâu của quá trình giáo dục lý luận - chính trị, đặc biệt là khâu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, vào một quy trình chặt chẽ, chính quy hoá. *Cần ban hành các chế độ, chính sách, quy chế cần thiết đối với việc giảng dạy lý luận - chính trị ở các trường đại học và cao đẳng.*

III

1. Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu được xác định trên đây, Bộ Đại học có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo *các chương*

trình, các tài liệu dạy và học lý luận chính trị của ngành đại học bao gồm *các sách giáo khoa*, các trích tuyển tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê nin, các văn kiện của Đảng ta và các tài liệu tham khảo khác dùng cho giáo viên và học sinh.

Cần xúc tiến việc soạn thảo các chương trình, cố gắng làm xong vào đầu năm 1984.

Để bảo đảm chất lượng chính trị - tư tưởng và chất lượng khoa học của các tài liệu biên soạn, cần thành lập các hội đồng bao gồm những nhà khoa học giỏi, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và biên soạn, trong và ngoài ngành đại học, có chế độ xét duyệt chặt chẽ và chế độ đai ngộ thoả đáng, Viện Mác - Lê nin, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cần tham gia vào việc biên soạn.

Ban Khoa giáo Trung ương với sự phối hợp của Ban Tuyên huấn Trung ương giúp Ban Bí thư chỉ đạo việc biên soạn.

Phản ánh để sau vài ba năm có được một *bộ sách giáo khoa* chuẩn về giáo dục lý luận - chính trị của các trường đại học và cao đẳng.

2. *Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giảng dạy các bộ môn lý luận chính trị*

Đây là *vấn đề có ý nghĩa quyết định* đến chất lượng, hiệu quả giáo dục, và cũng là khâu yếu nhất hiện nay nên phải có *quyết tâm, chủ trương, biện pháp giải quyết cho kỳ được*.

Trước hết, Bộ Đại học, với sự giúp đỡ và kiểm tra của các ban của Trung ương Đảng, cần xây dựng một *quy hoạch* về *đào tạo bồi dưỡng đội ngũ này cho toàn ngành đại học*, đủ về

số lượng, bảo đảm về chất lượng chính trị và nghiệp vụ, *tạo ra cho được một lực lượng nòng cốt, đầu ngành.*

Dánh giá, phân loại đội ngũ hiện có. Số nào không thích hợp với yêu cầu mới thì chuyển sang công tác khác, số có khả năng và triển vọng phát triển, thì cần có kế hoạch, biện pháp sử dụng, bồi dưỡng một cách tốt nhất. Cần có cơ sở chuyên lo việc bồi dưỡng ngắn hạn định kỳ cho đội ngũ giáo viên lý luận chính trị của toàn ngành.

Ban Tổ chức và Ban Tuyên huấn, Ban Khoa giáo Trung ương giúp Bộ Đại học chọn lựa những người có phẩm chất tốt, có trình độ và năng khiếu trong các cơ quan, các đoàn thể, quân đội để bồi dưỡng, bổ sung cho đội ngũ giáo viên lý luận, chính trị.

Đối với số đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn để giảng dạy lý luận – chính trị nhưng chưa được sử dụng vì không có chỉ tiêu biên chế, thì phải đưa vào biên chế các trường, bổ sung cho các nơi hiện còn thiếu. Bộ Đại học lập danh sách và trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giải quyết việc này.

Ngoài đội ngũ giáo viên chuyên trách, cần có chế độ để các giáo viên trường đảng, các cán bộ nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo tham gia việc giảng dạy, để các giáo viên giỏi tham gia giảng dạy ở nhiều trường.

Phải tổ chức tốt việc giáo dục lý luận – chính trị cho toàn thể đội ngũ giáo viên các bộ môn khác của các trường; đồng thời thu hút họ, thông qua việc giảng dạy các bộ môn chuyên ngành của mình, tham gia tích cực vào việc xây dựng, bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận cho học sinh.

Đổi mới một cách cơ bản việc đào tạo giáo viên lý luận – chính trị. Công tác chọn người học phải bảo đảm thu hút

được những người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, học giỏi và có năng khiếu lý luận vào học các khoa Mác – Lê nin. Kết hợp việc thi tuyển với việc giới thiệu của tổ chức đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và công đoàn, chú ý những người đã có trải qua rèn luyện và thử thách.

Tăng cường khoa Mác – Lê nin ở tất cả các trường đại học và cao đẳng. Trước mắt, cần tập trung xây dựng các khoa Mác – Lê nin của các trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế kế hoạch, Đại học Sư phạm I Hà Nội.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường Đảng cao cấp, Viện Mác – Lê nin có nhiệm vụ tích cực góp phần đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Mác – Lê nin cho ngành đại học.

Cần nghiên cứu và sớm ban hành các chế độ, chính sách cần thiết đối với đội ngũ giáo viên lý luận chính trị, nhất là chế độ đào tạo chính quy trình độ trên đại học, chế độ công nhận chức vụ khoa học, chế độ được bảo đảm cung cấp sách báo, tài liệu cần thiết cho việc giảng dạy, chế độ về thông tin, về thâm nhập thực tế kinh tế – xã hội, về khuyến khích kết hợp việc giảng dạy với nghiên cứu khoa học, v.v.. Quan tâm chu đáo điều kiện sinh hoạt, giảm bớt khó khăn của giáo viên. Ban Khoa học Trung ương cùng với Bộ Đại học nghiên cứu xây dựng các chế độ, chính sách này để Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

3. Cải tiến mạnh mẽ phương pháp giảng dạy và học tập

Nhanh chóng thi hành chế độ, chính sách, kinh phí, bảo đảm sách báo, tài liệu, cơ sở vật chất – kỹ thuật cần thiết, hội trường chuyên dùng, thư viện chuyên khoa cho việc

giảng dạy lý luận – chính trị, chi phí cho chế độ đi thăm nhập thực tế, v.v.. Bộ Đại học có trách nhiệm nghiên cứu trình Nhà nước giải quyết vấn đề này.

Phấn đấu nâng cao chất lượng, hiệu quả của tất cả các khâu của quá trình dạy và học: giảng bài, tự học, thảo luận, kiểm tra... ban hành thành quy chế thống nhất và bảo đảm sự thực hiện nghiêm túc, đặc biệt là khâu giảng bài và tự học.

Khuyến khích tính chủ động, độc lập suy nghĩ trong học tập. Rèn luyện cho học sinh thói quen nghiên cứu, gắn lý luận với những thực tế nóng hỏi của đất nước, áp dụng những điều đã học vào thực tế. Biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục.

Để bảo đảm sự thống nhất giữa giáo dục chính trị – tư tưởng, giáo dục lao động và giáo dục đạo đức, sự thống nhất giữa quá trình bồi dưỡng con người mới với việc cải tạo môi trường giáo dục, cần chấn chỉnh, tăng cường hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, và các đoàn thể, nhất là của Đoàn thanh niên trong các trường.

IV

Do tính chất, đặc điểm và tầm quan trọng đặc biệt của việc giáo dục lý luận – chính trị, do việc cải cách việc giáo dục lý luận – chính trị phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề to lớn phức tạp nên cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với công tác này bằng một cơ chế thích hợp.

Ban Khoa giáo Trung ương, với sự phối hợp của Ban

Tuyên huấn Trung ương, có trách nhiệm trực tiếp giúp Ban Bí thư chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ công tác giáo dục lý luận – chính trị trong các trường đại học và cao đẳng.

Bộ Đại học có trách nhiệm chính về việc quản lý, tổ chức việc giáo dục lý luận – chính trị trong toàn ngành theo đúng quan điểm, chủ trương của Trung ương, chịu trách nhiệm trước Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng về chất lượng, hiệu quả của việc giáo dục này.

Các cấp uỷ đảng ở tỉnh, thành có trách nhiệm kiểm tra, giúp đỡ các trường đại học và cao đẳng ở trên địa phương mình tổ chức tốt việc giáo dục lý luận – chính trị, đặc biệt là trong việc gắn liền giảng dạy với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, văn hoá của địa phương, trong việc xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên.

Các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần cải tiến mạnh mẽ sinh hoạt của Đoàn trong các nhà trường, tham gia tuyển lựa những thanh niên, công nhân ưu tú vào học các khoa Mác – Lênin.

Ở Bộ Đại học cũng như ở các trường đại học và cao đẳng, cần có một đồng chí lãnh đạo được phân công chuyên trách về công tác chính trị – tư tưởng và giáo dục lý luận – chính trị. Tập thể lãnh đạo cần có chế độ định kỳ nghe báo cáo cho chỉ thị và có sinh hoạt chuyên đề về việc giáo dục lý luận – chính trị. Cần có bộ máy và cán bộ chuyên trách có năng lực giúp cho sự quản lý của bộ, của nhà trường.

*

* * *

Ra sức phấn đấu để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trước hết là chất lượng chính trị, tư tưởng, đạo đức, là

một nhiệm vụ vừa cơ bản vừa cấp bách của mặt trận giáo dục trong những năm trước mắt. Cải cách giáo dục lý luận – chính trị là một khâu trọng yếu để thực hiện nhiệm vụ đó.

Các cấp, các ngành có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này, khắc phục những nhận thức và việc làm không đúng lâu nay.

Bộ Đại học có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị này trong thời gian gần đây.

Căn cứ vào tinh thần, nội dung của bản Chỉ thị này, Bộ Giáo dục có trách nhiệm nghiên cứu chương trình, kế hoạch cải cách việc giáo dục chính trị trong các trường phổ thông và trường sư phạm, Tổng cục Dạy nghề có trách nhiệm nghiên cứu chương trình, kế hoạch cải cách giáo dục chính trị trong các trường đào tạo công nhân kỹ thuật, Bộ Đại học có trách nhiệm nghiên cứu việc cải cách giáo dục lý luận – chính trị trong các trường trung học chuyên nghiệp. Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm cùng với các cơ quan có liên quan nghiên cứu cải cách việc giáo dục lý luận chính trị cho đội ngũ trí thức khoa học – kỹ thuật, trước hết là những người có trình độ trên đại học.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 27-QĐ/TW, ngày 21 tháng 10 năm 1983

**Về việc giải quyết đơn thư khiếu tố,
kiến nghị của cán bộ, đảng viên và nhân dân**

Thi hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương (khoá V) về việc xem xét, giải quyết các đơn thư khiếu tố và kiến nghị của cán bộ, đảng viên và nhân dân;

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Mọi đơn, thư của cán bộ, đảng viên và nhân dân gửi đến các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể để góp ý kiến vào công việc chung hoặc đề nghị xem xét việc riêng đều phải được xem xét, giải quyết chu đáo, kịp thời.

Từng cấp uỷ, từng cơ quan, đoàn thể trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình phải xem xét kỹ để giải đáp công minh, đúng đườn lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước những ý kiến đóng góp về chủ trương, chính sách và những việc khiếu tố của cán bộ, đảng viên và nhân dân, với ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm quyền khiếu tố của

công dân theo pháp luật của Nhà nước và quyền dân chủ của đảng viên theo Điều lệ Đảng.

Các cán bộ có trách nhiệm ở các cấp, các ngành phải nghiên cứu kỹ những ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, và thông qua việc xem xét, giải quyết đơn, thư và tiếp cán bộ, tiếp dân mà hiểu thêm tình hình thực tế, kiểm tra lại việc chấp hành các chủ trương, chính sách ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

2. Các cấp uỷ đảng phải có bộ phận cán bộ chuyên trách việc tiếp nhận đơn thư, tiếp cán bộ, đảng viên, nhân dân đến đưa kiến nghị và phân công một đồng chí trong cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo việc này. Ban thường vụ cấp uỷ cần định kỳ nghe báo cáo tổng hợp về nội dung các kiến nghị, khiếu tố của cán bộ, đảng viên, nhân dân và kết quả giải quyết những việc đó.

3. Đối với những thư của cán bộ, đảng viên, nhân dân gửi đến Trung ương Đảng, kể cả những thư gửi đến các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nay tổ chức như sau:

- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trực tiếp xem xét và giải quyết các thư của cán bộ, đảng viên về những vấn đề thuộc nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, như quy định ở Điều 39 của Điều lệ Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng có nhiệm vụ:

+ Tiếp nhận và đăng ký thống nhất các đơn thư khiếu tố kiến nghị gửi đến Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

+ Chuyển các thư ấy đến các cơ quan và cán bộ có trách nhiệm và có quyền hạn giải quyết; theo dõi, đôn đốc các cơ quan ấy xem xét và giải quyết kịp thời.

+ Tổ chức việc tiếp cán bộ, đảng viên và nhân dân đến trụ sở Trung ương Đảng đưa thư hoặc trình bày kiến nghị

(trừ những việc thuộc phạm vi Uỷ ban Kiểm tra Trung ương giải quyết).

+ Báo cáo với Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo có liên quan về kết quả giải quyết các kiến nghị, khiếu tố; hàng tháng làm báo cáo tổng hợp tình hình khiếu tố, kiến nghị lên Trung ương Đảng.

+ Lập một bộ phận công tác của Văn phòng Trung ương (Vụ Thư từ) để làm những việc nói trên.

Các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành ở trung ương và các cấp uỷ đảng địa phương có trách nhiệm trả lời đúng thời hạn cho Văn phòng Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo với Ban Bí thư về việc xem xét giải quyết các thư từ của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong nội dung trả lời, phải nói rõ: đồng chí nào đã thẩm tra, giải quyết, cách làm và kết quả. Công văn trả lời phải do đồng chí lãnh đạo thường trực của cấp uỷ, của ngành ký tên.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết cho việc tiếp cán bộ, đảng viên và nhân dân đến trụ sở Trung ương Đảng.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Trung ương Đảng, các cơ quan nhà nước và đoàn thể ở trung ương và các cấp có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 15-NQ/TW, ngày 26 tháng 10 năm 1983

Về việc phát hành công trái

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) đã quyết định phát hành công trái nhằm động viên nguồn vốn trong nhân dân để góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị định những chủ trương, chính sách cụ thể về việc phát hành công trái như sau:

1. Công trái mang tên "Công trái xây dựng Tổ quốc", phát hành hàng năm. Đó là một nguồn thu của ngân sách nhà nước, dành để đầu tư xây dựng những công trình then chốt tạo nên cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

2. Việc phát hành công trái dựa trên cơ sở động viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của các tầng lớp nhân dân ta, của các công dân ở trong nước cũng như ở ngoài nước, trên nguyên tắc tự nguyện và tuỳ theo khả năng của mình mà góp phần vào việc xây dựng đất nước.

3. Trái phiếu có loại thu và ghi bằng tiền, có loại thu và ghi bằng thóc, có loại thu và ghi bằng ngoại tệ.

Nhà nước bảo đảm giá trị của tiền mua công trái. Hội đồng Bộ trưởng quy định danh mục và giá cả một số mặt hàng thông dụng để làm căn cứ tính sút mua của đồng tiền ở thời điểm mua cũng như ở thời điểm thanh toán công trái. Đối với số thóc ghi trong công trái, khi thanh toán sẽ tính thành tiền theo thời giá lúc thanh toán, hoặc quy đổi ra một số mặt hàng công nghiệp thông dụng.

Trái phiếu thu bằng tiền cũng như trái phiếu thu bằng thóc, khi thanh toán sẽ trả bằng tiền hoặc bằng hàng công nghiệp, tuỳ theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu.

Trái phiếu thu bằng ngoại tệ chuyển đổi, khi thanh toán sẽ trả bằng thứ ngoại tệ ghi ở trái phiếu. Nếu người sở hữu trái phiếu muốn nhận tiền Việt Nam hoặc nhận hàng công nghiệp thì quy đổi ngoại tệ sang tiền Việt Nam theo tỷ giá kiều hối ở thời điểm thanh toán và tính giá hàng công nghiệp bằng tiền Việt Nam.

Trong trường hợp mua công trái bằng ngoại tệ không chuyển đổi thì quy đổi ngoại tệ sang tiền Việt Nam theo tỷ giá phi mậu dịch ở thời điểm mua công trái và xem như mua công trái bằng tiền Việt Nam. Khi thanh toán, sẽ thanh toán như trái phiếu thu và ghi bằng tiền Việt Nam.

4. Các loại trái phiếu đều ghi tên người mua và thuộc sở hữu của người đó. Người sở hữu trái phiếu có quyền chuyển quyền sở hữu cho người khác.

5. Các loại trái phiếu đều được hưởng lãi hàng năm 2% tính trên số tiền, số thóc hay số ngoại tệ ghi trên trái phiếu. Trái phiếu thanh toán sau 10 năm, vốn và lãi thanh toán một lần.

6. Nhân dân có thể mua công trái thường xuyên; song

hàng năm, có một số đợt vận động nhân dân mua công trái, tập trung vào dịp những ngày lễ lớn. Đây là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, có ý nghĩa không những về kinh tế mà cả về chính trị. Qua cuộc vận động này, làm cho nhân dân hiểu rõ hơn về sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và về những công trình của chủ nghĩa xã hội đã đang và sẽ được xây dựng, từ đó mà tăng thêm lòng tin tưởng ở tiền đồ xán lạn của Tổ quốc, càng hăng hái thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cuộc vận động còn là một dịp để mọi người Việt Nam, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, biểu thị lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội bằng cách *tiết kiệm tiêu dùng*, dành phần đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cùng các cấp bộ đảng và chính quyền trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động này.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Công đoàn, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể quần chúng khác cần lấy việc vận động đồng bào mua công trái làm một nội dung quan trọng trong công tác vận động quần chúng của mình.

Ở mỗi cấp, từ trung ương đến xã, phường, cần thành lập Ủy ban vận động mua công trái, lấy *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc* làm nòng cốt và gồm những đồng chí có uy tín, những nhân sĩ tiêu biểu và đại diện của các ngành, các giới (Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các cơ quan thông tin, tuyên truyền, báo chí, v.v.). Ủy

ban vận động mua công trái có nhiệm vụ phối hợp hoạt động của các ngành trong công tác tuyên truyền, cổ động về công trái và vận động quần chúng mua công trái.

Đối với Việt kiều và những công dân Việt Nam đi lao động, công tác hoặc học tập ở nước ngoài thì Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Lao động, Ban Việt kiều và các cơ quan hữu quan tiến hành công tác tuyên truyền, vận động mua công trái.

7. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm phát hành công trái và phối hợp với ủy ban nhân dân các cấp trong việc vận động đồng bào mua công trái. Nhà nước cần động viên, khen thưởng kịp thời những địa phương, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động phát hành công trái và có đóng góp lớn về việc mua công trái.

8. Để mở đầu cuộc vận động mua công trái trong cả nước, Bộ Chính trị quyết định tiến hành một đợt vận động tập trung từ ngày 19 tháng 12 năm 1983 đến ngày 2 tháng 2 năm 1984 (Tết Nguyên đán). Ban Bí thư Trung ương Đảng cùng Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phối hợp chỉ đạo đợt vận động tập trung này, bảo đảm thu được thắng lợi lớn ngay từ đợt đầu.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 27-CT/TW, ngày 28 tháng 10 năm 1983

**Về chính sách xử lý đối với cán bộ,
đảng viên phạm sai lầm**

Để thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư hướng dẫn dưới đây một số vấn đề về chính sách xử lý đối với cán bộ, đảng viên phạm sai lầm.

1. Thi hành kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên, nhân viên phạm sai lầm là việc phải làm thường xuyên.

Các cấp uỷ đảng căn cứ vào Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V, các nghị quyết, chỉ thị đã có của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để có biện pháp thực hiện tốt các chính sách khen thưởng hoặc xử phạt đối với cán bộ, đảng viên, và tiếp tục đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Sau đợt nghiên cứu và bàn biện pháp thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương, các cấp uỷ và cơ quan quản lý nhà nước cần chỉ đạo chặt chẽ việc thẩm tra, kết luận để xử lý kịp thời và công minh những trường hợp phạm sai lầm nghiêm trọng, trước hết đối với cán bộ do cấp mình quản lý.

Việc xử lý lần này phải đạt *yêu cầu chung* là bảo đảm cho kỷ luật của Đảng, pháp luật nhà nước được thi hành

nghiêm minh, tăng cường giáo dục, ngăn chặn cán bộ, đảng viên phạm sai lầm; đồng thời nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, của bộ máy nhà nước, tăng cường đoàn kết nội bộ, nâng cao lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Cần khắc phục tình trạng hữu khuynh, buông lỏng kỷ luật, hoặc thiếu công minh trong việc thi hành kỷ luật và pháp luật, như chỉ xử lý những cán bộ, đảng viên cấp dưới, bỏ qua hoặc nương nhẹ đối với các trưởng hợp là cán bộ cấp trên phạm sai lầm, chỉ xử lý nội bộ, không truy tố trước pháp luật những trường hợp phạm pháp cần truy tố.

2. Cần nắm vững *các chính sách* xử lý đã được xác định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương và các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trước mắt, tập trung kiểm tra, kết luận để xử lý các trường hợp "thoái hoá biến chất, đến nay vẫn còn bóc lột, lợi dụng chức quyền để ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với gian thương, tư sản để làm giàu, ức hiếp quần chúng", những trường hợp "lợi dụng chức quyền để làm những việc sai trái, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân và ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng" mà nghị quyết của Trung ương đã chỉ rõ là phải "kiên quyết đưa ra truy tố trước pháp luật". Đối với các trường hợp khác thì thường xuyên xem xét, giải quyết một cách thích đáng; coi trọng giúp đỡ cán bộ, đảng viên sửa chữa khuyết điểm.

Trong khi xem xét sai lầm khuyết điểm, cần làm rõ bản chất, mức độ phạm sai lầm và tác hại để xử lý được chính xác như:

- Phân biệt các trường hợp chống lại đường lối của Đảng... là những sai lầm rất nghiêm trọng phải đưa ra khỏi Đảng, với các trường hợp do nhận thức, quan điểm mơ hồ dẫn đến phạm khuyết điểm trong chủ trương công tác, cần được giáo dục, giúp

dỗ nồng cao nhận thức để sửa chữa khuyết điểm.

- Phân biệt những trường hợp "thoái hoá biến chất đến nay vẫn còn bóc lột" (chiếm hữu nhiều ruộng đất và thuê nhân công làm để thu hoa lợi, bỏ vốn ra thuê nhân công làm hoặc hùn vốn với tư sản, tư nhân kinh doanh công thương nghiệp làm giàu, bóc lột theo kiểu phú nông, tư sản, v.v.) cần đưa ra khỏi Đảng, với các trường hợp do nhận thức chưa rõ nên đã góp vốn vào các tổ chức sản xuất kinh doanh để chia lãi mà không lao động, đã cho thuê lại một phần nhà hay đã thuê ít nhân công làm kinh doanh dịch vụ, sản xuất để lấy lãi là những khuyết điểm cần được phê phán hoặc thi hành kỷ luật thích đáng, không đến mức đưa ra khỏi Đảng, và yêu cầu không được tiếp tục làm như vậy nữa.

- Đối với những trường hợp cán bộ, đảng viên có cuộc sống xa hoa, nghỉ có nguồn thu nhập bất minh thì đảng uỷ, chi bộ cần yêu cầu báo cáo rõ nguồn thu nhập. Nếu không báo cáo được rõ nguồn thu nhập chính đáng thì phải xét tư cách đảng viên và tuỳ theo mức độ sai phạm có thể xử lý theo pháp luật.

- Những trường hợp do quá khó khăn về đời sống mà vi phạm chính sách, chế độ, nếu xét không nghiêm trọng, bản chất vẫn là người tốt, thành thật nhận và có quyết tâm sửa chữa khuyết điểm thì xử lý nhẹ hoặc phê phán nghiêm khắc và giúp đỡ sửa chữa; nếu sau này tái phạm sẽ xử lý nặng hơn.

- Những trường hợp vì để giải quyết khó khăn trong sản xuất, trong đời sống của quần chúng mà làm sai chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, không lợi dụng để tham ô cho cá nhân mình, thì kiểm điểm, rút kinh nghiệm để sửa chữa và yêu cầu không được tái phạm. Nếu thấy chính sách, chế độ đã quy định có chỗ không phù hợp thì cán bộ, đảng viên có thể đề

đạt ý kiến, nhưng trong khi cấp trên chưa có quyết định mới, vẫn phải nghiêm túc chấp hành các quy định đã có.

3. Để tiến hành việc xử lý được đúng mức, cần nắm vững *phương châm nguyên tắc xử lý trong Điều lệ Đảng* và có *phương pháp tiến hành* tốt. Cần kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh túy giác của cán bộ, đảng viên phạm sai lầm với lắng nghe ý kiến phát hiện của quần chúng và với công tác kiểm tra, thanh tra, để có kết luận chính xác.

Đối với các trường hợp phạm sai lầm nhưng thành khẩn kiểm điểm, kiên quyết sửa chữa ngay thì có thể giảm nhẹ hình thức kỷ luật hoặc giảm nhẹ án.

Ở những nơi cơ sở yếu kém hoặc nội bộ mất đoàn kết, cần đề phòng tình trạng vì lợi ích riêng tư mà lợi dụng phê bình, tự phê bình để đả kích lẫn nhau, đổ lỗi cho nhau; hoặc dùng những thủ đoạn lừa mị; đe doạ để che giấu sai lầm.

Ở những nơi có vấn đề phức tạp về chính trị, xã hội cũng cần đề phòng kẻ địch, phần tử xấu lợi dụng dịp này để gây hoài nghi, chia rẽ nội bộ, chia rẽ Đảng với quần chúng; gây dư luận bôi nhọ người tốt, bênh vực kẻ xấu.

Qua việc xử lý cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, các cấp uỷ và cơ quan có trách nhiệm cần rút kinh nghiệm để kịp thời có những quy định cụ thể nhằm ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng vi phạm kỷ luật từ nay về sau, góp phần kiện toàn tổ chức, thúc đẩy phong trào quần chúng thực hiện tốt những nhiệm vụ đã đề ra.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 18-QĐ/TW, ngày 10 tháng 11 năm 1983

**Về việc xuất bản bộ Toàn tập
Mác – Ăngghen bằng tiếng Việt**

Trong những năm qua, chúng ta đã xuất bản được một số lớn tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen. Cùng với các tác phẩm của V.I.Lênin, những tác phẩm đó đã góp phần quan trọng vào việc vũ trang cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta tư tưởng, lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, cơ sở của đường lối cách mạng của Đảng ta, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Những nhiệm vụ nặng nề của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay và lâu dài về sau đòi hỏi phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu các di sản lý luận và tư tưởng của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học. Để đáp ứng đòi hỏi đó, sau khi ta đã xuất bản xong bộ Toàn tập Lênin bằng tiếng Việt Nam, cần gấp rút tiến hành việc biên dịch để xuất bản bộ Toàn tập Mác – Ăngghen nhằm phục vụ việc nghiên cứu một cách có hệ thống chủ nghĩa Mác – Lênin trong các giai đoạn

hình thành, phát triển của các bộ phận cấu thành của nó: triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Giao cho Viện Mác – Lênin cùng với Ban Tuyên huấn Trung ương lập kế hoạch biên tập và xuất bản xong bộ Toàn tập Mác – Ăngghen vào cuối những năm 90.

2. Viện Mác – Lênin chủ trì toàn bộ công việc biên tập bộ sách. Bộ Văn hoá và Nhà xuất bản Sự thật có nhiệm vụ xuất bản đúng thời hạn và phát hành đúng đối tượng.

3. Ban Tài chính – Quản trị Trung ương có trách nhiệm giải quyết các khoản chi phí cho công tác biên tập và xuất bản.

Biên tập và xuất bản bộ Toàn tập Mác – Ăngghen là một công việc có ý nghĩa chính trị và tư tưởng hết sức to lớn chẳng những đối với chúng ta ngày nay mà còn đối với các thế hệ mai sau. Đó cũng là một công việc có nhiều khó khăn, và phải thực hiện trong một thời gian tương đối dài. Viện Mác – Lênin và các cơ quan hữu quan cần nhanh chóng triển khai các công việc để bộ sách có thể được xuất bản đúng thời hạn và có chất lượng tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 31-TT/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1983

Về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý ở các ngành, các cấp

Sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương, Tổng cục Địa chất và Tỉnh ủy Thái Bình báo cáo về việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý, Ban Bí thư có một số ý kiến sau đây:

Ban Bí thư thấy rằng Tổng cục Địa chất, Tỉnh ủy Thái Bình cùng một số bộ ngành và tỉnh thành khác đã có một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu về việc làm quy hoạch cán bộ. Ở những nơi đó, đội ngũ cán bộ từng bước được đổi mới và có lực lượng dự bị khá.

Nhưng còn nhiều bộ ngành và tỉnh thành chưa làm quy hoạch cán bộ hoặc làm chưa đầy đủ như quy định trong Chỉ thị 45. Nguyên nhân chính là do các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các cấp uỷ và bộ ngành ở những nơi đó chưa trực tiếp chăm lo đến công tác này. Cơ quan tham mưu giúp việc về công tác cán bộ của các cấp uỷ và ngành chưa được tăng cường đúng mức.

Do sự chậm trễ trong công tác quy hoạch cán bộ, tình hình công tác cán bộ đến nay vẫn bị động, chắp vá. Ngay cả những nơi đã làm và làm quy hoạch cán bộ tương đối khá vẫn còn một số mặt chưa đạt tốt các yêu cầu mà Chỉ thị 45 đã nêu. Quy hoạch cán bộ thường có thiếu sót như: mục tiêu

chưa rõ, diện làm chưa đều, chưa đồng bộ, trình độ kiến thức và năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ nhìn chung còn yếu, tỷ lệ cán bộ là công nhân, cán bộ nữ còn ít và đang có chiều hướng giảm sút; cả bộ ngành và địa phương chưa quan tâm xây dựng đội ngũ bí thư đảng uỷ các xí nghiệp; hiệu quả huấn luyện cán bộ ở các trường lớp còn thấp; làm quy hoạch các chức trưởng và diện cán bộ do chính cấp mình quản lý còn khó khăn và chậm; sau khi có quy hoạch chưa quyết tâm thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ theo quy hoạch, v.v..

Để bảo đảm cho nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức trước mắt được thực hiện tốt, đồng thời sớm chuẩn bị một đội ngũ cán bộ dự bị cho thời kỳ kế hoạch 1986-1990 và những năm sau; *các cấp uỷ và các bộ, ngành phải tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh và khẩn trương Chỉ thị 45, kiên quyết đẩy mạnh công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý của địa phương, của ngành với các yêu cầu cụ thể sau đây:*

1. Nơi chưa làm phải xúc tiến ngay, nơi làm rồi phải rà soát lại để bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ. Bảo đảm *đến cuối quý I-1984, ở các tỉnh, thành làm xong quy hoạch ban tỉnh uỷ, các cán bộ chủ chốt trong thường vụ các huyện uỷ (bí thư, phó bí thư, chủ tịch), các giám đốc sở, các trưởng ban của Đảng và các đồng chí phụ trách chủ chốt các đoàn thể quần chúng của tỉnh, thành; ở các bộ, ngành làm xong quy hoạch các vụ, viện, cục trưởng, giám đốc và bí thư đảng*

uỷ các đơn vị trực thuộc; ở các ban của Đảng và các đoàn thể ở trung ương cũng phải làm quy hoạch các cán bộ chủ chốt của cơ quan, đoàn thể mình.

Việc làm quy hoạch các đồng chí bí thư, chủ tịch các tỉnh, thành và các đồng chí bộ trưởng sẽ do Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng các ban của Đảng giúp Bộ Chính trị tiến hành. Quy hoạch các đồng chí thứ trưởng, phó ban, sẽ do các ban của Đảng chủ trì cùng với các đồng chí phụ trách các bộ ngành giúp Ban Bí thư tiến hành, theo phân cấp hiện hành.

Đến cuối năm 1984, cơ bản xong quy hoạch, các chức phó do tỉnh uỷ và bộ ngành quản lý, các ban huyện uỷ, các cán bộ chủ chốt các xã, phường, xí nghiệp, các cán bộ phụ trách các cơ quan chuyên môn của tỉnh, thành, quận, huyện.

Về thời gian quy hoạch chủ yếu chuẩn bị cán bộ để kiện toàn trong các năm 1984-1985 và quy hoạch cán bộ cho thời kỳ kế hoạch 1986-1990.

2. Kêm theo quy hoạch cán bộ các tỉnh, thành và bộ, ngành cần *làm ngay kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức các mặt và năng lực thực tiễn* cho đội ngũ cán bộ đương chức và dự bị. Các trường lý luận chính trị, quản lý kinh tế, hành chính trung ương cần có kế hoạch bảo đảm chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ theo phân công, phân cấp. Các địa phương và ngành cần chủ động sắp xếp lại hệ thống trường lớp huấn luyện, vận dụng thực hiện tốt các chính sách, chế độ cho các cán bộ đi học, tổ chức đào tạo bồi dưỡng hầu hết số cán bộ lãnh đạo và quản lý của địa phương và ngành trực tiếp quản lý. Tăng cường hơn nữa các hình thức đào tạo chuyên tu, tại chức và bồi dưỡng ngắn ngày cho các loại cán bộ.

3. Sau khi xây dựng xong quy hoạch, các cấp uỷ và bộ, ngành cần thực hiện đúng các điều quy định sau đây: *quản lý cán bộ dự bị như quản lý cán bộ đương chức; hàng năm xem xét lại, bổ sung và điều chỉnh danh sách cán bộ dự bị; duyệt cán bộ đi học và đề bạt theo quy hoạch; quy hoạch đã được tập thể lãnh đạo duyệt, cá nhân người phụ trách không có quyền tự ý thay đổi.* Từ nay, chỉ nhận vào các trường huấn luyện những cán bộ có trong quy hoạch và chỉ đề bạt những cán bộ đã có trong quy hoạch và được chuẩn bị sẵn những mặt kiến thức đã quy định cho từng chức danh cán bộ.

Ban thường vụ các tỉnh, thành uỷ và lãnh đạo bộ, ngành cần kiểm điểm lại việc làm quy hoạch cán bộ thời gian vừa qua, bàn bạc và xúc tiến việc thực hiện Thông tri này. Các ban của Đảng cần phát huy đầy đủ chức năng của mình, giúp Trung ương chỉ đạo các cấp, các ngành làm quy hoạch và quản lý cán bộ theo sự phân công, phân cấp đã quy định. Cần phát huy vai trò của đảng uỷ cơ quan, ban chấp hành các đoàn thể quần chúng trong việc nhận xét cán bộ và góp ý kiến lựa chọn cán bộ dự bị ở các ngành, các cấp. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các tỉnh, thành uỷ và bộ, ngành cần trực tiếp chỉ đạo xây dựng, hoàn chỉnh và thực hiện quy hoạch cán bộ của cấp, ngành mình và báo cáo kết quả việc làm quy hoạch về Trung ương theo mốc thời gian đã nêu trên.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

năm 1984, để bảo đảm cơ sở vật chất cho việc thực hiện chương trình hợp tác nói trên.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

THÔNG BÁO

Số 26-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1983

**Ý kiến của Ban Bí thư về việc thực hiện
chương trình hợp tác về công tác tư tưởng giữa
Đảng ta và Đảng Nhân dân cách mạng Lào,
Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia**

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Ban Bí thư đồng ý chương trình hợp tác về công tác tư tưởng giữa Đảng ta và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia trong hai năm 1984-1985, đề nghị trong biên bản Hội nghị lần thứ hai Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương ba đảng anh em họp tại Phnôm Pênh (Campuchia) ngày 18, 19-10-1983.

Ban Bí thư giao Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì cùng các cơ quan có liên quan bàn bạc kế hoạch phối hợp thực hiện chương trình hợp tác nói trên. Uỷ ban hợp tác kinh tế và văn hoá Việt Nam, Lào, Campuchia, Ban Tài chính quản trị Trung ương, các ngành và các trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho ban, các cơ quan văn hoá, thông tin đại chúng và các cơ quan có liên quan khác cần đưa những việc về phía ta phải làm trong chương trình hợp tác vào kế hoạch và ngân sách các năm 1984, 1985, trước mắt là

**THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 27-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1983

**Về tình hình thi hành Nghị quyết Hội nghị
lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương
(Thông báo số 2)**

Ngày 1-11-1983, sau khi nghe Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Văn phòng Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương báo cáo tình hình thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư đã nhận định tình hình và có các chủ trương sau đây nhằm thúc đẩy việc tiếp tục thực hiện nghị quyết nói trên:

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đến nay đã được triển khai ở 62/75 cơ quan trung ương, ở tất cả các cấp uỷ tỉnh, thành, nhiều quận, huyện, thị và cơ sở.

Nói chung các cấp uỷ, các ban ngành đã chấp hành Nghị quyết của Trung ương với tinh thần nghiêm túc. Chất lượng thi hành ở nhiều nơi có tốt hơn sau khi nghiên cứu Thông báo số 22-TB/TW ngày 5-9-1983 của Ban Bí thư.

Qua nghiên cứu Nghị quyết, tiến hành tự phê bình và phê bình, đồng đảo cán bộ, đảng viên nhất trí cao với Nghị

quyết cả về đánh giá tình hình, những nguyên nhân, cách giải quyết các vấn đề về tư tưởng và tổ chức gắn liền với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước để thi hành Nghị quyết Đại hội V.

Việc tự phê bình và phê bình nói chung làm nghiêm túc, bám sát các yêu cầu của Nghị quyết. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết, tự phê bình và phê bình, nhiều cơ quan trung ương và cấp uỷ địa phương đã bổ sung chương trình hành động và bước đầu sửa chữa một số khuyết điểm. Những nơi làm tốt công tác nói trên và kịp thời rà xét cán bộ, thi hành kỷ luật đối với những cán bộ phụ trách phạm sai lầm nghiêm trọng đã tạo được không khí tích cực và tăng thêm lòng tin vào việc thực hiện Nghị quyết.

Tuy có những kết quả tốt nói trên nhưng việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương ở một số cơ quan và đảng bộ vẫn còn có những thiếu sót:

Một số nơi triển khai việc thi hành Nghị quyết quá chậm và chưa đi sâu giải quyết các vấn đề thiết thực cấp bách của ngành, của địa phương, giải quyết các vướng mắc của cơ sở.

Nội dung kiểm điểm ở một vài nơi chưa được tập trung, chưa đi sâu vào những khuyết điểm chính để tìm ra những nguyên nhân về tư tưởng và về tổ chức cấp bách đang cản trở việc thực hiện những mục tiêu kinh tế – xã hội.

Việc kiểm tra, kiểm soát ở nhiều nơi còn bị xem nhẹ.

Khi triển khai xuống cơ sở còn thiếu kết hợp giữa các ngành và địa phương; một số nơi có khuynh hướng làm lướt, chưa gắn công tác tư tưởng và tổ chức trong Đảng với việc sửa chữa các khuyết điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh phong trào quần chúng.

2. Trong thời gian tới, cần tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp

hành Trung ương ở các cấp, các ngành, chú trọng một số điểm sau đây:

a) Những nơi chưa tiến hành tự phê bình và phê bình cán bộ lãnh đạo theo thông báo trước đây của Ban Bí thư thì cần xúc tiến sớm. Những nơi đã tự phê bình và bổ sung chương trình hành động nhưng nhận thấy là chưa tốt thì cần kết hợp với đợt kiểm điểm công tác và xây dựng kế hoạch 1984 vào cuối năm để bổ sung cho tốt hơn. Tất cả các ngành, địa phương phải thể hiện tốt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch 1984.

Các đồng chí trong Ban Bí thư và các ban của Trung ương sẽ căn cứ vào bản kiểm điểm của các bộ, tổng cục để góp ý kiến về những vấn đề trọng tâm cần tập trung giải quyết nhằm thi hành có kết quả Nghị quyết của Trung ương.

b) Các ban, bộ, cấp uỷ cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các đơn vị và cán bộ có nhiều khuyết điểm về chấp hành đường lối, chính sách, hoặc sai phạm về phẩm chất cách mạng, nhất là ở các đơn vị, bộ phận công tác quan trọng và có quan hệ nhiều đến tiền, hàng, đến đời sống của nhân dân.

Ban Bí thư giao cho Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương và các ban có liên quan để kiểm tra việc tự phê bình và phê bình ở một số cơ quan trung ương và cấp uỷ tỉnh, thành.

Các bộ, tổng cục phải phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ địa phương trong việc kiểm tra một số cơ sở trực thuộc quan trọng (mà tổ chức đảng ở đó thuộc cấp uỷ địa phương).

Các bộ, tổng cục, các cấp uỷ cần tập trung chỉ đạo kiểm tra những đơn vị trọng điểm và xử lý nghiêm minh những trường hợp cán bộ phạm sai lầm, trước hết là những cán bộ do cấp uỷ trực tiếp quản lý.

3. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương là nghị quyết về công tác tư tưởng và tổ chức để bảo đảm thi hành Nghị quyết của Đại hội V, các nghị quyết, chỉ thị đã và sẽ có của Trung ương Đảng và Chính phủ, cũng như của các cấp uỷ, các ngành. Vì vậy các cấp uỷ, các đồng chí phụ trách các ngành, các cơ quan cần chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương một cách thường xuyên gắn liền với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; không nên coi tự phê bình và phê bình rồi là xong. Cần qua việc thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương mà xây dựng nền nếp công tác tư tưởng và công tác tổ chức gắn với nhiệm vụ chính trị, xây dựng nền nếp làm việc có chương trình kế hoạch, có kiểm tra.

Từ nay, trong chương trình công tác phải có chương trình kiểm tra; phải qua kiểm tra công tác mà xem xét phẩm chất, năng lực của cán bộ, kịp thời sắp xếp, điều chỉnh những trường hợp cần thiết, đẩy mạnh việc xây dựng quy hoạch cán bộ, coi đó là một công tác quan trọng phải làm thường xuyên

để gắn công tác tư tưởng và công tác tổ chức với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 30-CT/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1983
Về tăng cường công tác đảng ở ngoài nước

Trong những năm gần đây, công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế của Đảng và Nhà nước ta không ngừng phát triển. Lực lượng cán bộ, đảng viên và quần chúng của ta được cử ra ngoài nước ngày càng đông. Tuyệt đại bộ phận, đảng viên, quần chúng của ta ở ngoài nước vẫn giữ được bản chất cách mạng, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, gắn bó với Tổ quốc, nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, có ý chí phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trên các lĩnh vực, đều có những tấm gương tốt, được bạn đánh giá cao và tin cậy.

Nhưng bên cạnh mặt tốt ấy, gần đây trong một số đảng viên và một bộ phận quần chúng của ta ở một số nước đã nảy sinh nhiều mặt tiêu cực, có nơi, có mặt rất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng không tốt đến tình hữu nghị đối với nhân dân nước bạn, đến uy tín của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Những biểu hiện đáng quan tâm là lỏng lẻo trong sinh hoạt, sa sút về chính trị, mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai

con đường, lẩn lộn về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, lơ là cảnh giác cách mạng, chạy theo những nhu cầu vật chất và tình cảm thấp kém. Đã có những vụ phạm tự do vô kỷ luật nghiêm trọng, buôn bán trực lợi, quan hệ nam nữ bừa bãi, vi phạm luật pháp quốc gia và trật tự xã hội nước bạn.

Nguyên nhân của tình hình trên có nhiều. Song chủ yếu là do công tác giáo dục và quản lý của ta đối với người ra nước ngoài còn những mặt làm chưa tốt. Trước hết, nhiều cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chưa làm quán triệt sâu sắc yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu cho từng đối tượng được cùi ra ngoài nước; việc tuyển chọn người và chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức, chính sách làm thiếu chặt chẽ, nhất là đối với lực lượng hợp tác lao động; việc tổ chức, quản lý và giáo dục tại chỗ còn lỏng lẻo; quan điểm nhận thức của các ngành, các cơ quan có trách nhiệm trong nước có khi chưa nhất trí, sự chỉ đạo lại thiếu đồng bộ và tập trung thống nhất.

Để phát huy các ưu điểm, khắc phục tình trạng tiêu cực trên đây, bảo đảm thực hiện thắng lợi các chủ trương chính sách của Đảng đối với các lực lượng của ta ở ngoài nước trong giai đoạn mới, các cơ quan có trách nhiệm của Đảng, của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần theo chức trách, làm tốt các việc sau đây:

1. Coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Trước hết phải giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng hoạt động ở ngoài nước quán triệt sâu sắc đường lối và các nghị quyết của Đảng, tình hình và nhiệm vụ trong nước và tình hình quốc tế, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng

đối với kẻ thù của dân tộc và giai cấp; thám nhuần nhẫn sinh quan cách mạng và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Qua giáo dục, làm cho mọi người không ngừng nâng cao lập trường giai cấp công nhân, lòng tự hào dân tộc, tinh thần trách nhiệm, luôn có ý thức đoàn kết phấn đấu đạt được các yêu cầu: hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất; thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế và hợp tác hữu nghị; tuân theo luật pháp nước sở tại; không ngừng nâng cao trình độ năng lực và rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, xây dựng nếp sống giản dị, lành mạnh, có văn hoá như Nghị quyết số 38-NQ/TW của Ban Bí thư đã đề ra.

Kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực. Nghiêm cấm mọi hoạt động buôn bán, đầu cơ trực lợi, vi phạm pháp luật nước bạn và những hành động phi pháp khác; xử lý nghiêm khắc những người cố ý vi phạm kỷ luật, chính sách, những phần tử đã thoái hoá, biến chất hoặc có hành động phi pháp.

2. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, tổ chức quần chúng

Các đảng uỷ, các chi bộ ở ngoài nước phải kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết số 38 của Ban Bí thư để cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt và hoạt động của mình, chăm lo giáo dục, rèn luyện và quản lý tốt đảng viên, bảo đảm bất cứ ở môi trường, hoàn cảnh nào cũng giữ vững và đề cao được vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên cộng sản Việt Nam đối với quần chúng, của cấp trên đối với cấp dưới. Đề cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ Đảng; giữ nghiêm kỷ luật

của Đảng và của các đoàn thể quần chúng. Kiện toàn các đảng uỷ, chi uỷ và bố trí cán bộ, đảng viên có phẩm chất tốt và có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý phụ trách công tác thanh niêm, công đoàn của ta ở các nước, bảo đảm đủ khả năng chỉ đạo bao quát và có điều kiện đi sát các đơn vị công tác, học tập, lao động hợp tác.

Từ nay, khi tuyển chọn người đi học, đi hợp tác lao động và công tác ở ngoài nước, các ngành cần bảo đảm một tỷ lệ đảng viên thích đáng để có thể lập được chi bộ, tổ đảng hoặc tối thiểu cũng phải có đảng viên để lãnh đạo quần chúng ở mỗi đơn vị cơ sở. Hiện nay đơn vị nào chưa có đảng viên thì đảng uỷ cần điều chỉnh đảng viên đến phụ trách, nếu có điều kiện. Những nơi có ít đảng viên cần phát huy vai trò chính trị của chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và lập nhóm nòng cốt để dựa vào đó mà lãnh đạo quần chúng và tạo điều kiện để phát triển đoàn viên, đảng viên.

Cần lãnh đạo tốt công tác đoàn và công đoàn, nhất là ở các đơn vị hợp tác lao động, bảo đảm cho mọi đoàn viên thanh niêm và công đoàn làm tốt nghĩa vụ và hưởng đầy đủ quyền lợi chính đáng.

3. Tăng cường công tác kiểm tra

Các tổ chức đảng, các cơ quan quản lý phải tăng cường công tác kiểm tra từ khâu tuyển chọn, cử người ra ngoài nước, trước hết là đối với cán bộ chủ chốt phụ trách quản lý các đoàn học tập lao động ở mỗi nước, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chính sách, chế độ do Nghị quyết số 38 của Ban Bí thư quy định. Nghiêm trị những người lợi dụng chức vụ ăn hối lộ, hoặc cố tình làm sai nguyên tắc, chính sách trong việc

tuyển chọn người đi nước ngoài.

Đối với cán bộ lưu học sinh, lực lượng lao động ta ở ngoài nước thì chủ yếu là đảng uỷ ngoài nước, các tổ chức quản lý tại chỗ của ta ở mỗi nước chịu trách nhiệm kiểm tra. Ban Cán sự Đảng ngoài nước tổ chức đi ra kiểm tra định kỳ và khi có việc lớn, đột xuất. Phải chọn và bồi dưỡng cán bộ thật sự có năng lực và phẩm chất tốt làm công tác kiểm tra.

Ban Cán sự Đảng ngoài nước, theo quy định của Điều lệ Đảng và của Ban Bí thư, làm trách nhiệm như một cấp uỷ đảng trong công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

4. Thực sự thống nhất lãnh đạo và quản lý các lực lượng của ta ở nước ngoài

Tất cả cán bộ, học sinh, lao động ra ngoài nước công tác, học tập, làm việc kể cả những người đi công tác ngắn hạn hoặc vãng lai đều phải chịu sự quản lý thống nhất, tập trung của đại sứ ta ở mỗi nước. Các cán bộ của các ngành được cử ra ngoài nước là để giúp ngành mình thực hiện sự quản lý chuyên ngành, đồng thời phải chịu sự chỉ đạo và kiểm tra trực tiếp của đại sứ.

Đảng uỷ và chi uỷ ngoài nước có trách nhiệm thực hiện sự thống nhất lãnh đạo về công tác đảng, công tác chính trị tư tưởng đối với tất cả các lực lượng ta ở mỗi nước. Tất cả các tổ chức đảng của ta ở nước nào phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của một đảng uỷ nước đó. Trên nguyên tắc ấy, Ban Tổ chức Trung ương cùng với Tổng cục Chính trị và Ban Cán sự Đảng ngoài nước nghiên cứu về tổ chức đảng bộ quân sự (thuộc cơ quan tuỳ viên và học sinh quân sự) để thực hiện việc thống nhất đó.

5. Tăng cường trách nhiệm của các ban, ngành ở trung ương

Để thực hiện được các yêu cầu trên đây, phải tăng cường trách nhiệm của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể ở trung ương từ trong nước.

Các ban Đổi ngoại, Tuyên huấn, Tổ chức, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các ban có liên quan theo chức trách của từng ban có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ Ban Cán sự Đảng ngoài nước trong việc hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng.

Các ngành có lực lượng ở ngoài nước, như ngoại giao, ngoại thương, đại học và trung học chuyên nghiệp, giáo dục, y tế, dạy nghề, lao động, quốc phòng, v.v. phải kiện toàn tổ chức quản lý ngành mình ở ngoài nước đủ sức đảm nhiệm công việc được giao. Phải thường xuyên phối hợp với Ban Cán sự Đảng ngoài nước trong việc nghiên cứu, bổ sung, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách có liên quan đến lực lượng của ngành mình ở nước ngoài và thông tin cho nhau về tình hình và nhiệm vụ của ngành từng thời kỳ.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đảng đoàn Tổng Công đoàn Việt Nam cần chủ động phối hợp với các ngành để chuẩn bị thật tốt các lực lượng đi làm nhiệm vụ ở nước ngoài và tổ chức việc giáo dục rèn luyện tại chỗ bằng mọi hình thức thích hợp.

Ban Cán sự Đảng ngoài nước phải được kiện toàn và cần cải tiến, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc, tăng cường kiểm tra công tác đảng và kiến nghị với thủ trưởng các ngành và báo cáo với Ban Bí thư

những vấn đề cần thiết về cán bộ và hoạt động của các ngành.

Các tổ chức đảng, các cơ quan đại diện của ta ở mỗi nước, các ban, ngành và đoàn thể có trách nhiệm ở trung ương và các địa phương cần kiểm điểm công việc trong thời gian qua và đề ra biện pháp cụ thể để thực hiện Chỉ thị này. Ban Cán sự Đảng ngoài nước có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Chỉ thị và báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 32-TT/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1983

**Về việc giải quyết những việc còn lại
của công tác phát thẻ đảng**

Trong phiên họp ngày 20-4-1983, Ban Bí thư đã nghe về tổng kết công tác phát thẻ đảng và đề ra những biện pháp cần làm tiếp để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Một số địa phương đã tích cực thực hiện các biện pháp đó; đã có 12 tỉnh, thành và tổ chức đảng trong quân đội đã báo cáo kết quả về tổng kết công tác phát thẻ đảng.

Nhưng hiện nay ở nhiều đơn vị cơ sở có những đảng viên bị hoãn phát thẻ từ lâu đến nay vẫn không được xem xét lại, có nhiều trường hợp đã kết luận là không đủ tư cách đảng viên vẫn không đưa ra khỏi Đảng, mà cấp uỷ tỉnh, thành, quận, huyện cũng không chỉ đạo để giải quyết dứt điểm. Vì vậy đến nay trong toàn Đảng vẫn còn 82.401 người phải hoãn phát thẻ đảng, hoặc đã kết luận không đủ tư cách đảng viên mà vẫn cứ để lại trong Đảng (trong đó có 24.484 người đã được viết thẻ nhưng chưa phát).

Việc xem xét tư cách đảng viên của các trường hợp có liên quan đến tiền, hàng thường không gắn với kiểm tra kinh

tế, tài chính và kiểm tra công tác chuyên môn, nên kết luận thiếu cơ sở chính xác.

Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, khắc phục các khuyết điểm trên và làm tốt những việc sau đây:

- Qua việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, phải đẩy mạnh các biện pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, đưa ngay ra khỏi Đảng những người đã kết luận là không đủ tư cách đảng viên.

- Đối với số đảng viên đã hoãn phát thẻ đảng cho đến nay mà vẫn không chịu phấn đấu tiến bộ, không thể hiện rõ vai trò của người đảng viên thì phải đưa ngay ra khỏi Đảng hoặc xoá tên trong danh sách đảng viên.

Những trường hợp đã rõ là có khuyết điểm cần thi hành kỷ luật thì thi hành kỷ luật và phát thẻ nếu chưa đến mức phải thi hành kỷ luật lưu Đảng. Những trường hợp đảng viên vẫn phát huy vai trò lãnh đạo mà có đơn tố cáo hoặc phát hiện có khuyết điểm nhưng nếu xét chưa có căn cứ để kết luận thì vẫn phát thẻ đảng cho đảng viên, và tổ chức đảng phải khẩn trương xem xét để sớm kết luận.

- Tất cả những thẻ đảng đã làm xong, nhưng sau khi xét và kết luận là người đã được viết thẻ đảng đó không đủ tư cách đảng viên nữa thì nộp trả lại Ban Tổ chức Trung ương.

Những việc trên phải làm xong trong tháng 1-1984.

Bắt đầu từ 1-2-1984 sẽ chỉ phát thẻ đảng cho những đảng viên dự bị mới kết nạp (thẻ đảng viên dự bị), những đảng viên dự bị mới được chuyển thành đảng viên chính thức và những trường hợp đảng viên đi công tác xa nay mới có điều kiện trở về làm thủ tục để xét cấp thẻ đảng.

Tỉnh uỷ, thành uỷ phải chịu trách nhiệm trước Trung

ương về tình trạng để trì trệ không giải quyết dứt điểm việc hoàn thành tổng kết công tác phát thẻ đảng. Trong tháng 1-1984 phải báo cáo Ban Bí thư về kết quả việc thi hành Thông tri này.

Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương thi hành và thúc đẩy việc thi hành đúng Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH
KINH TẾ – XÃ HỘI NĂM 1984
VÀ MỨC PHẤN ĐẤU NĂM 1985**
**(Báo cáo trình Hội nghị lần thứ năm
Ban Chấp hành Trung ương Đảng)***

Trong ba năm 1981-1983, nền kinh tế đạt được những thành tựu đáng kể, đồng thời đang đứng trước những khó khăn và mất cân đối lớn. Cần phân tích kỹ thực trạng kinh tế – xã hội hiện nay, sơ bộ nêu ra phương hướng đến năm 1990, để trên cơ sở ấy, xác định nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V và chuẩn bị tích cực cho bước phát triển tiếp theo của nền kinh tế.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ – XÃ HỘI 1981-1983

Việc nhận định tình hình kinh tế – xã hội 1981-1983

* Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 11 năm 1983.

phải đặt trong hoàn cảnh cụ thể của đất nước khi bước vào năm 1981, với những thuận lợi và khó khăn mà thời kỳ 1976-1980 để lại.

Hai năm 1979-1980, nền kinh tế giảm sút nghiêm trọng do hậu quả nặng nề của chiến tranh chống Mỹ, của chiến tranh... ở biên giới Tây – Nam và biên giới phía Bắc; do nguồn viện trợ bị cắt giảm đột ngột và thiên tai xảy ra liên tiếp... Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân năm 1980 chỉ còn ở mức xấp xỉ năm 1976 trong khi dân số đã tăng hơn 5 triệu người. Lương thực không đủ ăn; sản xuất công nghiệp giảm mạnh, năm 1980 chỉ bằng 87% năm 1978 là năm cao nhất trước đó. Xuất khẩu bằng 27% nhập khẩu. Tài chính và tiền tệ bộn chi lốn. Dự trữ vật chất và ngoại tệ của quốc gia không đáng kể. Cơ chế quản lý kinh tế có nhiều yếu tố không hợp lý làm cho người lao động thiếu phấn khởi sản xuất, các cấp quản lý thiếu năng động, sáng tạo.

Trong ba năm 1981-1983, chúng ta lại vấp thêm những khó khăn mới: nguồn ngoại tệ giảm nhiều, giá cả thị trường thế giới đảo lộn, nợ nước ngoài đến hạn phải trả rất gấp bách; tình hình này đã ảnh hưởng lớn đến việc nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị hết sức cần thiết cho nhu cầu trong nước. Tính bình quân hàng năm, tư liệu sản xuất nhập khẩu trong 1981-1983 chỉ bằng một nửa của thời kỳ 1976-1980... Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra gay gắt.

Thật vậy, quá trình đi lên của ba năm qua là một cuộc đấu tranh cách mạng toàn diện vô cùng gian khổ của nhân dân ta. Nó cung cấp cho Đảng ta nhiều bài học quý giá, nhất

là về lãnh đạo và quản lý kinh tế – xã hội.

I- TÌNH HÌNH CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Về sản xuất, xây dựng

Từ năm 1981, sản xuất công – nông nghiệp bắt đầu nhích dần lên; năm 1982 đạt mức tăng khá; năm 1983 tiếp tục tăng. Tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân hàng năm 7,8% (thời kỳ 1976-1980, chỉ tăng 1% năm). Thu nhập quốc dân sản xuất trong nước năm 1983 tăng 20% so với năm 1980, nhờ đó bảo đảm được về cơ bản (99,7%) quỹ tiêu dùng (tính theo giá trị). Trong 15 năm từ 1967 đến 1982, quỹ tiêu dùng của ta luôn luôn phải dựa một phần vào nguồn thu từ bên ngoài, năm cao nhất (1973) tới 29%, năm thấp (1980) cũng tới 10%. Điều này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Sản xuất lương thực tăng bình quân mỗi năm gần 1 triệu tấn là một thành tựu nổi bật. (Trong các năm 1976-1980, sản lượng lương thực chỉ tăng khoảng 20 vạn tấn bình quân mỗi năm). Nhờ vậy, tuy dân số tăng thêm 3,7 triệu, nhưng lương thực bình quân đầu người vẫn từ 268 kg năm 1980 lên đến gần 300 kg năm 1983. Lương thực nhập khẩu từ 1,57 triệu tấn (quy gạo) năm 1979, giảm xuống 45 vạn tấn năm 1981 và đến năm 1983 không còn phải nhập lương thực. Đó là thắng lợi lớn chỉ ra khả năng sản xuất lương thực không những đủ ăn, mà còn có thể có dự trữ.

Khai thác cá biển đã khắc phục được đà đi xuống trong

HỘI...

nhiều năm: năm 1980 đạt gần 40 vạn tấn, năm 1983 lên 50 vạn tấn; xuất khẩu hải sản từ 12 triệu đôla tăng lên 40 triệu đôla.

Sản xuất công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp năm 1983 đã vượt giá trị sản lượng năm cao nhất trước đây (1978). Trong thời kỳ 1976-1980, bình quân mỗi năm chỉ tăng 0,6%; trong 1981-1983 đã đạt 11,8%. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng, nhiều xí nghiệp đã biết phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tận dụng lao động, thực hiện hợp tác, liên kết kinh tế, khắc phục được một phần khó khăn, duy trì và phát triển được sản xuất, bảo đảm một phần đời sống cho công nhân.

Trên mặt trận xây dựng cơ bản, chúng ta đã cố gắng tập trung vốn đầu tư và đẩy nhanh xây dựng các công trình trọng điểm, nhất là công nghiệp nặng; đồng bộ hoá một số cơ sở công nghiệp; xây dựng thuỷ lợi, mở diện tích trồng cây công nghiệp;... Qua nhiều năm xây dựng, đến nay đất nước ta đã và sẽ có những công trình cực kỳ quan trọng trong nhiều ngành kinh tế quốc dân, tạo ra năng lực sản xuất mới, vừa trực tiếp góp phần phát triển sản xuất trước mắt, vừa chuẩn bị điều kiện cho các năm sau.

Tuy đạt được kết quả như trên, song nhìn chung, *sản xuất tiến bộ không đều, chưa mạnh và chưa đủ vững chắc*.

Sản xuất lương thực chưa ổn định, mới bảo đảm được nhu cầu tối thiểu về ăn và một phần rất nhỏ cho chăn nuôi; dự trữ lương thực không đáng kể. Sản lượng màu sút kém. Việc chuyển một phần diện tích màu sang trồng cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp xuất khẩu, hoặc hạn chế

việc phá rừng để trồng màu, là một chủ trương đúng cần khuyến khích. Song, vẫn còn khá nhiều đất đai chưa được tận dụng để trồng màu; không chú ý thâm canh, không chế biến tốt các loại màu.

Trong nông nghiệp, nhận thức và chỉ đạo không đầy đủ đối với cây công nghiệp là thiếu sót lớn nhất. Nó khiến chúng ta chậm phá vỡ thế độc canh, hình thành nền nông nghiệp toàn diện, ảnh hưởng sâu sắc đến khả năng xuất khẩu và phát triển công nghiệp theo thế mạnh của ta, nhất là trong khi chúng ta có sẵn đất đai và lao động, có khí hậu nhiệt đới, có khả năng phát triển mạnh các loại cây công nghiệp, nhất là cây ngắn ngày.

Chăn nuôi phát triển hơn trước, nhất là chăn nuôi gia đình. Song chăn nuôi quốc doanh và tập thể, nhất là ở các vùng đai thực phẩm của thành phố và khu công nghiệp, chăn nuôi trâu bò ở các vùng có điều kiện (trung du, miền núi) phát triển chậm. Khuyết điểm lớn trong chăn nuôi là chưa chú trọng các loại gia súc ăn cỏ, chưa khai thác triệt để diện tích mặt nước để nuôi trồng thuỷ sản, nhất là tôm, cá nước ngọt, nước lợ.

Lâm nghiệp tiến bộ chậm, diện tích rừng bị đốt phá nghiêm trọng. Sản lượng gỗ sút kém; lãng phí lớn trong khai thác và nhiều tiêu cực trong phân phối.

Công nghiệp quốc doanh trung ương chưa đạt mức năm cao nhất trước đây. Sản xuất tư liệu sản xuất tăng chậm, nhất là điện, than, cơ khí, hoá chất, không bảo đảm được nhu cầu phát triển nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng. Một số sản phẩm thiết yếu cho đời sống nhân dân tăng

không đáng kể, thậm chí có phần giảm sút.

Đáng quan tâm là việc sắp xếp sản xuất tiến hành chậm, hiệu quả kinh tế trong các ngành sản xuất nói chung thấp. Công suất, tài sản cố định trong công nghiệp mới sử dụng khoảng 50%. Đầu máy, toa xe chỉ hoạt động khoảng 40%; sà lan, tàu kéo khoảng 52%. Tiêu hao vật chất cho một đơn vị sản phẩm quá cao. Năng suất lao động xã hội tăng không đáng kể. Giá thành sản phẩm công nghiệp, xây dựng và chi phí lưu thông có xu hướng tăng dần; chất lượng nhiều loại sản phẩm cũng như một số công trình xây dựng sút kém. Không những thế, hư hao, mất mát, lãng phí vật tư, hàng hoá khá phổ biến, có những vụ nghiêm trọng. Trong giá thành công nghiệp quốc doanh, các chi phí bất hợp lý và ngoài chế độ chiếm khoảng 10%. Lãng phí, mất mát vật liệu xây dựng chiếm đến 17% vốn xây lắp. Than hao hụt trong quá trình vận chuyển 10-15%. Điện mất trên lưới vượt quá mức cho phép khoảng 5%.

2. Về phân phối - lưu thông

Thị trường nội địa bước đầu được chấn chỉnh; khối lượng thu mua tiến bộ rõ, nhất là thu mua lương thực. Một số chính sách phân phối thu nhập ít nhiều có tác dụng kích thích lao động, thúc đẩy sản xuất. Khối lượng xuất khẩu hàng năm có tăng; chênh lệch giữa xuất và nhập được thu hẹp một phần. Bởi chi ngân sách và tiền mặt giảm dần.

Tuy nhiên, đây vẫn là lĩnh vực đang có nhiều rủi ro, Nhà nước chưa nắm được phần lớn hàng, tiền, chưa làm chủ được thị trường, vật giá. Nhà nước mới nắm được khoảng 80% lương thực hàng hoá, 50% nông sản hàng hoá, 30% hải

sản. Khối lượng tiền lưu thông quá mức cần thiết. Giá cả biến động mạnh: chỉ số giá bán lẻ hàng hoá của thị trường xã hội năm 1983 gấp 5 lần năm 1980, gấp 10 lần năm 1976.

Tình hình này có nguyên nhân sâu xa là mức sản xuất nói chung còn thấp, quan hệ sản xuất cũ chậm được cải tạo, sự phá hoại của địch về kinh tế – tài chính, song cần thấy đầy đủ những khuyết điểm, sai lầm của chủ quan chúng ta trong công tác phân phối – lưu thông: Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa thoát khỏi cách làm ăn hành chính bao cấp, chưa vươn ra để phát huy tác dụng chủ đạo trên thị trường; để cho tư sản thương nghiệp có cơ hội phục hồi, tiểu thương phát triển vô tổ chức; các công cụ quản lý như đăng ký kinh doanh, kiểm kê, kiểm soát, thuế gần đây mới được chú trọng. Phương thức thu mua còn nhiều mặt không hợp lý đã hạn chế việc nắm thêm hàng hoá, lại biến một phần tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng của Nhà nước trao đổi với nông dân thành hàng hoá lưu thông tự do, biến một bộ phận nông dân thành người đi buôn. Đối với hàng tiêu, thủ công nghiệp, phần Nhà nước nắm được cũng rất thấp. Hàng hoá, vật tư thất thoát một phần ở khâu sản xuất, song phần lớn hơn là ở khâu lưu thông (kể cả vận chuyển, giao nhận).

Nhà nước chưa có biện pháp có hiệu lực để thu tiền về, lại thêm địch phá hoại, để tiền trôi nổi ở ngoài, gây sức ép lớn về hàng hoá và làm rối giá thị trường.

Việc điều chỉnh giá năm 1981 là cần thiết, song thực tế chứng minh là không thể đơn thuần dùng giá để giải quyết các khó khăn về kinh tế. Một số mức giá tính toán sai và việc tổ chức thực hiện không đồng bộ. Kỷ luật giá không nghiêm.

Giá thị trường tự do tăng nhanh, liên tục; bọn đầu cơ và địch phá hoại gây nhiều đột biến. Giá Nhà nước bị thay đổi nhiều lần, ảnh hưởng đến sản xuất, lưu thông, đời sống và tâm lý xã hội.

Việc phân phối, điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư thực hiện không tốt. Chính sách lương chậm thay đổi; chính sách thuế và các chính sách thu khác chậm ban hành; việc thực hiện lại không đồng bộ.

Chủ trương tiết kiệm trong sản xuất và đời sống chậm được cụ thể hoá thành những biện pháp có hiệu lực, chưa thành phong trào của đông đảo quần chúng, và cán bộ chưa gương mẫu chấp hành. Nguyên tắc "Chỉ tiêu dùng trong giới hạn sản xuất cho phép" chưa được áp dụng trong xây dựng ngân sách nhà nước và trong tiêu dùng của nhiều ngành, nhiều cấp.

Khuyết điểm trong phân phối – lưu thông ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, nhất là công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Việc cung cấp theo định lượng cũng như các hoạt động mua bán và dịch vụ khác thực hiện không đầy đủ, trong khi vật giá tăng vọt, làm cho thu nhập thực tế của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang năm 1983 chỉ bằng khoảng 70% năm 1980 và bằng khoảng 1/8 thu nhập của tư thương.

3. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới

Nhìn chung, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến hành chậm ở Nam Bộ. Đến nay mới có khoảng 36% số hộ nông dân và 30% ruộng đất được thu hút vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới

trong cả nước không được tiến hành liên tục và chưa có những biện pháp cụ thể thích hợp.

Khuyết điểm lớn là để cho giai cấp tư sản phục hồi ở cả miền Nam và miền Bắc, thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa tự do hoạt động và kẻ địch lợi dụng chống phá ta, làm hỗn loạn trật tự kinh tế – xã hội. Cải tạo không đi đôi với xây dựng, chưa có bước đi và hình thức thích hợp, chưa gắn chặt cải tạo công thương nghiệp với cải tạo nông nghiệp. Gần đây, những thiếu sót này bắt đầu được uốn nắn.

Đáng quan tâm là kinh tế quốc doanh không được củng cố, sút kém về sản xuất và kinh doanh, lỏng lẻo về nhiều mặt quản lý. Xét theo tỷ trọng trong thu nhập quốc dân thì kinh tế quốc doanh và công tư hợp doanh năm 1980 chiếm 31,3%, đến năm 1983 chỉ còn 27,5%. Một số lớn nông trường làm ăn thua lỗ, một số cơ sở công nghiệp quốc doanh không bằng trước về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất; không chấp hành đầy đủ kỷ luật giao nộp sản phẩm, thu nộp cho ngân sách nhà nước... Thương nghiệp quốc doanh không được củng cố và tăng cường để cùng với thương nghiệp hợp tác xã làm chủ thị trường. Tiêu cực khá phổ biến, hàng hoá hư hỏng, mất mát, bị tuồn ra ngoài, buôn bán đầu cơ, gây tổn hại không nhỏ. Việc củng cố quan hệ sản xuất mới trong các hợp tác xã nông nghiệp chưa được chú trọng đúng mức; cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động chậm được hoàn chỉnh. Đối với hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, công tác quản lý buông lỏng trên nhiều mặt: sản xuất có phát triển về số lượng, nhưng chất lượng kém, Nhà nước không quản lý được phần lớn sản phẩm.

HỘI...

4. Về văn hoá – xã hội

Đã có những điển hình tốt về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, về tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, về phát triển giáo dục, văn hoá, y tế, thể dục thể thao, xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh. Song nhìn chung tình hình các quan hệ xã hội suy giảm; cách mạng tư tưởng và văn hoá chưa được thực hiện tốt như là một động lực của sự phát triển kinh tế – xã hội.

Chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa được cụ thể hoá đầy đủ trong từng cấp và từng ngành, nhất là ở cơ sở. Do đó, nhân dân lao động chưa thật sự làm chủ trong sản xuất, phân phối, lưu thông cũng như trong quản lý xã hội và tổ chức đời sống.

Công tác tư tưởng và văn hoá thiếu tính chiến đấu, không kịp thời chống lại những sự thâm nhập của tư tưởng văn hoá xấu, không giữ thế chủ động trong dư luận xã hội, không kịp thời giải đáp các vấn đề đặt ra ở từng khu vực, trong từng đối tượng và thời gian cụ thể.

Chất lượng giáo dục giảm sút về nhiều mặt, nhất là giáo dục đạo đức, tư tưởng. Trật tự trị an, nhất là ở các thành phố, vùng rừng núi và nông thôn hẻo lánh, chưa được giải quyết tốt.

Những tiêu cực ngoài xã hội tác động mạnh vào nội bộ Đảng và bộ máy nhà nước, và ngược lại những tiêu cực trong nội bộ Đảng và Nhà nước lại làm cho những tiêu cực ngoài xã hội chậm được xoá bỏ, thái độ vô trách nhiệm đối với sản xuất và đời sống nhân dân, tác phong hách dịch, cửa quyền, tình trạng sa sút phẩm chất, lối sống, chạy theo lợi ích cá nhân, các hiện tượng móc ngoặc, hối lộ, tham ô dưới nhiều

hình thức ở cơ sở và một số cán bộ có chức, có quyền (kể cả cán bộ trung, cao cấp) đã làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng và tổ chức nhà nước. Việc thưởng, phạt và pháp luật không nghiêm, hiện tượng không phân biệt rõ đúng, sai trong nhiều sự việc đã không phát huy kịp thời các nhân tố tích cực và đẩy lùi các hành động tiêu cực. Trong không ít hiện tượng, không phân biệt được hành động tiêu cực của cán bộ ta và sự phá hoại của địch. Có những cán bộ, đảng viên không gương mẫu, không đủ khả năng đảm đương công tác vẫn giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy Đảng và Nhà nước.

II - NHẬN XÉT CHUNG

1. Đại hội lần thứ V của Đảng đã vạch ra hai nhiệm vụ chiến lược và phương hướng, chủ trương xây dựng kinh tế, quản lý kinh tế – xã hội gồm 10 chính sách chủ yếu, tập trung vào các mặt: phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý và kế hoạch hoá... Ba năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội, chúng ta đã giành được *những thành tựu to lớn* trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của công cuộc xây dựng kinh tế cũng như trước những âm mưu thâm độc của kẻ thù đối với nền độc lập của dân tộc ta và của các nước Đông Dương, chúng ta vẫn vững vàng và có nhiều mặt phát triển đi lên, cách mạng Việt Nam và cách mạng ba nước Đông Dương vẫn giữ vững thế tiến công của mình.

Từ thế sút kém trong những năm 1979-1980, nền kinh tế

HỘI...

đã và đang hồi phục, chuyển dần theo hướng đi lên và ổn định dần từng mốc, tạo tiền đề cho sự phát triển mới lớn hơn. Ở nhiều địa phương và một số ngành, sức mạnh *làm chủ tập thể* bước đầu được phát huy, đưa đến những tiến bộ về sử dụng lao động, đất đai, máy móc, thiết bị, về phát triển sản xuất và tổ chức đời sống. Nhiều điển hình tốt đã làm sáng tỏ và chỉ ra cách làm ăn mới có hiệu quả, có sức thuyết phục.

Thắng lợi của ba năm qua mang ý nghĩa *to lớn*, dù rằng biểu hiện vật chất của nó nói chung còn ở dạng khởi đầu.

Những thắng lợi đó trước hết bắt nguồn từ *đường lối đúng đắn* của Đảng đề ra tại Đại hội lần thứ IV, được Đại hội lần thứ V khẳng định và được cụ thể hóa bằng các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế – xã hội; từ nhận thức ngày càng sâu sắc và vận dụng ngày càng sát hợp đường lối của Đảng vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng ngành và cơ sở.

Đó là thắng lợi trực tiếp của những *đổi mới trong cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa* bắt đầu từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV). Trong ba năm qua, nhiều chủ trương, chính sách mới đã được ban hành, như: khoán sản phẩm trong nông nghiệp; mở rộng quyền chủ động của xí nghiệp quốc doanh; cân đối kế hoạch bằng "bốn nguồn khả năng"; khuyến khích mở rộng xuất khẩu; khuyến khích các hoạt động khoa học – kỹ thuật; đẩy mạnh xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, v.v.. Những chủ trương, chính sách ấy cho phép khắc phục dần lối quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, làm cho người lao động hăng hái sản xuất, gắn bó với sản phẩm làm ra; tăng

cường trách nhiệm và quyền làm chủ của các cấp quản lý. Những đổi mới này đã phát huy *tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường* của nhân dân ta, tác động vào các yếu tố bên trong, khơi dậy các khả năng tiềm năng tiềm tàng của nền kinh tế, đồng thời sử dụng có hiệu quả hơn sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô và các nước anh em. Thực tiễn đã khẳng định: *phương hướng cơ bản của những đổi mới đó là đúng đắn*.

2. Tuy nhiên, do thời gian còn ngắn, do những khó khăn khách quan còn lớn và cũng do những nhược điểm và khuyết điểm chủ quan khắc phục chậm, cho nên nền kinh tế vẫn còn nhiều *khó khăn, mất cân đối lớn, có mặt rất gay gắt; nhiều tiêu cực trong đời sống xã hội còn nghiêm trọng*.

Thu nhập quốc dân sản xuất trong nước còn ở mức rất thấp. Lương thực đạt gần 300kg bình quân đầu người là ở ranh giới giữa thiếu ăn và đủ ăn. Hàng tiêu dùng yếu vốn đã thiếu, nhưng do ta nấm và tổ chức việc phân phối chưa tốt, nên càng thêm căng thẳng.

Tư liệu sản xuất, nhất là năng lượng, chưa bảo đảm được nhu cầu tối thiểu trước mắt của nền kinh tế. Chất lượng cầu, đường đang xuống cấp nghiêm trọng, phương tiện vận tải xếp dỡ, kho hàng thiếu thốn và hư hỏng nhiều.

Phân phối lưu thông đang còn nhiều rối ren. Tài chính tiền tệ đang rất khó khăn, nhất là cán cân thanh toán quốc tế; ngoại tệ thiếu hụt nghiêm trọng.

Sản xuất tăng về số lượng, nhưng năng suất, chất lượng và hiệu quả còn kém. Quan hệ sản xuất chậm được tăng cường và củng cố; trận địa xã hội chủ nghĩa không được mở rộng. Nhiều vấn đề xã hội đặt ra cấp bách.

HỘI...

Đời sống nhân dân, nhất là đời sống của công nhân viên chức và lực lượng vũ trang, đặt ra những yêu cầu phải giải quyết, không thể trì hoãn.

Tình hình trên có *nguyên nhân sâu xa* là nền kinh tế nước ta còn phồn biển là sản xuất nhỏ; cơ sở vật chất – kỹ thuật còn yếu; năng lượng, vật tư thiếu thốn nghiêm trọng... Đó là những khó khăn to lớn và lâu dài mà chúng ta phải kiên trì giải quyết từng bước. Việc giải quyết các khó khăn ấy lại diễn ra trong một hoàn cảnh quốc tế phức tạp. Chủ nghĩa đế quốc... đang ra sức phá hoại ta trên tất cả các mặt, kể cả trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước anh em nói chung phải đặt trên nguyên tắc có đi, có lại, tuyệt nhiên không thể ỷ lại, một chiều. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh, đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù đòi hỏi phải rất sẵn sàng, không thể một giây lơi lỏng.

Song, cần thấy rằng, nhiều khả năng trong tầm tay chưa được tận dụng; lao động, đất đai và ngành, nghề chưa được khai thác tốt; nhiều năng lực sản xuất còn bị lãng phí; khối lượng xuất khẩu quá ít, *một phần quan trọng là do những khuyết điểm chủ quan trong cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hoá*.

Nội dung đổi mới quản lý kinh tế và kế hoạch hoá chưa được quan niệm nhất quán; nhiều chế độ, thể lệ cụ thể chưa được xây dựng; thiếu hướng dẫn và uốn nắn kịp thời những lệch lạc. Cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp vẫn còn trì kéo dài dảng, chưa bảo đảm cho các cấp quản lý thật sự làm chủ, chưa thể hiện đúng nguyên tắc tập trung dân

chủ. Kế hoạch chưa được xây dựng từ cơ sở, địa phương và ngành, chưa khơi dậy các khả năng phong phú, chưa trở thành công cụ chủ yếu để chỉ đạo toàn bộ công cuộc phát triển kinh tế – xã hội. Kế hoạch mới chú trọng mặt số lượng, chưa đi sâu vào các mặt chất lượng và hiệu quả, chưa kết hợp chặt chẽ cả bốn khâu: kế hoạch – chính sách – tổ chức – điều hành, để tạo ra sự đồng bộ và sức mạnh tổng hợp. Quan hệ giữa trung ương và địa phương còn nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến việc khai thác tiềm năng to lớn của kinh tế địa phương cũng như của các cơ sở kinh tế trung ương. Chậm nghiên cứu và xác định các hình thức kinh tế về tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý phù hợp với đặc điểm nước ta trong chặng đường đầu tiên, đáp ứng yêu cầu phát triển của từng sản phẩm, cây, con, từng lĩnh vực và địa bàn. Các chính sách thiếu đồng bộ và thiếu nhất quán. Một số chính sách về tài chính, giá cả, xuất khẩu... chưa phù hợp, nhưng chậm thay đổi, đã hạn chế việc phát huy nhiều khả năng trong tầm tay của địa phương và cơ sở. Bộ máy quản lý vẫn còn quá nhiều tầng, nấc; nhiều tổ chức trung gian không cần thiết vẫn chưa sửa đổi, gây trở ngại cho sản xuất và lưu thông. Cán bộ chưa được sắp xếp phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hoá. Đáng chú ý là có những nhận thức không phù hợp với quan điểm của Đảng; những biểu hiện vô trách nhiệm, kém ý thức tổ chức và kỷ luật trong việc chấp hành nghị quyết của Đảng; còn tồn tại khá nặng tệ quan liêu, xa thực tiễn, xa quần chúng, không tin ở năng lực sáng tạo của cấp dưới. Lối mòn cũ vẫn còn chi phối trong nhiều cơ quan quản lý; một số bộ phận chưa khắc phục được tình

HỘI...

trạng trí trệ, kém năng động, bảo thủ với cách làm cũ, lờ là với cái mới, không kịp thời phục vụ sản xuất và cơ sở.

Tiếp tục thấu suốt một cách sâu sắc hơn đường lối của Đảng, kiên trì đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa theo phương hướng đã khẳng định trong các nghị quyết của Đảng, lấy đó làm điểm tựa để dấy lên phong trào cách mạng của quần chúng, đó là con đường đúng đắn nhất để khai thác các tiềm năng, khắc phục từng bước các khó khăn, đưa sự nghiệp xây dựng kinh tế – xã hội không ngừng tiến lên.

Phân thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐẾN NĂM 1990

Để có căn cứ đầy đủ hơn cho việc xác định nhiệm vụ, kế hoạch năm 1984 và 1985, cần nêu ra ở đây một số nét chủ yếu của phương hướng phát triển kinh tế – xã hội đến năm 1990.

Đại hội lần thứ V của Đảng đã xác định những năm 1980 là "chặng đường đầu tiên", với nhiệm vụ hàng đầu là đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý; nhằm thực hiện mục tiêu về kinh tế và xã hội, chuẩn bị điều kiện để tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn trong những năm tiếp sau. Sự phân tích tình hình kinh tế – xã hội ba năm qua cho phép dự kiến trong hai năm tới có thể hoàn thành các mục tiêu còn lại của thời kỳ 1981-1985, đồng thời chuẩn bị một bước cần thiết cho sự triển khai phương

hướng, mục tiêu của thời kỳ 1986-1990 mà nội dung chủ yếu là: một mặt, tiếp tục đẩy mạnh *mặt trận hàng đầu là sản xuất nông nghiệp*, khai thác đến mức cao nhất tiềm năng đất đai và lao động, nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển mạnh cây công nghiệp, tạo nguồn xuất khẩu quan trọng; ra sức phát triển sản xuất *hàng tiêu dùng* cùng với phát triển nông nghiệp và văn hoá – xã hội, thực hiện mục tiêu bảo đảm một đời sống no ấm, lành mạnh và ổn định. Mặt khác, hết sức tranh thủ mọi điều kiện có thể tranh thủ được để *xây dựng công nghiệp nặng*, chủ yếu là năng lượng, cơ khí, gang thép, phân bón, hoá chất, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải nhằm trước hết phục vụ sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Chặng đường trước mắt từ đây đến năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt; phải kết hợp phát triển, sáp xếp lại và cải tạo, bằng mọi cách tạo được sự chuyển biến cơ bản tình hình kinh tế – xã hội, ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân, khắc phục có hiệu quả các khó khăn và mất cân đối, tạo ra thế cân đối mới của nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu cung cấp quốc phòng, an ninh, chuẩn bị tiền đế và lực lượng để đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn trong những năm tiếp theo.

Để thực hiện thắng lợi phương hướng nói trên, quan trọng nhất, quyết định nhất là phát huy mạnh mẽ động lực *làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*, về cơ bản sử dụng hết lao động chưa có việc làm và đất đai hoang hoá, tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn và một năng suất lao động cao.

Chủ yếu bằng thâm canh tăng vụ và mở rộng diện tích,

phấn đấu đạt mức *lương thực* bình quân đầu người trên dưới 450 kg. Ngoài lúa là cây lương thực chủ yếu, cần chú trọng phát triển màu và thâm canh màu, nhất là ngô¹⁾.

Phát triển mạnh *cây công nghiệp* là một hướng chiến lược đặc biệt quan trọng, là một mũi tiến công quyết liệt, một trong những nguồn "tích luỹ ban đầu" lớn nhất mà nước ta có đất đai thích hợp và ưu thế của khí hậu nhiệt đới. Phát triển cây công nghiệp, gắn liền với phân bón lại lao động và dân cư trên phạm vi cả nước. Phấn đấu khai thác hết khoảng 4 triệu ha đất hoang có khả năng làm nông nghiệp, mà phần lớn số đất đai còn lại đó được bố trí để trồng cây công nghiệp.

Chăn nuôi: để đáp ứng nhu cầu thực phẩm, và tăng mạnh nguồn phân bón, nhất thiết phải phát triển cân đối chăn nuôi với trồng trọt, bằng cả ba hình thức: quốc doanh, tập thể và gia đình. Đặc biệt, phải khôi phục và phát triển nhanh vành đai chăn nuôi (thực phẩm) ở thủ đô, các thành phố lớn và khu công nghiệp. Phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò...) ở các vùng trung du, miền núi. Giải quyết tốt vấn đề thức ăn, con giống và phòng trị bệnh. Phấn đấu tiến tới chăn nuôi lớn, chăn nuôi công nghiệp và xuất khẩu lớn sản phẩm chăn nuôi.

Về lâm nghiệp: Trước hết phải bảo vệ cho được vốn rừng hiện có, chấm dứt nạn đốt, phá rừng. Đồng thời ra sức mở

¹⁾ Quy hoạch diện tích trồng khoảng 1 triệu ha ngô, chủ yếu trên các bình nguyên lớn của Lâm Đồng, Đắc Lắc, Gia Lai - Kon Tum và cả một phần Đông Nam Bộ.

rộng trồng cây, trồng rừng, đến năm 1990 hoàn thành việc phủ xanh đất trống, một phần đồi núi trọc theo quy hoạch hợp lý, bảo đảm nhu cầu về gỗ, nguyên liệu công nghiệp (giấy, sợi...), về phòng hộ và chất đốt. Thực hiện nông – lâm và lâm – nông kết hợp, hoàn thành việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và nhân dân quản lý theo quy hoạch và chính sách thống nhất.

Có kế hoạch khai thác hợp lý gỗ và các lâm sản khác, nhằm thoả mãn nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Về thuỷ sản: Đây là một thế mạnh, một tiềm năng lớn, có khả năng đem lại kết quả nhanh và hiệu quả cao. Mục tiêu phấn đấu là cơ bản thoả mãn nhu cầu về thực phẩm cho nhân dân và tạo ra nguồn hàng xuất khẩu chủ lực. Phải hoàn thành điều tra, nghiên cứu, quy hoạch và xây dựng các dự án nhằm vừa khai thác theo chiều sâu, đầu tư đồng bộ hoá và đầu tư tập trung để nâng cao hết năng lực đánh bắt, nuôi trồng, chế biến. Khai thác đến mức tối đa diện tích mặt nước để nuôi tôm cá, đồng thời có kế hoạch mở rộng việc đánh bắt ngoài biển khơi.

Phát triển nhanh *công nghiệp chế biến* gắn liền đồng bộ với chương trình sản xuất lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi và thuỷ sản, khắc phục tình trạng lạc hậu của công nghiệp chế biến về cả hai mặt số lượng và chất lượng.

Trong chương trình phát triển nông – công nghiệp, lâm nghiệp, văn hoá, xã hội,... phải đặc biệt coi trọng Tây Nguyên và biên giới phía Bắc là những vùng có tầm chiến lược lớn về kinh tế và quốc phòng.

Để đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân và có đủ hàng

hoá trao đổi giữa thành thị và nông thôn, tập trung sức phát triển những *hàng hoá tiêu dùng thiết yếu*. Mở rộng và phát huy năng lực của cả công nghiệp trung ương lẫn công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp.

Những sự phát triển nói trên của nông, lâm ngư nghiệp của công nghiệp chế biến và công nghiệp nhẹ sẽ bị hạn chế nếu không có sự phát triển tương ứng của *công nghiệp nặng*. Vì vậy trong khi nắm vững mặt trận hàng đầu là nông nghiệp và để bảo đảm cho mặt trận đó triển khai mạnh mẽ, cần phát huy hết năng lực hiện có, đồng thời mở rộng sản xuất và xây dựng thêm những cơ sở công nghiệp nặng cần thiết. Việc xây dựng công nghiệp nặng, do đặc điểm của nó, ngay từ đầu, phải được đặt ra trong một quy hoạch dài khoảng vài chục năm.

Điện: Tiếp sau các công trình đang xây dựng, trên cơ sở tổng sơ đồ hệ thống điện quốc gia, cần xác định những công trình mới để tiến hành ngay công tác chuẩn bị. Hướng phấn đấu là phải xây dựng đủ nguồn và lưới điện bảo đảm có điện cho tất cả các vùng của đất nước. Hết sức coi trọng phát triển thuỷ điện, tận dụng nguồn thuỷ năng phong phú ở mọi nơi.

Dầu khí và than: Triển khai mạnh việc tìm kiếm, thăm dò và tiến tới khai thác dầu khí.

Đẩy mạnh khai thác than ở Quảng Ninh và ở các địa phương dù có trữ lượng không lớn, để tăng nhanh sản lượng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Gang thép: Ngoài việc phát huy hết công suất sản xuất ở khu vực Thái Nguyên, khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và Biên Hoà, cần khẩn trương chuẩn bị để phát

triển công nghiệp gang thép quy mô lớn.

Tìm mọi cách khai thác mạnh kim loại màu, bôxít, đất hiếm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Cơ khí: Nắm vững vai trò then chốt của cơ khí trong sự nghiệp công nghiệp hoá. Tận dụng năng lực hiện có và phát triển mạnh cơ khí vừa và nhỏ bằng mọi nguồn vốn và vật tư tranh thủ được, bảo đảm nhu cầu sửa chữa, sản xuất phụ tùng và chế tạo một số loại thiết bị, chủ yếu phục vụ nông nghiệp chế biến nông sản.

Chuẩn bị và bắt tay xây dựng sớm cơ khí lớn và cơ khí nặng hợp tác với Liên Xô và các nước khác.

Công nghiệp *điện tử* cần được coi trọng ngay từ bây giờ và hình thành một chương trình cấp nhà nước.

Hoá chất: Phát triển mạnh phân lân các loại, tận dụng công suất hiện có, nghiên cứu mở rộng Nhà máy supe lân Lâm Thao. Giải quyết cho được nhu cầu về apatít, pirít và than cho sản xuất phân lân; mở rộng sản xuất thêm phân lân ở các địa phương.

Khẩn trương xây dựng nhà máy phân đạm mới.

Xây dựng các công trình xút, sợi tổng hợp, và hoá chất cơ bản khác.

Vật liệu xây dựng: Phát triển nhanh xi măng và các loại vật liệu xây dựng khác đáp ứng nhu cầu xây dựng ngày càng lớn.

Khởi công xây dựng sớm các nhà máy kính, sứ vệ sinh, gạch chịu lửa...

Về giao thông vận tải: Xác định sớm quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải trong nước, kết hợp với quy

hoạch của hai nước Lào và Campuchia. Phát triển mạnh đường biển, đường sông, nâng cấp và mở mang đường sắt, đường bộ, xây dựng kho tàng, bến bãi. Quan trọng nhất là mở rộng các cảng khu vực Hải Phòng, Cửa Lò, Cửa Việt, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Sài Gòn, Cần Thơ; nâng cấp đường sắt Thống Nhất và đường bộ biên giới. Khảo sát đường sắt lên Tây Nguyên; chú trọng phát triển đường giao thông sang Lào và Campuchia.

Về xuất khẩu: Đây là một "mũi nhọn" trong chiến lược kinh tế, cùng với việc mở mang quan hệ kinh tế đối ngoại, xuất khẩu là một khâu có tầm quan trọng quyết định đến cả việc phát huy thế mạnh bên trong, tạo sự cân đối tích cực cho nền kinh tế.

Bằng cơ chế và các chính sách hợp lý, các hình thức tổ chức linh hoạt, phát huy cao nhất khả năng của các ngành, các địa phương, mở mang sản xuất và kinh doanh xuất khẩu, triệt để tiết kiệm và huy động hết các nguồn hàng xuất khẩu. Làm cho mỗi người dân thấu triệt quốc sách lớn này, coi đây là một việc vừa ích nước, vừa lợi nhà, mà đóng góp nhiều nhất cho xuất khẩu.

Phát triển các hoạt động du lịch, Kiều hối và dịch vụ khác để thu ngoại tệ.

Về khoa học – kỹ thuật và văn hoá, xã hội: Triển khai công cuộc xây dựng kinh tế phải gắn chặt với việc phát triển khoa học và kỹ thuật, tiến quân mạnh mẽ vào khoa học kỹ thuật trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội để đạt năng suất cao, chất lượng tốt và hiệu quả nhiều. Tăng đầu tư cho khoa học và kỹ thuật, và áp dụng các chính sách khuyến khích sáng tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ

thuật vào sản xuất, xây dựng.

Phát triển mạnh văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, xây dựng phong cách sống, làm việc và học tập mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và một đời sống xã hội lành mạnh, ổn định.

*
* *

Các phương hướng phát triển kinh tế – xã hội trên đây cần được xây dựng thành các chương trình đồng bộ có mục tiêu, được tính toán đầy đủ về cả hai mặt kinh tế và kỹ thuật, nhu cầu và khả năng, để tạo bước đi hợp lý, nhằm thu hẹp dần các mảng kinh tế, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế mới, mang lại hiệu quả cao nhất trong từng thời kỳ.

Phát triển nông nghiệp theo các mục tiêu nói trên; xây dựng những cơ sở năng lượng ban đầu; mở mang kết cấu hạ tầng; hoàn thành công tác điều tra, khảo sát, thiết kế. Đó là những điều kiện chủ yếu cần có, để đưa nền kinh tế nước ta sang một giai đoạn mới, giai đoạn triển khai trên quy mô lớn sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Phương hướng và các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội nói trên là sự thể hiện đường lối và chiến lược kinh tế của Đảng, là sự phản ánh những đòi hỏi khách quan bức xúc của sự phát triển đất nước trong chặng đường sắp tới, đồng thời cũng chứa đựng đầy đủ khả năng thực tế mặc dù phải phấn đấu rất quyết liệt. Một trong những yếu tố có vai trò quyết định nhất để biến khả năng đó thành hiện thực là sự thiết lập hoàn chỉnh và tác động toàn diện, sâu sắc của cơ chế quản lý mới. Cơ chế đó khắc phục triệt để lối quản lý hành

HỘI...

chính – quan liêu – bao cấp, làm cho người lao động hăng hái sản xuất, gắn bó với sản phẩm và kết quả lao động của mình, tăng cường đến mức cao nhất trách nhiệm và quyền làm chủ của các cấp quản lý trong sản xuất, kinh doanh, khai thác mạnh nhất, có hiệu quả nhất mọi tiềm năng trong nền kinh tế, kể cả tiềm năng của sự hợp tác quốc tế, tạo nên một cao trào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Phân thứ ba

KẾ HOẠCH KINH TẾ – XÃ HỘI NĂM 1984 VÀ MỨC PHẤN ĐẤU NĂM 1985

Nhiệm vụ hai năm 1984-1985 rất quan trọng và nặng nề: vừa phải hoàn thành các mục tiêu của thời kỳ 1981-1985, bảo đảm *cơ bản ổn định tình hình kinh tế và xã hội*, vừa phải tích cực chuẩn bị cho kế hoạch 1986-1990, trong đó có những việc phải thực hiện ngay trước mắt.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó, phải phát huy cao độ ý chí *tự lực tự cường*, tinh thần *cách mạng tiến công*, khơi dậy động lực *làm chủ tập thể* động viên *sức mạnh tổng hợp* của Nhà nước và nhân dân, của trung ương và địa phương, thực hiện đầy đủ *quyền làm chủ* của các cấp quản lý; nhất là của địa phương và cơ sở, xây dựng và cân đối kế hoạch từ cơ sở lên; chuyển biến mạnh mẽ về *tổ chức và tư tưởng*, thống nhất ý chí và hành động, phát động *phong trào cách mạng của quần chúng*. Trước hết và quan trọng nhất là phải có tiến bộ rõ trong việc khai thác khả năng *lao động đất đai* và

năng lực sản xuất hiện có; tất cả cho phát triển sản xuất, lấy *năng suất, chất lượng và hiệu quả* làm tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá mọi hoạt động kinh tế.

Trong hai năm tới, phải đạt cho được những *yêu cầu* sau đây:

1. Tập trung sức *đẩy mạnh sản xuất* nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng, phát huy mạnh mẽ những khả năng hiện có, nhất là *lao động và đất đai*, tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, tạo được tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

2. Giải quyết những nhu cầu cấp bách để cơ bản ổn định *đời sống*, bao gồm bảo đảm bữa ăn và hàng tiêu dùng thiết yếu, trước hết của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

3. Tạo bước chuyển cơ bản trên lĩnh vực *phân phối lưu thông*, trước hết trong việc nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường.

4. Tăng nhanh *xuất khẩu* và mở mang các hoạt động thu ngoại tệ, đó là một khâu rất quan trọng góp phần bảo đảm các cân đối của kế hoạch.

5. Hoàn thành về cơ bản công cuộc *cải tạo xã hội chủ nghĩa*, củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong cả nước; mở rộng trận địa xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực.

6. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động *văn hoá, xã hội*, tiến bước rõ rệt về xây dựng cuộc sống lành mạnh.

7. Bảo đảm nhu cầu củng cố *quốc phòng và an ninh*, giữ gìn tốt trật tự, an toàn xã hội.

8. Hoàn thành về cơ bản việc đổi mới cơ chế *quản lý kinh tế và kế hoạch hoá*.

9. Chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết cho kế hoạch 5

năm 1986-1990.

Dưới đây là nhiệm vụ phát triển chủ yếu của các ngành và các vùng:

1. Nông nghiệp

a) *Lương thực*: Tăng nhanh sản lượng lương thực, nhất là lúa và ngô. Phấn đấu năm 1984 đủ ăn, có phần dành cho chăn nuôi và bắt đầu có dự trữ, đạt 18 triệu tấn (15,7 triệu tấn thóc, 2,3 triệu tấn màu quy thóc)¹⁾. Nhà nước huy động 4,3 triệu tấn. Năm 1985 phấn đấu đạt 20 triệu tấn; huy động 4,5 triệu tấn để tăng được dự trữ và bảo đảm thức ăn cho chăn nuôi.

- Thực hiện thâm canh cao độ trên các vùng cao sản lúa, ngô; đồng thời tăng diện tích lúa, chủ yếu bằng tăng vụ, phục hoá ở các tỉnh miền Nam, đưa diện tích gieo trồng lúa năm 1984 là 5,76 triệu ha và năm 1985 là 5,8 triệu ha, trong đó lúa cao sản 2 triệu ha. Năng suất lúa bình quân 1 ha gieo trồng năm 1984 là 27,3 tạ/ha, năm 1985 là 29,8 tạ/ha, trong đó năng suất bình quân 1 ha lúa cao sản năm 1984 là 39,2 tạ/ha và năm 1985 là 40 tạ/ha.

Đi đôi với đẩy mạnh thâm canh trên diện tích màu hiện có (nhất là ngô), cần tận dụng đất đai trồng xen, trồng gối để phát triển màu, sử dụng hết diện tích có khả năng trồng màu, không để đất màu bỏ hoang, không phá rừng để trồng màu. Phấn đấu đưa diện tích màu năm 1984 lên 1,3 triệu ha, tăng 10% so với năm 1983. Tổ chức tốt việc chế biến, tiêu thụ màu.

¹⁾ Kế hoạch nhà nước giao cho các địa phương 19 triệu tấn với những biện pháp tương ứng.

- Xây dựng dứt điểm một số công trình thuỷ lợi để nâng cao năng lực tưới, tiêu, trước hết cho các vùng có điều kiện làm lúa cao sản. Nạo vét, sửa chữa các công trình đầu mối (cống, trạm bơm), hoàn chỉnh hệ thống thuỷ nông, đắp đê ngăn mặn, làm cống thoát nước cho đồng bằng sông Cửu Long. Thu hẹp diện tích úng ở đồng bằng Bắc Bộ. Phát triển thuỷ lợi nhỏ ở các tỉnh miền Trung, miền núi, Tây Nguyên.

- Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nhất là các thành tựu về giống, về phòng trừ bệnh, về thuỷ lợi, về phân bón và cải tạo đất... Hoàn thành hệ thống giống lúa và ngô, ứng dụng rộng rãi các loại giống có năng suất cao, chịu hạn, úng, sâu bệnh, chua mặn và thích nghi với từng vùng. Bảo đảm cung ứng 2 vạn tấn thuốc trừ sâu, 1,5 triệu tấn phân đạm tiêu chuẩn, 40 vạn tấn phân lân và 5 vạn tấn kali. Tăng sức kéo cơ giới và trâu, bò cày kéo để bảo đảm kịp thời vụ.

b) *Cây công nghiệp*: Bằng mọi biện pháp và chính sách thích hợp, tận dụng đất đai, lao động để phát triển vượt bậc cây công nghiệp, đặc biệt là các cây xuất khẩu ngắn ngày trong hai năm tới, đồng thời khẩn trương chuẩn bị để phát triển với quy mô lớn từ 1986 trở đi. Sớm hoàn thành quy hoạch đất đai, xác định những cây chủ lực ở từng địa bàn, vừa xây dựng các vùng chuyên canh, vừa tận dụng đất đai trồng xen canh, gối vụ ở khắp nơi. Thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng làm", quốc doanh, tập thể và gia đình cùng làm. Cung cấp kịp thời lương thực, vật tư và hàng hoá cho vùng cây công nghiệp; thực hiện đầy đủ các chính sách

HỘI...

khuyến khích địa phương và cơ sở phát triển sản xuất. Xây dựng đồng bộ cơ sở chế biến trên từng vùng. Phấn đấu đưa diện tích cây công nghiệp năm 1984 đạt 1,1 triệu ha, trong đó cây công nghiệp dài ngày 39 vạn ha.

Phát triển thật mạnh lạc, đỗ tương, đỗ xanh, vừng, mía, thuốc lá,...nhằm phục vụ trong nước và xuất khẩu; dự kiến *đỗ tương* năm 1984: 15 vạn ha, năm 1985: 18 vạn ha. *Lạc* năm 1984: 20 vạn ha, năm 1985: 25 vạn ha. Tập trung thăm canh vùng *mía* để bảo đảm cung cấp ổn định và đủ mía cho các nhà máy đường lớn, đồng thời phát triển trồng mía ở tất cả các địa phương để giải quyết nhu cầu tại chỗ. Tăng diện tích trồng *thuốc lá*, bảo đảm huy động đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, năm 1984 trồng 4,5 vạn ha, năm 1985: 6 vạn ha. Đẩy mạnh trồng *đay* ở đồng bằng sông Cửu Long, năm 1984 đạt 5 vạn ha, năm 1985: 10 vạn ha. Mở rộng việc trồng bông, lanh, dâu tằm, cói, dứa sợi...

Về cây công nghiệp dài ngày, chăm sóc, thăm canh tốt diện tích hiện có, trồng mới thêm nhiều cao su, cà phê, chè, bảo đảm đúng kỹ thuật. *Cao su* năm 1984 trồng mới 3 vạn ha, năm 1985: 5 vạn ha. *Cà phê* năm 1984 trồng mới 8.000 ha; năm 1985: 1,1 vạn ha. *Dưa* mỗi năm trồng mới vài vạn ha, hợp tác xã và dân trồng là chính; xây dựng một số vùng chuyên canh, Nhà nước làm nhiệm vụ thu mua, chế biến và giải quyết giống. *Chè* trồng mới mỗi năm 5.000 ha.

Ban hành chính sách khuyến khích và đầu tư thích đáng để phát triển các loại cây có dầu: đào lộn hột, thầu dầu, cọ dầu và các cây đặc sản: quế, hồi, hồ tiêu, trầu, sở, dược liệu...

c) *Chăn nuôi*: phát triển chăn nuôi ở khắp các vùng để

bảo đảm nhu cầu thực phẩm và phân bón. Phát triển mạnh đàn trâu, bò, dê nhất là ở trung du, miền núi; đàn lợn, gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng... nhất là ở các vùng có nhiều rau, màu; nhanh chóng khôi phục và phát triển chăn nuôi quốc doanh ở vành đai thực phẩm quanh các thành phố lớn và khu công nghiệp. Muốn vậy, phải tích cực giải quyết các vấn đề giống, phòng trừ dịch, bệnh và nhất là cung cấp thức ăn cho gia súc. Đàn trâu, bò năm 1984: 4,8 triệu con, năm 1985: 5,1 triệu con, đàn lợn năm 1984: 12 triệu con, năm 1985: 13 triệu con.

2. Lâm nghiệp

- Nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ, tái sinh, chăm sóc, tu bổ rừng, ngăn chặn nạn phá rừng. Phát động phong trào quần chúng mở rộng trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, chú trọng các loại cây lấy gỗ, củi sinh trưởng nhanh. Phấn đấu hoàn thành sớm công tác định canh, định cư gắn liền với phát triển lâm – nông nghiệp ở miền núi và Tây Nguyên. Tiếp tục giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và gia đình kinh doanh theo quy hoạch; xây dựng "vườn rừng", "trại rừng", bảo đảm mọi đất rừng đều có người làm chủ. Tăng nhanh diện tích trồng rừng tập trung cho các vùng nguyên liệu giấy, sợi, trụ mỏ... Bảo vệ và phát triển các cây đặc sản (quế, hồi, cánh kiến, thông, trầu, sở, dược liệu,...). Diện tích trồng rừng tập trung năm 1984: 8 vạn ha, trồng cây nhân dân 400 triệu cây (tương đương 20 vạn ha).

- Thực hiện nghiêm chỉnh việc khai thác gỗ theo quy hoạch, kế hoạch nhà nước và bảo đảm quy trình kỹ thuật, chấm dứt tình trạng khai thác bừa bãi. Giải quyết đồng bộ

HỘI...

các khâu khai thác, vận xuất, vận chuyển chú trọng vận chuyển đường thuỷ và sử dụng trâu, voi kéo gỗ, nâng cấp và làm thêm đường mới, cung ứng vật tư, thiết bị, bảo đảm đời sống công nhân lâm nghiệp và sơn tràng. Sản lượng gỗ năm 1984: 1,4 triệu m³. Năm 1985: 1,5 triệu m³.

3. Thuỷ sản

Khẩn trương quy hoạch ngư trường và điều tra kết luận sớm các nguồn lợi thuỷ sản, sắp xếp lại tổ chức đánh bắt, hệ thống thu mua và cung ứng phù hợp với từng khu vực, mùa vụ. Có chính sách đầu tư khuyến khích các địa phương và cơ sở phát triển mạnh các hình thức đánh bắt, nuôi trồng thuỷ, hải sản xuất khẩu ở các vùng nước mặn, lợ và nước ngọt. Tận dụng các mặt ao hồ, đầm phá và ruộng trũng để nuôi cá, nuôi tôm; nuôi trồng rau câu xuất khẩu. Đặc biệt, cần chọn các khu vực ưu tiên để tập trung đầu tư, huy động mọi năng lực để phát triển nhanh.

Xây dựng cơ sở cá giống và phát triển mạnh nuôi cá ở vành đai thực phẩm các thành phố lớn, khu công nghiệp, ở các tỉnh trung du, biên giới và Tây Nguyên. Phấn đấu đưa sản lượng cá biển năm 1984 lên 52 vạn tấn và xuất khẩu trên 70 triệu đôla; năm 1985: 55 vạn tấn và xuất khẩu trên 100 triệu đôla.

4. Công nghiệp

a) Sản xuất hàng tiêu dùng

Tổ chức lại sản xuất và sửa đổi bổ sung các chính sách để xây dựng vùng nguyên liệu, bảo đảm cung cấp đầy đủ và ổn định nguyên liệu trong nước để sử dụng đến mức cao nhất

công suất các xí nghiệp. Đối với các xí nghiệp dùng nguyên liệu nước ngoài thì phải bằng con đường đẩy mạnh kinh doanh xuất - nhập khẩu, kể cả vay ngoại tệ để nhập thêm nguyên liệu làm hàng xuất khẩu hoặc là hàng tiêu dùng để trao đổi với nông dân lấy nông sản xuất khẩu. Cho phép các xí nghiệp trung ương liên kết với các địa phương để sử dụng tốt công suất sản xuất, nhất là ở Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Cố gắng phấn đấu không để quá thiếu các hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng ngày của nhân dân.

Vải lụa: Năm 1984: sản xuất 320 triệu mét, năm 1985: 380 triệu mét. Ưu tiên bảo đảm điện, than gỗ làm thoi suốt, nhập thêm bông, tơ sợi tổng hợp. Giải quyết phụ tùng để khôi phục năng lực sản xuất hiện có của ngành dệt. Khôi phục nghề dệt vải thủ công, huy động công suất dệt của những hợp tác xã có nghề truyền thống. Ngoài nguồn bông sợi nhập khẩu, các địa phương phải phát triển trồng bông, lanh, dâu tằm để tăng thêm nguyên liệu cho ngành dệt. Thông qua kinh doanh xuất nhập khẩu để có thêm vải trao đổi với nông dân đổi lấy nông sản và góp phần bảo đảm nhu cầu mặc.

Giấy: Khẩn trương xây dựng khu nguyên liệu cho Nhà máy giấy Bãi Bằng và Tân Mai. Tổ chức tốt việc thu hồi, tận dụng giấy vụn; phát triển các cơ sở làm bột giấy nhỏ ở những nơi săn có nguyên liệu (miền núi, Tây Nguyên); phát triển giấy địa phương bằng phương pháp dùng vôi thay xút. Năm 1984 sản xuất 6,2 vạn tấn, năm 1985 lên 9 vạn tấn.

Đường mạt: Quy hoạch và bổ sung các chính sách để xây dựng cho được các vùng trồng mía ổn định, bảo đảm cung cấp đủ mía cho các nhà máy đường. Bảo đảm tiến độ xây

HỘI...

dựng Nhà máy đường Lam Sơn. Chế tạo một số thiết bị sản xuất đường từ 30–50 tấn mía/ngày đến 100 – 500 tấn mía/ngày cho các địa phương. Khuyến khích các địa phương dành đất trồng mía và chế biến đường mật phục vụ tiêu dùng địa phương. Năm 1984 phải sản xuất ít nhất là 32 vạn tấn, năm 1985: 35 vạn tấn.

Thuốc lá: Ngoài việc bổ sung thiết bị và cung cấp đủ nguyên liệu thuốc lá cho các nhà máy để sử dụng hết công suất hiện có, phải tận dụng mọi khả năng để phát triển mạnh việc trồng và sản xuất thuốc lá điếu. Sản lượng năm 1984: 1,1 tỷ bao, năm 1985: 1,4 – 1,5 tỷ bao.

Tăng sản xuất xe đạp, phụ tùng, sắm lốp. Bảo đảm nhu cầu tối thiểu của nhân dân về xà phòng, thuốc chữa bệnh. Phát triển sản xuất, mở rộng mặt hàng, nâng cao chất lượng các loại đồ gỗ, đồ gốm, sành sứ thuỷ tinh, đồ nhựa, hàng mây tre, cối, dụng cụ bảo hộ lao động, v.v..

Bằng kinh doanh xuất - nhập khẩu và liên kết với các địa phương để tạo nguồn nguyên liệu, sản xuất thêm pin, sữa hộp, bia, và một số hàng cơ khí và điện tử, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và tích luỹ cho Nhà nước.

b) Công nghiệp nặng:

Điện: Năm 1984: 4,8 tỷ kWh, năm 1985: 5,3 tỷ kWh. Bảo đảm phụ tùng sửa chữa và ưu tiên cung cấp than, dầu cho các nhà máy điện.

Có chính sách khuyến khích sử dụng điện giờ thấp điểm. Quản lý chặt chẽ việc phân phối và sử dụng điện, bảo đảm cung cấp điện ổn định cho các xí nghiệp và công trình trọng điểm, cho các mục tiêu chủ yếu. Kiểm tra chặt chẽ để triệt để

tiết kiệm điện và khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong phân phối và sử dụng điện. Hướng việc quản lý, điều hành của các sở quản lý phân phối điện gắn chặt với địa phương, bảo đảm cho địa phương và các hộ tiêu thụ thật sự làm chủ khối lượng điện được phân phối. Bảo đảm tiến độ xây dựng Thuỷ điện Hoà Bình và tiến độ huy động tổ máy II Nhà máy Điện Phả Lại. Khẩn trương hoàn thành hệ thống đường dây và trạm biến thế Phả Lại – Hà Đông, trạm biến thế Thuỷ Nguyên. Cải tạo mạng lưới điện Hà Nội, khởi công xây dựng Nhà máy điện Trị An và Cầu Đỏ. Mở rộng Nhiệt điện Cần Thơ. Đưa 2 tổ máy của Nhiệt điện Phả Lại vào xây dựng ở Thủ Đức. Đẩy mạnh sản xuất trong nước và nhập một số thiết bị thuỷ điện vừa và nhỏ cho các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và miền núi.

Than: Năm 1984, sản xuất 6,5 triệu tấn, năm 1985: 8 triệu tấn. Cung cấp đủ xăng dầu, gỗ chống lò, thuốc nổ cho ngành than. Bảo đảm số ngoại tệ cần thiết ngay từ quý I/1984 để nhập phụ tùng, thiết bị. Đẩy mạnh việc sửa chữa thiết bị và xây dựng các mỏ than, bảo đảm khối lượng bốc đất đá, tăng cường khâu sang tuyến, bốc dỡ, vận chuyển. Chấn chỉnh công tác tổ chức, quản lý, thực hiện đúng quy trình, quy phạm để tăng sản lượng và chất lượng than. Giải quyết bằng được các nhu cầu cấp bách về đời sống của công nhân mỏ, trước hết bảo đảm cung cấp đủ chín mặt hàng thiết yếu, theo định lượng và triển khai ngay mạng lưới dịch vụ.

Thép cán: Xây dựng nhanh cơ sở cốc hoá than gầy, nghiên cứu xây dựng cơ sở sắt xốp 3 vạn tấn/năm. Hoàn thiện việc thí nghiệm sản xuất gang bằng lò điện. Chuẩn bị tích cực để khởi

HỘI...

công xây dựng cơ sở luyện kim 50 vạn tấn/ năm do Liên Xô giúp. Sản lượng năm 1984: 5,3 vạn tấn, năm 1985: 7 vạn tấn.

Cơ khí: Sắp xếp lại ngành cơ khí, trước tiên đổi với Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng. Trong các năm 1984-1985, chủ yếu bảo đảm sửa chữa máy móc, thiết bị và sản xuất phụ tùng cho các ngành, nhất là cho nông nghiệp, cho ngành dệt, than, điện, giao thông vận tải, vật liệu xây dựng... Sản xuất đủ các loại công cụ thường, sản xuất một số máy móc, thiết bị cỡ nhỏ và vừa cho nông nghiệp, sà lan, toa xe, thiết bị mỏ, động cơ điện, thiết bị thuỷ điện nhỏ, thiết bị sản xuất đường, giấy, chế biến đay, cao su, cà phê, dừa... Nâng cao chất lượng chế tạo để tăng xuất khẩu một số sản phẩm như xe đạp, quạt điện, dụng cụ, đồ nghề. Năm 1985 hoàn thành xây dựng Nhà máy đieden Sông Công, khởi công xây dựng Nhà máy phụ tùng ôtô, máy kéo 6.000 tấn/năm và khởi công mở rộng Nhà máy công cụ số I.

Phân lân: Năm 1984: sản xuất 40 vạn tấn, trong đó: supe lân 27 vạn tấn, phân lân nung chảy 10 vạn tấn, phân phốt phát 3 vạn tấn. Năm 1985: 45-50 vạn tấn. Để đạt sản lượng trên năm 1984 cần nhập 7 vạn tấn pyrít, 2 vạn tấn than cốc, đồng thời tổ chức nghiên cứu dùng lưu huỳnh thay pyrít. Tổ chức khai thác quặng pyrít Giáp Lai, hoàn chỉnh công tác chuẩn bị, tiến tới khai thác mỏ pyrít Nam Đông.

Vật liệu xây dựng: Năm 1984 sản xuất 1,6 triệu tấn xi măng; năm 1985 ít nhất 2 triệu tấn. Hoàn thiện đồng bộ Nhà máy xi măng Hoàng Thạch, hệ thống dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn. Cung cấp đủ than, dầu, thạch cao, bao giấy và cung cấp điện ổn định cho các Nhà máy xi măng

Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, Hải Phòng, Hà Tiên. Chú trọng đẩy mạnh sản xuất các loại vật liệu khác; nghiên cứu việc xây dựng nhà máy gạch chịu lửa, nhà máy kính...

Dầu khí: Năm 1984 phần dầu tạo được dòng dầu đầu tiên trên thềm lục địa phía Nam, để năm 1985 bắt đầu khai thác thử.

Địa chất: Đẩy mạnh tiến độ tìm kiếm, thăm dò các loại khoáng sản như pyrít, bôxít; kết hợp với thăm dò cần tổ chức khai thác vàng, mỏ thiếc nhỏ... kể cả bằng phương pháp thô sơ, v.v.. Tiến hành đánh giá tài nguyên chuẩn bị cho kế hoạch 1986-1990 và những năm sau.

5. Đầu tư xây dựng cơ bản

Ba năm qua, mức đầu tư giảm dần, quỹ tích lũy chưa đầy 10% không bảo đảm được tái sản xuất mở rộng, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật. Từ năm 1984, phải mạnh dạn và kiên quyết nâng cao dần tỷ trọng tích luỹ trong thu nhập quốc dân, tăng thêm vốn đầu tư, coi đây là một yêu cầu cấp bách. Vốn đầu tư cần tập trung cho các trọng điểm sau đây:

- Đồng bộ hóa các công trình đang xây dựng và những xí nghiệp hiện có, trước hết là các công trình, năng lượng, chế biến lương thực, nông sản, giao thông vận tải, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Bảo đảm tiến độ các công trình trọng điểm nhà nước.

- Bảo đảm các mục tiêu trong nông nghiệp, thủy lợi, trước hết là lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày và trồng mới cao su, cà phê, chè, dừa, đào lộn hột... xây dựng các công trình thủy lợi thích hợp. Huy động nguồn lao động và mọi

HỘI...

khả năng khác ở các địa phương để làm thủy lợi.

- Tăng thêm vốn đầu tư để sớm phát huy thế mạnh của Tây Nguyên và trung du miền núi phía Bắc.

- Xây dựng kho lương thực ở miền Nam và một số kho nông sản và hàng xuất khẩu.

- Dành vốn thích đáng xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống như nhà ở, đường giao thông, trường học, bệnh viện, nhà văn hóa, nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước... Đι đôi với xây dựng mới, cần chú trọng cải tạo, sửa chữa nhà ở, các công trình công cộng và một số di tích lịch sử hiện có, không để xuống cấp. Ưu tiên đầu tư cho Thủ đô Hà Nội để xây dựng và sửa chữa nhà ở, điện, nước.

- Lập luận chứng kinh tế – kỹ thuật một số công trình gối đầu kế hoạch 5 năm 1986 – 1990, như xí nghiệp liên hợp thiếc Quỳ Hợp, khu tuyển quặng mỏ apatít Lào Cai, các mỏ than Khe Tam, Làng Cẩm, v.v..

Dự kiến vốn đầu tư năm 1984 là 23 tỷ đồng (vốn trung ương 21 tỷ đồng, vốn địa phương 2 tỷ đồng), trong đó vốn xây lắp 14,5 tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện, tìm mọi cách bổ sung thêm vốn đầu tư để đáp ứng nhu cầu xây dựng. Các ngành, các địa phương cần huy động thêm nguồn vốn tự có của các xí nghiệp, nông, lâm trường và huy động thêm sự đóng góp công sức, tiền vốn của nhân dân, để xây dựng và sửa chữa các công trình phục vụ sản xuất và đời sống.

Triệt để chống lãng phí, mất mát vật liệu xây dựng; bảo đảm chất lượng công trình, giảm giá thành xây dựng.

6. Giao thông vận tải và bưu điện

Tiếp tục sắp xếp lực lượng vận tải, phát triển vận tải đường thủy, cảng cối đường sắt, mở rộng đường bộ; tăng cường quản lý nhằm khai thác tất cả khả năng hiện có; loại trừ các hiện tượng tiêu cực.

Tập trung đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật của ngành giao thông vận tải, nhằm từng bước khắc phục những khâu yếu hiện nay, đáp ứng kịp yêu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, theo hướng phát triển mạnh vận tải đường biển, đường sông, chú trọng xây dựng hệ thống cảng và nạo vét luồng lạch, tăng năng lực bốc dỡ, giải quyết các điểm ách tắc giao thông vận tải ở khu vực Thủ đô Hà Nội. Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường sắt, nhất là tuyến Bắc – Nam. Bảo dưỡng và nâng cấp quốc lộ số 1 và một số tuyến quốc lộ ở miền núi, Tây Nguyên, đường sang Lào; mở rộng các đường cửa ô Hà Nội, đẩy mạnh tiến độ xây dựng các cầu vượt sông Hồng (Thăng Long, Chương Dương). Sửa chữa, đóng mới và bổ sung phương tiện vận tải.

Triệt để khai thác đội tàu Viễn Dương hiện có, đồng thời tăng cường kinh doanh, mạnh dạn áp dụng các hình thức vay mượn quốc tế để bổ sung thêm tàu vận tải. Đẩy mạnh việc vớt tàu, sửa chữa tàu cho nước ngoài, mở mang các dịch vụ phục vụ quốc tế ở các sân bay, bến cảng, v.v. để tăng thu ngoại tệ, bảo đảm các chi phí của ngành và tích luỹ cho Nhà nước.

Về vận tải, tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu là tiếp nhận và vận chuyển đầy đủ, kịp thời hàng xuất nhập khẩu, vận chuyển Bắc – Nam, xi măng, than, phân, apatít,

HỘI...

vận chuyển cho các tỉnh biên giới, cho Lào và Campuchia...

Khối lượng hàng hóa vận tải trong nước năm 1984 tăng 11% về tấn và 9% về tấn/km so với năm 1983.

Về thông tin bưu điện: khai thác tốt năng lực mạng lưới bưu điện với chất lượng tốt, an toàn. Đẩy mạnh xây dựng công trình vi ba Hà Nội – Đà Nẵng, tuyến cáp Hà Nội – Quảng Ninh. Hoàn thành hệ thống thông tin trên tuyến 1A, mở rộng mạng nội hạt Hà Nội, Hải Phòng. Tăng cường chất lượng và an toàn thông tin. Giá trị nghiệp vụ bưu điện năm 1984 là 960 triệu đồng, tăng 25% so với năm 1983.

7. Xuất, nhập khẩu

a) *Xuất khẩu:* năm 1984 phải đạt ít nhất 620 triệu rúp và đôla, ổn định những mặt hàng xuất khẩu truyền thống như cao su, cà phê, chè, thuốc lá, đay... với chất lượng tốt và số lượng ngày càng nhiều hơn. Phát triển các mặt hàng có khả năng tăng nhanh: lạc, đậu tương, rau quả, ớt, vừng, hạt tiêu, tinh dầu... Bảo đảm yêu cầu xuất khẩu gạo để nhập phân bón, thuốc trừ sâu và pyrít, tìm thị trường và nâng chất lượng để tăng xuất khẩu than.

- Giải quyết tốt quan hệ giữa trung ương và địa phương, giữa Nhà nước và nông dân, huy động tối đa các nguồn hàng xuất khẩu; hết sức tiết kiệm tiêu dùng trong nước để dành hàng cho xuất khẩu. Dưới sự quản lý thống nhất của trung ương, cho phép các địa phương, ngoài chỉ tiêu nghĩa vụ giao nộp cho trung ương, được xuất khẩu lương thực và nông sản khác để chủ yếu nhập thêm vật tư cần thiết cho sản xuất nông, công nghiệp.

- Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, du lịch, kiều hối, cung

ứng tàu biển, hàng không, vận tải biển, bưu điện, trực vớt tàu đánh... để tăng thu ngoại tệ.

b) *Nhập khẩu:* năm 1984: 1.100 triệu rúp, đôla; năm 1985: 1.250 triệu (không tính giá trị công trình thiết bị toàn bộ).

Dành một số ngoại tệ để nhập nguyên liệu sản xuất một số hàng tiêu dùng nhằm tận dụng công suất các nhà máy hiện có, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và tăng thu ngân sách.

Kiện toàn bộ máy kinh doanh xuất – nhập khẩu từ trung ương đến địa phương, cải tiến phương thức hoạt động để đủ sức góp phần thúc đẩy sản xuất, chế biến và huy động hàng xuất khẩu và giao dịch với nước ngoài.

8. Khoa học và kỹ thuật

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất và xây dựng, nhằm giải quyết các khó khăn về nguyên vật liệu, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Triển khai các chương trình khoa học và kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước, đặc biệt là các chương trình có liên quan đến các mục tiêu kinh tế – xã hội trước mắt.

- Tăng cường công tác tiêu chuẩn hóa, đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, quản lý chặt chẽ việc thực hiện các quy trình kỹ thuật trong sản xuất.

- Tiến hành điều tra cơ bản, điều tra tổng hợp các vùng kinh tế quan trọng: Tây Nguyên, các tỉnh biên giới phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long, để làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch kinh tế – xã hội 5 năm 1986 – 1990.

- Các ngành khoa học (khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật) kết hợp chặt chẽ với nhau, khẩn trương nghiên cứu các vấn đề cơ bản, xây dựng dự báo và

HỘI...

chiến lược khoa học và kỹ thuật trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, phục vụ thiết thực và làm căn cứ cho chiến lược kinh tế – xã hội và kế hoạch nhà nước; đồng thời xây dựng từng bước nền khoa học kỹ thuật của nước ta.

- Tổ chức và có chính sách sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, bố trí đủ cán bộ cho các ngành kinh tế, kỹ thuật và các địa phương trọng điểm, bổ sung thêm lực lượng để triển khai mạnh công tác điều tra cơ bản, khảo sát, phân vùng quy hoạch, nhất là cho vùng Tây Nguyên và miền núi phía Bắc.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý khoa học – kỹ thuật; sắp xếp lại cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật theo hướng gắn liền với các cơ sở sản xuất (chú trọng các cơ sở quốc doanh) và bố trí mạnh lực lượng cán bộ khoa học – kỹ thuật về cơ sở ở các địa phương và các vùng mới đang triển khai xây dựng, đưa nhanh tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống xã hội. Phấn đấu làm cho kế hoạch tiến bộ khoa học kỹ thuật thực sự trở thành một bộ phận hữu cơ của kế hoạch kinh tế – xã hội, chú trọng trong đầu tư và bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết cho việc phát triển tiềm lực khoa học – kỹ thuật.

9. Dân số và lao động

a) Cân vận động sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng, chú trọng trước hết các thành phố và vùng đồng bằng đồng dân và có biện pháp tích cực để giảm tỷ lệ phát triển dân số năm 1985 còn 1,7%.

b) Hiện nay, chúng ta có gần 2 triệu lao động chưa có việc làm, trong đó gần một nửa ở lứa tuổi thanh niên. Hai năm tới, bằng mở rộng ngành, nghề, phân công tại chỗ, phân

bố lại giữa các vùng, phấn đấu đến mức cao nhất *bảo đảm việc làm cho lao động xã hội*, trước hết là cho thanh niên; lấy huyện làm địa bàn cơ bản để bố trí và sử dụng tốt lao động, đất đai, mở mang ngành nghề.

Trong nông thôn, tăng thêm lao động cho việc thâm canh, tăng vụ, mở thêm diện tích cây công nghiệp và chăn nuôi, chế biến nông sản và mở mang ngành nghề.

- Khẩn trương tổ chức tốt công tác định canh định cư, ổn định sản xuất và đời sống cho đồng bào vùng cao, bằng các biện pháp giao đất, giao rừng, sử dụng lao động và gia đình họ để đẩy mạnh sản xuất, nhất là nghề rừng và trồng cây công nghiệp để sớm chấm dứt nạn phá rừng.

- Giúp đỡ phương tiện, vật tư, tiền vốn cho phát triển nghề cá nuôi và đánh bắt tôm xuất khẩu.

- Ở các thành phố, thị xã, tổ chức lao động vào các ngành nghề tiêu, thủ công nghiệp và mạng lưới dịch vụ. Đồng thời bố trí lao động để khai thác đất đai ngoại thành và xây dựng các vùng kinh tế mới. Tận dụng lao động kỹ thuật gia công chế biến hàng xuất khẩu.

- Soát xét lại các định mức lao động, hợp lý hóa tổ chức, có chính sách khuyến khích thích đáng, bảo đảm các điều kiện cần thiết để tăng năng suất lao động trong mọi ngành kinh tế – xã hội.

c) Về phân bố lại lao động, năm 1984 tăng thêm lao động đi khai thác một phần quan trọng đất hoang hóa ở các tỉnh có trung du ở phía Bắc, các tỉnh ven biển miền Trung và Khu V. Dưa 12 vạn lao động (30 vạn nhân khẩu) đến các vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và miền núi phía Bắc.

HỘI...

Đồng thời, tích cực chuẩn bị điều kiện để tiếp tục thực hiện phân bố lại lao động và dân cư trong năm 1985, bảo đảm thực hiện mục tiêu của Đại hội V.

Đối với đồng bằng sông Cửu Long, bằng đẩy mạnh tăng vụ, thâm canh lúa, mở mang cây công nghiệp và ngành nghề, tiến hành phân bố lao động trong vùng cơ bản sử dụng hết đất hoang hóa và đưa ngày công lao động lên 200 công/năm. Đồng thời, khẩn trương xây dựng *chương trình khai thác 50 vạn ha đất hoang* làm cơ sở cho việc tiếp nhận lao động từ các địa phương khác.

Các tỉnh miền núi vừa làm tốt công tác định canh, định cư, vừa tiến hành phân vùng - quy hoạch để có thể tiếp nhận thêm lao động miền xuôi.

Điều đặc biệt là tổ chức, sử dụng tốt năng lực lao động của quân đội trên các địa bàn, để trồng và bảo vệ rừng, làm đường, thủy lợi và các hoạt động sản xuất, xây dựng khác.

d) Thực hiện chính sách *lao động nghĩa vụ*. Năm 1984 dự kiến Trung ương huy động khoảng 10 vạn thanh niên xâу dựng các tuyến đường giao thông, các công trình trọng điểm và vùng kinh tế mới. Ngoài ra, các tỉnh, thành phố huy động lao động nghĩa vụ để phục vụ yêu cầu sản xuất và xây dựng của địa phương.

Tính chung, nếu kể cả 30 vạn dân định canh, định cư cần được sắp xếp, thì năm 1984 sẽ phân bố lại lao động và dân cư khoảng 70 vạn người. Vấn đề cấp bách là phải có tổ chức mạnh, chính sách đầy đủ, nhất là *vốn đầu tư* thỏa đáng (bao gồm lương thực, vật liệu làm nhà, công cụ lao động, v.v.).

d) Trong khu vực nhà nước, phải sử dụng có hiệu quả số lao động hiện có, giảm mạnh biên chế hành chính và giàn tiếp sản xuất, bảo đảm tăng nhanh năng suất lao động.

10. *Phân phối lưu thông*

Bằng các biện pháp đồng bộ và có hiệu lực tạo bước chuyển biến cơ bản trên lĩnh vực phân phối, lưu thông.

a) Xác định dứt khoát quan điểm vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa *động viên cao độ* mọi nguồn hàng hóa vào tay Nhà nước, để bảo đảm tiêu dùng trong nước và tăng nhanh xuất khẩu một cách có kế hoạch. Nhà nước phải làm chủ thị trường, thống nhất quản lý các loại hàng hóa công nghiệp và nông sản quan trọng trong xã hội. Thực hiện *Nhà nước độc quyền kinh doanh lương thực* dự kiến giá trị thu mua hàng hóa năm 1984 là 70 tỷ đồng, tăng 23,8% so với năm 1983, trong đó hàng nông, lâm, thủy sản 32 tỷ đồng, tăng 28%; hàng công nghiệp 38 tỷ đồng, tăng 20%. Thương nghiệp quốc doanh phải làm chủ thị trường, nắm bán buôn và đại bộ phận bán lẻ. Tiết kiệm tiêu dùng để dành hàng cho xuất khẩu phải được thể hiện trong kế hoạch phân phối, lưu thông.

b) Để nắm hàng hóa và làm chủ thị trường, cần *phân công, phân cấp hợp lý* từ trung ương đến tỉnh, thành phố, huyện, quận, xã, phường, thực hiện mỗi cấp quản lý đều có trách nhiệm nắm hàng và làm chủ thị trường. Phải có cơ chế, chính sách thích hợp vừa bảo đảm cho Nhà nước nắm được hàng hóa, vừa kích thích tinh thần hăng hái lao động của người sản xuất, bảo đảm được các nhu cầu thiết yếu của xã hội.

Phải chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức, tư tưởng và phương thức hoạt động của hệ thống thương nghiệp quốc

doanh và hợp tác xã mua bán.

Cải tạo và sử dụng tay nghề tiểu thương; xoá bỏ tư sản thương nghiệp, nghiêm cấm tư nhân kinh doanh những mặt hàng Nhà nước thống nhất quản lý. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, không để hàng hóa từ thương nghiệp quốc doanh lọt ra thị trường tự do. Kiên quyết trừngh trị những hoạt động đầu cơ buôn lậu, phá rối thị trường và giá cả.

Các cơ sở công nghiệp quốc doanh phải thực hiện đúng đắn nhiệm vụ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước; đổi với sản phẩm mà xí nghiệp tự giải quyết thêm vật tư, nguyên liệu, thì thương nghiệp trả giá thích hợp bảo đảm cho xí nghiệp sản xuất có mức lãi hợp lý.

Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, Nhà nước nắm sản phẩm thông qua hình thức gia công hoặc bán nguyên liệu, thu mua thành phẩm, hoặc đặt hàng thu mua với giá cả hợp lý. Việc gia công sản xuất, của các ngành, kể cả của quân đội, cho tiểu, thủ công nghiệp phải đưa vào kế hoạch của địa phương (tỉnh, thành phố, quận, huyện) để quản lý chặt chẽ giá cả, định mức vật tư, chất lượng hàng hóa và bảo đảm cho Nhà nước nắm đủ sản phẩm.

Đối với hàng nông sản, lâm sản và thủy sản, bằng lực lượng của trung ương và địa phương, cân đối đủ tư liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng và tiền để đối lưu, thu mua, bảo đảm cho Nhà nước nắm được sản phẩm, cắt đứt quan hệ giữa nông dân và tư thương.

c) Tài chính và tiền tệ

Tăng nhanh mọi nguồn thu, để bảo đảm các yêu cầu chi cần thiết cho nền kinh tế; phấn đấu giảm mức bội chi ngân

sách và tiền mặt trên cơ sở tăng sản xuất, tăng thu nhập quốc dân, tiết kiệm tiêu dùng.

Để tăng thu cho ngân sách, chủ yếu phải đẩy mạnh sản xuất, triệt để tiết kiệm, làm ăn có hiệu quả, chống tham ô, lãng phí, khắc phục tình trạng bù lỗ để tăng nhanh nguồn *thu tích luỹ từ khu vực quốc doanh*, đồng thời tận thu các nguồn từ *khu vực tập thể và cá thể*, tiếp tục thực hiện Pháp lệnh *thuế nông nghiệp* và *thuế công thương nghiệp* gắn chặt với quản lý thị trường, giá cả. Phát hành công trái.

- Bảo đảm sự thống nhất giữa kế hoạch và ngân sách, điều hành ngân sách theo nhiệm vụ kế hoạch.

- Tiến hành phân phối hợp lý về ngân sách giữa trung ương và địa phương theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu của trung ương, vừa tạo quyền làm chủ về ngân sách cho tỉnh (thành phố), huyện (quận) để chủ động trong việc phát triển kinh tế địa phương.

- Đẩy mạnh các hoạt động tín dụng, tiết kiệm, thanh toán qua ngân hàng; mở rộng thương nghiệp bán lẻ, và hoạt động dịch vụ để thu tiền mặt; thu hút tiền mặt của các cơ sở vào ngân hàng, chấm dứt "tọa chi" quá mức quy định.

- Chuẩn bị đủ tiền mặt để phục vụ sản xuất, xây dựng và thu mua. Chấm dứt tình trạng nợ lương công nhân viên chức và lực lượng vũ trang, thanh toán các khoản nợ nông dân về thu mua nông, lâm, thủy sản.

d) Giá cả

Trên cơ sở nắm hàng, nắm tiền, cải tạo, quản lý và làm chủ thị trường mà *làm chủ giá cả*, ổn định giá cả, không để xảy ra biến động. Tăng cường quản lý giá, ký luật giá, trước

hết là trong các cơ quan nhà nước. Có sự điều chỉnh cần thiết các loại giá, nhất là giá thu mua, chỉ đạo giá linh hoạt sát hợp với từng vùng, từng thời vụ. Tiến tới hoàn thiện dần hệ thống giá, làm cho giá cả phản ánh xung quanh giá trị.

e) Tiền lương

Ngay từ đầu năm 1984, phải cải tiến một bước chế độ tiền lương, nhằm kích thích tăng năng suất lao động và góp phần bảo đảm đời sống.

Đối với công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, bảo đảm cung cấp ổn định, đầy đủ và kịp thời 9 mặt hàng định lượng; ngoài ra, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán phải mở rộng hoạt động dịch vụ và cung cấp hàng hóa theo giá bán lẻ ổn định, đáp ứng khoảng 50-60% nhu cầu chi bằng quỹ lương và có tính chất lương, để bảo đảm ổn định đời sống và thu tiền về.

Nghiên cứu, thực hiện việc phát phiếu mua hàng công nghiệp và lương thực, thực phẩm bổ sung ngoài định lượng cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

11. Kết hợp kinh tế với quốc phòng

Nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về kết hợp kinh tế với quốc phòng và nhiệm vụ quân đội tham gia xây dựng kinh tế theo các nội dung sau đây:

- Bảo đảm các yêu cầu cần thiết và thường xuyên cho phòng thủ đất nước, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội.

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân, kế hoạch năm đầu chiến tranh. Tăng dần mức dự trữ nhà nước. Kết hợp kế hoạch xây dựng kinh tế với yêu cầu bức thiết về củng cố quốc phòng, nhất là trong giao

thông vận tải, bưu điện, công nghiệp...

- Triển khai việc sử dụng lực lượng quân đội tham gia xây dựng kinh tế. Đặc biệt là bộ đội ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ phải tham gia xây dựng các vùng cây công nghiệp, trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây lấy củi, xây dựng thủy điện, thủy lợi, đường sá, các công trình công cộng. Có kế hoạch huy động năng lực của công nghiệp quốc phòng để sản xuất thiết bị, phụ tùng cho công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, sản xuất vật liệu xây dựng. Gắn kế hoạch sản xuất, xây dựng của quân đội với kế hoạch kinh tế quốc dân; có chỉ tiêu kế hoạch, tính toán hiệu quả sản xuất và chính sách khuyến khích thỏa đáng quân đội tham gia xây dựng kinh tế.

- Theo quy hoạch của địa phương, đất đai chung quanh các doanh trại, trường, kho, trường bắn phải được sử dụng hết để trồng các loại cây thích hợp, ít nhất cũng trồng cây lấy củi, cây ăn trái, lèn được màu xanh.

12. Giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế - xã hội

a) Về giáo dục và đào tạo

Tiếp tục tiến hành cải cách giáo dục, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, chú trọng giáo dục chính trị và tư tưởng.

- Củng cố các trường mẫu giáo hiện có, mở rộng các trường lớp ở các khu công nghiệp, các thành phố lớn, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế mới, bảo đảm tiếp nhận khoảng 33% số cháu trong độ tuổi và đưa số cháu thu nhận vào các lớp mẫu giáo năm 1984 khoảng 1,54 triệu cháu, tăng 2% so với năm 1983.

HỘI...

- Nâng cao chất lượng dạy và học trong giáo dục phổ thông, bảo đảm đủ sách giáo khoa cho học sinh. Tăng cường công tác bồi túc văn hóa, thực hiện phổ cập cấp II cho cán bộ đương chức, tiếp tục xóa nạn mù chữ, tiến tới phổ cập cấp I cho nhân dân. Số học sinh có mặt đầu năm học 1984-1985 trên 12 triệu em.

- Sắp xếp lại mạng lưới các trường trung học, đại học và công nhân kỹ thuật, ổn định quy mô tuyển sinh hợp lý, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, phân phối, sử dụng với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội từng vùng, chú trọng đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế cho các vùng chuyên canh cây công nghiệp cao su, cà phê, chè,... cán bộ điều tra khảo sát, thiết kế, thăm dò khai thác khoáng sản, cơ khí, hóa chất, vật liệu xây dựng và giáo viên cấp I phục vụ cải cách giáo dục. Số học sinh tuyển mới năm 1984 là 19 vạn người, tăng 23% so với năm 1983, trong đó công nhân kỹ thuật 10,3 vạn người, tăng 25%; trung học chuyên nghiệp 5,1 vạn người, tăng 20%; đại học và cao đẳng 3,5 vạn người, tăng 22%. Chủ yếu là tăng hình thức đào tạo chuyên tu tại chúc. Đặc biệt có chính sách, chế độ thích hợp để đào tạo cán bộ là con em các dân tộc ở miền núi và Tây Nguyên (chẳng hạn hết cấp III được nhận thẳng vào đại học và có cách bồi dưỡng riêng) nói chung có thể yếu hơn là không có.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cần ban hành một số chính sách đối với giáo viên và học sinh. Khuyến khích nhà trường kết hợp giảng dạy, học tập với thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất. Nghiên cứu cải tiến chế độ học bồi dưỡng cho học sinh để khuyến khích học tập và quy

định mức đóng góp của nhân dân trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục.

b) *Về văn hóa, thông tin*

Công tác tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật phải phát huy tính chiến đấu, giữ thế chủ động trong dư luận xã hội, nâng cao chất lượng, hướng vào phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng con người mới, xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh, tiết kiệm; đấu tranh triệt để và liên tục để loại trừ văn hóa nô dịch, phản động, đồi trụy, bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.

- Chú trọng trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đặc biệt là địa bàn huyện, nhất là các huyện biên giới (sách báo, nghe dài, chiếu phim, văn nghệ quần chúng,...), xây dựng nếp sống mới nhất là ở các tỉnh biên giới, miền núi và nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1984 sẽ tăng thêm 10 nhà văn hóa, 40 đơn vị chiếu bóng cho các tỉnh miền núi phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long, nâng cao chất lượng công tác văn hóa, nghệ thuật, phát thanh và truyền hình.

- Động viên mọi nguồn lao động, tiền vốn để bảo vệ, tôn tạo các nhà bảo tàng, các di tích lịch sử và di tích cách mạng. Củng cố thư viện và các tủ sách.

c) *Về y tế - xã hội - thể dục thể thao*

- Vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường, ngăn ngừa các dịch bệnh phát triển. Chấn chỉnh nề nếp quản lý các cơ sở chữa bệnh. Nâng cao chất lượng sử dụng các giường bệnh, chú trọng tăng thêm cơ sở y tế cho các vùng kinh tế mới và miền núi. Phát triển mạnh dược liệu để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Khắc phục nhanh các tiêu cực

HỘI...

trong chữa bệnh và phân phối thuốc. Nghiêm trị những phần tử sản xuất thuốc giả và buôn bán thuốc trái phép. Số giường bệnh năm 1984 có 20,6 vạn giường, tăng 3% so với năm 1983. Mức sản xuất và phân phối thuốc tăng 10%, bảo đảm các loại thuốc thông thường cho nhân dân.

- Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng. Số thương binh nặng được nuôi dưỡng khoảng 1 vạn người tăng 5% so với năm 1983; số người được chăm sóc ở các cơ sở xã hội 2,2 vạn người tăng 24%.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng các nhà trẻ hiện có, tăng thêm nhà trẻ cho các khu kinh tế tập trung, các thành phố lớn, các vùng kinh tế mới. Số cháu được tiếp nhận gần 1,2 triệu cháu, tăng 2% so với năm 1983.

- Phát động phong trào thể dục – thể thao, mở rộng cuộc vận động rèn luyện thân thể trong nhân dân, đặc biệt là các thành phố lớn và khu công nghiệp tập trung, thành một phong trào quần chúng; chú trọng xây dựng những bộ môn thể thao thích hợp với điều kiện nước ta. Chú trọng việc xây dựng công trình thể dục, thể thao gắn với cụm văn hóa ở cơ sở và trên địa bàn huyện.

13. Phương hướng, nhiệm vụ kinh tế – xã hội trước mắt và trong một số năm tới của các vùng

a) Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 01 và 08 của Bộ Chính trị, chuyển mạnh tình hình các mặt của Thủ đô và Thành phố Hồ Chí Minh phát huy tác dụng to lớn hơn của hai thành phố đối với cả nước và các tỉnh trong khu vực.

- Khẩn trương sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, kể cả công nghiệp trung ương trên lãnh thổ. Sử dụng tối đa năng lực sản xuất hiện có, mở rộng liên kết kinh tế giữa các xí nghiệp trung ương với kinh tế địa phương, giữa thành phố với các tỉnh trong vùng. Nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế. Năm 1984, giá trị sản lượng công nghiệp của Hà Nội đạt 830 triệu đồng, Thành phố Hồ Chí Minh 3,3 tỷ đồng, chiếm gần 50% giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương trong toàn quốc.

- Giải quyết việc làm cho lao động bằng cách phát triển ngành, nghề tại chỗ, nhất là để làm hàng xuất khẩu, đưa mạnh lao động đi mở các vùng cây công nghiệp ở ngoại thành và các địa bàn khác, thu hút thêm lao động vào các hoạt động kinh tế, dịch vụ...

- Nâng mức thâm canh nông nghiệp ngoại thành, xây dựng nhanh vành đai thực phẩm, bảo đảm tối đa nhu cầu của thành phố.

- Tích cực xây dựng Thủ đô, quản lý, bảo dưỡng các cơ sở vật chất – kỹ thuật và công trình văn hóa công cộng hiện có.

- Bảo đảm đời sống cho cán bộ, công nhân và nhân dân lao động, trước hết là về ăn và nước sinh hoạt, chữa bệnh; cải thiện dần điều kiện nhà ở và điện chiếu sáng. Về nhà ở, năm 1984 Hà Nội xây dựng 10 vạn mét vuông, Thành phố Hồ Chí Minh sửa chữa, cải tạo 80 vạn mét vuông.

- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường cải tạo và quản lý thị trường ở cả hai thành phố.

- Bảo đảm trật tự, trị an, phát triển mạnh văn hóa, văn nghệ quần chúng, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh,

HỘI...

vui tươi...

b) *Trung du, miền núi phía Bắc*

Đây là vùng có vị trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng đặc biệt quan trọng, có nhiều khu công nghiệp lớn, có tiềm năng khoáng sản, lâm sản và nguồn xuất khẩu lớn về cây công nghiệp, có điều kiện phát triển nhanh chăn nuôi đại gia súc.

- Đẩy mạnh thâm canh trên diện tích ổn định, xây dựng các cánh đồng cao sản để tăng sản lượng lương thực cả lúa và màu, năm 1984 đạt 2,4 triệu tấn, vươn lên mức tối đa về giải quyết lương thực nhưng tuyệt đối không phá rừng làm lương thực.

- Phát triển trồng thuốc lá, đậu tương, mía, chè, quế, sơn, trầu, hồi, dược liệu... Mở rộng trồng bông, lanh để giải quyết một phần vải mặc. Phát triển nhanh trâu, bò, nhầm cung cấp sức kéo cho đồng bằng và thực phẩm cho khu công nghiệp; coi đó là một ngành kinh tế quan trọng.

- Kết hợp với lực lượng quân đội, tổ chức bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản; chú trọng các vùng nguyên liệu giấy Bãi Bằng và gỗ trụ mỏ, rừng đặc sản, phát triển các phương thức nông – lâm kết hợp, mở mang kinh tế đồi rừng.

- Đầu tư và tăng cường chỉ đạo để sớm hoàn thành công tác định canh định cư, gắn liền với kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng các vùng kinh tế mới.

- Nâng cấp và mở thêm các tuyến đường giao thông, nhất là ở các vùng biên giới, từ huyện tới xã và các địa bàn có vị trí quan trọng; gắn thủy lợi với khai thác thủy năng để phát điện phục vụ xay xát, chế biến.

- Về đời sống, quan tâm trước hết đến các xã, huyện biên

giới, đặc biệt là về vải mặc, chăn màn, muối ăn, dầu hoả, thuốc chữa bệnh và một số đồ dùng thiết yếu. Hết sức mở rộng quy mô giáo dục, tăng cường sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho nhân dân. Có chính sách phân bổ cán bộ ở miền xuôi lên tham gia xây dựng kinh tế, văn hóa ở miền núi.

- Mở rộng liên kết kinh tế với Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ để phát huy thế mạnh về cây công nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, khắc phục những mặt yếu trong kinh tế địa phương.

- Tăng cường phòng thủ, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội, có biện pháp đấu tranh với địch không chỉ về chính trị, quân sự, mà cả về kinh tế.

c) *Các tỉnh Tây Nguyên*

- Tập trung lực lượng xây dựng các tỉnh Tây Nguyên thành một địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế và quốc phòng, một trong những vùng có nguồn nông, lâm sản xuất khẩu chủ lực của cả nước như gỗ, cà phê, cao su...

- Ra sức bảo vệ, xây dựng vốn rừng, bảo vệ sinh thái và môi trường, tiến hành khai thác gỗ hợp lý.

- Bằng thâm canh, tăng vụ, đẩy mạnh sản xuất lương thực, đặc biệt là phát triển mạnh ngô. Phát triển mạnh chăn nuôi, đại gia súc. Chăm sóc tốt diện tích hiện có và mở nhanh diện tích trồng cao su, cà phê, chè và các cây công nghiệp ngắn ngày đi đôi với công nghiệp chế biến.

- Nhanh chóng thực hiện định canh, định cư cho đồng bào các dân tộc ít người, coi đó là một trọng điểm ưu tiên. Đồng thời tích cực chuẩn bị điều kiện để đón nhận nhiều lao động các tỉnh khác đến phát triển, trồng cây công nghiệp, mở

mang nghề rừng.

- Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật như giao thông, thuỷ lợi, thủy điện và các kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống xã hội. Có chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ và thu hút thêm nhiều cán bộ khoa học – kỹ thuật và công nhân lành nghề tham gia xây dựng kinh tế – xã hội ở Tây Nguyên.

- Chăm lo, cải thiện đời sống vật chất đi đôi với phát triển văn hóa, giáo dục, y tế để sớm đưa cuộc sống của đồng bào các dân tộc ít người Tây Nguyên ra khỏi tình trạng thiếu thốn và lạc hậu.

d) Đồng bằng Nam Bộ

- Đẩy mạnh thám canh, mở nhanh các vùng lúa cao sản, đồng thời tích cực tăng vụ và có kế hoạch sử dụng hết đất bỏ hoang chủ yếu bằng cây công nghiệp như dừa, đay, mía, dứa... Phát triển thủy lợi vừa và nhỏ, tận dụng năng lực "xăng" hiện có, phát triển phân chuồng đi đôi với tăng nguồn phân hóa học. Dưới sự hướng dẫn của trung ương cho phép địa phương chủ động trong kinh doanh xuất – nhập khẩu để có điều kiện đưa nhanh năng suất và sản lượng lúa lên một bước lớn hơn nữa (mức kế hoạch năm 1984 đạt 7,3 triệu tấn, Nhà nước huy động 2,03 triệu tấn).

- Từ năm 1984, phải có chuyển biến thật mạnh về mở rộng diện tích cây công nghiệp. Phát triển nhanh đỗ tương, đay, dừa, mía, rau và quả đi đôi với xây dựng đồng bộ công nghiệp chế biến, nhằm tạo nguồn xuất khẩu lớn và đáp ứng nhu cầu xã hội (mức kế hoạch năm 1984: 1,9 vạn tấn lạc, 4,1 vạn tấn đỗ tương, 7.900 tấn thuốc lá, 4,57 vạn tấn đay bẹ).

- Đẩy mạnh chăn nuôi lợn, vịt đòn, đánh bắt hải sản, tổ chức nuôi tôm, cá nước ngọt, nước lợ là một thế mạnh của đồng bằng Nam Bộ (mức kế hoạch năm 1984: khai thác 21 vạn tấn hải sản, thu mua 9,7 vạn tấn). Bảo vệ và trồng rừng phòng hộ, trồng cây lấy gỗ và trồng cây lấy củi.

- Liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh để chế biến nông sản và hải sản, tăng nhanh hàng xuất khẩu; hợp tác giữa các tỉnh trong vùng để khai thác vật liệu xây dựng, hợp tác với Tây Nguyên, các tỉnh miền Nam để khai thác lâm sản và trồng rừng.

- Coi trọng việc mở mang giao thông, giải quyết nhà ở, các hoạt động văn hóa – xã hội, vệ sinh phòng bệnh, xây dựng nông thôn mới, mở mang trường học, chống nạn mù chữ và thất học.

- Hoàn thành nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp trong năm 1985; khẩn trương thực hiện Nghị quyết về cải tạo công thương nghiệp tư doanh, nhất là ở các thành phố, thị xã.

d) Đồng bằng Bắc Bộ

- Tập trung thám canh, mở rộng vùng lúa cao sản. Hoàn chỉnh và quản lý tốt các công trình thủy lợi; có chương trình thu hẹp diện tích ngập úng (mức kế hoạch 1984: 3,75 triệu tấn quy thóc, Nhà nước huy động 89,5 vạn tấn).

- Phát triển mạnh đỗ tương, thuốc lá, lạc, dâu tằm, cói, đay, rau quả xuất khẩu,... đặc biệt chú ý phát triển cây vải thiều (mức năm 1984: 1,5 vạn tấn lạc, 1,7 vạn tấn đậu tương, 3,5 vạn tấn đay, 4,5 vạn tấn cói).

- Coi trọng chăn nuôi lợn, gà, vịt, cá nước ngọt, trâu bò.

HỘI...

- Hợp tác, liên kết kinh tế với Hà Nội để tận dụng khả năng công nghiệp của Thủ đô với các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc để khai thác lâm sản, với các tỉnh Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long để phân bố lao động, xây dựng vùng kinh tế mới.

- Có kế hoạch bố trí lại lao động, chủ yếu đưa lao động và dân cư đi xây dựng kinh tế ở trung du và miền núi phía Bắc.

e) *Các tỉnh Khu IV cũ*

Đẩy mạnh sản xuất lương thực và phát huy thế mạnh về cây công nghiệp, về rừng, biển và chăn nuôi gia súc lớn, đồng thời chú ý bố trí cơ cấu cây trồng mùa vụ thích hợp với từng địa bàn để hạn chế tác hại của thiên tai.

- Thâm canh cả lúa và màu để tự giải quyết nhu cầu lương thực (năm 1984 đạt 2,12 triệu tấn quy thóc, Nhà nước huy động 43,5 vạn tấn).

- Phát triển mạnh lạc, mía, thuốc lá, chè, cam, chanh, ôt, cói, quế, hồ tiêu, bông, lanh, tơ tằm để đáp ứng nhu cầu trong nước và tăng nhanh hàng xuất khẩu (năm 1984: 6,45 vạn tấn lạc vỏ, 3,13 vạn tấn cói, 2.800 tấn thuốc lá).

- Tiếp tục phân bố hợp lý lao động và dân cư trong tỉnh để khai thác nhanh cơ bản sử dụng hết đất đai miền Tây, đồng thời có kế hoạch đưa một bộ phận lao động lên Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

- Tổ chức lại lực lượng đánh bắt và nuôi trồng hải sản (năm 1984: đánh bắt 5,3 vạn tấn, Nhà nước huy động 2,1 vạn tấn). Đẩy mạnh sản xuất muối. Đẩy mạnh trồng rừng, bảo vệ rừng và khai thác gỗ, luồng, mây song, đặc biệt chú ý trồng cây lấy củi phía đồng bằng, ven biển.

- Phát huy năng lực sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp ở các thành phố. Đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm, sứ, thủy tinh. Phát triển thủy điện nhỏ và vừa kết hợp với thủy lợi.

- Phát huy năng lực cảng Cửa Lò và phát triển mạnh vận tải ven biển. Củng cố, phát triển đường giao thông sang Lào (đường 7, đường 9).

- Giúp đỡ phương tiện, vật tư, tiền vốn cho đồng bào bị bão lụt nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống.

g) *Các tỉnh duyên hải Khu V cũ*

- Đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm trên cơ sở thâm canh, phát triển màu, bảo đảm đủ ăn, có dự trữ và tăng mức đóng góp cho Nhà nước, trước hết góp phần cho Tây Nguyên (năm 1984: 1,72 triệu tấn quy thóc, Nhà nước huy động 34,5 vạn tấn). Tận dụng đất đai phát triển lạc, thầu dầu, mía, thuốc lá, dâu tằm, bông, cói và rau quả, mở rộng diện tích dừa, đào lộn hột, cọ dầu, quế, hồ tiêu,... (năm 1984: 2,35 vạn tấn lạc, 9.700 tấn thuốc lá, trồng 1 vạn ha đào lộn hột ở Thuận Hải).

- Trồng và bảo vệ rừng nhằm phủ xanh đất trống, đồi trọc, trồng rừng phòng hộ ven biển. Giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và nhân dân, chấm dứt nạn phá rừng.

- Tổ chức lại nghề đánh bắt, nuôi trồng và thu mua, chế biến thủy sản. Phát huy thế mạnh về đánh bắt cá biển, tăng nhanh sản xuất muối (mức năm 1984: khai thác 16,2 vạn tấn hải sản, Nhà nước huy động 5,7 vạn tấn).

- Từng bước tăng thêm nguồn điện, nhất là thủy điện vừa và nhỏ, kết hợp với thủy lợi, hợp tác với công nghiệp trung

HỘI...

ương trên lãnh thổ để sử dụng hết công suất, nhất là công nghiệp cơ khí và chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Bổ sung máy móc, thiết bị cho cơ khí địa phương Quảng Nam – Đà Nẵng đủ sức làm trung tâm công nghiệp cho cả vùng duyên hải miền Trung và đáp ứng một phần yêu cầu của các tỉnh Tây Nguyên. Phát triển vận tải ven biển.

- Phân bố lại lao động và dân cư trong tỉnh để khai thác thế mạnh ở vùng đồi núi, đầm phá và biển; đưa lao động lên Tây Nguyên xây dựng vùng kinh tế mới.

h) Miền Đông Nam Bộ

- Song song với việc giải quyết lương thực lúa và màu ngô, sắn, khoai..., yêu cầu lớn nhất là phát triển mạnh cao su, cà phê, thuốc lá, đỗ tương, mía, lạc... để cung cấp ổn định nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu (năm 1984 riêng của kinh tế địa phương đạt 1.100 tấn cà phê, 1.200 tấn mủ cao su khô, 6 vạn tấn lạc, 3,1 vạn tấn đỗ tương, 7.100 tấn thuốc lá).

- Chăn nuôi trâu, bò, lợn, trồng rau và cây ăn quả, đánh bắt thủy sản để cung cấp cho khu công nghiệp Biên Hòa, Vũng Tàu và một phần cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bảo vệ, tu bổ, chăm sóc rừng, trồng rừng nguyên liệu cho Nhà máy giấy Tân Mai. Phát triển mạnh việc trồng cây lấy củi.

- Sắp xếp và bố trí lại mạng lưới công nghiệp, hợp tác chặt chẽ với Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp phục vụ nhu cầu tiêu dùng của các tỉnh và xuất khẩu.

*

* *

NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

Việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội nêu trên đòi hỏi phải tiếp tục thực hiện và cụ thể hoá thêm các chủ trương, chính sách lớn đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, thứ tư của Trung ương. Dưới đây, xin trình bày và nhấn mạnh một số biện pháp chủ yếu.

1. Sử dụng tốt hơn lao động, đất đai, máy móc, thiết bị vật tư và tiền vốn, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất xã hội

Sử dụng tốt lao động và đất đai là một vấn đề chiến lược cực kỳ quan trọng. Phải nhanh chóng bảo đảm cho mọi người có sức lao động đều có việc làm, và làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao; tiến tới sử dụng hết đất đai, từ lao động và đất đai mà tạo nguồn "tích luỹ ban đầu" cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Điều quyết định nhất là bảo đảm mỗi cấp, đặc biệt là cấp huyện, thật sự làm chủ lao động và đất đai.

Trong hai năm 1984-1985, phải thực sự có chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực này. Dựa trên quy hoạch và kế hoạch sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển cây công nghiệp, mở mang tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp mà vừa sử dụng lao động tại chỗ, vừa đưa lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Phải xúc tiến gấp công tác quy hoạch, xác định địa bàn, lập các phương án kinh tế – kỹ

HỘI...

thuật, phương án đầu tư và nghiên cứu các chính sách nhằm bảo đảm phân bố lao động trên quy mô lớn trong thời kỳ 1986-1990.

Để nâng cao hệ số sử dụng công suất máy móc, thiết bị, phương tiện, xe cộ,... trong công nghiệp, xây dựng, vận tải, cần chú trọng đầu tư chi tiêu sâu, đồng bộ hoá các xí nghiệp hiện có, tìm mọi cách bổ sung thiết bị, phụ tùng, trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất. Điều quyết định nhất là tìm mọi cách giải quyết tốt vấn đề nguyên liệu, nhiên liệu. Đổi với nguyên liệu trong nước, bằng các chính sách thoả đáng đổi với cơ sở và địa phương, khuyến khích sản xuất và huy động tối đa. Đổi với nguyên liệu nhập khẩu, cần động viên cao độ nguồn hàng xuất khẩu; mở rộng các hình thức hợp tác, gia công; đồng thời trên cơ sở có tính toán kỹ hiệu quả, mạnh dạn vay tín dụng quốc tế để nhập thêm vật tư, nguyên liệu.

Thực hiện nghiêm ngặt chế độ quyết toán vật tư. Xác định rõ và ra sức thực hiện các tiêu chuẩn, định mức về tiêu hao vật chất và lao động, các chỉ tiêu về năng suất lao động, giá thành, chi phí lưu thông, chất lượng sản phẩm, hiệu quả đồng vốn của đầu tư và của sản xuất, vận tải, kinh doanh.

2. Khẩn trương sắp xếp lại sản xuất, xây dựng

Đây là một biện pháp cấp bách, cần đẩy mạnh ngay từ đầu năm 1984. Sắp xếp lại sản xuất và xây dựng phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng, bảo đảm cân đối với các điều kiện sản xuất, nhất là năng lượng, nguyên liệu, vật liệu, dồn sức cho các sản phẩm thiết yếu, các công trình xây dựng trọng điểm. Khẩn trương tiến hành việc sắp xếp lại đổi với một số sản

phẩm đang có nhiều vướng mắc trong sản xuất, trước hết là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong việc sắp xếp sản xuất, cần tiến hành phân công, phân cấp các cơ sở sản xuất một cách hợp lý, nhất là giữa trung ương với địa phương; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn số một, gắn quyền hạn với nghĩa vụ, gắn công nghiệp chế biến với cơ sở nguyên liệu trên từng địa bàn. Tinh thần chung là trung ương trực tiếp quản lý công nghiệp nặng và những cơ sở quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, có nguồn thu ngân sách lớn có ý nghĩa đổi với cả nước; các cơ sở còn lại giao cho địa phương quản lý. Địa phương có nghĩa vụ giao sản phẩm cho trung ương. Mở ra các hình thức hợp tác, liên kết kinh tế giữa các xí nghiệp, các thành phần kinh tế, các địa phương, cũng như giữa trung ương với địa phương về các mặt sản xuất, cung ứng nguyên liệu, xuất – nhập khẩu.

Xây dựng và củng cố các liên hiệp xí nghiệp, các công ty, bảo đảm cho các tổ chức này thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ ngành kinh tế – kỹ thuật, thực sự thúc đẩy sản xuất. Thành lập các liên hiệp xí nghiệp phụ trách toàn diện từng cây công nghiệp (như dừa, đay, mía, chè, thuốc lá, v.v.) từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ và giao hàng xuất khẩu, kết hợp sản xuất với khoa học – kỹ thuật.

3. Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, mở rộng trận địa của xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa phải được xúc tiến khẩn trương, bảo đảm năm 1985 hoàn thành cải tạo trong nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ. Thực hiện tốt Nghị quyết

HỘI...

của Bộ Chính trị về cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới với công thương nghiệp tư doanh; tập trung sức mạnh cải tạo và xây dựng thương nghiệp nhà nước. Xoá bỏ ngay tư sản thương nghiệp; chuyển một bộ phận tiêu thương sang sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các tổ chức dịch vụ và sản xuất nông nghiệp. Gắn cải tạo thương nghiệp tư doanh với cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đặc biệt là gắn cải tạo với xây dựng, với việc tổ chức lại sản xuất và phân phối lưu thông, với việc củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Thủ trưởng các bộ, các tổng cục có liên quan và uỷ ban nhân dân các cấp phải thực sự chỉ đạo công tác cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới trong ngành và địa phương; phối hợp chặt chẽ giữa các ngành với nhau, giữa ngành và địa phương. Luôn luôn nắm vững mục đích của cải tạo là đẩy mạnh sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động.

Bằng việc tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật, nhất là bằng đổi mới quản lý và kế hoạch hóa, xoá bỏ ngay những chế độ quản lý gò bó, hạn chế việc phát huy các tiềm năng to lớn sẵn có của kinh tế quốc doanh, đồng thời tăng cường quản lý thống nhất, kiểm tra chặt chẽ, bảo đảm cho thành phần này giữ vững và nêu cao vai trò gương mẫu, chủ đạo, phát triển mạnh mẽ sản xuất và đóng góp ngày càng nhiều cho Nhà nước.

4. *Vận dụng chủ trương "cân đối kinh tế theo bốn nguồn khả năng", tạo ra sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế – xã hội*

Cân đối kinh tế theo "bốn nguồn khả năng"¹⁾ là một cách "làm ăn" mới xuất phát từ đặc điểm nền kinh tế nước ta trong chặng đường hiện nay, nhằm xóa bỏ lối quản lý hành chính bao cấp, ý lại vào bên trên và bên ngoài; động viên các cấp khai thác các tiềm năng bên trong của nền kinh tế về lao động, đất đai, ngành, nghề, theo thế mạnh của từng địa phương và cơ sở; thể hiện rõ tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và quyền làm chủ của các cấp quản lý. Chủ trương này đã được thực tiễn sinh động ba năm qua khẳng định là đúng. Vấn đề đặt ra là xúc tiến nghiên cứu quy chế cụ thể, hình thành cơ chế quản lý thích hợp để tiếp tục phát huy các khả năng ấy.

Cần nhận rõ rằng hiện nay, phần vật tư, tiền vốn Nhà nước cung ứng đang rất có hạn, do đó cấp trên phải bảo đảm đủ số lượng và chất lượng như đã công bố; cấp dưới phải sử dụng các nguồn vật chất này đúng mục đích, tập trung vào các mục tiêu chủ yếu nhất, không được tuỳ tiện thay đổi hướng sử dụng, ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao. Thực hiện việc quyết toán rõ ràng giữa trung ương và địa phương, giữa nhiệm vụ được giao và phương tiện được cấp; giữa vật tư, hàng hoá được cung ứng và sản phẩm hàng hoá thu mua và giao nộp.

Tiếp tục hoàn chỉnh các chính sách, chế độ thích hợp, khuyến khích và hướng dẫn địa phương và cơ sở phát huy ba

¹⁾ Bốn nguồn là: khả năng tại chỗ; kết quả của hợp tác, liên kết kinh tế; nguồn xuất, nhập khẩu; vật tư, hàng hoá do cấp trên cung ứng.

nguồn khả năng còn lại, mà quan trọng bậc nhất là khả năng của bản thân, để trên cơ sở đó, thực hiện hợp tác, liên kết, đẩy mạnh xuất khẩu. Mỗi địa phương cần tiến hành kiểm kê, nắm chắc hơn nữa các thế mạnh của mình về lao động, đất đai, cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có, để ra các phương án toàn diện để khai thác, không những bằng lực lượng của bản thân mà cả bằng các khả năng bên ngoài, thông qua liên kết kinh tế hoặc xuất, nhập khẩu. Thực hiện rộng rãi phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm" cả trong lĩnh vực sản xuất và trong lĩnh vực văn hoá – xã hội. Sử dụng nhiều hình thức trong tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý để kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp (nhất là công nghiệp chế biến) ngay từ cơ sở và trên địa bàn huyện, kết hợp kinh tế quốc doanh, tập thể và kinh tế gia đình, tận dụng mọi nguồn lao động, khả năng kỹ thuật và nguồn vốn, vật tư vào sản xuất.

Các khả năng của bốn nguồn đều phải được cân đối toàn diện và thể hiện trong kế hoạch của các cấp. Chú trọng tính toán kỹ hiệu quả kinh tế của các hình thức hợp tác, liên kết kinh tế và hoạt động xuất – nhập khẩu; bảo đảm lợi ích kinh tế của mỗi bên tham gia trên cơ sở bảo đảm lợi ích của toàn xã hội và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

5. Triệt để sử dụng công cụ ngoại thương và hợp tác kinh tế với nước ngoài phục vụ việc phát triển kinh tế trong nước

Mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu và các quan hệ kinh tế với nước ngoài là một hướng chiến lược quan trọng để tạo thêm sức và giành thế chủ động trong phát triển kinh tế, tích cực chống lại và làm thất bại thủ đoạn "bao vây kinh tế"... đối

với nước ta.

Trong quan hệ kinh tế với nước ngoài, bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Liên Xô và các nước anh em khác; mở rộng sự hợp tác với Lào và Campuchia, tiến tới có sự phối hợp kế hoạch về kinh tế giữa ba nước. Mạnh dạn mở mang hơn nữa các quan hệ kinh tế với các nước khác và các tổ chức quốc tế.

Thực hiện một cơ chế quản lý mới trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, mở rộng quyền chủ động cho các địa phương dưới sự chỉ đạo và thống nhất quản lý của trung ương. Vận dụng linh hoạt phương thức "lấy xuất để nhập, lấy nhập để xuất", tạo ra nhiều khả năng quay nhanh đồng vốn, thu thêm ngoại tệ. Đó là một biện pháp tích cực để góp phần bảo đảm các cân đối của kế hoạch nhà nước.

Mở rộng các hình thức hợp tác, liên doanh, gia công... với các nước để tranh thủ kỹ thuật và tiền vốn, nhằm khai thác thế mạnh của ta về lao động, đất đai, tài nguyên. Ngoài ra, sử dụng các hình thức như cung ứng tàu biển, du lịch, kiều hối,... để thu thêm ngoại tệ.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng

Ở các ngành, các địa phương, nhất là các cơ sở, phải rất coi trọng việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật và thực hiện các biện pháp đồng bộ để ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, nhằm khắc phục khó khăn, thiếu thốn, đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, vật liệu, sử dụng nguyên, vật liệu thay thế, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất.

HỘI...

Đầu tư vốn cho các chương trình điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học; xây dựng các cơ sở thực nghiệm cần thiết nhằm sớm có kết luận đối với các đề tài trọng điểm và áp dụng trong thực tiễn. Đặc biệt coi trọng phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của quần chúng trong hoạt động khoa học, kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Thu hút đông đảo cán bộ khoa học – kỹ thuật và người lao động ở cơ sở (xí nghiệp, hợp tác xã...) vào các hội khoa học, kỹ thuật, các tổ chức nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất ở cơ sở, động viên phong trào quần chúng sôi nổi nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Ban hành các chính sách khuyến khích để bố trí và sử dụng thật tốt đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, hướng vào việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề then chốt của nền kinh tế đi đến những địa bàn trọng điểm. Hết sức khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật nâng cao trình độ, trưởng thành trong hoạt động thực tiễn. Khuyến khích cả về tinh thần và vật chất đối với các sáng chế, phát minh giải quyết đúng các khâu yếu trong sản xuất, xây dựng. Gắn các viện, các trạm, trại nghiên cứu thực nghiệm khoa học các trường đại học, trung học kinh tế, kỹ thuật với các cơ sở sản xuất; thực hiện liên kết giữa cơ sở sản xuất và cơ sở nghiên cứu khoa học theo hợp đồng và có chính sách thỏa đáng về phân phối lợi nhuận do kết quả ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đem lại.

7. Thực hành tiết kiệm toàn diện, triệt để và chống lãng phí

Tiết kiệm toàn diện, triệt để, chống lãng phí là một chính sách và biện pháp lớn hết sức quan trọng, phải trở thành phong trào cách mạng của quần chúng, triệt để tiết

kiệm trong sản xuất và trong đời sống; phải được thể hiện trong chỉ tiêu kế hoạch và thể chế hoá bằng pháp luật. Trước mắt, cần hướng mọi hoạt động tiết kiệm và chống lãng phí vào các đối tượng sau đây: lương thực, xăng dầu, điện, vật tư.

Biện pháp cơ bản để thực hiện tiết kiệm là ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm mạnh tiêu hao vật chất và lao động cho từng đơn vị sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm; là chuyển mạnh sang kinh doanh, hạch toán, khai thác chiêu sâu, lấy năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn hàng đầu đánh giá mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thủ trưởng các ngành và chủ tịch uỷ ban nhân dân các địa phương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các biện pháp tiết kiệm, đề ra các phương án và chỉ tiêu cụ thể trong từng thời gian, cho từng loại công việc và từng đơn vị. Có chính sách khen thưởng thích đáng đối với kết quả do tiết kiệm mang lại và xử lý rất nghiêm khắc các trường hợp vô trách nhiệm, gây lãng phí.

8. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa

Thấu suốt hơn nữa phương hướng đổi mới quản lý kinh tế và kế hoạch hóa theo hướng khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái sản xuất, gắn thu nhập với kết quả lao động; bảo đảm cho các cấp thật sự làm chủ trong sản xuất, kinh doanh, thực hiện đúng đắn "các cấp làm chủ, làm chủ các cấp".

Ban hành các chế độ cụ thể, hoàn thành việc phân cấp quản lý cho tỉnh (thành phố), huyện (quận), chủ yếu về các mặt: phân giao cơ sở sản xuất; kế hoạch hoá; ngân sách;

HỘI...

quản lý vật tư, hàng hoá; xuất nhập khẩu.

Soát xét lại toàn bộ các chính sách đòn bẩy đối với nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp (về giá cả, lương thực, thu mua sản phẩm...), nhất là các chính sách đối với cây công nghiệp, nhằm khuyến khích sản xuất và để Nhà nước nắm được sản phẩm hàng hoá cần thiết. Hoàn thiện chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp (cả đối với lúa, màu, cây công nghiệp và chăn nuôi); nghiên cứu mở rộng hình thức khoán trong các ngành kinh tế khác.

Tiếp tục ban hành các chế độ cụ thể và kế hoạch hoá, thể hiện chủ trương các cấp kế hoạch làm chủ kế hoạch của mình, xây dựng kế hoạch từ cơ sở và huyện; gắn kế hoạch với hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sử dụng quan hệ hàng hoá – tiền tệ, quan hệ thị trường trong kế hoạch hoá. Chấn chỉnh ngay các định mức, đơn giá làm cơ sở cho việc xây dựng các bảng cân đối tổng hợp như: cân đối tài chính, thu chi tiền tệ dân cư, cân đối ngoại tệ, v.v.. Ở cơ sở xí nghiệp, đặc biệt coi trọng xây dựng kế hoạch tăng năng suất lao động, hạ giá thành, tiết kiệm năng lượng, vật tư.

Hoàn thiện tổ chức quản lý các đơn vị cơ sở trong nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, lưu thông... xuất phát từ trình độ sản xuất, quan hệ sản xuất của mỗi loại cơ sở mà bố trí kế hoạch, hạch toán, vận dụng các chính sách đòn bẩy cho phù hợp. Tiếp tục bổ sung và sửa đổi chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh theo hướng bảo đảm quyền tự chủ về tài chính, mở rộng quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Hoàn chỉnh chế độ quản lý hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Củng cố bộ máy quản lý kinh tế ở các cấp, các ngành, đặc biệt coi trọng các ngành kinh tế – kỹ thuật then chốt, các cây công nghiệp chủ lực và một số huyện, quận, phường, xã trọng điểm. Bố trí cán bộ đủ năng lực; kiên quyết thay thế các cán bộ không thực hiện đúng chủ trương đổi mới quản lý kinh tế và kế hoạch hoá của Đảng. Soát xét lại biên chế ở tất cả các cơ quan, từ trung ương đến cơ sở, để thực hiện một biên chế gọn, nhẹ, có năng suất, có hiệu lực. Cải tiến lề lối làm việc, thực hiện đúng bốn chế độ phục vụ nhân dân, sát thực tiễn, sát cơ sở.

9. Đẩy mạnh xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng (tháng 5-1983) về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện nhằm từ nay đến hết năm 1985, tạo ra một sự chuyển biến rõ rệt ở tất cả các huyện; phấn đấu không còn huyện kém; tập trung xây dựng các huyện trọng điểm lúa, cây công nghiệp, những huyện có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Các cơ quan quản lý ngành ở tỉnh và trung ương hướng dẫn các huyện soát lại quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng ngành của huyện, hình thành một quy hoạch toàn diện về kinh tế – xã hội. Trên cơ sở ấy, bố trí các biện pháp đồng bộ về sử dụng lao động, đất đai, phát triển sản xuất lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, chú trọng kết hợp nông nghiệp với công nghiệp chế biến, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp hợp lý của mỗi huyện.

Việc xây dựng kế hoạch của huyện phải được đổi mới theo tinh thần thật sự phát huy tính chủ động, sáng tạo của

HỘI...

huyện và cơ sở, thực hiện việc cân đối theo bốn nguồn khả năng. Xây dựng các phương án kinh tế – kỹ thuật cho từng cây, con và sản phẩm để làm căn cứ tính toán các cân đối, nâng cao chất lượng của kế hoạch, bảo đảm khai thác tiềm năng lao động, đất đai và ngành nghề.

Việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật trên địa bàn huyện phải nhằm đồng bộ hoá các cơ sở hiện có, ưu tiên tập trung vào các mục tiêu thiết thực, sớm ra sản phẩm, nhất là các cơ sở chế biến nông sản. Thực hiện tốt phương châm "Trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Xúc tiến tổ chức lại sản xuất từ cơ sở và trên địa bàn huyện, theo hướng gắn sản xuất với phân phối, lưu thông, sản xuất với chế biến, công nghiệp với nông nghiệp, chú trọng hình thành các cụm kinh tế – kỹ thuật. Sử dụng rộng rãi các hình thức kinh tế nhằm thực hiện hợp tác, liên kết kinh tế giữa quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên, giữa các huyện trong và ngoài tỉnh, thành phố, v.v. theo quy hoạch và kế hoạch thống nhất.

Hoàn thành sớm và tiếp tục hoàn chỉnh việc phân cấp quản lý các cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ trên địa bàn huyện. Giải quyết sớm các chính sách, chế độ về thu mua, giao nộp sản phẩm, về lưu thông số hàng hoá, vật tư, vượt kế hoạch; tỷ lệ chiết khấu cho huyện; ổn định tỷ lệ điều tiết các nguồn thu tài chính, tỷ lệ lợi nhuận của xí nghiệp trung ương hoặc tỉnh để lại cho huyện; thưởng về thu mua, v.v. bảo đảm cho cấp huyện có ngân sách và quỹ lương thực đáp ứng tốt công cuộc xây dựng kinh tế huyện. Nghiên cứu giao cho huyện

đảm nhận việc thu thuế, thu mua lương thực, nông sản...

10. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Phát động phong trào cách mạng của quần chúng

Phát động phong trào quần chúng và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là hai loại biện pháp tổng hợp có tính chất quyết định để xây dựng và hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước.

Để bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân lao động trong sản xuất cũng như trong phân phối – lưu thông và quản lý xã hội, phải xúc tiến nghiên cứu xác định cơ chế cụ thể về từng lĩnh vực. Kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục chính trị, tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất giữa các lợi ích kinh tế, trong đó lợi ích cao nhất là lợi ích toàn xã hội, gắn chặt nghĩa vụ với lợi ích.

Phát huy vai trò của các cơ quan chuyên chính (công an, tòa án, kiểm soát...) kết hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân (công đoàn, thanh niên, hội phụ nữ...) và các cơ quan giáo dục, tuyên truyền, thông tin đại chúng, trong việc tổ chức nhân dân lao động quản lý trật tự, trị an xã hội, chống các hiện tượng tiêu cực và chống các hoạt động phá hoại của địch. Tăng cường pháp chế kinh tế. Điều tra, xác minh và thi hành kỷ luật kịp thời đối với những vụ đốt hú hao, mất mát vật tư hàng hoá; trùng trị đích đáng các vụ phá hoại kinh tế.

Tổ chức phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa rộng khắp trong các tầng lớp nhân dân, ở tất cả các ngành, các địa phương và cơ sở. Thủ trưởng các ngành, chủ tịch uỷ ban nhân dân các cấp phải quan tâm tổ chức chỉ đạo phong trào, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân, nhằm đạt hiệu quả kinh tế thiết thực. Nội dung thi đua nhằm vào: tăng

HỘI...

năng suất lao động, tiết kiệm, hạ giá thành, bảo đảm và nâng cao chất lượng sản phẩm, đấu tranh chống địch phá hoại và chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Xây dựng từng bước lối sống văn minh, lành mạnh, tiết kiệm. Nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa về hai nhiệm vụ chiến lược, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Tăng cường giáo dục tầng lớp thanh niên bảo đảm gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Cần nhận thức rõ: những thành quả đạt được trong ba năm qua tuy rất to lớn và quan trọng, song mới chỉ là bước đầu. Trên bước đường cống cố thăng lợi, tiếp tục tiến lên theo mục tiêu "ổn định về cơ bản tình hình kinh tế và xã hội", thì khó khăn còn rất nhiều và rất gay gắt. Điều quyết định thăng lợi trong thời gian tới chỉ có thể là phát động cho được một *phong trào cách mạng thật sự sôi nổi, rộng khắp của quần chúng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý thức tự lực, tự cường*, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất.

Trước mắt, đi đôi với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phải tìm mọi cách giải quyết cho được một số vấn đề cấp bách trong đời sống nhân dân, nhất là của những người ăn lương, bảo đảm các điều kiện vật chất của sản xuất và xây dựng, coi đây là một biện pháp quan trọng để lành mạnh hoá sinh hoạt xã hội, đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực. Phong trào cách mạng của quần chúng phải được duy trì bằng việc tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý kinh tế, bảo đảm phát huy tính năng động của địa phương và cơ sở, theo quỹ đạo của kế hoạch nhà nước và sự quản lý tập trung của

trung ương.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI NÓI
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ LÊ DUẨN
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)**

Ngày 7 tháng 12 năm 1983

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương chúng ta lần này thảo luận hai vấn đề: *một là* xem xét và thông qua kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1984 và mục tiêu phấn đấu năm 1985; *hai là* xem xét và quyết định một số vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

Qua mấy ngày thảo luận, các đồng chí đã nêu lên nhiều ý kiến phong phú. Trước khi Hội nghị thông qua dự thảo nghị quyết, tôi nói thêm về một số vấn đề sau đây:

VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Các đồng chí Trung ương đều nhất trí đánh giá những thành tựu và khó khăn như đã nêu trong dự thảo nghị quyết. Điều cần thiết là phải phân tích thật sâu sắc nguyên nhân của những điều làm được cũng như những điều chưa làm được.

Những chuyển biến tiến bộ đạt được là do đường lối đúng đắn đề ra từ Đại hội lần thứ IV, được cụ thể hóa thêm tại Đại hội lần thứ V của Đảng ngày càng được nhận thức rõ hơn và được vận dụng phù hợp với tình hình thực tế.

Đó còn là do – và đây là điều rất quan trọng – công tác quản lý kinh tế, trong đó có kế hoạch hóa và các chính sách đòn bẩy, có những đổi mới, tuy là bước đầu, nhưng đã có tác dụng khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, thúc đẩy tất cả các cấp, các ngành, nhất là các địa phương và cơ sở, phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo trong việc khai thác các tiềm năng kinh tế. Không có sự đổi mới này thì không thể có tiến bộ trong các lĩnh vực.

Thành tựu đạt được là kết quả sự cố gắng và sức mạnh tổng hợp của cả nước, của một phong trào lao động sáng tạo rộng rãi của quần chúng nhân dân. Các địa phương và cơ sở đã nỗ lực vượt bậc. Các ngành ở trung ương từ nông nghiệp đến công nghiệp, từ sản xuất đến phân phối lưu thông, vận tải, có cố gắng lớn. Cán bộ kinh tế và cán bộ khoa học kỹ thuật đều góp phần tích cực. Mỗi sản phẩm làm ra, dù là một cân thóc hay một kilôát/giờ điện, đều là kết quả của sự cố gắng chung đó. Trong mỗi sản phẩm làm ra, dù là của công nghiệp hay của nông nghiệp, không chỉ có mồ hôi của người trực tiếp sản xuất, có chất xám của nhà khoa học, kỹ thuật, nhà văn hoá nghệ thuật mà còn có cả máu của chiến sĩ. Ngay bản thân sự lớn lên của từng địa phương, từng cơ sở cũng là kết quả của sức mạnh tổng hợp đó.

Thành tựu của chúng ta còn là kết quả sự hợp tác và giúp đỡ của bên ngoài, trước hết là của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Bài học cơ bản của chúng ta đối với những thành tựu đạt được vừa qua chính là bài học về *làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp*.

Chúng ta đã đưa nền kinh tế vượt qua tình trạng sa sút sau những đảo lộn nghiêm trọng trong những năm 1979-1980, chuyên dần theo hướng đi lên, ổn định dần từng mặt, mở ra những bước phát triển mới mạnh mẽ. Tuy nhiên, khó khăn trước mắt còn lớn, cả trong sản xuất, trong phân phối, lưu thông và trong đời sống.

Tình hình đó là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà các Hội nghị lần thứ ba và lần thứ tư của Trung ương Đảng đã phân tích.

Chúng ta cần thấy cho hết những khó khăn do nền kinh tế nước ta còn phồn biển là sản xuất nhỏ, do hậu quả nhiều năm chiến tranh trước đây và do sự phá hoại nhiều mặt hiện nay của địch, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đi lên từ sản xuất nhỏ mà phải cùng một lúc làm cả hai nhiệm vụ chiến lược, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa bảo vệ Tổ quốc; trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội lại phải vừa bảo đảm những nhu cầu về đời sống của nhân dân, vừa tích luỹ để công nghiệp hóa đất nước, đó là nguồn gốc sâu xa của mọi khó khăn. Chừng nào chưa lên sản xuất lớn, chưa có đại công nghiệp thì khó khăn vẫn còn và còn lớn. Năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế ngay một lúc không thể nâng cao nhanh được; đời sống người lao động không thể ngay tức khắc được cải thiện rõ rệt, chung quy cũng là do nguyên nhân này. Nói như thế để thấy rõ vai trò mấu chốt của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, và phải có quyết tâm thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thì

mới tiến mạnh lên được.

Song chúng ta cũng cần thấy cho hết những khuyết điểm chủ quan.

Đó là những khuyết điểm do chưa quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, chưa nhận rõ tính chất gay gắt của cuộc đấu tranh giữa địch và ta, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Đó là những thiếu sót trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hoá. Quản lý kinh tế - xã hội, đương nhiên không phải là việc đơn giản. Các nước anh em đã trải qua nhiều năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, vẫn còn phải tìm tòi những phương pháp quản lý có hiệu quả, vẫn phải nói đến việc không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý, trước hết là cơ chế kế hoạch hoá. Điều đáng nói đối với chúng ta là đã xảy ra những cái sai không đáng có, để lặp đi lặp lại những khuyết điểm đã được phê phán và chỉ ra hướng sửa chữa. Chúng ta chậm sửa đổi những tổ chức và chính sách đã lỗi thời, để kéo quá dài tệ tập trung quan liêu và hành chính bao cấp, đồng thời cũng không kịp thời khắc phục các biểu hiện phân tán, cục bộ, địa phương, vô tổ chức, vô kỷ luật.

Trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành phải hết sức nghiêm khắc với những sai lầm, khuyết điểm của mình. Nhưng lại phải thấy rằng, trong tình thế hết sức khó khăn, thậm chí hiểm nghèo của đất nước, mà nền kinh tế chúng ta vẫn đứng vững và đi lên được, đó là thành tựu rất đáng tự hào. Phải khẳng định mạnh mẽ điều đó và trên đà phát triển này mà vững bước tiến lên.

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta đề ra là: "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ...".

Chuyên chính vô sản, nếu xét về mặt chế độ, tức là ai làm chủ xã hội, thì về bản chất là đồng nhất với làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Làm chủ tập thể là mục đích của chủ nghĩa xã hội đồng thời là một động lực rất to lớn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, trong xây dựng, cải tạo và quản lý kinh tế, văn hoá, kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, phải quán triệt quan điểm làm chủ tập thể. Tức là phải thể hiện cho được quyền làm chủ của nhân dân lao động, người chủ thật sự của chế độ ta; phải khơi dậy cho được tính năng động và sức sáng tạo của hàng triệu, hàng triệu quần chúng nhân dân, người trực tiếp làm chủ các quá trình kinh tế – xã hội.

Chiến lược kinh tế trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80, cũng là nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt, như Đại hội lần thứ V của Đảng chỉ rõ, là: "Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý".

Đâu là chìa khoá để thực hiện chiến lược ấy?

Chính là làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp –

sức mạnh của cả nước, sức mạnh của tất cả các ngành, các cấp, sức mạnh của ba cấp cùng nhau làm chủ: trung ương, địa phương và cơ sở.

Bằng sức mạnh ấy, ngay từ đầu, phải làm chủ cho được các nguồn vốn quý là lao động và đất đai. Sử dụng cho hết 25 triệu lao động, khai thác tốt nhất 5 triệu ha đất đang canh tác và 15 triệu ha đồng, bã, đồi, rừng chưa sử dụng. Phải phát triển nông nghiệp toàn diện, đặt lên hàng đầu sản xuất lương thực, phấn đấu hết sức quyết liệt để giải quyết thật vững chắc vấn đề lương thực, đồng thời phát triển thật mạnh cây công nghiệp (cả ngắn ngày và dài ngày) và chăn nuôi. Cùng với phát triển nông nghiệp, phát triển tương xứng công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều sản phẩm công nghiệp để tiêu dùng và xuất khẩu. Như vậy, trong chặng đường đầu tiên này, dù chưa có đại công nghiệp, nếu biết làm chủ và sử dụng tốt lao động, đất đai và ngành nghề thì vẫn có thể đưa nền kinh tế nước ta một bước lên sản xuất lớn được, có thể đáp ứng nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc, ở, học hành của nhân dân, từng bước tạo thêm tích luỹ để công nghiệp hoá, đồng thời bảo đảm những nhu cầu cơ bản về cung cố quốc phòng và an ninh.

Phải thực hiện làm chủ ở cả ba cấp cơ bản: làm chủ cả nước, làm chủ trong từng địa phương (tỉnh, thành, huyện), làm chủ ở từng cơ sở (xã và hợp tác xã, xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp...).

Ba cấp làm chủ đó hoạt động theo cơ chế chung: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Các cấp làm chủ trên cơ sở cả nước là một tổng thể, mỗi địa phương, mỗi đơn vị là một bộ phận của tổng thể đó; kinh

tế quốc dân là một thể thống nhất, kinh tế địa phương là bộ phận hữu cơ của thể thống nhất đó.

Nhà nước trung ương đại diện cho quyền làm chủ của cả nước, trực tiếp quản lý kinh tế, xã hội của cả nước, thông qua các ngành kinh tế – kỹ thuật và kinh tế của các địa phương, các vùng lãnh thổ khác nhau. Tập trung thống nhất trong quản lý kinh tế xã hội là một tất yếu. Đó là ưu thế của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta cần nắm lấy để động viên sức mạnh của cả nước, xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật của cả nước, giải quyết những vấn đề kinh tế – xã hội của toàn dân. Chúng ta nói lấy kế hoạch làm trung tâm để quản lý kinh tế, xã hội, điều đó cũng có nghĩa là sử dụng ưu thế tập trung thống nhất để điều hành các quá trình kinh tế – xã hội trong cả nước.

Chính quyền địa phương đại diện cho nhân dân địa phương, đồng thời thay mặt Nhà nước trung ương trực tiếp làm chủ kinh tế, văn hoá và đời sống ở địa phương, chăm lo giải quyết những vấn đề thuộc lợi ích của nhân dân địa phương, đồng thời góp phần vào việc xây dựng đất nước, làm chủ cả nước.

Mối quan hệ giữa trung ương, địa phương và cơ sở thì ở nước xã hội chủ nghĩa nào cũng có. Song trong hoàn cảnh nước ta, Đảng ta nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh tế địa phương, nhấn mạnh việc phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của cấp quản lý địa phương và cơ sở. Đó là vì từ sản xuất nhỏ đi lên, chỉ có phát huy tính chủ động, sáng tạo của cơ sở và địa phương, nhất là *huyện*, thì mới sử dụng tốt lao động, đất đai, ngành nghề là những nguồn vốn gắn chặt với từng địa phương, từng cơ sở không chỉ về phương diện lãnh thổ mà cả

về các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, xã hội, tự nhiên. Từ sản xuất nhỏ đi lên, sự phân công lao động đang trong quá trình thực hiện, các ngành nghề từng bước ra đời và phát triển, đòi hỏi phải có những cân đối nhất định, có tính chất cục bộ mà chỉ có đặt ra trên từng địa bàn cụ thể, từng địa phương, từng cơ sở thì mới có điều kiện giải quyết thuận lợi. Hơn nữa, muốn tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động cũng phải tổ chức tại chỗ, lấy địa phương làm địa bàn thực hiện.

Như thế, làm chủ ở ba cấp cơ bản là một tất yếu. Phân công, phân cấp cũng là tất yếu.

Điều cần nắm vững là: nói làm chủ ở ba cấp cơ bản không có nghĩa là cấp nào làm chủ cấp ấy, trái lại cả ba cấp cùng làm chủ trên từng địa bàn, từng địa phương và cơ sở. Vai trò của trung ương đối với tỉnh, thành rất quan trọng. Vai trò của tỉnh, thành đối với quận, huyện, và quận, huyện đối với phường, xã cũng rất quan trọng. Nhân dân lao động có quyền và có nghĩa vụ làm chủ ở cả ba cấp, trong đó làm chủ cả nước là quan trọng hơn cả. Có làm chủ ở cơ sở, ở địa phương thì nhân dân lao động mới trực tiếp phát huy được năng lực làm chủ của mình, mới thực hiện được cụ thể quyền làm chủ trong sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng. Nhưng làm chủ ở cơ sở, ở địa phương không có nghĩa là chỉ lo cho đơn vị, địa phương mình mà còn phải lo cho cả nước, là để làm chủ cả nước tốt hơn, làm chủ trên quy mô lớn hơn, bao trùm hơn, quyết định hơn. Và làm chủ cả nước càng tốt thì làm chủ ở địa phương và cơ sở càng đầy đủ hơn.

Để thúc đẩy nông nghiệp phát triển với nhịp độ cao hơn

nữa, cần đẩy mạnh xây dựng các ngành công nghiệp then chốt như điện, than, cơ khí, luyện kim, giao thông vận tải, hoá chất, vật liệu xây dựng. Sự nghiệp này đòi hỏi phải có những nguồn vốn lớn. Ngoài việc buôn bán và hợp tác với nước ngoài, chúng ta cần động viên cho được sự đóng góp của cả nước.

Phân cấp mạnh cho các địa phương, cơ sở chính là để các địa phương, cơ sở khai thác tốt hơn nữa các tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề tại chỗ, thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ từ cơ sở. *Song tích tụ phải đi liền với tập trung* và phải biết tập trung cho đúng, cho tốt thì mới có tích luỹ cho chủ nghĩa xã hội.

Trách nhiệm của các địa phương là phải sản xuất, kinh doanh ngày càng tốt hơn; nơi chưa đủ ăn phải phấn đấu làm đủ ăn và tiến tới có tích luỹ; nơi đã bước đầu có tích luỹ phải tiến tới có tích luỹ nhiều hơn, phải đóng góp tương xứng với phần đã nhận được, tập trung nguồn tích luỹ ngày càng nhiều hơn cho trung ương để góp phần công nghiệp hoá đất nước. Chủ nghĩa tư bản lớn lên bằng bóc lột. Chủ nghĩa xã hội lớn lên bằng cần, kiệm. Chúng ta phải tiêu dùng trong phạm vi làm ra chứ không vay về để ăn. Và ngay cái làm ra được, dù còn ít, cũng phải biết dè xén, biết tích luỹ ngày càng nhiều, và phải chăm lo xây dựng dự trữ nhà nước ở trung ương và dự trữ ở các cấp. Không có tích luỹ thì không thể xây dựng được cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không thể tái sản xuất mở rộng. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa *tích luỹ* và *tiêu dùng* trong phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương, từng cơ sở, từng gia đình là điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Chúng ta hiểu ba cấp làm chủ, hiểu phân công, phân cấp là trên quan điểm đó, tuyệt đối không phải là chia của cải, chia quyền lợi và quyền hành, chia cắt nền kinh tế quốc dân ra từng mảnh. Cần phân biệt rõ việc chống tập trung quan liêu trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội với việc bảo đảm tính tập trung thống nhất của nền kinh tế quốc dân vốn là một vấn đề thuộc về bản chất, về quy luật của chủ nghĩa xã hội.

KẾ HOẠCH HOÁ KINH TẾ

Khác với chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển một cách tự phát, thông qua cạnh tranh, sản xuất vô chính phủ, nền kinh tế cũng như toàn bộ chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời một cách có kế hoạch, thông qua những cuộc cải biến kinh tế – xã hội được kế hoạch hoá ngay từ đầu.

Từ khi nước ta bước vào thời kỳ quá độ, Đảng ta đã khẳng định rằng công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế nhất thiết phải lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu, phải dựa vào kế hoạch mà lãnh đạo và chỉ đạo các quá trình kinh tế – xã hội.

Phù hợp với quan điểm làm chủ tập thể nói trên, việc kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân phải làm ở ba cấp cơ bản: trung ương, địa phương và cơ sở. Yêu cầu đổi mới kế hoạch hoá là làm cho mỗi cấp, dựa trên những phương hướng và mục tiêu cơ bản thống nhất cả nước, chủ động khai thác tốt nhất tiềm năng và thế mạnh của mình. Cấp trung ương phải tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho các cấp địa phương và cơ sở làm được điều đó.

Kế hoạch phải được xây dựng từ cơ sở lên. Trong công nghiệp, phải coi trọng kế hoạch của các xí nghiệp và liên

hiệp xí nghiệp. Trong nông nghiệp, coi trọng kế hoạch cấp huyện, vì huyện là đơn vị cơ bản của nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Các cấp quản lý, từ trung ương đến địa phương, phải hướng dẫn và cùng với các cơ sở xây dựng kế hoạch. Trên cơ sở đó, tổng hợp thành kế hoạch của địa phương, của ngành và cả nước.

Trung ương đã chỉ ra cho địa phương và cơ sở bốn nguồn khả năng để cân đối kế hoạch. Đó chính là tạo điều kiện cho địa phương và cơ sở phát huy quyền làm chủ của mình trong công tác kế hoạch hóa, xây dựng các kế hoạch kinh tế – xã hội một cách tích cực và hiện thực. Tiềm năng của địa phương và cơ sở còn rất lớn. Tiềm năng đó là ở chỗ sử dụng hết lao động, đất đai, sử dụng hết công suất máy móc, thiết bị. Tiềm năng đó còn ở chỗ triệt để tiết kiệm từng giờ lao động, từng cân thóc, từng giọt xăng dầu, từng kilôgam vật tư, nguyên liệu.

Trong khi nhấn mạnh kế hoạch của cơ sở và địa phương, đừng bao giờ quên rằng kế hoạch cấp trung ương giữ vai trò quyết định. Kế hoạch cấp trung ương chi phối những quan hệ kinh tế và cân đối chủ yếu, quyết định những sản phẩm quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm điều hành được quá trình kinh tế – xã hội trong phạm vi cả nước, bảo đảm quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội phát huy tác dụng. Dựa trên kế hoạch cấp trung ương, các địa phương và cơ sở phải thật sự chủ động khai thác các nguồn tự có, thực hiện tốt phương châm "Trung ương và địa phương cùng lo, Nhà nước và nhân dân cùng làm"; lấy đó bổ sung cho các cân đối kế hoạch, đồng thời phải sử dụng thật đúng mục đích và có hiệu quả những vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu do

trung ương cung ứng.

Sự chậm trễ trong *cải tạo xã hội chủ nghĩa* những năm gần đây có ảnh hưởng không tốt đến nhịp độ xây dựng và phát triển kinh tế. Cần nhận thức dứt khoát rằng kinh tế xã hội chủ nghĩa phải thống trị tuyệt đối trong cả công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp.

Phải phấn đấu đến năm 1985 căn bản làm xong việc đưa nông dân các tỉnh miền Nam vào sản xuất tập thể thông qua các hình thức: tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp.

Xoá bỏ ngay tư sản thương nghiệp. Cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh dưới các hình thức thích hợp. Tổ chức lại tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Sắp xếp lại tiểu thương đi đôi với sắp xếp các ngành hàng trong thương nghiệp.

Cải tạo phải đi đôi với xây dựng, và xây dựng là chủ yếu.

Nói năm thành phần kinh tế ở miền Nam là nói năm thành phần để sản xuất, làm ra hàng hoá chứ không phải cả năm thành phần chia nhau nắm hàng, nắm tiền. Hàng và tiền phải do Nhà nước thống nhất quản lý.

Về lâu dài, kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ còn hai thành phần cơ bản là quốc doanh và tập thể, ngoài ra còn có kinh tế gia đình và một bộ phận kinh tế cá thể.

Chúng ta phải ra sức *củng cố kinh tế quốc doanh*, nhất là công nghiệp quốc doanh, để nó ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Chúng ta không hài lòng về tình trạng kinh tế quốc doanh, nhất là quốc doanh trung ương, chậm phát triển, cả về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Năng lực sản xuất của công nghiệp quốc doanh chỉ mới dùng khoảng một nửa, mà chủ yếu là do thiếu năng lượng và

nguyên liệu, trong đó, không ít xí nghiệp thiếu những nguyên liệu sản xuất từ trong nước, bởi Nhà nước không nấm được từ khâu sản xuất và cả trong lưu thông.

Chăm lo đến kinh tế quốc doanh trung ương là trách nhiệm không chỉ của các ngành trung ương mà còn của các địa phương, các cơ sở trong cả nước. Không có lý do gì lại để những thiếu sót trong việc phân công, phân cấp dẫn đến tình trạng địa phương này hay địa phương khác để vật tư, nguyên liệu chạy quanh trong khi xí nghiệp quốc doanh trung ương, do thiếu chính những nguyên liệu đó mà không hoạt động được.

KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Kinh tế xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế phát triển có kế hoạch, nhằm sản xuất ra nhiều của cải vật chất, văn hóa để thoả mãn những nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trên cơ sở kỹ thuật ngày càng cao. Cho nên kế hoạch kinh tế – xã hội của ta đặt lên hàng đầu giá trị sử dụng và các cân đối hiện vật, đồng thời cũng rất coi trọng giá trị và các cân đối về giá trị. Chính vì vậy mà kế hoạch phải gắn với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở kế hoạch là chính, đồng thời vận dụng một cách chủ động các quan hệ hàng hoá – tiền tệ để giải quyết thoả đáng ba loại lợi ích cơ bản, lợi ích toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, kích thích vật chất đi đôi với giáo dục chính trị, tư tưởng, thúc đẩy sản xuất đạt hiệu quả cao. Không biết vận dụng những quy luật hàng hoá – tiền tệ này

thì rơi vào tình trạng quan liêu bao cấp và không tránh khỏi kìm hãm sản xuất, nhưng đề cao nó quá mức, thậm chí để nó điều tiết sản xuất thì lại rơi vào cơ chế thị trường, làm yếu kế hoạch hoá.

Nhà nước phải nấm sản xuất đi đôi với nấm hàng, nấm tiền, làm chủ thị trường và vật giá, theo đúng quy luật kinh tế chứ không phải đơn thuần bằng mệnh lệnh hành chính. Phải thông qua các biện pháp kinh tế là chủ yếu, đồng thời tăng cường giáo dục và sử dụng biện pháp hành chính trong trường hợp cần thiết. Mặt khác, trên thực tế, không phải mọi khả năng ngay từ đầu đã có thể bao hàm hết trong kế hoạch, mà qua các hoạt động kinh doanh, sẽ phát hiện, khơi dậy những nhân tố mới, biến nhiều khả năng tiềm tàng thành hiện thực. Kinh doanh, hạch toán kinh tế kích thích và tạo điều kiện phát huy tính năng động, sáng tạo của người sản xuất và người quản lý, nâng cao ý thức trách nhiệm của họ đối với nhiệm vụ kế hoạch. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa, do vậy, trở thành một động lực, một nhân tố để thực hiện kế hoạch. Đó là lý do vì sao kế hoạch phải kết hợp với kinh doanh xã hội chủ nghĩa, kế hoạch hoá phải bao gồm một cách tất yếu các hoạt động kinh doanh. Đó cũng là lý do giải thích vì sao các chính sách giá cả, tiền lương, tiền thưởng, các quy định về thị trường, về trao đổi hàng hoá, vật tư... đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa lấy lợi nhuận làm mục đích, lấy cạnh tranh vô chính phủ làm phương pháp. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của người sản xuất, người quản lý trong việc khai thác mọi thế mạnh, mọi khả năng để hoàn thành và hoàn thành

vượt mức các chỉ tiêu của kế hoạch nhà nước; trên cơ sở đó, bảo đảm lợi ích thoả đáng cho cả xã hội cũng như cho từng tập thể và cá nhân người lao động. Thoát ly mục đích cơ bản đó thì không tránh khỏi khuyết điểm, sai lầm. Kinh doanh không phải là xoay xở cho lợi ích cục bộ, riêng tư, làm tổn hại lợi ích chung của xã hội. Chủ động kinh doanh là chủ động vận dụng các chính sách cơ bản của Đảng, các quy định của Nhà nước về sản xuất và phân phối, lưu thông để làm ra sản phẩm nhiều hơn cho xã hội, tuyệt nhiên không có nghĩa là tự mình đặt ra những chính sách, quy định riêng trái với chủ trương chung.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải đi liền với hạch toán nhằm xác định phương án tối ưu: làm ra sản phẩm nhiều nhất với chi phí ít nhất... Làm kinh tế nói chung, xây dựng kế hoạch, tiến hành kinh doanh nói riêng mà không hạch toán thì không tính toán được các hoạt động cụ thể của nền kinh tế, không biết lời lỗ, không tính được hiệu quả. Không hạch toán thì cũng không xác định được mức độ tiêu dùng và tích luỹ, không vạch ra được nghĩa vụ và quyền lợi cụ thể của từng cấp quản lý, không đánh giá được chất lượng, không biết rõ ai làm tốt, ai làm không tốt, v.v.. Nói cách khác, có hạch toán mới thật sự làm chủ đầy đủ các quá trình kinh tế. Từng xí nghiệp, công trường, nông trường, từng hợp tác xã, cửa hàng phải tiến hành hạch toán. Các huyện, các tỉnh cho đến các ngành phải hạch toán. Toàn bộ nền kinh tế phải tổng hạch toán. Không chỉ hạch toán chung cả đơn vị, mà phải hạch toán đối với từng sản phẩm, đối với mỗi hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và lưu thông. Từng người lao động cũng phải hạch toán. Xem thường hạch toán kinh tế, bất

chấp lời lỗ và hiệu quả, đó là khuyết điểm lớn của những năm qua trong công tác quản lý.

PHÂN PHỐI, LUU THÔNG

Làm chủ bằng kế hoạch và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là làm chủ từ khâu sản xuất đến phân phối, lưu thông và tiêu dùng.

Với việc bước đầu cải tiến cơ chế quản lý, chúng ta đã khắc phục một bước bệnh hành chính quan liêu, bao cấp, và tạo dần ra cơ chế kế hoạch hoá gắn với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong khi bệnh hành chính quan liêu, bao cấp chưa khắc phục hết thì lại nảy sinh một khuynh hướng không lành mạnh chạy theo cơ chế thị trường "tự do", làm suy yếu cơ sở của kế hoạch, để cho những phần tử tư sản, bọn gian thương rộng tay hoạt động, để cho kinh tế tư nhân và thị trường "tự do" phát triển và xâm lấn trật địa xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta có thể lập được trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông hay không?

Trước hết, cần khẳng định rằng tình trạng rối ren hiện nay không phải là do chủ nghĩa xã hội yếu hơn chủ nghĩa tư bản như có người nói. Nhà nước xã hội chủ nghĩa (cả trung ương và địa phương) đang nắm trong tay các lực lượng kinh tế chủ yếu nhất, nắm tất cả đất đai, lao động. Kinh tế xã hội chủ nghĩa nói chung và kinh tế quốc doanh nói riêng là lực lượng tạo ra tuyệt đại bộ phận tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng của xã hội, đồng thời cũng nắm tất cả các nguồn vật tư và hàng hoá nhập khẩu. Lực lượng đó, không một thế

lực nào địch nổi.

Những khó khăn trên lĩnh vực phân phối lưu thông có phần do sản xuất chậm phát triển, năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất còn thấp, nhưng chủ yếu là do sai lầm và khuyết điểm chủ quan của ta, mà nổi bật là nǎm sản xuất nhưng không nǎm chắc phân phối lưu thông, buông lỏng chuyên chính vô sản, thiếu cảnh giác trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch, không nǎm vững cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Như trên đã nói, chúng ta có thể làm chủ sản xuất, từ việc nǎm lao động và đất đai, ngành nghề, sắp xếp và phát triển sản xuất có kế hoạch. Nhưng chính từ trong sản xuất, và gắn liền với làm chủ sản xuất, phải *làm chủ ngay phân phối, lưu thông, tiêu dùng* trong từng đơn vị cơ sở, từng xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành và trong phạm vi cả nước.

Mỗi đơn vị phải tính toán sản xuất cái gì, bao nhiêu,花費 bao nhiêu lao động và vật tư, cần bán gì, mua gì, trao đổi theo quan hệ giá cả nào, từ đó, tính được thu nhập, tiêu dùng và tích luỹ cho tái sản xuất mở rộng.

Trung ương, địa phương và cơ sở nǎm sản xuất trên từng địa bàn, từng đơn vị thì trung ương, địa phương và cơ sở cũng phải nǎm sản phẩm, làm chủ thị trường từ cơ sở lên, trong từng địa bàn, từng đơn vị. Cho rằng vì sản xuất còn thấp, sản phẩm chưa nhiều thì không thể và không nên nǎm chặt hàng và tiền là không đúng. Phải tiến hành cuộc *đấu tranh kiên quyết để Nhà nước nǎm được hàng, nǎm được tiền*. Đây là vấn đề cốt lõi của cuộc đấu tranh ai thắng ai trên mặt trận phân phối, lưu thông hiện nay.

Nhà nước (trung ương và địa phương) phải *làm chủ thi*

trường bằng cách thông qua phân công và phân cấp hợp lý, thống nhất quản lý kinh doanh những mặt hàng chủ yếu. Nhà nước phải nắm độc quyền về lương thực, nắm tuyệt đại bộ phận nông sản hàng hoá quan trọng (dù là từ sản xuất tập thể hay cá thể), nắm hết các vật tư, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng quan trọng (sản xuất từ kinh tế quốc doanh trong nước cũng như do các nguồn nhập khẩu). Nhà nước kế hoạch hoá việc phân phối các quỹ hàng hoá, tổ chức sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp một cách có kế hoạch, thông qua hệ thống cung ứng tư liệu sản xuất và hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Phải nhanh chóng cải tạo và quản lý thị trường, xoá bỏ tư sản thương nghiệp, loại trừ bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn biến chất nằm trong bộ máy nhà nước và kinh tế quốc doanh, câu kết và làm tay sai cho bọn gian thương; chỉ cho phép tồn tại thị trường "tự do" với ý nghĩa là nơi trao đổi những hàng hoá thứ yếu mà Nhà nước không thống nhất quản lý, giữa những người sản xuất và tiêu dùng không qua trung gian đầu cơ các loại. Nhưng thị trường "tự do" ấy cũng phải được quản lý bằng những biện pháp thích hợp.

Để làm chủ được thị trường nói riêng và mặt trận phân phối lưu thông nói chung, cần triển khai xuống tận cơ sở sáu hệ thống: thu mua, thương nghiệp, cung ứng vật tư, vận tải, công nghiệp chế biến, tín dụng. Điều quyết định trước mắt để nǎm hàng là phải nhanh chóng mở rộng và củng cố thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (bao gồm thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán), mở rộng và chấn chỉnh hệ thống cung ứng vật tư; làm trong sạch đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác thương nghiệp và cung ứng vật tư,

cải tiến phương thức kinh doanh, mua bán.

Giá cả là quan hệ xã hội, đặc biệt quan trọng là quan hệ công nông, quan hệ tích luỹ – tiêu dùng. Làm chủ từ sản xuất, ta hoàn toàn có thể tính toán một cách có kế hoạch lượng hao phí lao động xã hội cần thiết và các quan hệ về giá trị trao đổi, do đó đặt tỷ giá hợp lý, trước hết là giữa sản phẩm công nghiệp và nông, lâm, hải sản.

Trên cơ sở phát huy những tiềm đề về làm chủ sản xuất và phân phối như trên, ta hoàn toàn có thể và cần phải phấn đấu thống nhất quản lý và ổn định giá cả. Trong tình hình hiện nay, phải giữ giá những mặt hàng thiết yếu cho đời sống của nhân dân. Điều chỉnh bộ phận cần thiết do điều kiện sản xuất – lưu thông – tiêu dùng đã thay đổi thực sự. Phấn đấu kéo xuống những giá bị đẩy lên một cách giả tạo do địch phá hoại, do chạy theo thị trường, tranh mua tranh bán, do đầu cơ, tham ô, lãng phí, móc ngoặc, hối lộ.

Phải chống cách nghĩ và làm sai cho rằng vì giá thị trường "tự do" đã lên gấp hai, gấp ba lần giá chỉ đạo của Nhà nước, cho nên để "mua được, bán được" thì phải nâng giá Nhà nước lên ngang hoặc gần giá thị trường tự do, cốt để nắm được hàng và từ đó mà phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và làm chủ lại thị trường.

Phải đặt lại vấn đề:

- Hoặc để cho bọn phá hoại, cho tư sản, cho thị trường "tự do" và tư thương hoành hành, tranh mua, tranh bán với Nhà nước, móc ngoặc với những phần tử xấu trong cơ quan, xí nghiệp, cửa hàng để rút hàng từ trong kho Nhà nước, tự do buôn lậu, lũng đoạn giá cả, rồi ta chạy theo "cạnh tranh" với chúng bằng cách nâng giá để mua, để bán, gọi đó là "cơ

chế giá linh hoạt".

- Hoặc khoá tay chúng nó lại, không cho phép tự do mua bán lương thực, nông sản, hàng công nghiệp chủ yếu, chuyên chính với bọn phá hoại, bọn đầu cơ, buôn lậu, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường, bảo đảm quyền của Nhà nước thống nhất kinh doanh những mặt hàng quan trọng. Từ tiền đề đó, Nhà nước tính toán với nông dân, thợ thủ công, tổ chức việc quy hoạch sản xuất, đầu tư, tổ chức hợp đồng cung ứng tư liệu sản xuất, phân phối đến tay người lao động những hàng tiêu dùng thiết yếu theo giá ổn định, mở rộng tín dụng, tổ chức thu mua tận gốc theo hợp đồng (hoặc đưa hàng trước lấy nông sản sau, hoặc ngược lại, mua chịu, lấy nông sản trước cung ứng hàng sau). Làm như vậy thì giữ được giá chỉ đạo và quan hệ tỷ giá hợp lý, được nhân dân đồng tình, chống được tình trạng nâng giá tuỳ tiện, mua cao, bán cao.

Đó là hai cách làm, hai quan điểm. Cách làm thứ nhất là nguy hiểm, biến kinh tế quốc doanh thành cái đuôi của thị trường "tự do", và do đó để giá trôi nổi và rối loạn, chỉ có lợi cho bọn phá hoại, bọn đầu cơ và tư thương.

Cách làm thứ hai là thật sự làm chủ. Tuy vậy vẫn còn có vấn đề mua theo giá khuyến khích. Nhưng giá khuyến khích cũng không phải lấy giá thị trường tự do làm chuẩn, mà phải xuất phát từ cơ sở giá thành thực tế và hợp lý, có lãi thoả đáng để khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, và có tính đến quan hệ cung cầu sau khi loại bỏ yếu tố phá hoại, đầu cơ. Điều quan trọng là các ngành, các cấp, phải ra sức phấn đấu nắm lấy và sử dụng tốt quỹ hàng đói lưu, hạn chế đến mức thấp nhất phần mua theo giá khuyến khích.

Phải thống nhất quản lý giá. Đối với các loại giá thống

nhất cho cả nước, tập trung việc duyệt, công bố giá vào các cơ quan nhà nước như Hội đồng Bộ trưởng, Uỷ ban Vật giá Nhà nước. Đối với các loại giá có tính chất địa phương, sự xét duyệt được thực hiện trên cơ sở phân công, phân cấp hợp lý, có sự chỉ đạo linh hoạt trong phạm vi được quy định. Không được tuỳ tiện thay đổi giá, nhất là thay đổi lớn, mà không tính đến các biện pháp toàn diện và đồng bộ về kinh tế, tài chính, hành chính, giáo dục, để xảy ra những hậu quả tiêu cực.

Nền tài chính quốc gia và tiền tệ của ta đang rất khó khăn cũng do nguyên nhân sâu xa là năng suất, chất lượng và hiệu quả kém của sản xuất xã hội, cộng thêm sự giảm sút lớn về nguồn thu từ bên ngoài. Nhưng, cũng như các vấn đề nói trên, điều cơ bản là phải phấn đấu lành mạnh hoá và ổn định nền tài chính quốc gia trên cơ sở khai thác các khả năng trong tầm tay để phát triển sản xuất, tăng năng suất, quản lý chặt các định mức tiêu hao vật chất, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, máy móc, chống lãng phí, tham ô, nâng cao chất lượng sản phẩm. Bằng cách đó hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho công nhân viên chức, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước và dân dâm có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, có dự trữ, và trả được nợ nước ngoài.

Tài chính không phải là thu chi đơn thuần, mà trước hết và căn bản là phải nắm được các khả năng sản xuất, từ lao động, tư liệu sản xuất đến phương tiện kinh doanh, huy động đến mức cao nhất các khả năng đó vào sản xuất đạt tối năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Phải triệt để *tiết kiệm*, cả trong sản xuất và tiêu dùng, cả về hành chính và quốc phòng. Phải quy định thành chính sách, biện pháp, tiêu chuẩn, định mức, chỉ tiêu kế hoạch. Phải làm cho tiết kiệm

trở thành hành động, thành lối sống cách mạng của hàng triệu quần chúng.

Phấn đấu trong vài ba năm cân đối ngân sách một cách tích cực, theo nguyên tắc tăng thu, tiết kiệm chi, bảo đảm sử dụng có hiệu quả, nhưng không làm máy móc, hạn chế đầu tư xây dựng cơ bản và những chi tiêu cần thiết cho sản xuất.

Phấn đấu *chống lạm phát*, nhất là cho tiêu dùng. Nhưng phải biết sử dụng đồng tiền có ích, phát hành đúng lúc và đúng mức cần thiết cho sản xuất và thu mua.

Phải có những chính sách và biện pháp kiên quyết và khẩn trương nắn vốn, nắn tiền trong tay Nhà nước, tổ chức kiểm kê, kiểm soát nghiêm ngặt tài chính và tiền mặt. Thi hành chính sách thống nhất quản lý tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương. Tuyệt đối cấm những quỹ đen, quỹ ngoài ngân sách, những nguồn thu bất hợp lý.

Thực hiện tự chủ tài chính của xí nghiệp, tạo điều kiện cho xí nghiệp phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện phân cấp ngân sách giữa trung ương và địa phương theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu của trung ương, vừa tăng nguồn thu của địa phương, tạo quyền làm chủ ngân sách cho địa phương.

Vấn đề *đổi sống, tiền lương* của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang về cơ bản chỉ có thể giải quyết tốt trên cơ sở phát triển sản xuất, tổ chức hợp lý lao động, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Nhưng trước mắt, phải có những biện pháp cấp bách nhằm sớm ổn định đời sống của công nhân viên chức và lực lượng vũ trang. Biện pháp quyết định nhất là phải bảo đảm

cung cấp hiện vật, nắm lại quỹ hàng hoá, mở rộng diện hàng cung cấp, bán theo giá ổn định của Nhà nước, chỉnh đốn và cải tiến tổ chức và cách thức phục vụ.

Đi đôi với biện pháp nói trên, phải xem xét áp dụng biện pháp trợ cấp thêm lương danh nghĩa, có điều chỉnh một phần quan hệ giữa các mức lương, phù hợp với nguyên tắc phân phôi theo lao động. Chú ý khuyến khích thích đáng những người lao động có kỹ thuật cao, những cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý giỏi, những người lao động nặng nhọc trong những ngành trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, ở những vùng xa xôi, hẻo lánh, ở môi trường độc hại, những người làm công tác y tế, giáo dục...

Tiếp tục nghiên cứu phương án giá – lương – tài chính – tiền tệ – thương nghiệp một cách toàn diện để giải quyết vấn đề đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang một cách hợp lý và vững chắc hơn.

KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI

Khoa học kỹ thuật là một yếu tố rất quan trọng đóng vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng và cải tạo kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Trong thời gian qua, những tiến bộ về khoa học kỹ thuật đã đóng góp một phần đáng kể vào các thành tựu kinh tế.

Khoa học kỹ thuật của ta có tiềm năng lớn, có nhân tài những chưa được khai thác và sử dụng tốt. Các ngành, các cấp chưa coi khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất vật chất trực tiếp, là bộ phận thiết yếu trong việc phát triển ngành mình, địa phương mình, chưa có chương trình phấn

đấu đưa nhanh thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Nhà nước chưa có chính sách khuyến khích mạnh mẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh áp dụng các tiến bộ về khoa học, kỹ thuật. Mặt khác, cũng chưa có chính sách đãi ngộ thích đáng những người làm công tác khoa học, kỹ thuật, những công nhân lành nghề, những cán bộ quản lý giỏi.

Hướng phấn đấu của công tác khoa học kỹ thuật sắp tới là phục vụ đắc lực việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Để làm được như vậy, phải kịp thời chấn chỉnh, bổ sung các chính sách đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân lành nghề, chăm lo từ đời sống đến phương tiện làm việc. Phải thu hút các nhà khoa học, kỹ thuật vào mặt trận sản xuất. Gắn liền các cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Gắn liền hoạt động khoa học, kỹ thuật với kinh tế và đời sống. Khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật đem chất xám phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hoá, củng cố quốc phòng. Đưa khoa học kỹ thuật vào phong trào quần chúng, biến nó thành một động lực thúc đẩy sản xuất.

Văn hoá, xã hội là một mặt trận trọng yếu. Nhưng mấy năm qua, ta tập trung lo cho sản xuất mà chưa chú trọng đúng mức các vấn đề văn hoá xã hội, để mặt trận này bị buông lỏng, đời sống văn hoá và tinh thần có phần sút kém.

Sau Hội nghị lần thứ tư của Trung ương, đã có những cố gắng nhằm khắc phục thiếu sót đó. Trong kế hoạch kinh tế – xã hội những năm sắp tới, cần chú ý đầu tư thích đáng cho công tác văn hoá giáo dục, định rõ chỉ tiêu đáp ứng những nhu cầu văn hoá tối thiểu của nhân dân. Nâng cao chất

lượng giáo dục. Chú ý phát triển phong trào học văn hoá ở những vùng còn người thất học.

Hơn ở đâu hết, trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ sức của nhân dân, thực hiện khẩu hiệu "Nhà nước và nhân dân cùng làm", phát động cho được phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng văn hoá mới, con người mới, chống lại các hoạt động phá hoại của địch và khắc phục những biểu hiện tiêu cực.

QUAN HỆ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Trong kế hoạch kinh tế quốc dân những năm trước mắt cũng như của cả chặng đường đầu tiên này, phải *mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại*.

Tăng nhanh xuất khẩu và mở mang các hoạt động dịch vụ để thu ngoại tệ là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược, một khâu trọng yếu góp phần bảo đảm các cân đối của kế hoạch. Tăng nhanh xuất khẩu để nhập khẩu ngày càng nhiều kỹ thuật và vật tư, nguyên liệu nhằm trang bị lại nền kinh tế quốc dân, đồng thời tạo điều kiện xuất khẩu trở lại với khối lượng lớn hơn, chất lượng cao hơn, dần dần bảo đảm cân đối xuất nhập. Làm như vậy chính là để đẩy nhanh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Khả năng xuất khẩu của ta còn nhiều, nhưng trong thời gian qua ta làm còn kém, hiệu quả thấp. Phải tìm mọi cách chấn chỉnh công tác kinh tế đối ngoại, chấn chỉnh các hoạt động ngoại thương từ chính sách đến tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu và bộ máy kinh doanh.

Trong hoàn cảnh của ta, việc động viên, khuyến khích mọi ngành nghề, mọi địa phương, cơ sở làm hàng xuất khẩu, ra sức tiết kiệm tiêu dùng để tăng nguồn xuất khẩu là rất quan trọng. Song không thể làm ăn theo lối cò con, chỉ dựa vào sự góp nhặt, mà phải tổ chức làm hàng xuất khẩu theo lối sản xuất lớn, tạo ra những vùng chuyên canh tập trung, nhằm vào những mặt hàng chủ lực, có giá trị kinh tế cao. Trước mắt, chú ý khai thác thế mạnh về nông sản, hải sản, đặc biệt các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, coi trọng cả việc chăn nuôi để xuất khẩu. Các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp cũng phải tìm mọi cách tăng nguồn xuất khẩu. Phải đầu tư thích đáng cho xuất khẩu, chọn đúng những khâu sớm khai thác được thế mạnh của ta, đem lại hiệu quả nhanh và bền vững.

Phải theo phương hướng này mà sắp xếp lại tổ chức kinh doanh ngoại thương từ trung ương đến tỉnh, thành. Trung ương và địa phương cùng nhau làm xuất khẩu. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Ngoại thương phải làm việc tốt hơn nữa với các ngành, các địa phương để tạo cho được những nguồn hàng xuất khẩu lớn. Bảo đảm Nhà nước độc quyền ngoại thương và trung ương thống nhất quản lý ngoại thương và ngoại hối, đồng thời phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong việc mở mang xuất khẩu.

Phải mở rộng thị trường xuất khẩu. Đặt lên hàng đầu sự hợp tác với Hội đồng Tương trợ kinh tế, trước hết với Liên Xô, coi hợp tác toàn diện với Liên Xô là cơ bản và lâu dài. Mở rộng hợp tác với Lào và Campuchia, đi từ những lĩnh vực mà mỗi nước có khả năng, tiến tới thực hiện sự phối hợp kế hoạch giữa ba nước. Đồng thời, mở rộng quan hệ kinh tế với

các nước khác và các tổ chức quốc tế, phá cho được chính sách bao vây kinh tế...

Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ về giá cả giữa trong nước và nước ngoài trên cơ sở lấy giá trị, năng suất lao động và tiền lương trong nước làm chính, lấy quan hệ nội tại của nền kinh tế quốc dân, nhất là quan hệ công – nông nghiệp, làm chính. Xác định một tỷ giá hợp lý trên cơ sở phần đấu hạ giá thành và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, chống việc tranh mua tranh bán, đẩy giá hàng xuất khẩu lên, làm giảm giá trị đồng tiền ta một cách nghiêm trọng. Soát xét lại cơ cấu xuất nhập, quản lý giá mua, bán với nước ngoài. Căn cứ vào chính sách giá và hệ thống giá của Nhà nước mà chủ động điều chỉnh một số giá hàng nhập theo một chính sách độc lập, không để hệ thống giá trong nước phụ thuộc vào giá thị trường thế giới.

KINH TẾ VÀ QUỐC PHÒNG

Mỗi chương trình kinh tế – xã hội hàng năm và dài hạn đều phải quán triệt bốn mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra. Phải bảo đảm các nhu cầu về *an ninh và quốc phòng*, quán triệt nhiệm vụ đấu tranh *chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt* của địch.

Phải đánh giá cho đúng, thấy cho hết âm mưu và những hành động phá hoại của địch, nhất là trên mặt trận kinh tế. Phải áp dụng những biện pháp có hiệu lực để ngăn ngừa và chống lại sự phá hoại đó. Phải có kế hoạch bảo vệ sản xuất, bảo vệ xí nghiệp, bảo vệ máy móc, bảo vệ vật tư, nguyên liệu.

Đây là nhiệm vụ trực tiếp, thiết thân của các ngành và

các cơ sở kinh tế. Phải phát động đông đảo công nhân, viên chức trong từng cơ sở sản xuất, kinh doanh đấu tranh bảo vệ kinh tế. Các lực lượng vũ trang, an ninh phải tăng cường hoạt động chống địch phá hoại.

Về việc *quân đội tham gia xây dựng kinh tế*, Bộ Chính trị đã có nghị quyết riêng. Ở đây, tôi chỉ nhắc mấy ý lớn.

Quân đội ta có một lực lượng đáng kể về lao động và cơ sở vật chất – kỹ thuật. Phải sử dụng có hiệu quả lực lượng đó để góp phần thực hiện những nhiệm vụ kinh tế – xã hội chung của đất nước. Thực hiện tốt sự kết hợp giữa quân đội với các ngành kinh tế để khai thác năng lực của công nghiệp quốc phòng vào việc sản xuất các mặt hàng kinh tế; đồng thời cũng khai thác khả năng của công nghiệp dân dụng vào việc sản xuất những mặt hàng phục vụ quốc phòng.

Bộ đội đóng ở địa phương nào phải hợp đồng với địa phương đó để sớm triển khai việc quân đội tham gia xây dựng kinh tế, nhất là ở miền núi, ở các tỉnh biên giới. Đã xuất hiện ở một số nơi những điển hình tốt về việc bộ đội tự sản xuất lương thực, thực phẩm, tham gia làm giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện, xây dựng vốn rừng... Cần tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm đó.

Các ngành và các địa phương phải quan tâm đúng mức đến đời sống của các lực lượng vũ trang, tích cực góp phần giải quyết những vấn đề về hậu cần và hậu phương quân đội.

Đối với các tỉnh miền núi, việc quân đội tham gia xây dựng kinh tế phải gắn liền với phương hướng phát triển kinh tế chủ yếu của miền núi. Trung ương phải cố gắng tăng thêm vốn đầu tư, có chính sách thích hợp góp phần vào việc mở mang kinh tế, văn hoá ở các tỉnh miền núi, tạo điều kiện cho

các tinh này đẩy mạnh thâm canh đối với diện tích cây lương thực đã có cả lúa, ngô, khoai, sắn), thực hiện nông – lâm kết hợp, tập trung sức khai thác thế mạnh về rừng, về cây công nghiệp và chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc, dựa vào các nguồn này trao đổi với các địa phương khác và xuất khẩu để có thêm lương thực và hàng tiêu dùng.

Thưa các đồng chí,

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, cũng như công cuộc xây dựng và cải tạo kinh tế, văn hoá nói riêng, đặt ra trước chúng ta hàng loạt vấn đề có quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đến sự sống còn của dân tộc.

Là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương chúng ta có nhiệm vụ tìm ra giải pháp đúng đắn cho những vấn đề đó; và tại mỗi kỳ họp hội nghị Trung ương, một số vấn đề đã được đưa ra để tập thể xem xét và quyết định. Nhưng không phải dễ dàng tìm ra đáp số cho mọi bài toán đặt ra, và có thể có những vấn đề mà ý kiến còn khác nhau. Điều đó không có gì lạ. Bởi vì quản lý kinh tế, quản lý xã hội không phải là việc giản đơn, đối với chúng ta công việc lại càng mồi mẻ, nên có vấn đề còn mò mẫm là điều không tránh khỏi. Vì vậy, thái độ đúng đắn là phải thảo luận một cách nghiêm túc, chân thành lắng nghe ý kiến của nhau; điều gì bàn chưa chín, chưa đủ cơ sở chắc chắn để giải quyết thì phải làm thử, qua thực tiễn mà kiểm nghiệm chân lý, từ đó đi đến nhất trí trong chủ trương và hành động. *Đoàn kết nhất trí, thống nhất tư tưởng và hành động* là nguồn gốc sức mạnh của Đảng ta. Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải tiêu biểu cho sự đoàn kết nhất trí của Đảng và mỗi đồng chí Trung ương phải thể hiện cho được và phấn đấu để tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Làm chủ tập thể là sức mạnh lớn nhất để đẩy mạnh cải tạo, xây dựng, sản xuất, tiết kiệm, để lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông, để tiến hành cách mạng khoa học – kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, để bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Các tổ chức đảng phải tăng cường công tác vận động quần chúng, động viên cho được sức mạnh làm chủ tập thể của quần chúng. *Các đoàn thể* Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân phải là người trực tiếp tổ chức cho quần chúng đứng lên làm chủ, phát huy năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng, tiêu biểu thật sự cho quyền làm chủ của quần chúng trong các phong trào hành động cách mạng.

Cán bộ quyết định tất cả. Hội nghị lần thứ tư của Trung ương đã chỉ rõ phải xây dựng một đội ngũ cán bộ có cơ cấu đồng bộ, thấu suốt đường lối của Đảng, có năng lực tổ chức thực tiễn, có ý thức kỷ luật, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng.

Vấn đề quan trọng hiện nay là làm sao phát hiện được những người thật sự có năng lực về quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật và biết sử dụng tài năng của họ để làm giàu cho Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội. Trong đội ngũ cán bộ của chúng ta, không phải không có những người như thế. Nhưng lâu nay vấn đề này chưa thật sáng tỏ trong nhận thức, đồng thời còn có cách nhìn người, nhìn việc chưa đúng nữa.

Phải lấy hiệu quả công tác, hiệu quả kinh tế – xã hội làm thước đo để đánh giá cán bộ. Phải nhắm vào mục đích cải thiện tình hình kinh tế – xã hội hiện nay mà đặt vấn đề lựa chọn và bố trí cán bộ. Với quan điểm như vậy, chúng ta sẽ

tìm thấy những cán bộ thật sự có tài năng và phải mạnh dạn đặt đúng những cán bộ đó vào những cương vị điều hành bộ máy sản xuất, kinh doanh, vào những khâu then chốt quyết định năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mặt khác, phải chấp hành nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng về việc thay đổi những cán bộ phạm khuyết điểm nặng, những cán bộ tỏ ra không đủ trình độ và phẩm chất đảm đương nhiệm vụ.

*

* *

Những ngày làm việc nghiêm túc vừa qua của Trung ương chắc chắn cho phép chúng ta đi đến một nghị quyết tốt, giải quyết đúng những vấn đề đã được đặt ra.

Nghị quyết đó nhất định sẽ được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vui mừng đón nhận và biến thành hiện thực trong cuộc sống. Chúng ta phải làm thật tốt công tác chính trị, tư tưởng, động viên quần chúng nêu cao ý chí tự lực tự cường, dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi, mạnh mẽ thực hiện kế hoạch nhà nước 1984, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)
Số 16-NQ/TW, ngày 7 tháng 12 năm 1983
**Về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch
kinh tế – xã hội năm 1984 và mức phấn đấu
năm 1985**

Sau khi thảo luận báo cáo của Bộ Chính trị về "Tình hình kinh tế – xã hội 1981-1983, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985", Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) quyết định:

I- VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ – XÃ HỘI 1981-1983

Chấp hành các Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và lần thứ V của Đảng và các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ba năm qua nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Từ tình

trạng sút kém nghiêm trọng trong những năm 1979-1980, *nền kinh tế nước ta đang chuyển biến theo hướng đi lên, ổn định dần từng mốc, tạo tiền đề cho những bước phát triển mới.*

Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và thu nhập quốc dân sản xuất mỗi năm một tăng, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình ổn định tình hình kinh tế – xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Thành tựu nổi bật trong sản xuất nông nghiệp ba năm qua là sản lượng lương thực bình quân hàng năm tăng gần 1 triệu tấn; nhờ vậy, đến nay không còn phải nhập khẩu lương thực. Thắng lợi này mở ra khả năng sản xuất lương thực không những đủ ăn, mà còn có thêm dự trữ.

Sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tuy gặp nhiều khó khăn về năng lượng và vật tư, nhưng do khai thác được những khả năng sẵn có, nên giá trị sản lượng năm 1983 đã tăng đáng kể so với năm 1980; riêng giá trị sản lượng công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã vượt năm cao nhất trước đây.

Xây dựng cơ bản đã tập trung hơn cho các công trình trọng điểm phục vụ các mục tiêu chủ yếu của công nghiệp và nông nghiệp. Một số công trình then chốt về điện, cơ khí, xi măng, giấy, sợi, giao thông, thuỷ lợi,... đã và sẽ hoàn thành, tạo ra năng lực sản xuất mới có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ gần đây được đẩy mạnh, tạo điều kiện để hoàn thành về cơ bản hợp tác hoá nông nghiệp trong năm 1985.

Quản lý thị trường bước đầu được chấn chỉnh, công tác

thu mua tiến bộ rõ, nhất là thu mua lương thực. Xuất khẩu bắt đầu có chuyển biến; kim ngạch xuất khẩu hàng năm có tăng, tuy mức tăng còn chậm; chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu được thu hẹp một phần.

Những thành tựu đạt được ba năm qua trong hoàn cảnh hết sức khó khăn về nhiều mặt, và trước những âm mưu, hành động phá hoại hiểm độc của kẻ địch, là thắng lợi có ý nghĩa to lớn. Thắng lợi ấy trước hết là do *đường lối đúng đắn của Đảng* được nhận thức ngày càng sâu hơn và vận dụng ngày càng sát hơn vào điều kiện cụ thể của từng ngành, từng địa phương và cơ sở. Hai là do *những đổi mới trong chính sách kinh tế, trong công tác quản lý kinh tế* bước đầu khắc phục lối quản lý quan liêu bao cấp, làm cho người lao động hăng hái sản xuất, gắn bó với sản phẩm làm ra, tạo điều kiện tốt cho việc áp dụng các *tiến bộ khoa học kỹ thuật*; làm cho các cấp quản lý tăng cường trách nhiệm và quyền chủ động, sáng tạo. Ba là do *sự phán đoán với ý thức làm chủ tập thể và tinh thần tự lực tự cường của cả nước*, của các địa phương và cơ sở cùng với các ngành ở trung ương, các tổ chức kinh tế cũng như khoa học kỹ thuật, để khắc phục khó khăn, khai thác thế mạnh và khả năng tiềm tàng của nền kinh tế. Thắng lợi đó còn là kết quả của quan hệ hợp tác và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Tuy đạt được kết quả như trên, song nhìn chung, *sản xuất tiến bộ chưa đều, chưa mạnh và chưa vững chắc*. Sản lượng tăng, song năng suất, chất lượng và hiệu quả còn kém. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được tăng cường và củng cố, cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến hành chậm, thận trọng kinh tế xã hội chủ nghĩa có mặt bị suy yếu, đặc biệt là khu

vực quốc doanh phát triển chậm, không xứng với vai trò chủ đạo của nó trong toàn bộ nền kinh tế. Phân phối lưu thông còn nhiều rối ren. Nền kinh tế còn đứng trước những khó khăn và mất cân đối lớn. Đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang hết sức khó khăn, đang là yêu cầu bức xúc phải giải quyết. Nhiều vấn đề xã hội đang đặt ra cấp bách. Các hiện tượng tiêu cực trong xã hội chưa bị ngăn chặn. Công tác giáo dục thanh niên, thiếu niên chưa có chuyển biến tốt. Nhiều chỉ tiêu về mức sống văn hoá của nhân dân bị giảm sút. Dân số tiếp tục tăng quá nhanh.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba và lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) đã phân tích sâu sắc những thắng lợi cùng những mặt yếu kém của nền kinh tế, đã chỉ ra nguyên nhân của tình hình đó. Nguyên nhân khách quan là nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ; cơ sở vật chất – kỹ thuật còn yếu; năng lượng, vật tư thiếu thốn nghiêm trọng; kẻ địch tăng cường phá hoại trên nhiều mặt, đặc biệt là trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Nguyên nhân chủ quan là không nắm vững đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của Đảng, là những khuyết điểm về công tác tư tưởng và tổ chức, những khuyết điểm trong việc chấp hành nguyên tắc trung dân chủ, trong sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Cần thấy rõ *những nhược điểm và khuyết điểm trong cơ chế quản lý và kế hoạch hóa*. Tình trạng nhiều khả năng chưa được tận dụng, lao động, đất đai và ngành nghề chưa được khai thác tốt, nhiều năng lực sản xuất và tiềm vốn còn bị lãng phí nghiêm trọng, năng suất lao động xã hội còn

thấp, một phần quan trọng là do *những khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế chậm được sửa chữa*, không bảo đảm cho các cấp cùng nhau thật sự làm chủ để động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân, của trung ương và địa phương. Một số chính sách về tài chính, giá cả, tiền lương, xuất nhập khẩu..., tuy đã có điều chỉnh, nhưng còn nhiều điểm chưa phù hợp chậm được sửa đổi. Bộ máy quản lý kinh tế quá công kẽm, có nhiều tổ chức trung gian không cần thiết, nặng về hành chính quan liêu, xem nhẹ tổ chức kinh doanh, gây trở ngại cho sản xuất và lưu thông. Việc sắp xếp lại sản xuất, nhất là tổ chức sản xuất công nghiệp, làm chậm. Việc phân công, phân cấp quản lý kinh tế còn nhiều vướng mắc chưa được giải quyết.

Đáng chú ý là có những nhận thức và hành động không phù hợp với quan điểm của Đảng, những biểu hiện vô trách nhiệm, kém ý thức tổ chức và kỷ luật trong việc chấp hành nghị quyết của Đảng. Tệ tập trung quan liêu, bảo thủ, trì trệ, xa thực tế, xa quần chúng, không tin ở năng lực sáng tạo của quần chúng, chậm tiếp thu cái mới, không kịp thời phục vụ sản xuất và đời sống ở cơ sở, cũng như bệnh phân tán, tản漫, tự do tuỳ tiện, tình trạng mất cảnh giác trước các âm mưu và hành động phá hoại của địch, buông lỏng lãnh đạo và quản lý, phải được phê phán nghiêm khắc và kiên quyết khắc phục.

II- VỀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 1984 VÀ MỨC PHẤN ĐẤU NĂM 1985

Kế hoạch năm 1984 và năm 1985 phải gắn liền với việc

thực hiện phương hướng phát triển kinh tế – xã hội đến năm 1990, tiếp tục quán triệt đường lối chung, đường lối xây dựng kinh tế, được cụ thể hóa trong chặng đường đầu tiên bằng 4 mục tiêu tổng quát và 10 chính sách lớn về kinh tế – xã hội đã được nêu ra trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng. Theo phương hướng đó, phải *tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, coi đó là mặt trận hàng đầu*, khai thác đến mức cao nhất tiềm năng lao động và đất đai nhằm giải quyết vững chắc vấn đề *lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh chăn nuôi*, phát triển thật mạnh *cây công nghiệp*, tạo thêm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh nguồn *xuất khẩu*. Ra sức phát triển công nghiệp *chế biến nông sản* và công nghiệp sản xuất *hang tiêu dùng*. Phát huy những cơ sở đã có và xây dựng mới những cơ sở cần thiết về *công nghiệp nặng*: năng lượng, cơ khí, gang thép, điện tử, hoá chất, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải,... nhằm phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, từng bước hình thành cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý. Tranh thủ mọi điều kiện để sớm khởi công xây dựng một số công trình công nghiệp nặng có ý nghĩa then chốt của quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà. Phát triển mạnh *khoa học và kỹ thuật, văn hoá, giáo dục, y tế...* phục vụ tốt công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Thực hiện cho được mục tiêu ổn định và cải thiện từng bước *đời sống vật chất và văn hoá* của nhân dân.

Hai năm 1984 và 1985 có vị trí hết sức quan trọng, phải hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của thời kỳ 1981-1985, bảo đảm "cơ bản ổn định tình hình kinh tế và xã hội", đồng thời *chuẩn bị thật tốt cho kế hoạch 1986-1990*.

Trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nhà nước, phải tiếp tục phát huy cao độ ý chí *tự lực tự cường*, tinh thần *cách mạng tiến công*, sức mạnh *làm chủ tập thể*; thực hiện tốt *ba cuộc cách mạng*; động viên *sức mạnh tổng hợp* của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và toàn dân, của trung ương, địa phương và cơ sở; thực hiện đầy đủ *quyền làm chủ*, chế độ trách nhiệm và kỷ luật của các cấp quản lý; chuyển biến mạnh mẽ về *tư tưởng và tổ chức*, phát động phong trào cách mạng của quần chúng; sử dụng có hiệu quả nhất sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Trước hết và quan trọng nhất là phải có tiến bộ rõ trong việc khai thác khả năng *lao động*, đất đai và *năng lực sản xuất hiện có*, khẩn trương sắp xếp lại sản xuất. Lấy *năng suất, chất lượng và hiệu quả* làm tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá mọi hoạt động kinh tế. Hết sức *tiết kiệm* trong sản xuất và tiêu dùng. Phát triển sản xuất kết hợp chặt chẽ với *bảo vệ sản xuất*, chống địch phá hoại về kinh tế, chống tham ô, lãng phí. Tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, tạo được *tích luỹ ngày càng nhiều* từ nội bộ nền kinh tế. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, Nhà nước nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường, giá cả, phải *ổn định cho được đời sống* bao gồm bảo đảm bữa ăn và hàng tiêu dùng thiết yếu của nhân dân, nhất là của công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc, trước hết ở vùng biên giới phía Bắc.

Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, mở rộng trận địa xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực. Đến năm 1985, hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp

và công thương nghiệp ở các tỉnh miền Nam như Nghị quyết số 14 của Bộ Chính trị đã định rõ.

Tiếp tục *xây dựng có trọng điểm*, tăng cường một bước cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và làm tốt công tác chuẩn bị để triển khai xây dựng trong các năm sau.

Khẩn trương xúc tiến việc *nghiên cứu chiến lược kinh tế, xã hội* nhằm cụ thể hoá đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng cho một thời gian dài hơn.

Đưa việc *kết hợp kinh tế với quốc phòng* vào quy hoạch và kế hoạch kinh tế cụ thể, tạo điều kiện đáp ứng các nhu cầu xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và an ninh. Xây dựng và triển khai các kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân, kế hoạch năm đầu chiến tranh. Chỉ đạo chặt chẽ quân đội làm kinh tế nhằm đạt hiệu quả thiết thực; có chính sách thoả đáng khuyến khích quân đội tham gia xây dựng kinh tế.

Kế hoạch năm 1984 và năm 1985 phải giải quyết cho được các vấn đề *then chốt và cấp bách* sau đây:

1. Ra sức *đẩy mạnh sản xuất* nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

- Sử dụng tốt *lao động và đất đai* là mục tiêu và biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng nhanh sản phẩm xã hội. Trong hai năm tới, bằng mở rộng ngành nghề, phân công lao động tại chỗ, phân bố lại lao động giữa các vùng, phấn đấu đến mức cao nhất bảo đảm việc làm cho lao động xã hội, trước hết cho thanh niên, thực hiện cho được chỉ tiêu về phân bổ lao động mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng

đã đề ra¹⁾. Khai thác một phần đáng kể đất hoang hoá ở các tỉnh miền Bắc có vùng trung du, các tỉnh ven biển miền Trung, chủ yếu bằng lực lượng lao động tại chỗ và trong từng địa phương. Khẩn trương tổ chức thực hiện việc đưa dân và lao động đến các vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và vùng biên giới phía Bắc, chủ yếu để phát triển mạnh cây công nghiệp, vừa xây dựng kinh tế, vừa góp phần củng cố quốc phòng. Đối với đồng bằng sông Cửu Long, tiến hành phân bố lại lao động trong vùng và tiếp nhận lao động từ nơi khác đến nhằm thâm canh, tăng vụ, đưa ngày công lao động lên 200 ngày/năm, và cơ bản sử dụng hết 50 vạn hécta đất hoang hoá. Tích cực chuẩn bị điều kiện để thực hiện phân bố lao động mạnh hơn trên phạm vi cả nước trong các năm sau.

Để thực hiện mục tiêu này, phải xây dựng các chương trình và kế hoạch đồng bộ, có các chính sách cụ thể thích hợp và sự chỉ đạo tập trung của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền, phải lấy *huyện* làm địa bàn cơ bản để bố trí và sử dụng tốt lao động, đất đai, mở mang ngành nghề.

- Năm vững mục tiêu quan trọng nhất là *đẩy mạnh sản xuất lương thực* (cả lúa và màu); năm 1984 đạt sản lượng 18 triệu tấn, Nhà nước thu mua ít nhất 4,3 triệu tấn, năm 1985, đạt sản lượng 19-20 triệu tấn.

Biện pháp chính là nâng độ đồng đều trên toàn bộ diện tích gieo trồng, nâng mức thâm canh lúa trên những vùng có tỷ suất lương thực hàng hoá cao và các vùng có nhu cầu mà

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Sđd, t. II, tr. 56.

khó vận chuyển nơi khác đến, đi đôi với tăng vụ, mở thêm diện tích, chủ yếu là ở miền Nam và Khu IV cũ. Có chính sách đẩy mạnh thâm canh và tăng nhanh diện tích các loại màu, nhất là ngô. Tổ chức tốt việc thu mua, vận chuyển và chế biến màu.

Phát triển mạnh trên quy mô lớn các loại *cây công nghiệp* nhất là cây ngắn ngày; tích cực triển khai kế hoạch trồng *cao su* và những cây dài ngày khác nhằm tăng nhanh nguồn nguyên liệu trong nước và nguồn hàng xuất khẩu quan trọng. Kết hợp việc trồng trọt với xây dựng đồng bộ các *cơ sở chế biến* với quy mô thích hợp.

Phát triển *chăn nuôi* ở khắp các vùng để bảo đảm nhu cầu thực phẩm và phân bón. Chú trọng chăn nuôi ở các vùng đai thực phẩm của các thành phố lớn và các khu công nghiệp tập trung, từng bước mở mang chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp và chăn nuôi để xuất khẩu. Phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò...) ở tất cả các vùng, nhất là trung du, miền núi. Coi trọng cả chăn nuôi quốc doanh, tập thể, gia đình. Giải quyết tốt các nhu cầu về thức ăn gia súc, con giống và thuốc thú y.

- Về *thuỷ sản*: mở rộng quy mô đánh bắt trên biển, phát triển mạnh nuôi trồng nhất là nuôi để xuất khẩu trên tất cả các loại mặt nước. Có biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên thuỷ sản. Chú trọng xây dựng các cơ sở chế biến, tổ chức tốt việc thu mua và cung ứng dịch vụ cho sản xuất; cải tạo và tổ chức lại sản xuất nghề cá. Phấn đấu đạt sản lượng 73 vạn tấn năm 1984.

Về *lâm nghiệp*: bảo vệ cho được vốn rừng hiện có; thực hiện đồng bộ các chính sách, các biện pháp tích cực nhất

nhằm *chấm dứt nạn đốt, phá rừng*, động viên nhân dân *trồng rừng*, sử dụng hợp lý và có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc; chú trọng các loại cây làm nguyên liệu, lấy gỗ, lấy củi, mọc nhanh, cây tăng độ màu mỡ cho đất. Hoàn thành việc *giao đất, giao rừng* cho hợp tác xã và nhân dân quản lý, sử dụng, khai thác theo đúng quy hoạch, chính sách, chế độ của Nhà nước; thực hiện tốt phương thức *nông - lâm kết hợp*. Tiếp tục làm tốt công tác *định canh, định cư*, trước hết ở những địa bàn trọng điểm.

2. Chuyển mạnh về phát triển công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải

- Ưu tiên bảo đảm các điều kiện để tăng sản xuất *năng lượng* (điện, than). Tiết kiệm tiêu dùng và sử dụng hợp lý năng lượng. Đẩy mạnh sản xuất *phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng*; phát triển sản xuất *cơ khí* phục vụ nông nghiệp cũng như cơ khí tiêu dùng (xe đạp, máy may, quạt điện, đồng hồ...). Hết sức chú trọng phát triển *công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng*, nhất là các mặt hàng thiết yếu như vải mặc, giấy, đường, sữa, thuốc chữa bệnh và hàng xuất khẩu như chè, thuốc lá, rượu,...

Nhanh chóng sắp xếp lại sản xuất, tiếp tục đổi mới quản lý, sử dụng tốt năng lực sản xuất hiện có, nhất là của *công nghiệp quốc doanh trung ương*, chú ý đầu tư chi tiêu sâu, tích cực tạo nguồn vật tư, nguyên liệu từ nông, lâm, thuỷ sản trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, mở mang các hình thức hợp tác quốc tế để có điều kiện nhập thêm nguyên liệu, vật tư cần thiết. *Ra sức tiết kiệm, giảm chi phí vật chất cho một đơn vị sản phẩm, giảm giá thành, nâng cao năng suất lao*

động và chất lượng sản phẩm.

- Tăng thêm vốn đầu tư *xây dựng cơ bản* là một yêu cầu cấp bách cần thể hiện trong kế hoạch và ngân sách nhà nước. Năm 1984 đầu tư 23 tỷ đồng cho xây dựng cơ bản, bao gồm cả nguồn vốn của ngân sách địa phương.

Trong xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, cần bảo đảm yêu cầu tập trung xây dựng những *công trình trọng điểm*, tăng nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian hoàn thành công trình, sớm đưa vào sử dụng. Ban hành những chính sách quản lý và thực hiện những biện pháp cần thiết nhằm triệt để chống lãng phí, mất mát thiết bị và vật liệu; bảo đảm chất lượng công trình, giảm giá thành xây dựng. Có quy chế cụ thể để bảo đảm thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm".

Có kế hoạch khẩn trương khảo sát, thiết kế, chuẩn bị xây dựng những công trình lớn trong những năm sau.

- Về *giao thông vận tải*: tiếp tục sáp xếp lực lượng vận tải, có phân công, phân cấp hợp lý, làm cho vận tải quốc doanh công cộng trở thành lực lượng vận tải chủ yếu. Phát triển mạnh vận tải đường thuỷ, cảng cố và phát huy năng lực vận tải đường sắt, sáp xếp hợp lý, sử dụng có hiệu quả vận tải đường bộ, đường hàng không. Tăng cường quản lý nhằm khai thác tốt các phương tiện hiện có. Chú trọng phát triển rộng rãi các phương tiện vận tải thô sơ. Triệt để tiết kiệm, chống mất cắp, lãng phí xăng dầu, kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong vận tải.

Từng bước khắc phục những khâu yếu, lập lại trật tự an toàn giao thông vận tải trên những địa bàn trọng điểm. Huy động lao động nghĩa vụ và quân đội tham gia xây dựng các

công trình giao thông, mở mang giao thông ở Thủ đô Hà Nội, các vùng cây công nghiệp tập trung, vùng kinh tế mới, giao thông nông thôn, miền núi.

Chú trọng các tuyến giao thông sang Lào và Campuchia.

Coi trọng phát triển và nâng cao chất lượng *thông tin bưu điện*.

3. *Tạo ra bước chuyển biến cơ bản trên lĩnh vực phân phôi, lưu thông*

a) Trên cơ sở tổ chức lại và phát triển sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả, *Nhà nước phải nắm được hàng và tiền, làm chủ thị trường và giá cả, thống nhất quản lý phân phôi và lưu thông các sản phẩm hàng hoá chủ yếu* (nông, lâm, hải sản, sản phẩm công nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương, sản phẩm tiểu, thủ công nghiệp và hàng nhập). Nhà nước *kế hoạch hoá việc phân phôi quy hàng hoá*, tổ chức sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp một cách có kế hoạch, chủ yếu thông qua hợp đồng hai chiều, phục vụ kịp thời và có hiệu quả cho sản xuất và đời sống.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải nhanh chóng vươn lên làm chủ thị trường. *Ra sức củng cố và mở rộng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán đến tận phường, xã* (bao gồm cả các hệ thống cung ứng vật tư, thu mua, bán lẻ, dịch vụ, xuất nhập khẩu); cải tiến phương thức và tổ chức mua, bán, chi phôi toàn bộ khâu bán buôn, đại bộ phận khâu bán lẻ. Phải tích cực xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thương nghiệp; chấn chỉnh tổ chức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn ngành thương nghiệp. Ngăn chặn và loại trừ bọn đầu cơ, buôn lậu, tư thương tranh

mua với Nhà nước; trừng trị bọn làm hàng giả. Xoá bỏ ngay tư sản thương nghiệp. Trên cơ sở đó, *thực hiện ngay việc Nhà nước thống nhất quản lý và kinh doanh những vật tư kỹ thuật, những hàng công nghiệp thiết yếu, kể cả hàng nhập khẩu*. Có kế hoạch triển khai tích cực và vững chắc việc xoá bỏ thị trường tự do về lương thực và các nông, lâm, hải sản quan trọng. Trước mắt, phải thực hiện tốt Nghị quyết số 14 ngày 13-9-1983 của Bộ Chính trị về tình hình và nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh.

Thực hiện phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở; có cơ chế, chính sách thích hợp vừa bảo đảm cho Nhà nước nắm được hàng hoá, vừa kích thích tinh thần hăng hái lao động của người sản xuất, bảo đảm được các nhu cầu thiết yếu của xã hội.

Việc kiểm soát hàng hoá phải làm chặt chẽ từ gốc; tránh tình trạng tuỳ tiện lập ra các trạm kiểm soát khám xét, chia cắt thị trường, làm cho giá cả tăng lên.

b) *Tăng nhanh mọi nguồn thu*, nhất là nguồn thu từ kinh tế quốc doanh, để bảo đảm các nhu cầu chi cần thiết. Sắp xếp lại các nhu cầu chi cho phù hợp với khả năng tài chính của ta, phấn đấu giảm mức bội chi ngân sách và tiền mặt trên cơ sở tăng sản xuất và triệt để tiết kiệm trong sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Nhà nước cần ban hành *quy chế tiết kiệm* nghiêm ngặt và cụ thể ở từng ngành, từng cấp.

Thực hiện ngay *phân cấp ngân sách* giữa trung ương và địa phương theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu của trung ương, vừa tăng nguồn thu của địa phương, bảo đảm quyền làm chủ ngân sách của các cấp và các ngành kinh tế – kỹ

thuật, đồng thời thực hiện thống nhất quản lý tài chính, đề cao kỷ luật tài chính ở tất cả các cấp, các ngành, các cơ sở.

Đẩy mạnh và cải tiến các hoạt động *tín dụng, gửi tiền tiết kiệm*, thanh toán qua ngân hàng và các dịch vụ khác để thu tiền mặt, chấm dứt "tạ chi". Bảo đảm có đủ tiền mặt để kịp thời phục vụ sản xuất, xây dựng và thu mua. Tổ chức tốt việc phát hành *công trái* và vận động quần chúng mua công trái, bảo đảm tốt cả yêu cầu tài chính và yêu cầu chính trị. Đẩy mạnh hoạt động của hợp tác xã tín dụng ở nông thôn.

c) Đi đôi với các công việc trên đây, phải *từng bước lập lại trật tự mới trên lĩnh vực giá cả*, trước hết là trong khu vực kinh tế quốc doanh, Nhà nước phải sử dụng tổng hợp nhiều biện pháp để kiểm soát cho được giá cả trên thị trường xã hội, kiên quyết kìm và kéo dần giá thị trường tự do xuống. *Giữ giá những vật tư, hàng hoá chủ yếu, chỉ điều chỉnh giá một số ít mặt hàng xét thật cần thiết*, nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, bảo đảm tích luỹ xã hội chủ nghĩa.

Tính lại *giá thành các sản phẩm chính và phí lưu thông*, bảo đảm phản ánh đúng và đủ những chi phí lao động xã hội cần thiết, loại trừ những chi phí bất hợp lệ và bất hợp lý; trên cơ sở đó hoàn thiện từng bước hệ thống giá chỉ đạo, điều chỉnh hợp lý các mối quan hệ giữa giá hàng công nghiệp và giá nông sản, giữa tích luỹ và tiêu dùng, giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa giá trong nước và giá thị trường thế giới theo chính sách giá của Đảng và Nhà nước ta.

Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất của hệ thống giá Nhà nước, trung ương *thống nhất chỉ đạo giá những mặt hàng quan trọng, đồng thời phân công, phân cấp hợp lý cho ngành và địa phương* để có sự chỉ đạo linh hoạt, nhạy bén,

sát với từng vùng, từng thời vụ. Cần quy định các khung giá thích hợp với từng loại hàng và với từng vùng để các địa phương có thể chủ động thu mua lương thực, nông sản và các hàng hoá khác ngoài kế hoạch. Tăng cường *kỷ luật về quản lý giá cả*, chống mọi hành động tự do vô chính phủ, tuỳ tiện nâng giá, vi phạm chính sách và hệ thống giá Nhà nước.

d) Để *bảo đảm mức thu nhập thực tế của những người ăn lương*, biện pháp quyết định nhất hiện nay là *bảo đảm cung cấp* đủ chín mặt hàng theo đúng định lượng, chất lượng và đúng thời gian cho công nhân viên chức và lực lượng vũ trang và tăng thêm những mặt hàng phân phối không theo định lượng, theo giá bán lẻ ổn định của Nhà nước.

Thực hiện ngay việc lập *quỹ hàng hoá và lập cửa hàng cung cấp riêng* để bán hàng tiêu dùng cho công nhân viên chức và lực lượng vũ trang theo *giá ổn định*. Chỉnh đốn và cải tiến cách thức tổ chức bán hàng cung cấp; phát hành phiếu mua hàng công nghiệp để mua những mặt hàng mà Nhà nước nhất thiết phải bảo đảm cung cấp. Mở rộng mạng lưới cơ sở dịch vụ quốc doanh.

Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải quan tâm chăm sóc *đời sống của các lực lượng vũ trang*; các ngành, các địa phương phải cùng với Bộ Quốc phòng giải quyết tốt những vấn đề về hậu cần và hậu phương quân đội.

Đi đôi với biện pháp trên, phải *cải tiến chế độ tiền lương*, thực hiện từng bước trong năm 1984.

Tính lại tiền lương theo giá bán lẻ ổn định của Nhà nước. Phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết về quỹ hàng hoá, về mở rộng và cải tiến hệ thống thương nghiệp quốc doanh, về làm chủ thị trường, để khi thi hành chế độ tiền lương mới

không gây ra những hệ quả xấu đối với thị trường và giá cả.

Định lại mức lương tối thiểu bảo đảm cho người lao động đủ sống và làm việc có hiệu suất. Căn cứ mức lương tối thiểu và khả năng tài chính của Nhà nước, tính lại mức lương trung bình và mức lương cao nhất nhằm giảm bớt tính chất bình quân, bảo đảm quan hệ đai ngộ hợp lý hơn giữa các loại công nhân viên chức, giữa các ngành nghề và giữa các vùng khác nhau. *Sắp xếp lại các thang lương, bảng lương* theo nguyên tắc phân phối theo lao động; khuyến khích những ngành nghề đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao, lao động nặng nhọc, độc hại, những ngành kinh tế trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, những vùng xa xôi xung yếu. Đai ngộ thoả đáng các lực lượng vũ trang, cán bộ viên chức các ngành hành chính, sự nghiệp. Sửa đổi, bổ sung chính sách đối với thương binh, người về hưu, mất sức.

Tính lại các khoản phụ cấp lương và tiền thưởng, các đơn giá khoán, lương sản phẩm... cho phù hợp với sự thay đổi của mức lương cơ bản. Nâng cao tỷ trọng của tiền lương cơ bản trong toàn bộ thu nhập về tiền lương. Tiếp tục hoàn thiện các hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm, tiền thưởng, nhằm khuyến khích, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, công tác.

Đối với bộ phận tiền lương chịu tác động của giá cả thị trường, Nhà nước căn cứ vào chỉ số sinh hoạt mà định *phụ cấp đắt đỏ*.

4. *Tăng nhanh xuất khẩu* và mở mang các hoạt động kinh doanh dịch vụ, du lịch để thu hút ngoại tệ, có chính sách hợp lý về kiều hối, về thu hút vốn đầu tư của Việt kiều ở nước ngoài. Đây là khâu trọng yếu góp phần bảo đảm các

cân đối của kế hoạch. Kim ngạch xuất khẩu năm 1984 thuộc trung ương quản lý phải đạt ít nhất là 620 triệu rúp và đôla.

- Giải quyết tốt quan hệ giữa trung ương và địa phương, giữa Nhà nước và nông dân, có các chính sách hợp lý nhằm phát triển mạnh sản xuất và huy động tốt nhất các nguồn hàng xuất khẩu; hết sức *tiết kiệm tiêu dùng* trong nước để dành hàng cho xuất khẩu. Dưới sự quản lý thống nhất của trung ương, trên cơ sở bảo đảm nghĩa vụ giao nộp cho trung ương, cho phép các địa phương được xuất khẩu nông sản để nhập thêm vật tư, nguyên liệu cần thiết cho sản xuất nông, công nghiệp và một số hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống nhân dân.

- Đầu tư thích đáng xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ xuất khẩu. Kiện toàn bộ máy kinh doanh xuất – nhập khẩu từ trung ương đến địa phương, cải tiến phương thức hoạt động để đủ sức góp phần thúc đẩy sản xuất, chế biến và huy động hàng xuất khẩu, mở rộng và quản lý chặt chẽ các hoạt động giao dịch với nước ngoài.

- Trong *quan hệ kinh tế đối ngoại*, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Mở rộng sự hợp tác với Lào và Campuchia, tiến tới có sự phối hợp kế hoạch về kinh tế giữa ba nước Đông Dương. Tích cực mở mang các quan hệ kinh tế với các nước khác và các tổ chức quốc tế.

5. *Đẩy mạnh công tác khoa học – kỹ thuật*

Hoàn thiện và xây dựng các chính sách, chế độ cụ thể thích hợp làm cho kế hoạch khoa học và kỹ thuật thực sự trở thành bộ phận hữu cơ của kế hoạch kinh tế xã hội.

Các ngành kinh tế, văn hoá và các địa phương, cơ sở phải

có kế hoạch và biện pháp cụ thể đưa nhanh những *tiến bộ khoa học, kỹ thuật* vào sản xuất và đời sống.

Tiến hành khẩn trương công tác *điều tra cơ bản* phục vụ cho việc quy hoạch và phân bố lực lượng sản xuất. Sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu khoa học, bố trí lại, động viên và sử dụng có hiệu quả hơn lực lượng khoa học, kỹ thuật, tạo điều kiện cho đội ngũ khoa học kỹ thuật gắn liền với cơ sở sản xuất, phát huy tốt năng lực phục vụ và nâng cao trình độ về mọi mặt.

6. Về giáo dục, văn hoá, thông tin, y tế

Tiếp tục thực hiện tốt *cải cách giáo dục* gắn với yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội: phấn đấu thực hiện phổ cập cấp I, làm chuyển biến chất lượng giáo dục, trước hết về chính trị, đạo đức và hướng nghiệp. Tiếp tục xoá nát không biết chữ ở vùng cao; tích cực nâng cao trình độ văn hoá của cán bộ dân tộc và phát triển bổ túc văn hoá. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá ở cơ sở, nâng cao chỉ tiêu phục vụ nhân dân về sách báo, nghe đài, xem chiếu bóng và nghệ thuật; tăng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường trang bị, thiết bị cho các hoạt động văn hoá, thông tin; xây dựng dần những công trình văn hoá và di tích lịch sử.

Các hoạt động văn hoá, nghệ thuật và thông tin đại chúng phải phấn đấu nâng cao *chất lượng và hiệu quả* theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương; bám sát đường lối, chính sách của Đảng, đi sâu vào phong trào quần chúng và đời sống của nhân dân; phát huy tính chiến đấu, giành thế chủ động trong dư luận xã hội; nâng cao chất lượng hoạt động hướng vào phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng con người mới, kịp

thời đập tan những thủ đoạn phá hoại của địch trên mặt trận văn hoá, tư tưởng, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực.

Triển khai mạnh cuộc vận động *sinh đẻ có kế hoạch*, phấn đấu *giảm mức tăng dân số* xuống 1,7% vào năm 1985.

Nâng cao chất lượng các hoạt động *y tế*; ngăn ngừa và kịp thời dập tắt các dịch bệnh; phát triển mạnh sản xuất *dược liệu*; chấn chỉnh nền nếp quản lý các cơ sở chữa bệnh. Tăng thêm cơ sở y tế cho các huyện, xã miền núi và các vùng kinh tế mới.

7. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hoá

Cần sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các chủ trương, chính sách, chế độ, nhằm khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, gắn trách nhiệm, quyền lợi với kết quả lao động cuối cùng; các cấp quản lý *cùng nhau* thật sự là chủ trong sản xuất, kinh doanh và tổ chức đời sống của nhân dân, bảo đảm kỷ luật chặt chẽ, chế độ trách nhiệm cụ thể và nghiêm ngặt; không ngừng mở rộng và tăng cường trận địa xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực.

- *Nhanh chóng hoàn thành việc phân cấp quản lý* cho tỉnh (thành phố), huyện (quận), về các mặt: quản lý cơ sở sản xuất; kế hoạch; ngân sách; quản lý vật tư, hàng hoá; xuất nhập khẩu... theo đúng tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương.

- *Soát xét lại, bổ sung và cải tiến các chính sách kinh tế*: giá, lương, đầu tư, tài chính, tín dụng, xuất nhập khẩu, lương thực, thu mua... nhằm khuyến khích phát triển sản

xuất, nâng cao hiệu quả của sản xuất và các hoạt động kinh tế. Có chính sách khuyến khích và hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình.

- Tiếp tục hoàn chỉnh chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh theo hướng mở rộng quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, quyền tự chủ về tài chính, vật tư, lao động. Thực hiện việc sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, từ đó mà *sắp xếp lại các ngành công nghiệp* theo hướng xây dựng và tăng cường các ngành kinh tế – kỹ thuật; củng cố các liên hiệp xí nghiệp, các công ty; lập thêm một số liên hiệp xí nghiệp và công ty phụ trách từng cây công nghiệp, từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu (như cao su, dừa, đay, mía, chè, thuốc lá...). Tuỳ yêu cầu cụ thể mà thành lập liên hiệp xí nghiệp hoặc công ty của toàn quốc hay khu vực. Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện chế độ quản lý hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Sớm hoàn chỉnh chế độ "khoán sản phẩm" đến nhóm lao động và người lao động" trong nông nghiệp, kịp thời uốn nắn những lệch lạc đã xảy ra.

- Thực hiện đổi mới công tác kế hoạch hóa cả về nội dung và phương pháp, bảo đảm để các cấp thật sự làm chủ về kế hoạch, sử dụng tốt bốn nguồn khả năng để xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chấn chỉnh công tác chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch từ trung ương đến cơ sở. Thực hiện nghiêm ngặt chế độ hợp đồng kinh tế, có thưởng phạt nghiêm minh, xử lý kịp thời những mất cân đối và vướng mắc.

- Phấn đấu đến năm 1985, đạt kết quả rõ rệt về xây dựng

huyện. Phải hoàn thành quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành của huyện, hoàn chỉnh việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên và kế hoạch huyện, thực hiện việc phân cấp và tăng cường cán bộ cho huyện để huyện có điều kiện tổ chức lại sản xuất và phân công, phân bố lại lao động trên địa bàn huyện. Xúc tiến việc thành lập và hướng dẫn hoạt động kinh doanh của các công ty thương nghiệp tổng hợp, lương thực, vật tư của huyện. Phấn đấu không còn huyện kém, tập trung xây dựng các huyện trọng điểm về lúa, cây công nghiệp và về an ninh, quốc phòng.

Căn cứ vào Nghị quyết này, Hội đồng Bộ trưởng kịp thời thể chế hoá thành các chế độ, thể lệ Nhà nước để ban hành trong năm 1984.

8. *Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước*. Tiếp tục thấu suốt, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật. Chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng là nguyên tắc cao nhất; tất cả các cấp ủy đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, bản thân gương mẫu thực hiện và lãnh đạo quần chúng thực hiện, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết của Đảng; các đồng chí có cương vị và trách nhiệm cao, càng phải gương mẫu, tiêu biểu trong việc chấp hành.

Tăng cường công tác kiểm tra của Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, của cơ quan lãnh đạo các ngành, các cấp đối với việc thi hành các chỉ thị, nghị quyết.

Nghiêm chỉnh thi hành các nghị quyết của trung ương về

chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức bộ máy lãnh đạo, quản lý và công tác cán bộ (Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị, các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba và lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương) để bộ máy lãnh đạo, quản lý các cấp và đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Phải kiên quyết *sắp xếp lại bộ máy quản lý và cán bộ*, trước hết ở những ngành, địa phương và cơ sở then chốt; cắt bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết, *giảm nhẹ biên chế hành chính* ở tất cả các cấp, các ngành; thay đổi những cán bộ không chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng, không gương mẫu, không đủ khả năng đảm đương trách nhiệm được giao. Chấm dứt tình trạng bao che hoặc nể nang, do dự đối với những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm.

*

* *

Nâng cao hơn nữa tinh thần tự lực tự cường, thấu suốt hơn nữa đường lối, chủ trương của Đảng, các chính sách về đổi mới quản lý kinh tế và kế hoạch hoá, thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động viên súc mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành và cơ sở, của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng, toàn thể nhân dân, đó là con đường đúng đắn nhất để khai thác tiềm năng, đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không ngừng tiến lên.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) tin tưởng rằng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta sẽ phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí, tinh thần làm chủ tập thể lao động cần cù dũng cảm, kiên cường khắc phục khó khăn, quyết tâm

phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1984, tạo đà vững chắc bước vào năm 1985 và chuẩn bị tốt cho kế hoạch 1986 - 1990, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 31-QĐ/TW, ngày 8 tháng 12 năm 1983

**Về nhiệm vụ của Trưởng Nguyễn Ái Quốc VII
và Trưởng Nguyễn Ái Quốc X**

Đào tạo cán bộ giúp Lào và Campuchia là một nhiệm vụ quốc tế quan trọng của Đảng ta. Trong những năm qua, trưởng Nguyễn Ái Quốc X và Trưởng Chính trị K đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ đó, góp phần tăng cường mối quan hệ đoàn kết hợp tác, liên minh chiến đấu giữa ba đảng, ba nước.

Để tạo điều kiện cho hai trưởng làm tốt hơn nhiệm vụ của mình, theo đề nghị của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Công tác giúp Lào, và Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bí thư quyết định:

1. Thống nhất hai Trưởng Nguyễn Ái Quốc X và Trưởng Tổ chức Kiểm tra đào tạo cán bộ Lào thành một trưởng, lấy tên là Trưởng Nguyễn Ái Quốc X.

Đổi tên Trưởng Chính trị K thành Trưởng Nguyễn Ái Quốc VII.

Trưởng Nguyễn Ái Quốc X và Trưởng Nguyễn Ái Quốc VII

là trường đảng trực thuộc Trung ương, được tổ chức theo quy chế như các trường Nguyễn Ái Quốc khu vực.

2. Trưởng Nguyễn Ái Quốc X và Trưởng Nguyễn Ái Quốc VII có nhiệm vụ bồi dưỡng và đào tạo cán bộ làm công tác tuyên huấn, tổ chức, kiểm tra và một số cán bộ lãnh đạo cốt cán trung cấp của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia theo yêu cầu của hai đảng anh em.

3. Trưởng Nguyễn Ái Quốc X và Trưởng Nguyễn Ái Quốc VII thuộc hệ thống trường đảng trực thuộc Trung ương, toàn bộ kinh phí của trường do ngân sách Đảng đài thọ. Chuyển một bộ phận kinh phí viện trợ của Nhà nước về đào tạo cán bộ cho Lào và Campuchia sang ngân sách Đảng.

4. Ban Tài chính – Quản trị Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan sớm nghiên cứu việc cải tiến chế độ, chính sách đối với cán bộ của hai đảng anh em học ở trường đảng và trường các đoàn thể của ta để Ban Bí thư quyết định nhằm bảo đảm tốt hơn điều kiện sinh hoạt và học tập của cán bộ bạn.

5. Các ban của Trung ương và các bộ có liên quan có trách nhiệm:

- Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo Trưởng Nguyễn Ái Quốc X và Trưởng Nguyễn Ái Quốc VII về chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng giảng viên, tổ chức bộ máy nhà trường và quản lý cán bộ theo sự uỷ nhiệm của Trung ương.

- Ban Công tác giúp Lào, Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia tại Campuchia giúp hai bạn nói trên xây dựng quy hoạch bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, giúp hai trường nắm vững và quán

triệt đường lối, chính sách của hai đảng anh em vào công tác giảng dạy và chỉ đạo học tập.

- Ban Tài Chính – Quản trị Trung ương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí và các phương tiện vật chất khác để hai trường có đủ điều kiện phục vụ tốt việc đào tạo cán bộ cho hai đảng anh em.

- Uỷ ban hợp tác kinh tế và văn hoá với Lào và Campuchia, Bộ Tài chính và các bộ có liên quan cùng với Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giúp đỡ hai trường hoàn thành nhiệm vụ.

Quyết định này thay các quyết định trước đây về hai trường.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ**CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 31- CT/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1983

**Về việc phổ biến và tổ chức thi hành Nghị quyết
Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương Đảng**

Để tạo ra sự chuyển biến mới trong phong trào cách mạng của quần chúng thực hiện kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1984, việc phổ biến và tổ chức thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng cần đạt được những yêu cầu sau đây:

Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất trí với sự đánh giá của Trung ương về tình hình kinh tế – xã hội 1981 – 1983, rút ra được những bài học kinh nghiệm bổ ích trong hoạt động kinh tế; nắm được phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985, tiếp tục quán triệt đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, khắc phục những tư tưởng đang là trở ngại đối với việc thực hiện những mục tiêu kinh tế – xã hội do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đề ra.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết của Trung ương, các cấp các ngành phải đề ra được chương trình hành động để

thực hiện Nghị quyết; đổi mới một số việc quan trọng và cấp bách phải đề ra được những biện pháp cụ thể để có thể triển khai nhanh chóng việc thực hiện kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1984.

Phát động phong trào quần chúng thi đua thực hiện kế hoạch, trước hết là ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhằm phát huy tinh thần làm chủ tập thể, khai thác tốt nhất những khả năng lao động, đất đai và năng lực sản xuất hiện có, hằng ngày hằng giờ giành được thắng lợi trong sản xuất và tổ chức đời sống của nhân dân.

Khi phổ biến Nghị quyết cần phải nắm vững nội dung toàn diện của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn tại Hội nghị và tiếp tục làm quán triệt các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba và lần thứ tư. Chú ý những điểm sau đây:

1. Về đánh giá tình hình kinh tế – xã hội 1981 – 1983: trên cơ sở phân tích những việc làm được và chưa làm được, đi sâu vào những nguyên nhân của thành tựu và khó khăn như Nghị quyết Trung ương đã nêu ra, chú ý nguyên nhân thuộc về ưu điểm và khuyết điểm trong cơ chế quản lý và kế hoạch hóa. Phải rất coi trọng các bài học kinh nghiệm, trong đó bài học cơ bản là làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp.

2. Làm rõ nội dung cơ bản của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được thể hiện cụ thể trong kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985. Sắp xếp lại sản xuất nông nghiệp, phân bố lại lao động, khai thác tốt nhất khả năng lao động, đất đai và năng lực sản xuất hiện có, tăng nhanh khối lượng sản phẩm xã hội, tăng năng suất,

chất lượng và hiệu quả, hết sức tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, là những việc quan trọng hàng đầu của chương trình hoạt động của các ngành, địa phương và đơn vị cơ sở.

3. *Quán triệt quan điểm làm chủ tập thể, sử dụng lực lượng tổng hợp*, mà nội dung chủ yếu là làm chủ ở ba cấp cơ bản, làm chủ cả nước, làm chủ trong từng địa phương, làm chủ ở từng cơ sở, các cấp quản lý *cùng nhau làm chủ* trong sản xuất, kinh doanh và tổ chức đời sống nhân dân, coi đó là chìa khoá để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội. Nhanh chóng hoàn thành việc phân cấp quản lý cho tỉnh, huyện. Khắc phục khuynh hướng do dự trong việc phân cấp và hiểu phân cấp theo nghĩa chia của cải, chia quyền lợi và quyền hành.

4. *Tăng cường trật tự xã hội chủ nghĩa về mọi mặt*: đẩy mạnh sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất phải đi đôi với cải tạo xã hội chủ nghĩa, mở rộng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, tăng cường bảo vệ sản xuất, chống địch phá hoại về kinh tế, tích cực lập lại trật tự trên lĩnh vực lưu thông phân phối, tổ chức tốt đời sống của công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang. Khắc phục khuynh hướng coi nhẹ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư doanh, coi nhẹ việc mở rộng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất.

5. Về mặt *phân phối lưu thông*, nấm vũng chủ trương Nhà nước thực hiện ngay việc thống nhất quản lý và kinh doanh những vật tư kỹ thuật, những hàng công nghiệp thiết yếu, kể cả hàng nhập khẩu; có kế hoạch triển khai tích cực và vững chắc việc xoá bỏ thị trường tự do về lương thực và các nông, lâm, hải sản quan trọng khác; chủ trương từng bước lập

lại trật tự mới trên lĩnh vực giá cả; và những biện pháp ổn định đời sống công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

6. Khi trình bày những chủ trương *tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa* nêu trong Nghị quyết, cần phải làm rõ những nguyên tắc làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế mới: lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chống quan liêu bao cấp, đồng thời chống chủ nghĩa tự do, tuỳ tiện, chạy theo cơ chế thị trường; thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, tiếp tục chống tập trung quan liêu, đồng thời chống tự do, phân tán, cục bộ, bản位; kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích, chăm lo đúng mức lợi ích của người lao động, của tập thể, đồng thời luôn luôn bảo đảm lợi ích cao nhất là lợi ích của toàn xã hội, v.v..

Để có thể làm nhanh, gọn và có hiệu quả, cần kết hợp việc truyền đạt, nghiên cứu và thảo luận việc thực hiện nghị quyết theo hệ thống tổ chức đảng và Nhà nước với việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí ủy viên Trung ương, bí thư tỉnh uỷ, trưởng ban, bộ trưởng cần thông báo nhanh chóng Nghị quyết cho các đồng chí lãnh đạo ban, bộ, các đồng chí thường vụ tỉnh, thành uỷ; dựa vào nội dung Nghị quyết mà quyết định chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết, chú ý những công tác cấp bách trước mắt.

Các tỉnh, thành uỷ triệu tập hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, thành và huyện, quận để truyền đạt Nghị quyết và bàn kế hoạch thi hành Nghị quyết. Huyện uỷ, quận uỷ cũng

triệu tập hội nghị tương tự với các tổ chức cơ sở và cử cán bộ về giúp cơ sở phổ biến Nghị quyết trong nội bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng thi đua thực hiện kế hoạch.

Các ban, các bộ triệu tập hội nghị cán bộ chủ chốt của ban, bộ, hoặc hội nghị ngành. Nội dung các hội nghị này cũng gồm hai phần: truyền đạt Nghị quyết của Trung ương và bàn kế hoạch thi hành Nghị quyết.

Ban Tuyên huấn Trung ương triệu tập hội nghị cán bộ phụ trách tuyên huấn các địa phương, các ngành để truyền đạt Nghị quyết và phổ biến kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết.

Những việc nói trên phải làm xong *trong tháng 1-1984*.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 28-TB/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1983
**Về quyết định thành lập Tổng cục Điện tử
và Kỹ thuật tin học**

Nhằm phát triển ngành điện tử và kỹ thuật tin học của nước ta đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế – văn hoá trong tình hình mới, theo đề nghị của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật tin học trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ máy của Tổng cục cần tổ chức gọn nhẹ.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ quyết định cụ thể về tổ chức bộ máy của Tổng cục và các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trực thuộc Tổng cục.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 33-QĐ/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1983

Về nhiệm vụ của Uỷ ban công tác tư tưởng

Thi hành quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Uỷ ban công tác tư tưởng, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Uỷ ban công tác tư tưởng có nhiệm vụ sau đây:

- Chuẩn bị chương trình hàng năm về công tác tư tưởng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- Tham gia chuẩn bị báo cáo đề án quan trọng về công tác tư tưởng của các cơ quan và đoàn thể trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Thảo luận những biện pháp thống nhất hành động để tổ chức thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương, hoặc giải quyết những vấn đề quan trọng cần thiết về công tác tư tưởng trong phạm vi trách nhiệm của các Ban Tuyên huấn, Văn hoá văn nghệ, các cơ quan trong khối tư tưởng như các trường Đảng Trung ương, Bộ Văn hoá, Uỷ ban Phát thanh và Truyền hình, Thông tấn xã Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân dân, v.v..

2. Uỷ ban công tác tư tưởng gồm các đồng chí thủ trưởng và uỷ viên Trung ương công tác ở các cơ quan sau đây: Ban Tuyên huấn, Ban Văn hoá văn nghệ, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Viện Mác – Lê nin, Bộ Văn hoá, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân dân, Uỷ ban Phát thanh và Truyền hình, Thông tấn xã Việt Nam.

3. Uỷ ban công tác tư tưởng do đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương phụ trách công tác tư tưởng, làm chủ nhiệm và dựa vào bộ máy của Ban Tuyên huấn làm thường trực của uỷ ban; không có bộ máy riêng.

4. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tuyên huấn và Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương, các đồng chí trong Uỷ ban công tác tư tưởng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu tập 44

- Quyết định của Ban Bí thư, số 15-QĐ/TW, ngày 2 tháng 1 năm 1983, về công tác các trường đảng
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 08-NQ/TW, ngày 21 tháng 1 năm 1983, về công tác của Thủ đô Hà Nội
- Quyết định của Ban Bí thư, số 17-QĐ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1983, về chức năng nhiệm vụ Ban Đổi ngoại của Trung ương
- Thông tri của Ban Bí thư, số 24-TT/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1983, về việc kiểm tra, truy quét các văn hoá phẩm đồi truy, phản động
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 09-NQ/TW, ngày 10 tháng 2 năm 1983, về lễ kỷ niệm lần thứ 165 ngày sinh của Các Mác và lần thứ 100 ngày Các Mác qua đời
- Thông báo, số 18-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 1983, quyết định của Ban Bí thư về một số chính sách, chế độ đối với cán bộ
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 15-CT/TW, ngày 10 tháng

Trang

V

1

17

41

44

47

54

3 năm 1983, về việc mở Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ V

59

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 16-CT/TW, ngày 12 tháng 3 năm 1983, về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyển sinh cho các học viện và trường quân sự

62

- Thông báo, số 15-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1983, ý kiến của Ban Bí thư về công tác của Ban Dân vận Trung ương

66

- Thông tri của Ban Bí thư, số 25-TT/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1983, về việc quản lý chặt chẽ các hội nghị có tính chất toàn quốc của các ngành

69

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 10-NQ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1983, về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới

71

- Thông tri của Ban Bí thư, số 26-TT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1983, về việc hưởng ứng "Đại hội thế giới vì hoà bình và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân" tại Praha (Tiệp Khắc)

81

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 17-CT/TW, ngày 18 tháng 4 năm 1983, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới

83

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 18-CT/TW, ngày 20 tháng 4 năm 1983, về việc tăng cường chỉ đạo công tác lưu trữ tài liệu của Đảng

90

- Quy định của Ban Bí thư, số 19-QĐ/TW, ngày 2 tháng 5 năm 1983, một số điểm về trách nhiệm và phân công trong việc báo cáo tình hình cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư

94

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 19-CT/TW, ngày 3 tháng 5

năm 1983, hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ	98	tưởng và tổ chức bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế và xã hội trước mắt	159
- Quyết định của Ban Bí thư, số 20-QĐ/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1983, về tổ chức việc bảo vệ sức khoẻ cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng và Nhà nước	109	- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 21-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1983, về việc kỷ niệm lần thứ năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô	191
- Thông báo, số 17-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 1983, ý kiến Ban Bí thư về đại hội và về chấn chỉnh tổ chức các hội văn học, nghệ thuật	114	- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 22-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1983, về việc tăng cường chỉ đạo thi hành Pháp lệnh sửa đổi một số điều về thuế công thương nghiệp	193
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 20-CT/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1983, tiếp tục cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang nhân dân trong ba năm 1983-1985	124	- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 23-CT/TW, ngày 5 tháng 7 năm 1983, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng	198
- Thông tri của Ban Bí thư, số 28-TT/TW, ngày 6 tháng 6 năm 1983, về việc tổ chức phổ biến và thi hành Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị	129	- Quyết định của Bộ Chính trị, số 54-QĐ/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1983, về Uỷ ban Quốc phòng của Đảng	205
- Thông báo, số 19-TB/TW, ngày 6 tháng 6 năm 1983, về cuộc họp Ban Bí thư bàn một số vấn đề về công tác đảng ngoài nước	132	- Thông báo số 21-TB/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1983, ý kiến của Ban Bí thư về kết quả đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành (đợt 2)	208
- Lời khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, do đồng chí Trưởng Chính đọc, ngày 18 tháng 6 năm 1983	136	- Quy định của Ban Bí thư, số 22-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983, về tổ chức cơ sở của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam	215
- Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ngày 24 tháng 6 năm 1983	138	- Quy định của Ban Bí thư, số 23-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983, về tổ chức Hội đồng Quân sự các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	226
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), số 13-NQ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 1983, những vấn đề cấp bách về tư		- Quy định của Ban Bí thư, số 24-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983, về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam	231
		- Quy định của Ban Bí thư, số 25-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1983, về tổ chức Uỷ ban kiểm tra Đảng các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam	243
		- Thông tri của Ban Bí thư, số 30-TT/TW, ngày 26 tháng 8	

<p>năm 1983, về việc lãnh đạo Liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp các cấp mở đại hội</p> <p>- Thông báo, số 22-TB/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1983, ý kiến của Ban Bí thư về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng</p> <p>- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 14-NQ/TW, ngày 13 tháng 9 năm 1983, về tình hình và nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh</p> <p>- Thông báo, số 23-TB/TW, ngày 26 tháng 9 năm 1983, ý kiến Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 24-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1983, xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh gắn với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện</p> <p>- Thông báo, số 24-TB/TW, ngày 8 tháng 10 năm 1983, quyết định của Ban Bí thư về phương hướng, chủ trương đưa cán bộ lãnh đạo, quản lý sang Liên Xô học tập bồi dưỡng trong thời gian tới</p> <p>- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 25-CT/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1983, về việc cải cách giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học và cao đẳng</p> <p>- Quyết định của Ban Bí thư, số 27-QĐ/TW, ngày 21 tháng 10 năm 1983, về việc giải quyết đơn thư khiếu tố, kiến nghị của cán bộ, đảng viên và nhân dân</p> <p>- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 15-NQ/TW, ngày 26 tháng 10 năm 1983, về việc phát hành công trái</p>	<p>249</p> <p>252</p> <p>257</p> <p>278</p> <p>284</p> <p>292</p> <p>295</p> <p>306</p> <p>309</p>	<p>- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 27-CT/TW, ngày 28 tháng 10 năm 1983, về chính sách xử lý đối với cán bộ, đảng viên phạm sai lầm</p> <p>- Quyết định của Ban Bí thư, số 18-QĐ/TW, ngày 10 tháng 11 năm 1983, về việc xuất bản bộ Toàn tập Mác - Ăngghen bằng tiếng Việt</p> <p>- Thông tri của Ban Bí thư, số 31-TT/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1983, về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý ở các ngành, các cấp</p> <p>- Thông báo, số 26-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1983, ý kiến của Ban Bí thư về việc thực hiện chương trình hợp tác về công tác tư tưởng giữa Đảng ta và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia</p> <p>- Thông báo của Ban Bí thư, số 27-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1983, về tình hình thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (Thông báo số 2)</p> <p>- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 30-CT/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1983, về tăng cường công tác đảng ở ngoài nước</p> <p>- Thông tri của Ban Bí thư, số 32-TT/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1983, về việc giải quyết những việc còn lại của công tác phát thẻ đảng</p> <p>- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985. (Báo cáo trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng)</p> <p>- Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn tại Hội</p>	<p>313</p> <p>317</p> <p>319</p> <p>323</p> <p>325</p> <p>330</p> <p>337</p> <p>340</p>
---	--	---	---

nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ngày 7 tháng 12 năm 1983	409	
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), số 16-NQ/TW, ngày 7 tháng 12 năm 1983, về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985	439	Chịu trách nhiệm xuất bản TRỊNH THÚC HUỲNH
- Quyết định của Ban Bí thư, số 31-QĐ/TW, ngày 8 tháng 12 năm 1983, về nhiệm vụ của Trưởng Nguyễn Ái Quốc VII và Trưởng Nguyễn Ái Quốc X	462	Chịu trách nhiệm nội dung TS. LÊ VĂN YÊN
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 31-CT/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1983, về việc phổ biến và tổ chức thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng	465	Biên tập nội dung: TRƯỜNG DIỆP BÍCH LÊ MINH HOÀI VÕ VĂN BÉ
- Thông báo của Ban Bí thư, số 28-TB/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1983, về quyết định thành lập Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật tin học	470	Biên tập kỹ, mỹ thuật: PHÙNG MINH TRANG Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG Chế bản vi tính: NGUYỄN THUÝ MAI Sửa bản in và đọc sách mẫu: BÍCH - HOÀI - BÉ
- Quyết định của Ban Bí thư, số 33-QĐ/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1983, về nhiệm vụ của Uỷ ban công tác tư tưởng	471	3KV(060)"1983" Mã số: _____ CTQG-2006